

TÂM THỨC HỌC QUYỀN HẠ

TÂM THỨC HỌC CHƯƠNG THỨ 11

ĐƠN-VỊ TÂM-THỨC

1- Tâm-thức như là một Đơn-vị (la Conscience come Unité)

Trong khi nghiên-cứu rất nhiều cách biểu-lộ của Tâm-thức, chúng ta thường hay quên hai sự-kiện quan-trọng này:

1) Sự kiện thứ nhứt là: tâm-thức của mỗi người là một đơn-vị và tâm-thức này riêng-biệt với tâm-thức kia. Mỗi tâm-thức đều khác nhau. Sự biểu-lộ của chúng nó cũng khác biệt nhau nữa.

2) Sự-kiện thứ nhì là: tất cả đơn-vị tâm-thức này là những thành-phần của Tâm-thức Đức Thượng-Đế, và nếu cùng chung một trạng-huống, thì chúng nó sẽ phản-ứng như nhau.

Nếu chúng ta lập đi lập lại rằng: “tâm-thức duy nhất”, thì sẽ không quá đáng đâu; và tất cả tâm-thức, tuy xem dường như xa cách nhau, nhưng chỉ là một mà thôi. Tỷ như nước trong một cái biển duy-nhứt chảy xuyên qua nhiều lỗ của một con đê. Qua khỏi bờ đê rồi, thì nước biển đổi màu: nước chảy qua lỗ này khác màu nước chảy qua lỗ kia, (nếu con đê ấy làm bằng những vật-liệu nhiều màu). Mặc dầu nước có nhiều màu nhưng cũng đồng một chất với nhau: ấy là nước biển. Nếu người ta đem mấy thứ nước ấy ra mà phân-tích thì thấy chúng nó cũng chỉ có chất muối căn-bản y nhau mà thôi. Cũng giống như vậy, tất cả tâm-thức đều do một Bể Tâm-thức chung mà ra cả; chúng nó có nhiều quan-điểm chánh giống nhau. Nếu chúng nó bị một thứ vật-chất bao vây, thì chúng nó sẽ phản ứng như nhau, và sẽ biểu-lộ bản-tính căn-bản giống nhau.

Lấy theo sự biểu-Lộ của Nó, thì tâm-thức cá-nhơn xem dường phức-tạp, chứ không phải là một đơn-vị duy-nhất đâu. Nhơn đó mà nhà tâm-lý-học hiện-kim của chúng ta mới cho rằng bản-ngã con người là xấp hai, xấp ba hay là đa số bản-ngã hỗn-hợp lại. Trong cái biểu-lộ hỗn-tạp đó chúng ta quên cái đơn-vị duy-nhứt này; đơn-vị ấy ở trong cái phức-tạp mà chúng ta thấy biểu-lộ xung quanh chúng ta.

Thật ra, tâm-thức của chúng ta quả là một cái Đơn-vị sở dĩ có sự bất-đồng giữa những cái biểu-lộ là do vật liệu của nó dùng để hoạt-động. Cũng như nước chảy qua bờ đê bị đổi màu là do vật liệu làm ra cái bờ đê ấy.

Tâm-thức thường của con người, trong lúc thức, là cái tâm-thức hoạt-động xuyên qua óc xác thịt. Nó bị hạn-giới của óc quản-thức nó một phần nào. Nó bị những chướng ngại do óc đưa đến, biến đổi nó; nên những biểu-lộ của nó không phải thật là của nó. Một cục máu động nhỏ xíu cũng có thể chặn được sự hoạt-động của nó; sự suy-yếu của tế-bào làm cho nó hoàn-toàn tê-liệt. Cái óc cản trở sự biểu-lộ của tâm-thức từng giây, từng phút. Nhưng chính nó lại là một cái khí-cụ duy-nhất mà tâm-thức có thể dùng để hoạt-động tại cõi thế-gian này. Không có cái óc làm trung-gian thì tâm-thức làm sao tự phát hiện được tại cõi trần.

Một khi tâm-thức không chú ý đến ngoại-giới nữa, thì nó không dùng phần trực của óc xác thịt mà chỉ dùng phần thanh của nó tức là cái phách nó. Cái phách của óc xác thịt là phần bằng chất dĩ-thái của nó. Trong trường hợp đó, nghĩa là khi tâm-thức quay về mục-đích

thanh cao hơn chứ không nhớ đến vật-chất nữa, thì những sự biểu-lộ của nó đổi ngay tính chất.

Trí tưởng-tượng tạo-tác mới hoạt-động trong chất dĩ-thái của cái óc ^[1]. Nó rút về tất cả cái gì mà óc nhục-thể đã thâm nhập trong ngoại giới, và đã chất chứa trong chất dĩ-thái đó. Trí tưởng-tượng này mới sắp xếp chúng nó lại đoạn phá tan chúng nó ra, rồi tái-hợp chúng nó lại tùy ý. Vì lẽ đó mà trí tưởng-tượng mới tạo ra loại chiêm-bao thấp kém.

Bây giờ ta đi đến giai-đoạn thanh cao hơn, nghĩa là tâm-thức loại ra cái phách của cái óc, tức là nó hoàn-toàn không chú ý đến cõi trần và dứt bỏ mọi dây liên-lạc cột nó với cõi ấy. Trong tình-trạng đó thì tâm-thức tự-do đi tầm-vơ trong cõi Trung-giới, hoặc thả rêu một cách vô-ý thức. Nó chỉ tập-trung trọn cả tư-tưởng nó vào bên trong của nó, cho nên nó tiếp-nhận trên cõi Trung-giới - một cách vô-tình - cả khối sự va-chạm mà nó không biết, hoặc giả nó tiếp-nhận chúng nó theo trình-độ tiến-hóa của nó hay tùy ở khí-sắc nhất thời.

Nhà quan-sát có nhãn-quang thấy tâm-thức lúc bấy giờ - (cũng như trong trạng-thái của kẻ xuất-hồn) - có nhiều quyền-năng cao hơn là khi nó bị nhốt trong óc xác thịt. Bởi vậy một người có lý khi cho rằng: cái tâm-thức thứ nhì không giống với cái tâm-thức thứ nhất. Mà thật ra, cái tâm-thức thứ nhất và cái tâm-thức thứ nhì chỉ là một mà thôi, nhưng nó ở vào hai hoàn-cảnh khác nhau: trước kia tâm-thức hoạt-động trong cái phách của óc, bây giờ nó hoạt-động trong cái vĩa của óc.

Còn một trường-hợp khác thanh cao hơn. Ấy là lúc tâm-thức không còn chú ý đến cái vĩa nữa; nó xuất ra khỏi cái vĩa. Lúc bấy giờ Con Chim Trời (tức là Tâm-Thức) hiện lên bay bổng đến chốn cao siêu tuyệt-diệu của cõi Thượng-giới; điệu bay của nó oai-nghi, hùng- dũng thế nào mà người quan-sát-viên vô cùng say mê vui sướng cho nó là một sinh-linh hoàn-toàn khác biệt với sinh-linh mà trước đây vừa mới trườn bò trong cõi hồng-trần!

Tuy nhiên, cả hai chỉ là một mà thôi! Cũng chính là một sinh-linh duy-nhất, lúc ở dưới cõi hồng-trần, lúc ở trên cõi Thượng-giới. Sự khác biệt đó chẳng phải do sinh-linh, mà do vật liệu mà sinh-linh dùng. Nếu sinh-linh có những vỏ bọc trọng-trọc, thì nó tự biểu-lộ không được, còn nếu nó có những vỏ bọc mảnh-mai, thanh nhẹ, thì nó có thể hiện được nguyên-hình tốt đẹp của nó.

Còn sự kiện quan-trọng thứ nhì mà chúng ta đã nói ở trên là: nhơn-loại chưa đủ tiến-hóa để lượng xét được cái “đơn-vị tâm-thức” khi nó hoạt-động trên cõi cao hơn cõi trần. Nhưng người ta đã chỉ-định được thế nào là “đơn-vị tâm-thức” tại cõi hồng-trần. (Đoạn này sẽ giải ở sau).

Câu hỏi:

- 1- Tại sao tâm-thức là duy-nhất?
- 2- Tại sao ta thường quên cái đơn-vị duy-nhất của tâm-thức?
- 3- Tại sao tâm-thức con người không biểu-lộ được một cách đúng đắn tại cõi trần?
- 4- Xin kể bốn trạng-thái của tâm-thức phát-hiện xuyên qua óc nhục-thể, xuyên qua chất Dĩ-thái, chất Thanh-khí (Trung-giới) và chất Thượng thanh-khí (Thượng-giới).

^[1] Xin nhớ rằng: óc có hai phần: phần nhục-thể nặng nề và phần dĩ thái thanh bai hơn, tức là cái phách của nó. Khi tư-tưởng xấu hoạt-động thì nó kích động phần nhục-thể của cái óc; còn khi tư-tưởng tốt hoạt-động thì nó kích-động phần cái phách của bộ óc.

CHƯƠNG THỨ 11 (Tiếp theo)

ĐƠN-VỊ TÂM-THỨC

2- Đơn-vị Tâm-thức hồng-trần (Unité de La Conscience physique)

Đơn-vị tâm-thức hồng-trần bị chôn giữa vô số kim-loại, thảo-mộc, thú cầm và con người; nhọn đó mới dựng lên bức tường chia rẽ tâm-thức và hình-thể. Mà thật ra, tấm vách tường ấy không bao giờ có. Người ta cho rằng: loài kim-thạch không có sự sống, và người ta miễn-cưỡng công-nhận thảo mộc là loại biết sống. Người ta chế-nhạo Bà H.P. Blavatsky (vị sáng-lập Hội Thông-Thiên-Học Thế-giới), khi Bà tuyên-bố rằng: “Chỉ có một Sự Sống Duy-Nhất, một Tâm-Thức Duy-Nhất tạo thành hình hài sắc-tướng cho muôn loài vạn vật và làm cho chúng nó linh-động mà thôi.”

Về mặt sinh-lý, cách sống, phản ứng, kết cấu hợp quần, gia đình chúng ta thấy mỗi ngày sự giống nhau càng rõ rệt giữa thú-vật và con người, giữa thảo-mộc và con người, cho chí giữa loài bò-sát và cái ổ nhà của chúng nó, giữa cục đá và con người. Bởi có sự sống giống nhau giữa thành-phần hóa học, mà khoa học cho rằng: không có sự khác biệt giữa chất-khí làm ra con bò và chất khí làm ra con người. Nhưng khoa Pháp-Môn còn giải-nghĩa minh-bạch hơn. Khoa ấy nói rằng: chẳng những các thành-phần hóa-học của chúng nó giống như nhau, mà những sự sống vô-hình nhỏ-nhất ẩn tàng trong những nguyên-tử của các hình-thể cũng đều như nhau cả. Tỷ như sự sống trong núi, trong hoa cúc, trong con kiến, con voi và cái cây đang che cho con voi khỏi nắng, đều do một gốc mà ra: bởi vậy chúng nó đều đồng tính chất với nhau. Mỗi phân-tử là một sự Sống, mặc dầu nó là hữu-cơ hay bất hữu-cơ.

Nếu điều này là sự thật, thì ta có thể chứng-minh được sự sống duy-nhất ẩn-tàng trong những hình thể sống của kim-thạch, thảo mộc, thú-cầm và con người; ta cũng có thể chứng minh sự giống nhau của tri-giác và sự phản-ứng của nó, khi nó bị kích-thích. Chúng ta tự-do nhận rằng: chúng ta có thể chờ tìm ra được những mực-độ của tri-giác và bởi chúng ta bước lên thang tiến-hóa, chúng ta có thể mong sao cho những sự biểu-lộ được đầy đủ hơn và được phức-tạp hơn. Tuy nhiên, trong khi chúng ta chờ đợi sự kết-quả này, thì chúng ta cũng có thể thấy đặng vài sự biểu-lộ tri-giác thật rõ rệt trong những loài vật đồng chia chung sự Sống Duy-Nhất đó. Khi Bà H.P. Blavatsky viết điều này, thì Bà không đưa ra biện-chứng. Nhưng ngày nay, những biện-chứng ấy chúng ta đã có. Chính nhờ một nhà thông-thái Á-Đông, có tài ba lỗi-lạc được giới Tây Phương kính chuộng, mà chúng ta có đặng những bằng cứ thích-nghi và kịp-thời.

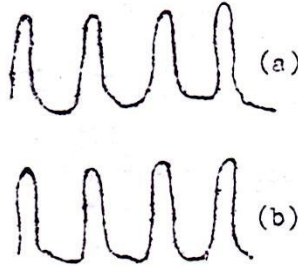
Ấy là ông giáo-sư Y-Khoa Jagadish Chandra Bose tại Ccutta. Ông có chứng-minh một cách rõ rệt rằng: chất mà ta gọi là “Bất-hữu-cơ” (như kim-thạch) có khả-năng ứng-đáp được với sự kích-thích bên ngoài cũng như loài hữu-cơ (như cầm-thú) vậy.

Ông có làm một cái máy để đo cường-độ của sự kích-thích, cường-độ này biểu-lộ bằng sự rung-động. Ông mới ghi sự rung-động đó bằng những đường cong vẽ trên một cái ống quay vòng tròn. Những đường cong ấy là những sự ứng-đáp của kim-thạch khi chúng nó bị kích-thích. Đoạn ông J. Chandra Bose mới so sánh những đường cong do thiếc, cùng nhiều loại kim khác, ghi trên ống tròn đó với những đường cong của bắp thịt, thì ông thấy chúng nó đồng bản-tính như nhau; chúng chỉ khác nhau là do thời-gian phục-hồi trạng-thái bình thường.

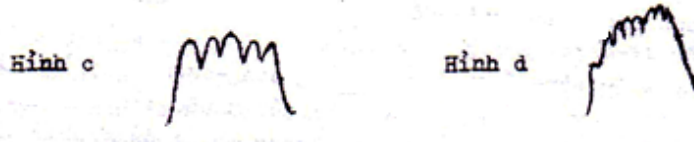
Sau đây là những đường cong do ông J. Chandra Bose ghi được trong những cuộc thí-nghiệm của ông:

1) Những đường cong này là những sự ứng-đáp điện-lực của thiếc dưới sự kích-thích cơ-học, trong khoảng thời-gian nửa phút. (Hình a)

2) Những đường cong này là những sự ứng-đáp co-rút bắp-thịt, cũng dưới sự kích-thích cơ-học và trong khoảng thời-gian nửa phút. (Hình b)



Ông J.Chandra Bose đã tạo ra được những sự rung-cơ sinh-lý bất-toàn hay sự rung-cơ sinh-lý hoàn-toàn (tétanos partiel ou tétanos complet), do sự va-chạm liên-hồi trên miếng thiếc. Đối với các loài kim-thạch khác và bắp thịt, thì kết- quả cũng y như vậy.



Trên đây là sự tương-đương giữa sự rung-cơ bất-toàn của thiếc (hình c) và của bắp thịt (hình d).



Và trên đây là sự tương-đương giữa sự rung-cơ hoàn-toàn của thiếc (hình e) và của bắp thịt (hình f).

Kim-thạch cũng tỏ vẻ mỏi mệt nữa. Nhưng thiếc thì ít mỏi mệt hơn hết trong các loại kim-thạch. Những chất kích-thích hóa-học cũng như vài thứ thuốc, tạo những kết-quả trên kim-thạch giống y như những kết quả tạo trên thú vật. Chúng nó cũng kích-thích thú vật, làm cho chúng nó tiêu-tụy và chết (chết đây có nghĩa là mất cái khả-năng ứng-đáp với cõi trần chớ chẳng phải tiêu tan mất).

Thuốc độc có thể giết chết kim-khí, làm cho nó trở nên bất-động và ta không thể kích-thích được nó cách nào để cho nó ứng-đáp với ngoại-giới. Nếu kim-khí đó được chữa trị kịp thời, thì thuốc giải-độc có thể cứu sống được nó.



Trên đây là những làn rung-động (làn cong đều đặn) của kim-thạch trong trạng-thái bình thường (hình g). Hình h ghi những làn rung-động (gần như ngay) của kim-thạch trong lúc bị thấm thuốc độc. Còn hình i là những làn rung-động (làn cong yếu và không đều) của kim-thạch trong lúc hồi-phục nhờ thuốc giải-độc.

Một kích-thích nào cũng tăng-cường được cái khả-năng ứng-đáp. Người ta có thấy vài món thuốc làm cho kích-thích hoặc giết chết, tùy theo số lượng thuốc dùng nhiều hay ít. Cũng như thuốc Quinine là thuốc quý báu để trừ bệnh rét. Nhưng nếu dùng quá số lượng, thì nó sẽ làm cho chết. Thuốc đưa đến con người những hậu-quả đó. Đối với loài kim-thạch thì sự kích-thích vừa phải hay quá độ cũng tác-động y như vậy. Giáo-sư Bose còn hỏi: “Làm sao chúng ta phân ranh những hiện-tượng này, để có thể nói được rằng: đây là mức diễn-tiến của vật-thể (physical process), và đây là khởi-điểm mức sinh-lý (physic logical process). Không thể có được những đường ranh-giới đó.”^[2]

Giáo-sư Bose thực-nghiệm một loạt như vậy với loài thảo-mộc và đã thu-hoạch nhiều kết-quả giống như trên. Một lá cải non vừa mới cắt, một cọng rau, một lá cây cũng có thể đem ra thí nghiệm được; và tất cả vật này đều ứng-đáp bằng những đường cong ghi trên máy. Người ta có thể làm cho thảo-mộc mệt mỏi, yếu đuối, và đầu độc chúng nó. Người ta cũng kích-thích chúng nó được. Trong lúc thí-nghiệm, ta cũng cảm-động mà thấy cái cây đang bị thuốc độc thấm vào; sự rung-động nó chậm dần. Những đường cong của nó từ từ yếu ớt và chậm lại. Sau cùng nó uốn lên không nổi, nó chỉ kéo dài ra làm thành một làn ngay để rồi ngưng hẳn. Chính đó là lúc cây chết. Đường thể có một cuộc ám-sát vừa mới xảy ra, và thực-sự thì đó quả là một cuộc ám-sát.^[3]

Những cuộc thí-nghiệm của ông Bose thật là hữu-ích và lý thú. Ông cụ-thể-hóa cái khoa Huyền-bí-học về quan-điểm: sự Sống ở khắp cùng.

Ông Marcus Reed có thí-nghiệm bằng kiếng hiển-vi để chứng tỏ sự hiện-diện của tâm-thức trong thảo-mộc. Ông quan-sát chúng nó khi chúng nó bị một vết thương; ông thấy ở chúng nó có một triệu-chứng sợ sệt. Ông cũng thấy tế-bào âm và tế-bào dương của cây nữa; chúng nó trôi nổi trong mủ cây. Khi chúng nó thấy được nhau rồi, mà chưa gần nhau đặng thì mủ cây chảy mau hơn, và chúng nó rón sức lại gần nhau.^[4]

Hơn ba năm sau khi công-bố những kết-quả thí-nghiệm của ông Bose, thì những điều quan-sát của ông đã được ông David Becquerel dùng tuyến-quang N xác-nhận một cách thích-ứng. Những điều này đã được ông thông-báo cho Hàn-Lâm-Viện Khoa-Học tại Paris. Mấy con thú chịu ảnh-hưởng của thuốc mê (chloroforme) thì không có phóng ra những tuyến-quang N; và xác chết cũng không bao giờ có chúng nó. Trong thời-trạng bình-thường, thì những đóa hoa đều có phóng tuyến-quang N; còn nếu chúng nó bị ảnh-hưởng của thuốc mê, thì những tuyến-quang hoàn toàn biến mất. Thú cầm, bông hoa và kim-thạch đều có phóng những tuyến-quang N. Nhưng hễ chúng nó bị thuốc mê thì những tuyến-quang N đó hoàn toàn biến mất.^[5]

[2] Những chi-tiết trên đây rút trong bài thuyết-trình của giáo-sư J. C. Bose gửi cho “The Royal Institution” ngày 10-5-1901, dưới đầu-đề “Những sự ứng-đáp của chất bất-hữu-cơ trước sự kích-thích” (The Response of Inorganic Matter to Stimulus).

[3] Ông giáo-sư Bose không có in ra bài thuyết-trình của ông. Nhưng cái kết-quả của những cuộc thí-nghiệm trên-đây có đăng trong quyển “Response in the Living and Non-Living”. Bà A. Besant đã có duyên may dự kiến những cuộc thí nghiệm đó tại nhà của giáo-sư, nên Bà có thể quan-sát đặng một cách rõ-ràng. (Etude sur la Conscience, par A. Besant, page 145).

[4] Trích trong bài “Consciousness in Vegetable Matter” đăng trong tạp chí “Pall Mall” tháng 6 năm 1902.

[5] Những tuyến-quang N sanh ra bởi sự rung-động của cái phách. Cái phách rung-động phóng ra những lượn sóng trong chất dĩ-thái xung quanh. Chất thuốc mê đuổi cái phách ra khỏi thể xác, nên đó mà lượn sóng tuyến-quang N mới biến mất.

Lúc chết, thì cái phách cũng rời ra khỏi thể xác, nên những làn tuyến-quang N cũng tiêu tan.

Câu-hỏi:

Xin chỉ tỏ trong kim-thạch có sự sống?

CHƯƠNG THỨ 11 (Tiếp theo)

ĐƠN-VỊ TÂM-THỨC

3- Giải-nghĩa danh-từ “Tâm-thức Hồng-trần”

Danh-từ “Tâm-thức hồng-trần” có hai nghĩa khác nhau, nên cần phải dùng nơi đây để giải cho rõ. Người ta thường dùng danh-từ “Tâm-thức hồng-trần” để ám-chỉ cái tâm-thức của con người trong lúc thức – như chúng ta đã nói ở trước. Nó là cái tâm-thức của con người, của Jivâtma – hay là của Chơn-Thần (nếu quý vị thích gọi như thế) – đang hoạt-động xuyên qua Chơn-Nhơn và Phàm-Nhơn, hay nói cách khác là xuyên qua Tam-Thể-Thượng và Tam-Thể-Hạ.

Cái danh-từ “Tâm-thức hồng-trần” đó cũng có nghĩa là: cái tâm-thức hoạt-động trong chất hồng-trần đang tiếp nhận và ứng-đáp những cảm-giác do cõi hồng-trần đưa đến. Nó không có chút gì lo nghĩ về sự chuyển-di những cảm-giác đó đến những cõi cao hơn, hoặc giả về sự tiếp nhận những cảm-giác từ mấy cõi cao ấy đưa xuống cõi trần để ảnh-hưởng xác thân.

Cái danh-từ sau này được thu-hẹp hơn và bao-hàm cái ý-nghĩa đúng đắn hơn. Nó ám chỉ:

a) Tất cả sự rung-động phát-sinh ra ngoài từ những nguyên-tử và phân-tử được Sự Sống của Ngôi Ba làm cho linh-hoạt.

b) Tất cả sự rung-động phát-sinh ra ngoài từ những hình-thể hữu-cơ được Sự Sống của Ngôi Hai làm cho linh-động.

c) Tất cả sự rung-động phát sinh ra ngoài từ Sự Sống của Chơn-Thần, xuyên qua những hạt nguyên-tử trường-tồn. Chúng nó không có sự liên-lạc trực-tiếp với những vòng khu-ôc của nguyên-tử. Khi những vòng khu-ôc này trở nên linh-hoạt thì cái tâm-thức thường của con người trong lúc thức mới bị kích-động. Tỷ như khi người ta hít nước a-mô-ni-ác (ammoniaque) vào mũi, thì sanh ra hai cái kết-quả:

1) nước mũi chảy ra trước nhất do tế-bào mũi bị kích-thích.

2) kể đến một mùi xông lên. Mùi này là cái kết-quả của một sự rung-động truyền đến những trung-tâm cảm-giác (centres sensoriels) của cái vía; nhờ những trung-tâm cảm-giác này mà tâm-thức mới biết được mùi đó. Lúc bấy giờ, có một sự biến-đổi trong tâm-thức cái vía làm cho kích-động nhóm vòng khu-ôc thứ nhất của nguyên-tử gần mũi, và chuyển đến tâm-thức của con người trong lúc thức, nghĩa là cái tâm-thức hoạt-động xuyên qua óc xác thịt.

Chỉ nhờ sự trung-gian duy-nhất của những vòng khu-ôc trong nguyên-tử đó mà sự biến-đổi của tâm-thức trên những cõi cao mới tạo ra được sự biến-đổi trong tâm-thức đang hoạt-động xuyên qua óc xác thịt tại cõi hồng-trần.

Nên nhớ rằng: nếu toàn cõi Thái-Dương-Hệ là sân-trường tiến-hóa vĩ-dại của tất cả tâm-thức đang nảy nở, thì tất nhiên trong Thái-Dương-Hệ đó cũng có nhiều sân-trường tiến-hóa phụ-thuộc, nhỏ hẹp hơn. Thái-Dương-Hệ là Đại Võ-trụ. Con người là Tiểu-Võ-trụ. Xác thân con người là sân-trường tiến-hóa của hằng hà sa số tâm-thức kém mở mang hơn. Bởi vậy cho nên tất cả ba sự tác-động a) b) c) đã nói ở trên đều diễn-tiến trong xác thịt, và tất cả đều là những thành-phần của tâm-thức hồng-trần đang “linh-hoạt bên trong xác thịt”. Nhưng đối với cái gì thuộc về những vòng khu-ốc của nguyên-tử, thì không can-hệ gì đến cái tâm-thức hồng-trần cả, mà nó lại can-hệ đến tâm-thức Jivâtma tức là của Chơn-Nhơn vậy. Hiện nay, con người đã tiến lên một phần nào rồi, nên những sự tác-động của tâm-thức hồng-trần không ảnh-hưởng một cách trực-tiếp cái “tâm-thức con người trong lúc thức” được. Đối với những con thú tiến-hóa thì cũng y như thế. Sự tác-động của tâm-thức hồng-trần ảnh-hưởng những mầm non trong hòn-khóm buổi ban đầu, trong khi Ngôi Hai còn đương chăm nom như một người mẹ cái tâm-thức đang chớm nở trong hòn-khóm. Nhưng trong thời-kỳ đó, cái tâm-thức hồng-trần kém hơn mực-độ của “tâm thức” (chính danh). Nó biểu-lộ dưới hình thức ký-ức của tế-bào, dưới hình-thức của sự chọn lọc của hạch và gai thịt (như gai thịt lười). Nói tóm lại, tâm-thức hồng-trần điều-khiển những cơ-năng cần-yếu để bảo-tồn xác thịt. Sự hoạt-động của tâm-thức hồng-trần thuộc về phần thấp nhất của tâm-thức. Và khi mà tâm-thức vận chuyển một cách tự-do hơn và dồi dào hơn trên cõi cao, thì nó không còn lưu ý đến phần tác-động thấp kém của nó tại cõi hồng-trần nữa. Vì lẽ đó mà chúng ta gọi là phần tác-động thấp kém của tâm-thức - thực sự là tâm-thức hồng-trần, là sự tác-động cơ-giới, là sự tự-động máy móc trong hình-thể. Tỷ như tác-động hô-hấp của phổi là sự tác-động cơ-giới.

Chính giáo-sư Chandra Bose đề-cập đến cái tâm-thức ấy, khi ông thí-nghiệm về sự sống trong kim-thạch – mà ta đã thấy ở trước. Những đường cong ghi trên ống tròn là những sự ứng-đáp của tâm-thức đó. Tâm-thức của tằm thiếc cũng ứng-đáp y như tâm-thức của con thú. Nhưng con thú cảm giác được sự kích-thích, còn tằm thiếc thì không: bởi vì con thú có thêm cái vía linh-hoạt, mà cái vía là cái thể của sự cảm-giác.

Vậy chúng ta có thể nói rằng: tâm-thức hoạt-động trong sắc-tướng (là trong hình-thể hồng-trần) đều phản-ứng như nhau, dù chúng ta có dùng nhiều thứ kích-thích khác nhau cũng vậy. Thế thì kim-thạch, thảo-mộc và thú-cầm cũng đều ứng-đáp bằng những đường cong đặc-biệt ghi trên ống tròn của giáo-sư Chandra Bose. Dần theo sự tiến-hóa, hình-thể trở nên hoàn-bị hơn. Chúng nó diễn-tả được trong cõi hồng-trần những cái khúc-chiết của tâm-thức hoạt-động trong thể vía và thể trí, chứ không phải trong thể xác. Người và thú biết suy nghĩ và biết cảm-giác hơn là thảo-mộc và kim-thạch: bởi vì tâm-thức của con người và của thú tiến-hóa hơn và có được một hình-thể rất hoàn-bị. Nhưng dù vậy, xác thịt chúng ta cũng phản-ứng y như những hình-thể thấp kém hơn, khi bị kích-thích như nhau. Tỷ như xác thịt của con người cũng phản-ứng giống như xác thịt của một con thú khi nó bị đốt nóng hay bị lạnh tê. Vậy cái tâm-thức thuần-túy hồng-trần, dù ở trong sắt đá, cây cỏ, thú-cầm hay con người, cũng đều phản-ứng giống nhau cả. Hiện nay người Huê-Kỳ áp-dụng cái luật đó để đo sự phản-ứng của tâm-thức xuyên qua xác thịt. Họ đặt một cái máy vào một bộ-phận xác thân của người nào đó, như nơi trái tim chẳng hạn, rồi họ hỏi y những câu hỏi quan-trọng để điều-tra một sự gì. Trước những câu hỏi đó, tâm-thức của y phản-ứng. Sự phản-ứng này chuyển qua xác thịt làm cho mạch máu chảy mau hay chậm. Những mạch nhảy này đều được ghi vào cái máy. Những nét ghi trên cái máy ám-chỉ tâm-trạng của người đang bị tra hỏi đó. Người ta biết y nói thật hay nói dối. Khi y phải trả lời.

Trong kim-thạch, chất thanh-khí của cái vía (liên-hệ với hột nguyên-tử trường-tồn cái vía) hoạt-động quá kém nên tâm-thức ngủ rất say mê. Đường thể giữa cái vía và cái thể

hồng-trần của nó không có sự liên-lạc gì. Trong loài thảo-mộc tiến-hóa cao thì hình như có một thứ thần-kinh-hệ, còn mập mờ và quá kém-khuyết, nên chỉ để dùng vào việc không ra gì. Trong thảo-mộc thì chất thanh-khí của cái vía hoạt động nhiều hơn, làm cho thể vía của nó nảy nở. Sự rung-động của thể vía kích-động đến cái phách và luôn đến thể vật chất của nó nữa. Nơi đây, sự rung-động của thể vía ảnh-hưởng đến bộ thần-kinh hệ còn trong tình-trạng phôi-thai mà vừa nói ở trước.

Trong thú vật thì chất thanh-khí cái vía lại hoạt-động dồi dào hơn. Thể vía của con thú rung-động mạnh hơn. Sự rung-động này chuyển sang qua thể phách nó, bắt rung-động theo. Chính sự rung-động của thể phách đó tạo thành bộ thần-kinh-hệ của con thú. Bộ thần-kinh-hệ này mới nhờ thần-lực của Đức Thượng-Đế đào-luyện xuyên qua hồn-khóm. Các vị Thiên-Thần Quang-Minh của loài Tinh-Hoa thứ ba cũng góp công vào sự này bằng cách điều-khiển việc làm của những Tinh-Linh Dĩ-Thái. Nhưng mãnh-lực thúc đẩy đó là của tâm-thức tại cõi Trung-giới. Nó hoạt-động trong hột nguyên-tử trường-tồn cái vía và trong chất thanh-khí đang bao xung quanh hột nguyên-tử trường-tồn ấy. Tất cả sự này đều do tác-động của hồn-khóm. Khi bộ thần-kinh-hệ rất đơn-giản ban-sơ đã được thành-lập rồi, thì con thú mới thu-nhận được những cảm-giác tế-nhị hơn do bên ngoài đưa đến. Sở dĩ con thú được tiến-hóa mau lẹ là nhờ nó thu-nhận đặng nhiều sự cảm-giác bên ngoài.

Sự va-chạm bên ngoài tạo ra sự động và sự phản-động, nối tiếp nhau không dứt. Nhon đó mà bộ thần-kinh-hệ có được khả-năng thu-nhận và chuyển-di cảm-giác một cách dồi dào hơn. Ở giai-đoạn tiến-hóa đó, tâm-thức không tham-dự nhiều trong công việc xây dựng cái vía trên cõi Trung-giới. Nó hoạt-động trong thể vía còn thô-sơ, chưa có hệ-thống đàng hoàng. Chính tại cõi trần này, thể vía mới có được sự hoàn-bị, do tâm-thức rán sức biểu-lộ xuyên qua thể xác, bằng sự cố gắng mập mờ, bằng sự dò dẫm không rõ rệt của nó. Các vị Thiên-Thần Quang-Minh đến giúp đỡ sự cố gắng này. Hồn-khóm cũng cộng-lực vào nữa. Sự tinh-luyện thể vía phải được hoàn-tất đến một mực-độ nào, trước khi con thú có thể thoát kiếp làm người đặng, nghĩa là trước khi Luồng Sóng Sinh-Hoạt thứ ba của Ngôi Thứ Nhất xạ xuống để tạo ra một cái Chơn thân (Corps causal). Lại nữa, ngoài ra cái Chơn-thân, con thú muốn làm người phải có cái óc và bộ thần-kinh-hệ đầy đủ mới được.

Mà Chơn-thân là gì?

- Chơn-thân là một cái thể làm bằng chất Thượng-trí. Nhờ cái thể đó mà con người mới tiến lên hàng Tiên Thánh được.

Câu hỏi:

- 1 - Tâm-thức hồng-trần là gì?
- 2 - Khi ta hít mùi a-mô-ni-ác thì xảy ra sự gì?
- 3 - Tâm-thức hồng-trần khác với tâm-thức thực sự ở chỗ nào?
- 4 - Tại sao cây cỏ ít cảm-giác hơn thú cầm?
- 5 - Nhờ đâu bộ thần-kinh-hệ của con thú được nảy nở?

CHƯƠNG THỨ 12

THEN MÁY CỦA TÂM-THỨC (Le mécanisme de la Conscience)

1- Sự phát-triển của then máy ấy. (Développant du mécanisme)

Nói một cách chí-lý, thì tất cả thể (xác, vía, trí) của con người là những then máy của tâm-thức. Chúng nó là những cơ-quan của ý-chí, tư-tưởng và hành-động. Nhưng người ta

có thể nói rằng: cái then máy đặc-biệt của tâm-thức là bộ thần-kinh: bởi vì chính nó kiểm-soát và điều-khiển trọn cả xác thân. Mỗi tế-bào của xác-thân ta đều có hàng hà sa số “sự sống” bé tí. Mỗi “sự sống” đều có mầm tâm-thức của nó. ^[6]. Mỗi tế-bào có cái tâm-thức sơ-khai của riêng nó. Và chính cái tâm-thức đó sắp đặt và kiểm-soát tế-bào. Nhưng cái then chốt và cái trung-khu trọng-yếu nhất của tâm-thức (có quyền sử-dụng trọn cả xác thân cũng như kiểm soát và sự sắp đặt nó) vốn là bộ thần-kinh-hệ. Và lại, tâm-thức phải linh-hoạt trên cõi Trung-giới trước khi sinh ra bộ thần-kinh-hệ. Mà bộ thần-kinh-hệ này lại bị sự thúc-đẩy của cõi Trung-giới chế-định. Vậy cái gì tạo ra sự thúc đẩy của cõi Trung-giới?

- Chính là Tâm-Thức.

Tâm-thức Muốn kinh-nghiệm và tìm thế biểu-lộ sự Muốn này một cách mơ hồ (lúc ban đầu). Nhờ đó, nó tạo ra những sự rung-động trong chất dĩ-thái. Và những sự rung-động đó (do bản-chất của dĩ-thái) trở thành điện lực, từ-điện, hơi nóng cùng nhiều thứ mãnh-lực khác nữa; chúng nó là những người thợ nề làm việc dưới quyền của một vị chủ-nhơn. Vị chủ-nhơn ấy tức là “Tâm-thức” vậy. Nhờ tâm-thức mới có những sự thúc-đẩy của cõi Trung-giới. Còn mấy người thợ nề đó là những người có bổn-phận thi-hành mạng-lệnh của chủ (hay là của Tâm-thức). Lúc bấy giờ, Tâm-thức chưa được cái trí-năng điều-khiển; nó nhờ Ngôi Hai trong Hồn Khóm, và những Tinh-Linh Võ-tru (dưới quyền dắt-dẫn của các vị Thiên-Thần Quang-Minh của loài Tinh-Hoa thứ ba) cung cấp cho nó sinh-lực.

Vậy chúng ta biết rằng: bộ thần-kinh-hệ được cấu tạo tại cõi hồng-trần là do sự thúc-đẩy của cõi Trung-giới. Thế thì những mãnh-lực kiến-thiết trực-tiếp bộ thần-kinh-hệ quả thật thuộc về cõi trần; còn sự điều-khiển những mãnh-lực đó cùng sự làm cho chúng nó được linh-động là thuộc về cõi Trung-giới nghĩa là thuộc về tâm-thức tác-động trong cái vía. Sinh-lực Prâna, chạy dài theo chất dĩ-thái trong tất cả đường thần-kinh, dưới hình-thức những lượn sóng màu hương. Nó từ cõi Trung-giới chảy xuống một cách trực-tiếp. Nó không phải chảy trong ống quản của sợi gân mà chảy trong chính chất của nó. Sinh-lực đó được rút từ Bầu Sinh-lực của Đức Thượng-Đế; nó được chế-luyện trên cõi Trung-giới và đưa xuống bộ thần-kinh-hệ. Nơi đây nó trộn lộn với những luồng từ-điện và điện-khí cùng những luồng khác hóa thành sinh-lực thuần-túy hồng-trần. Thế thì sinh-lực thuần-túy hồng-trần cũng do Bầu Sinh Lực thiêng-liêng mà ra, nhưng nó phải đi xuyên qua Mặt Trời; Mặt Trời là xác thể hồng-trần của Đức Thái-Dương Thượng-Đế.

Nếu ta quan-sát kỹ sinh-lực trong loài kim-thạch, thì ta sẽ thấy những phân-tử cấu-thành nó thưa loãng hơn và ít phức-tạp hơn là sinh-lực ở trong thảo-mộc. Sinh-lực ở trong thảo-mộc ít phức-tạp hơn sinh-lực ở con người và thú-vật.

Sở dĩ có sự dị-đồng này là vì sinh-lực cõi Trung-giới trộn lộn với sinh-lực của con người và thú-vật, chớ không trộn lộn với sinh-lực của thảo-mộc – với một mức-độ đáng kể. Khi Chơn-thân (corps causal) đã được cấu tạo xong rồi, thì sinh-lực chảy trong bộ óc con người càng thêm phức-tạp bội phần. Và hễ con người càng tiến-hóa chừng nào, thì nó càng trở nên phức-tạp chừng nấy. Bởi vì khi tâm-thức linh-hoạt trên cõi Thượng-giới, sinh-lực

^[6] Danh-từ “sự sống” này có nghĩa là “đơn-vị tâm-thức”. Nhưng nó không có ám chỉ loại tâm-thức nào mà riêng-biệt như thế. Nó cũng không ám-chỉ sự hiện-diện của Chơn-Nhơn (Jivâtma) trong đó. Danh-từ “sự-sống” đây có nghĩa là: một giọt nước (mà ta có thể biết được) trong biển cả; một đơn-vị tâm-thức trong bể tâm-thức; một hạt nguyên-tử hay một nhóm nguyên-tử bên trong có tâm-thức tác-động như một đơn-vị. Một hạt nguyên-tử là một “Sự sống”. Tâm-thức của nó là Tâm-thức của Ngôi Ba. Một con vi-trùng là “một Sự Sống”. Tâm-thức của nó là Tâm-thức của Ngôi Hai. Tâm-thức của con vi-trùng nhờ Đức Hành-tinh Thượng-Đế và Đấng Thần-linh Địa-cầu biến-đổi và điều-luyện cho thích-nghi.

tại cõi ấy cũng trộn-lộn với sinh-lực của cõi dưới là cõi Trung-giới. Và cứ mãi diễn-tiến như vậy theo sự linh-hoạt của tâm-thức tại cõi cao hơn.

Ta hãy ngưng lại một lát trước danh-từ “Prâna” mà ta gọi là “sinh-lực” (énergie vitale). Ngũ nguyên của Prâna là “Pran”. Mà “Pran” là tiếng Phạn-ngữ. Nó có nghĩa là: “thở”, “sống”, “thôi”. Người ta có thể đổi “Pran” ra “Pra an”, có nghĩa là “thở ra” (respirer), “hà ra” (exhaler), “thổi ra” (souffler) sinh-lực hay sự sống. Đó là cái nghĩa gần như của ngũ-nguyên Phạn. Theo tư-tưởng của người Ấn-Độ, thì đâu đâu cũng có một Sự Sống Duy-Nhất, một Tâm-thức Duy-Nhất. Danh-từ “Prâna” được dùng để ám chỉ cái “Ngã Siêu-việt” (Soi Suprême), cái Hơi Thở Thiêng-liêng bảo-tồn vạn-vật. Chính nó là Sinh-lực phân-phối của Đức Thượng-Đế. Đối với chúng ta, nó là Sự Sống của Đức Thượng-Đế vậy. Người ta có thể nói rằng: Sự Sống của mỗi cõi chính là Prâna của cõi đó. Prâna này trở thành Hơi Sống của mỗi sinh-linh. Dưới cõi trần, Prâna là mãnh-lực biểu-lộ dưới nhiều trạng-thái khác nhau như: điện-khí, sức nóng, ánh-sáng và từ-điện v.v... cái này có thể tạo thành tất cả cái kia. Tỷ như điện-khí có thể thành sức nóng, ánh-sáng và từ-điện bởi vì đứng trên căn-bản, tất cả là “một”. Trên mấy cõi khác, chúng ta không có danh-từ nào để ám-chỉ danh-từ “Prâna”, nhưng ý-nghĩa đã được hoạch-định rõ ràng. Khi Prâna thuộc về sở-hữu của một cá-nhơn nào, thì nó có một nghĩa hẹp hơn mà con người Thông-Thiên-Học dùng trong văn-hóa của họ để ám-chỉ cái linh-khí (le souffle de vie) của con người. Nó là sinh-khí, là sức sống. Tất cả năng-lực hóa-học, điện-khí cùng những thứ năng-lực khác đều do Prâna mà ra cả. Chúng nó đều là những phần-tử của Prâna. Đối với nhà bí-học thì hơi kỳ-lạ cho họ khi họ nghe những người khoa-học tổ-giác một cách trịnh-trọng về năng-lực hóa-học hay điện-khí rằng: sinh-khí (tức là thân-tộc của cả hai) là một “thứ dị-đoan không thể dung-nạp được”. Sở dĩ có những cái biểu-lộ từ phần của năng-lực Prâna như thế là do sự sắp xếp của chất-khí có chứa đựng cái năng-lực Prâna trong đó. Sự sắp xếp này làm cho năng-lực Prâna mất đi một hay nhiều đặc-tánh của nó. Có khi nó mất tất cả đặc-tánh của nó, và chỉ tồn tại có một cái mà thôi; cũng như cái ly bằng chai xanh không cho tia sáng nào lọt qua nó đặng, chỉ trừ tia sáng màu xanh mà thôi. Đối với cái ly bằng chai đỏ cũng vậy. Nó không cho tia sáng nào lọt qua nó đặng, chỉ trừ tia sáng màu đỏ mà thôi.

Trong quyển “Giáo-lý Nhiệm-mâu” (la Doctrine Secrète), Bà H.P. Blavatsky có nói về sự liên-quan giữa Prâna và bộ thần-kinh-hệ. Bà viện-chứng và công-nhận một phần nào cái thấy của Bác-sĩ B.W. Richardson về chất dĩ-thái của thần-kinh-hệ (éther nerveux). Đây là những lời của bác-sĩ mà Bà Blavatsky có sửa chữa đôi điều: “Khí-lực của mặt trời là nguyên-nhân đầu-tiên của mọi sự sống dưới trần”^[7] (l'énergie solaire est la cause initiale de toute vie sur terre), và “mặt trời là kho chứa sinh lực, mà sinh-lực là cái thực-thể của điện-khí.”^[8] “Chất” “dĩ-thái của thần-kinh-hệ” là cái Nhân-Khởi thấp kém của Bản-Thể Đầu-Tiên, tức là Sự Sống vậy. Nó là sinh-khí trong con thú. Bất kỳ nơi nào trong vũ-trụ cũng đều có nó, và nó tác-động tùy theo hiện-trạng. Nó không phải cái “sản-phẩm” do con thú tạo ra. Mà chính là nó tạo ra con thú, chiếc hoa và cái cây đang sống vậy.^[9]

Tại cõi hồng-trần, năng-lực Prâna này kiến-thiết tất cả kim-thạch. Nó là tác-nhân kiểm-soát mọi sự biến-đổi vật-lý-hóa trong nguyên-hình chất, làm nảy sanh sự di-biệt và sự tạo-tác nhiều thứ tế-bào khác nhau trong thân cây, trong thú vật và trong con người.

Tại sao ta biết trong những tế-bào này có Prâna thuộc cõi hồng-trần?

^[7] Giáo-lý Nhiệm-mâu, quyển I, trang 577

^[8] Giáo-lý Nhiệm-Mâu, quyển I, trang 579.

^[9] Giáo-lý Nhiệm-mâu, quyển I, trang 586.

- Là vì chúng nó có khả-năng ứng-đáp đặng những sự kích-thích bên ngoài do cõi trần đưa đến. Nhưng trong chốc lát, cái khả-năng này không có được sự nhạy-cảm rõ-rệt; tâm-thức chưa đủ sức nảy nở để cảm được sự vui và sự buồn.

Cho tới chừng nào Prâna từ trên cõi Trung-giới xuống hiệp với Prâna hồng-trần, thì tế-bào cái óc mới khởi sự sắp xếp lại một cách mới mẻ hơn, cho phù-hạp với đặc-tính nhạy cảm của cái vía. Những điều này tự-trung thuộc về tế-bào của óc. Người ta có thể tìm hiểu được những chi-tiết về đó trong tất cả sách vở nói đến vấn-đề này. ^[10] Sự phát triển của tế-bào óc là do sự thay đổi bên trong của nó. Tỷ như sự suy tính của nhà toán-số làm phát-triển nhóm tế-bào thuộc về toán-số trong óc của y.

- Mà tế-bào nảy nở bằng cách nào?

- Bằng cách mọc thêm tia nhánh. Những tia nhánh này về sau sẽ được bao bọc bằng một ống quản giống như sợi chỉ. Mỗi một bộ thần-kinh-hệ, - dù phức-tạp cho đến đâu - cũng đều do những tế-bào với những tia nhánh của chúng nó tạo thành. Những tia nhánh này tăng số không ngừng, và luôn luôn chúng nó nảy sanh ra những sợi dây nối liền tế-bào này với tế-bào nó, dần theo sự nhu-cầu của tâm-thức muốn có được một bộ thần-kinh-hệ phức-tạp hơn, uyển-chuyển hơn để cho nó biểu-lộ một cách đầy đủ hơn. Con người là một sinh-linh tiên-hóa nên có một bộ thần-kinh-hệ rất tế-nhị. Hằng hà sa số triệu khóm tế-bào của bộ thần-kinh-hệ ở óc và rải-rác khắp châu thân, đều phải tạo cho xong, khi bào-thai đã đủ ba tháng. Ta đã biết: chúng nó tiên-hóa bằng cách nảy sanh ra những tia nhánh. Mà cái gì làm cho chúng nó mọc ra tia nhánh?

- Chính là nhờ tư tưởng. Khi người nào suy-nghĩ nhiều và một cách liên-tục (nghĩa là tư-tưởng không vãn-vơ) thì sự rung-động của tư-tưởng sanh ra một thứ tác-động hóa-học (activité chimique) và làm cho sợi dây thần-kinh nổi u lên; rồi những u này hóa thành những tia bé nhỏ ^[11] từ trong tế-bào đi ra. Vô số tia nhỏ đó xô tréo với nhau, khắp cùng xác thịt. Chúng nó quả là những con kinh chuyển-di sinh-lực Prâna. Trong Prâna này hiện giờ gồm có những yếu-tố của cõi Hồng-trần, Trung-giới và Thượng-giới. Và tư-tưởng du-hành dài theo những đường sinh-lực Prâna đó.

Trước khi ta khởi nghiên-cứu về con người, ta hãy tìm xem bộ thần-kinh-hệ được thiết lập cách nào; và tại sao nó lại nhờ sự rung-động thúc đẩy của cái vía?

Chúng ta đã thấy nhiều khóm tế-bào của bộ thần-kinh-hệ nối liền nhau bằng những sợi dây thần-kinh bé nhỏ. Những khóm tế-bào này được hóa sanh là nhờ sự tác-động của một trung-tâm; mà trung-tâm đó - (lại gốc ở trong cái vía; điều này ta sẽ nói rõ ở sau) - là nơi tập hợp của chất thanh-khí Trung-giới, có khả-năng tiếp nhận và ứng-đáp những ảnh-hưởng bên ngoài. Những sự rung-động đi từ trung-tâm cái vía truyền xuống thể phách, tạo ra những luồng xoáy-ốc dĩ-thái, luồng xoáy-ốc này thu-hút xung quanh chúng nó chất khí hồng-trần nặng hơn để tạo thành một tế-bào của óc, rồi mới sanh ra những khóm tế-bào của bộ thần-kinh-hệ mà ta gọi là những trung-tâm thần-kinh xác thịt. Mấy trung-tâm thần-kinh đó mới tiếp nhận những làn rung-động do bên ngoài đưa đến, rồi chúng nó truyền lên các trung-khu cái vía để tăng cường mãnh-lực rung-động của cái vía. Thế thì những trung-tâm thể xác và thể vía tác-động và phản-động lẫn nhau; vì vậy mà mỗi cái càng ngày càng trở nên phức-tạp hơn và tầm hoạt-động của nó càng được rộng rãi hơn và hiệu-lực hơn.

Ta đã thấy ở trước: kim-thạch cũng có bộ thần-kinh-hệ còn rất sơ-khai; nó mãi tiến-triển không ngừng, để sau này nó trở thành một yếu-tố quan-trọng nhất của xác thân.

^[10] Như những sách: "Histology" của Schafer, "Anatomy" của Quain, "Handbook of Physiology" của Halliburton năm 1901 và "The Cell in Development and Inheritance" của Wilson.

^[11] Những tia bé nhỏ này là những tế bào nằm trong một cái ống quản (mà ta đã nói ở trước

Trong những loài động vật có xương sống, thì bộ thần-kinh-hệ này lấy danh-hiệu là: bộ giao-cảm thần-kinh; chính nó điều-khiển những cơ-quan sinh-hoạt như: tim, phổi, cơ-quan tiêu-hóa. Bên cạnh của bộ giao-cảm thần-kinh-hệ này (système sympathique), bộ thần-kinh-hệ (système cérébro-spinal) phát triển dần dần; nó liên-lạc mật-thiết với bộ giao-cảm thần-kinh-hệ, trong sự hoạt-động thấp kém của nó. Lần lần với thời gian, bộ thần-kinh-hệ phát triển mạnh mẽ hơn, và khi nó tiến-hóa đến một mức-độ quan-trọng nào rồi, thì nó trở thành cơ-quan chánh-quy cho tâm-thức hoạt-động lúc con người thức. Bộ thần-kinh-hệ được cấu-tạo bởi sự thúc-đẩy từ cõi Thượng-giới, chớ chẳng phải từ cõi Trung-giới. Nó liên-lạc được với cõi Trung-giới là nhờ bộ giao-cảm thần-kinh: bởi vì bộ giao-cảm thần-kinh này được cấu tạo do sự thúc đẩy của cái vía. Ở sau, chúng ta sẽ thấy tác-động của bộ giao-cảm thần-kinh đối với tính nhạy cảm của thú-vật và của người ít tiến-hóa, và tại sao sự nhạy cảm này biến mất dần theo sự phát-triển của trí-tuệ, để rồi nó hiện lên trong giai-đoạn tiến-hóa cao hơn của con người.

Chính những hột nguyên-tử trường-tồn, - dù rất còn bất-toàn, - là những con kinh duy-nhất nối liền tâm-thức của Chơn-Ngã (hay là Tam-Thể-Thượng) với sắc-tướng can-hệ đến nó. Trong những con thú tiến-hóa cao thì những hột nguyên-tử trường-tồn linh-hoạt mãnh-liệt và trong khoảng thời-gian ngắn ngấn cách đời sống của chúng nó, có xảy ra nhiều sự biến-đổi quan-trọng. Dần theo sự tiến-hóa, luồng sinh-lực từ hồn-khóm xạ xuống hột nguyên-tử trường-tồn làm cho nó tăng cường thêm, đồng thời sự phức-tạp của cơ-quan xác thịt cũng được phát-triển hơn. Như đó con thú càng có được sự nhạy cảm mau lẹ hơn. Những con thú kém tiến-hóa có sự nhạy cảm ít hơn con thú tiến-hóa cao, một cách tương-đối. Còn loại cá thì có rất ít sự nhạy cảm, mặc dù chúng nó có bộ thần-kinh-hệ thô-sơ của chúng nó.

Lần lần, trên đường tiến-hóa, những trung-khu cảm-giác tiếp-tục phát-triển trong cái vía. Trong những con thú tiến-hóa nhiều, thì những trung-khu này được tổ-chức đầy đủ hơn, nên những giác-quan của chúng nó được tinh-nhuệ hơn. Nhưng dù vậy, sự nhạy cảm của chúng nó không bằng những con thú khôn ngoan như chó, mèo, ngựa v.v... Những con thú này có được cái trí xen vào nên nó cảm được nhiều và lâu.

Câu hỏi:

- 1- Xin nói về sự cấu tạo bộ thần-kinh-hệ và bộ giao-cảm thần-kinh-hệ.
- 2- Xin giải-nghĩa chữ “Prâna”.
- 3- Prâna xuống cho xác thân theo đường lối nào?
- 4- Làm thế nào để mở óc?
- 5- Cái óc mở mang với cái óc không mở mang khác với nhau thế nào?

CHƯƠNG THỨ 12 (Tiếp theo)

THEN MÁY CỦA TÂM THỨC

2. Cái vía hay là thể dục vọng. (Le corps astral ou corps du désir)

Chúng ta nên suy tầm, học hỏi về sự tiến hóa của thể vía song song với sự tiến hóa của thể xác: bởi vì như ta đã thấy, thể vía giữ phận sự kiến thiết dưới cõi trần. Sự tiến hóa của nó sau này tùy thuộc một phần lớn ở những cái kích động do xác thân đưa đến. Trong một thời gian dài, cái vía không có linh động một cách độc lập trên cõi Trung giới. Sự tổ chức của nó hoàn toàn khác biệt với sự tổ chức của xác thân.

Bên Phương Đông người ta gọi thể vía và thể trí của tâm thức đang hoạt động trong xác thịt là ‘Kosha’ hay là ống quần, cái bao. Người ta dùng danh từ ‘Sharira’ (hay là thân thể) để ám chỉ một hình thể có khả năng tác động, một cách độc lập trong các cõi hữu hình và vô hình. Sự phân biệt này có thể giúp ích cho chúng ta hiện giờ.

Cái vía của kim thạch chỉ là một lùm mây bằng thanh khí (là chất khí của cõi Trung giới). Nó không có dấu gì gọi là có tổ chức cả. Đối với nhiều thứ thảo mộc, thì cũng y vậy. Song đường thể trong vài loại cây, có ít nhiều dấu vết như những mắt cây (là nơi tổ hợp các tế bào) và những đường lằn; về sau trên đường tiến hóa, chúng nó được xem như là những khởi điểm của một sự tổ chức nào vậy. Ở vài cây cổ thụ trong rừng, người ta thấy ít nhiều trung tâm cái vía rõ rệt. Trong loài cầm thú, những trung tâm này được rõ ràng và xác định hơn. Chúng nó là những trung khu đặc biệt và vĩnh cửu, là những khởi điểm của sự cấu tạo các cơ quan cần yếu cho xác thân. Chúng nó không liên hệ gì tới những trung khu lực mà ta gọi là luân xa (chakra): vì luân xa thuộc về sự tổ chức của chính cái vía. Những luân xa này làm cho cái vía có được khả năng hoạt động trên cõi của nó. Với sự liên lạc với hạ trí, cái vía tạo thành một cái thể thấp của ‘Sukshma Sharira’ hay là cái thể tinh vi nói theo triết lý Đông Phương. Những luân xa cái vía liên quan mật thiết với những giác quan tình cảm. Nhon đó mà những người nào đã mở được luân xa, thì có thể thấy và nghe v.v. . . những gì xảy ra trên cõi Trung giới đặng. Sự phát triển ấy rất xa xôi so sánh với giai đoạn tiến hóa mà ta đang tham khảo. Ở giai đoạn này, cái khả năng tri giác của Tâm thức chưa có giác quan để biểu lộ, dù là tại cõi phàm trần này.

Trong khi những trung khu cái vía đã được tỏ hiện, thì lực thúc đẩy của tâm thức trên cõi vía tác động đến cái phách, cách tạo thành những luồng xoáy dĩ thái (đã nói ở trước); chúng nó là những trung khu đối ứng phát sinh từ thể vía và thể xác. Rồi bộ giao cảm thần kinh được thiết lập dần dần. Bộ giao cảm thần kinh này luôn luôn liên quan trực tiếp với những trung khu cái vía, dấu sao khi bộ trí não thần kinh đã được nảy nở rồi thì sự liên lạc ấy cũng vẫn tiếp tục.

Có mười cái trung khu chánh của cái vía đã được thiết lập ở lớp bọc ngoài của thể vía. Đó là mười cái ‘luân xa’ của cái vía. Chúng nó nối liền với óc nhờ bộ giao cảm thần kinh làm trung gian. Lần lần chúng nó trở thành những cơ quan trọng yếu cho sự hoạt động của tâm thức hồng trần hay là tâm thức của con người trong lúc thức - nghĩa là cái phần tâm thức thường hoạt động xuyên qua bộ thần kinh hệ. Năm trong mười cái luân xa ấy có trách nhiệm thu thập những cảm giác đặc biệt do bên ngoài đưa đến. Chính chúng nó là những trung gian để cho tâm thức dùng đặng biểu lộ cái khả năng tri giác của nó. Người ta gọi chúng nó theo Phạn ngữ là ‘Jnanendriyas’, nghĩa là ‘quan năng hiểu biết’ hay là ‘trung khu cảm giác’ nhờ đó mà con người đạt được sự hiểu biết. Những ‘trung khu cảm giác’ đó, như đã thấy ở trước, tạo thành năm luồng xoáy dĩ thái riêng biệt với nhau. Năm luồng xoáy dĩ thái đó là năm trung khu của óc xác thịt, rồi tới phiên nó chế tạo, bằng nhiều cách khác nhau, những giác quan thích hợp mà chúng nó liên lạc một cách mật thiết. Đó là cách cấu tạo năm giác quan hay là ‘ngũ quan’ của con người. Ngũ quan ấy là: thị giác, thính giác, vị giác, khứu giác và xúc giác đặc biệt để tiếp nhận những cảm giác bên ngoài liên hệ đến năm cơ quan là mắt, tai, lưỡi, mũi và da.

Chính ngũ quan là những phương tiện đặc biệt của tâm thức trong cõi ngoại giới để thu nhận một phần nào những cảm giác bên ngoài. Chúng nó thuộc về cõi hạ giới, về những hình thể thô trực của vật chất. Những hình thể thô trực này che khuất tâm thức, nhốt kín nó lại và không cho nó biết gì về những đời sống khác. Ngũ quan là những cửa sổ của chính thể vật chất đó. Chúng nó dùng để chuyển di những làn rung động từ bên ngoài đến tâm thức đang bị cảm nhốt.

Còn năm trung khu cảm giác kia thì dùng để đưa những làn rung động của tâm thức đến ngoại giới. Chúng nó là ‘những ngõ ra’; còn mấy quan năng hiểu biết đã nói ở trước là ‘những ngõ vào’. Người ta gọi chúng nó là ‘Karmendriyas’ hay là ‘những quan năng hành động’ tức là những trung khu cảm giác tạo ra hành động. Chúng nó phát triển cũng như mấy ‘quan năng hiểu biết’ vậy. Chúng nó tạo thành những luồng xoáy dĩ thái. Những luồng xoáy dĩ thái đó sinh ra những khu phát động (centres moteurs) trong óc xác thịt. Rồi đến lượt những khu phát động này chế tạo, bằng nhiều cách khác nhau, những cơ quan phát động thích nghi như: tay, chon, cuống họng, bộ sinh dục và cơ quan bài tiết, mà chúng nó liên lạc một cách chặt chẽ.

Giờ đây, chúng ta có một cái vía có đủ cơ cấu. Và sự động và phản động giữa thể vía và thể xác làm cho cả hai đều được phát triển một lượt. Thể vía và thể xác hợp nhau kích động đến tâm thức. Tâm thức tác động phản lại chúng nó. Đôi bên tác động lẫn nhau và nhờ cậy lẫn nhau. Và như chúng ta đã thấy ở trước, những cái thúc đẩy mù quáng của tâm thức kích động đến vật chất đều được đặt dưới sự dẫn dắt của Sinh Lực thiêng liêng trong hồn khóm và của các vị Thiên thần Võ trụ. Chính sự sống, chính tâm thức luôn luôn tìm cách để thực hiện mình trong vật chất; và vật chất ứng đáp lại được là nhờ những đức tánh tự nhiên của nó, do ảnh hưởng của Ngôi Ba làm cho linh hoạt.

Câu hỏi:

1. Tại sao những trung tâm cái vía là những khởi điểm của sự cấu tạo các cơ quan cần yếu cho xác thân?

2. Tại sao người ta gọi ‘Jnanendriyas’ là ‘những ngõ ra’? Và ‘Kramendriyas’ là ‘những ngõ vào’?

3. Những mối liên quan giữa các Giống Dân Chánh. **(Correspondances entre les Races-Mères)**

Sự tiến triển tuần tự như thế đó ám chỉ bước tiến hóa của các loài trong võ trụ, ở vào cuộc Tuần hườn thứ tư hiện nay của chúng ta. Những đặc điểm quan trọng của những cuộc Tuần hườn trước đều được biểu lộ trong các giống dân chánh. Cũng tỷ như trọn cả một lịch trình tiến hóa, từ đời này qua đời nọ, đều được diễn lại trong thời kỳ bào thai của mỗi xác thân mới tạo. Trong cuộc Tuần hườn thứ tư, dần theo nấc thang tiến hóa của hai giống dân chánh thứ nhất và thứ nhì, và do tình trạng khí hậu lúc ấy, mà mọi sự sống đều không nhạy cảm: nhọn đó mà nơi cõi trần, hai giống dân chánh này không tỏ vẻ gì là vui hay buồn cả. Trong giống dân chánh thứ ba, chúng ta thấy khởi điểm tình cảm như biết ứng đáp trước sự va chạm dữ dội. Sự ứng đáp này tạo ra những thứ tình cảm buồn, vui thô kịch. Rất có ít giác quan được nảy nở. Thính giác và xúc giác đều được phát triển một cách đơn sơ, như chúng ta sẽ thấy ở sau.

Trong hai giống dân chánh thứ nhất, có những khởi điểm của các trung tâm cái vía. Nếu những trung tâm cái vía này được liên lạc với các cơ quan thích ứng của xác thân, thì trong tâm thức hồng trần sẽ hiện lên sự cảm giác vui và buồn. Nhưng sự liên lạc thích nghi chưa đầy đủ. Giống dân chánh thứ nhất có được thính giác nhưng rất kém. Giống dân chánh thứ nhì có được xúc giác mới tượng nên có thể ứng đáp được chút ít những sự va chạm bên ngoài.

Trong giai đoạn tiến hóa này, Tam Thể Thượng rất có ít sự nhạy cảm đối với những làn rung động bên ngoài do ngoại cảnh đưa đến. Nó cần phải có những sự rung động dữ dội của chất hồng trần mới cảm đến nó đặng, nghĩa là Tam Thể Thượng cần phải có những sự va chạm mãnh liệt dưới trần mới kêu gọi được một sự ứng đáp yếu ớt của nó. Sự tiến hóa của

Tam Thể Thượng (tức là của Chơn Nhơn) chỉ khởi tại cõi trần mà thôi. Tam Thể Thượng không ứng đáp cách trực tiếp, mà chỉ gián tiếp, xuyên qua trung gian của Sinh Lực thiêng liêng. Và chỉ khi nào cơ thể đầu tiên của xác thân đã được cấu tạo xong rồi, thì Tam Thể Thượng mới ứng đáp được những cái va chạm nhẹ nhàng và mới có thể cảm đặng những nỗi buồn, vui tốt đẹp hơn. Những làn rung động dữ dội của cõi trần tạo ra những làn rung động tương đương ở cõi Trung giới, và Tam Thể Thượng mới cảm biết được chúng nó một cách mập mờ.

Câu hỏi:

Tại sao sự tiến hóa của Chơn Nhơn chỉ khởi có tại cõi trần mà thôi?

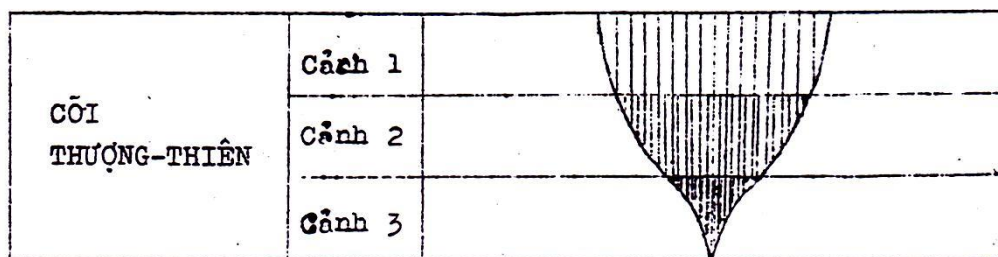
CHƯƠNG THỨ 13

NHỮNG BƯỚC ĐẦU CỦA NHƠN LOẠI (Les premiers pas de l'humanité)

1. Luồng Sóng Sinh Hoat thứ ba (Le troisième Vague de Vie)

Khi giống dân chánh thứ ba đã đi đến nửa đoạn đường rồi, thì bộ thần kinh hệ của người-thú (homme animal) đã tiến triển đến một mức độ nào mà tư tưởng của Tam Thể Thượng (liên hệ đến nó) cần phải xuống cho nó ngay để trợ giúp sự tiến hóa của nó sau này. Hồn khóm đã làm xong trách nhiệm trung gian của nó giữa Ngôi Hai và những hồn thơ trong bọc Hồn khóm, trong sự chuyển di thần lực của Ngôi Hai xuống nuôi dưỡng và bảo vệ những hồn thơ đó. Bây giờ phải lập nền tảng cho Chơn Thân (corps causal). Chơn Thân ví như cái chậu hay cái quận chứa sự Sống từ trên cao xạ xuống. (Xin coi đồ hình số 20)

Đồ hình số 20



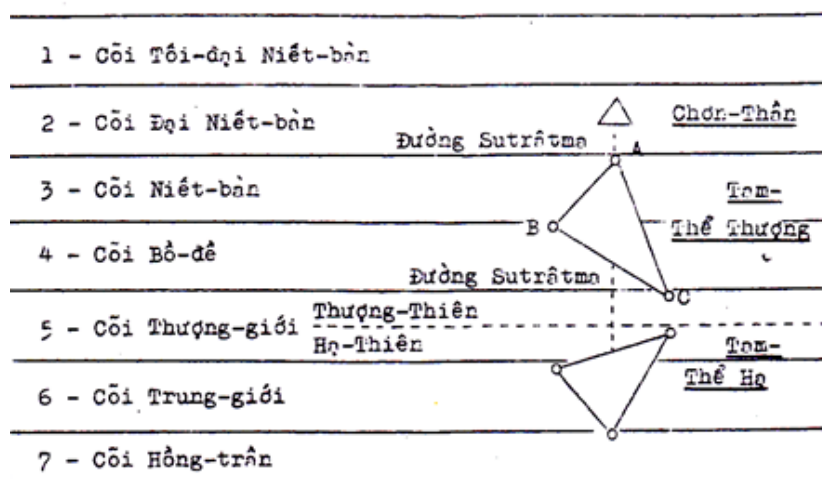
Chơn Thần được mô tả như hình cái quận

Đó là lúc Chơn Thần khởi sanh trong cõi thấp dưới hình thể một cá nhơn riêng biệt. Nó không còn sống chung với những hồn thơ khác trong một Hồn khóm nữa. Sự Sống của Đức Thượng Đế thiết lập cho nó những thể cần yếu để cho nó có thể hoạt động như một cá nhơn riêng biệt trong mây cõi sắc tướng (là cõi Hạ thiên, Trung giới và Hồng trần). Vậy, Chơn Thần phải chiếm ngay những thể ấy (hạ trí, vía và xác) để khởi tiến hóa trong kiếp làm người.

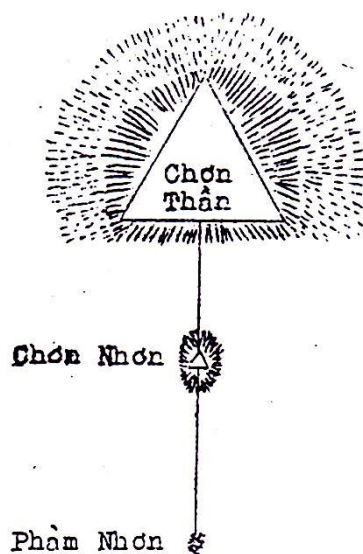
Chúng ta đã thấy rằng: Chơn Thần lấy Nguồn Sống ở Ngôi Thứ Nhất và ngụ tại cõi thứ nhì (tức là cõi Đại Niết Bàn) trong nhiều thế kỷ. Chúng ta cũng thấy rằng: Chơn Thần nhờ sự giúp đỡ của Thiên Thần mới chiếm được ba hột nguyên tử trường tồn. Ba Hột nguyên tử trường tồn này (lấy danh hiệu là Jivâtma) là đại diện cho Chơn thần tại cõi thứ ba, thứ tư và thứ năm (phần cao) (tức cõi Niết Bàn, Bồ Đề và Thượng Thiên). Chúng nó cũng là Tam Thể Thượng. Chơn Thần cũng chiếm ba hột nguyên tử trường tồn tại ba cõi: thứ năm (phần thấp), thứ sáu và thứ bảy (tức là cõi Hạ Thiên, Trung giới và Hồng Trần. Đó là Tam Thể Hạ.

Chơn Thần muốn thông đồng với mấy cõi dưới thì dùng đường Kim Quang Tuyến (Sutrâtma) là một Đường Sống xoắn vào ba hột nguyên tử trường tồn. Đường Sống này làm bằng chất khí của cõi thứ nhì. Nó đi từ hột nguyên tử Niết Bàn đến hột nguyên tử Bồ Đề, từ nguyên tử Bồ Đề đến nguyên tử Thượng Thiên, rồi từ nguyên tử Thượng Thiên trở về nguyên tử Niết Bàn để tạo thành một hình Tam Giác. Hình Tam Giác đó được gọi là ‘Hình Tam Giác của Ánh Sáng’ (Triangle de Lumière). Nó ở trên mấy cõi cao. Chúng ta cũng đã thấy ở trước, một sợi chỉ vàng làm bằng chất Bồ Đề, từ đường BC tại cõi Bồ Đề của hình tam giác ABC, đi xuống ba cõi dưới (Hạ Thiên, Trung giới và Hồng trần) để làm Tam Thể Hạ hay là phàm nhơn. (Xin xem đồ hình số 21).

Đồ hình số 21)



Giờ đây chúng ta nên tìm hiểu sự thông đồng đầy đủ hơn giữa Chơn Thần và Tam Thể Thượng cùng Tam Thể Hạ, hay nói một cách khác là: giữa Chơn Thần với Chơn Nhơn và Phàm Nhơn. (Xin coi đồ hình số 22).



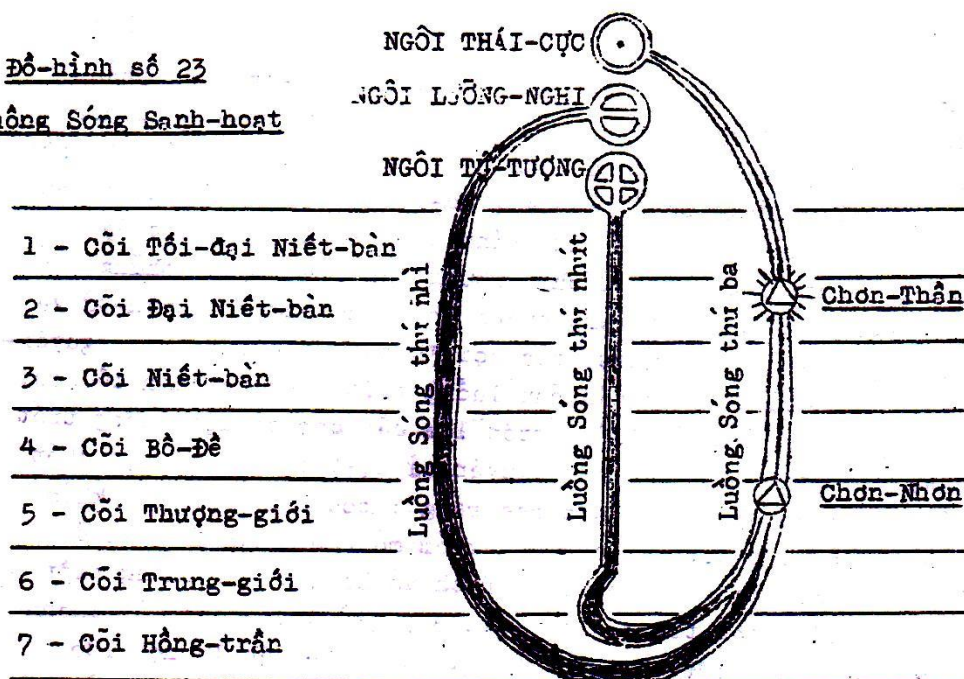
Chúng ta đã thấy đường Kim Quang Tuyền (Sutrâtma) mỏng manh thế nào, nên mới mang danh từ là ‘sợi chỉ nhô tí’ như kim tuyền. Nhưng khi con người tiến hóa thì nó lấy hình một cái ‘quận’ (giống như chữ V). Cái này lần lần càng nở rộng ra và chói sáng. Trong quyển ‘Giáo lý Nhiệm màu’ nơi trang 249, bà H. P. Blavatsky có nói về đường Kim Quang Tuyền như vậy: ‘Đường Sóng nối liền Đấng Canh Gác Lặng Lẽ (Le Veilleur Silencieux) - tức là Chơn Thân - với hình bóng của Ngài - (tức là Chơn Nhơn và Phạm Nhơn). Càng ngày nó càng lớn tỏ hơn và càng chói sáng hơn. Lần lần sự Sống của Chơn Thân càng ngày càng xạ xuống ba hột nguyên tử trường tồn (Niết Bàn, Bồ Đề và Thượng Thiên) nhiều hơn. Chúng nó dường như thức tỉnh dưới luồng thần lực ấy; chúng nó mới phóng ra tứ phía những làn rung động. Những làn rung động này thu hút xung quanh chúng nó những nguyên tử và những phân tử (molécules) của cõi Thượng Thiên; tất cả nguyên tử và phân tử đó xoay vần như luồng trốt trên ba cảnh của cõi Thượng Thiên. Ở giữa luồng trốt lớn này còn có một luồng trốt khác nhỏ hơn cuốn quẩn hột nguyên tử hạ trí đang bị bọt chót của Hồn khóm bao vây. (Xin nhớ rằng: bọt chót của Hồn khóm này là một vật còn sót lại của Hồn khóm mà chúng ta đã giải ở trước). Cái bọt chót đó bị xé rách và bị rút vào luồng trốt cao để biến tan trong chất khí. Bấy giờ Chơn Thân mới thành hình và luồng trốt mới dịu chậm lại. Chơn Thân là một lớp bọc hết sức thanh nhẹ, mảnh mai. Người ta cũng gọi nó là thể Thượng Trí nữa.

Luồng Sóng Sinh Lực tuôn xuống, như ta đã thấy, là để tạo thành Chơn Thân. Nó được gọi là Luồng Sóng Sinh Hoạt thứ ba, thuộc về Ngôi Thứ Nhất; bởi vì tất cả Chơn Thân đều do Ngôi Thứ Nhất sanh ra. Chơn Thân là đại diện cho sự Sống của Ngài ở mấy cõi dưới. (Xin xem đồ hình số 23).

Khi Chơn Thân đã được tạo thành đầy đủ rồi thì Tam Thể Thượng (Jivâtma) có một vài khí cụ vĩnh cửu để tiến hóa trong năm cõi dưới. Và khi tâm thức có được khả năng hoạt động tự do trong Chơn Thân thì Tam Thể Thượng mới có thể kiểm soát và điều khiển sự tiến hóa của phạm nhơn một cách hiệu lực hơn trước.

Những sự cố gắng kiểm soát này lúc ban đầu không mấy gì khôn khéo; cũng tỷ như những sự cử động xác thân của một đứa trẻ mới sanh; ta không thấy chúng nó do một sự khôn ngoan nào điều khiển cả, mặc dầu ta biết là có.

Đồ-hình số 23
Ba Luồng Sóng Sinh-hoạt



Ba Luồng Sóng Sinh Hoạt

Hiện giờ Chơn Thân - nói theo nghĩa đen của nó - là một sinh linh đã được đầu thai xuống cõi trần. Nhưng ta nên xem nó như là một đứa hài nhi. Nó cần phải trải qua không biết bao nhiêu kiếp nữa tại cõi trần này mới có được cái khả năng làm một người lớn.

Câu hỏi:

- 1- Cái gì giúp cho Chơn Thân được tạo thành?
- 2- Tại sao người ta ví Chơn Thân lúc bấy giờ như một đứa hài nhi?

CHƯƠNG THỨ 13 (tiếp theo)

NHỮNG BƯỚC ĐẦU CỦA NHON LOẠI

2- Sự tiến triển của Nhon loại. (Développement de l'Humanité)

Phải, Chon Nhon như một đũa hai nôi, trên nấc thang đầu của cơ tiến hóa, nếu chúng ta chịu khó quan sát con người từ lúc khởi thủy. Giống dân Lê-Mu-Riêng (Lémuriens) đã tàn từ lâu - là giống dân rất ít tiến hóa; khứu giác và vị giác của họ chưa có; chúng nó chỉ mới tượng mà thôi. Những cảm giác vui và khổ của người Lê-Mu-Riêng dường như không có. Đó là chúng ta nói đa số, chứ trong nhóm người Lê-Mu-Riêng cũng có những vị tấn hóa cao, chịu hi sinh đầu thai lấy xác thân thô kịch của giống dân thứ ba đó - (người Lê-Mu-Riêng thuộc về giống dân chánh thứ ba) để dắt dẫn sự tiến hóa của dân chúng.

Đối với người Ất- Lăn (Atlantes) thuộc về giống dân chánh thứ tư, thì giác quan được phát triển nhiều hơn: tỷ như thị giác và thính giác. Vị giác của họ cũng được mở mang hơn, nhưng chưa đặng tế nhị. Những vật thực ô trược hoặc đang sinh uơn, họ vẫn ăn được như thường mà có khi lại còn cho là ngon lành nữa. Họ thích ăn những món đồ ăn nào có mùi vị hôi hám, tỷ như thịt sinh, cá uơn, các loại mắm hơn là những thứ thịt cá còn tươi mà họ cho là lạt lẽo do không mùi vị. Xác thân của họ ít nhạy cảm trước sự va chạm. Những vết thương nhẹ họ coi như thường và không thấy đau đớn gì cả. Còn những vết thương nặng cũng không làm cho họ đau đớn nhiều hoặc làm cho họ ủ rũ. Những vết thương nặng nhất cũng không làm cho họ chết được, và chúng nó rất chóng lành. Có vài hậu duệ của giống dân Lê-Mu-Riêng và một phần lớn giống dân Ất Lăn, vẫn còn tồn tại tới ngày nay. Những người đó rất ít nhạy cảm trước sự đau đớn của xác thân. Họ chịu đựng sự đánh đập, sự hành phạt, sự kháo kẹp một cách dễ dàng không thể tưởng tượng nổi. Những sự đau đớn này có thể giết chết một người thuộc về giống dân chánh thứ năm (Aryens).

Người ta có thuật chuyện một người Mỹ da đỏ miền Bắc bị theo một bầy đười trong lúc giao tranh mà vẫn tiếp tục chiến đấu. Rồi sau một thời gian ngưng chiến độ 12 hay 15 tiếng đồng hồ, chiến sĩ đó lại ra trận trở lại.

Sự đặc biệt của xác thân giúp cho người giống dân chánh thứ tư chưa tiến hóa, được mau lành vết thương và có thể chịu đựng đặng những sự hình phạt nặng nề mà không rên siết. Sự hình phạt này có thể quật ngã một người thuộc về giống dân chánh thứ năm, vì nó làm cho thần kinh của y bị chấn động quá mạnh.

Sở dĩ có sự khác biệt đó là một phần lớn do sự phát triển nhiều hay ít của hột nguyên tử trường tồn cái xác. Hột nguyên tử đó là trung tâm của xác thân. Trong giống dân chánh thứ năm, thần lực thiêng liêng xạ xuống dồi dào hơn làm cho hột nguyên tử trường tồn ấy tiến hóa hơn; và hễ hột nguyên tử trường tồn càng tiến hóa chừng nào thì thần lực thiêng liêng càng xuống nhiều chừng nấy. Vậy dần theo sự tiến hóa mà những quan năng rung động của hột nguyên tử trường tồn sẽ trở nên phức tạp hơn và mãnh liệt hơn. Đối với hột nguyên tử trường tồn cái vĩa và cái trí cũng y như vậy. Xuyên qua nhiều kiếp luân hồi liên tiếp, những hột nguyên tử trường tồn này dường như bị phóng xuống mỗi cõi để chiếm những thể mới như là thể trí, vĩa và xác. Hột nguyên tử trường tồn nào tiến hóa nhiều hơn thì rút về chúng nó những hột nguyên tử tốt của cõi đó. Nhờ vậy mới tạo ra được một bộ thần kinh hệ tế nhị và tinh vi hơn. Bộ thần kinh đó là một cái khí cụ có thể tiếp đón được luồng thần lực của tâm thức xạ xuống càng ngày càng vĩ đại hơn. Do cách ấy mà bộ thần kinh hệ của người giống dân chánh thứ năm mới được cấu tạo một cách tinh vi, tế nhị và thanh bai.

Đối với người giống dân chánh thứ năm thì sự khác biệt bên trong của những tế bào thần kinh hệ còn sâu đậm hơn nữa. Chúng nó thông đồng với nhau còn dồi dào hơn nữa. Nói một cách tổng quát thì tâm thức của người giống dân chánh thứ năm hoạt động trên cõi Trung giới và họ lơ lửng trước sự vận chuyển của xác thân, ngoại trừ những gì thuộc về não tủy thần kinh hệ. Còn về sự kiểm soát những cơ quan sinh hoạt thì phó mặc cho bộ giao cảm thần kinh, nó đã giữ trách nhiệm này qua bao nhiêu thế kỷ rồi; và giờ đây việc làm của nó vẫn được tiếp tục nhờ sự thúc đẩy của những trung khu của thể vía - khác với mười trung tâm kia mà ta đã nói ở trước - . Vì vậy mà tâm thức có thể lo nghĩ chuyện khác hơn là phải chú ý một cách trực tiếp đến sự vận chuyển của xác thân, mặc dầu nó phụ trợ sự linh hoạt của tâm thức tại cõi trần. Tuy nhiên, như ta sẽ thấy ở sau, ta có thể làm cho tâm thức chú ý đến sự hoạt động của xác thân và kiểm soát trực tiếp nó. Đối với những người tiến hóa của giống dân chánh thứ năm thì đa số sự thúc đẩy của tâm thức lại do cõi Hạ Thiên đi xuống hồng trần, xuyên qua Trung giới để làm lay động bộ thần kinh của xác thịt. Chính cái tâm thức tế nhị, nhuệ mẫn và sáng sủa của người tiến hóa này được linh hoạt là nhờ tư tưởng hơn là nhờ cảm giác. Nó biểu lộ sự linh động của nó trong thể trí và trong trung tâm tình cảm của óc hơn là nơi trung tâm của sự cảm giác hoặc của sự vận hành.

Những cảm giác khí quan (les organes sensoriels) của người giống dân chánh thứ năm ít mẫn nhuệ và ít tế nhị hơn là những người tiến hóa cao của giống dân chánh thứ tư. Chúng nó ứng đối với ngoại cảnh ít dễ dàng hơn. Mắt, tai, những cơ quan xúc giác của người giống dân chánh thứ năm không ứng đáp với những làn rung động có thể cảm kích được những cơ quan của người giống dân chánh thứ tư. Có điều đáng nhớ là những cơ quan này linh hoạt nhất trong thời kỳ ấu trĩ của con người và chúng nó giảm đi sự nhuệ khí của chúng nó từ khi con người được sáu tuổi trở lên. Lại còn một điều khác nữa là: chúng nó ít ứng đáp được với ngoại cảnh thuần túy vật chất chớ chúng nó ứng đáp mau lẹ với những cảm giác có xen lộn tình cảm; chúng nó rất nhạy cảm đối với sự tinh nhuệ của màu sắc và âm thanh. Cảnh thiên nhiên và mỹ thuật cảm kích chúng nó nhiều hơn hết. Những trung tâm cảm giác trong bộ óc và trong thể vía của người giống dân chánh thứ năm được cấu tạo một cách tinh vi hơn và đầy đủ hơn. Dường thể chúng nó có một sự nhạy cảm vĩ đại hơn trước vẻ đẹp của màu sắc, của âm thanh và hình thể. Đồng thời chúng nó ít cảm kích trước sự rung động của giác quan mà trong đó không có xen lộn một chút tình cảm nào.

Xác thân của người giống dân chánh thứ năm cũng rất nhạy cảm trước sự va chạm hơn là người giống dân chánh thứ tư và thứ ba: bởi vì tâm thức trong xác thân của họ linh hoạt nhiều hơn. Những cái chấn động thần kinh (les secousses nerveuses) kích thích họ mạnh hơn và làm cho họ rũ liệt, rã rời! Một sự tổn thương trọng đại không phải chỉ là vấn đề đau đớn vì cắt đi một bắp thịt hay xé một làn da, mà còn tạo ra một sự chấn động nguy hiểm ở thần kinh của người giống dân chánh thứ năm nữa. Bộ thần kinh của họ được cấu tạo một cách tế nhị, kêu cứu với những trung khu của óc. Những trung khu này mới chuyển di lời kêu cứu ấy đến thể vía, làm cho tâm thức của thể vía hóa ra bấn loạn. Mà hễ thể vía bấn loạn thì nó kéo thể trí bấn loạn luôn. Bấy giờ trí tưởng tượng mới nổi lên hoạt động và trí nhớ mới gọi lên những điều dự đoán. Rồi mãnh lực thúc đẩy của cái trí lại đến tăng cường và kéo dài những cảm giác đó. Đến lượt những cảm giác này kích thích và cổ võ bộ thần kinh hệ một cách bất thường. Sự rung động của chúng nó chuyển đến các cơ quan sinh hoạt (les organes vitaux) làm cho chúng nó rối loạn lên. Điều này đưa đến một hậu quả tai hại là con người giảm mất sinh lực khiến cho sự phục hồi sức khỏe trở nên khó khăn và chậm chạp.

Đối với người giống dân chánh thứ năm thì sức khỏe của xác thân tùy thuộc một phần lớn tình trạng của thể trí. Một sự lo âu trọng đại, những nỗi đau khổ tâm tình, những mối tư lự làm cho thần kinh căng thẳng và chúng tạo ra sự hỗn loạn trong các cơ năng nhơn đó mới

sinh ra bệnh hoạn hay yếu nhược. Bởi vậy người ta cho rằng sự tươi tỉnh của tâm hồn và sức mạnh của tính nết tăng trưởng sức khỏe của xác thân. Và khi tâm thức đã hẫng linh động tại cõi Trung giới hay Thượng giới rồi thì những sự hỗn loạn về tình cảm hay tinh thần đưa đến bệnh hoạn mau chóng hơn là sự thiếu thốn nguy ngập về vật chất. Thật ra, người tiến hóa của giống dân chánh thứ năm tại cõi trần này chỉ sống trong bộ óc của họ mà thôi!

Câu hỏi:

- Xin so sánh người giống dân chánh thứ tư và người giống dân chánh thứ năm.

3- Những linh hồn và thể xác di thường
(Âmes et corps anormaux).

Ở đây ta nên để ý một chuyện rất có ý nghĩa. Nó can hệ đến vấn đề rất quan trọng: là vấn đề liên giao giữa tâm thức và bộ thần kinh hệ. Khi tâm thức con người chưa vượt qua khỏi mức tiến hóa của hạng người Lê-Mu-Riêng sau cùng hay những hạng người Ất Lăn đầu tiên mà nó lại đầu thai lấy xác người giống dân chánh thứ năm thì xảy đến một việc rất lạ để cho chúng ta khảo cứu một cách lý thú.

Nơi đây, chúng ta hãy mở một dấu ngoặc vì chúng ta không thể nói nhiều về những lý do của sự đầu thai cách đó. Chúng ta chỉ nói vấn đề rằng: khi mà những quốc gia tiến hóa cao đến xâm chiếm những lãnh thổ của những bộ lạc còn chậm tiến và giết hại thổ dân một cách trực tiếp hay gián tiếp. Thành thử những linh hồn của thổ dân đó bị cướp xác thịt nên tìm nơi thích nghi để đầu thai xuống thế. Nhưng rủi thay, chúng nó ít tìm được cảnh thích hợp theo tình trạng còn chậm tiến của chúng nó, bởi vì dưới làn sóng bành trướng của người tiến hóa cao càng ngày càng lan tràn, rộng lớn, chúng nó tự nhiên bị luật nhân quả đưa đến đầu thai trong những gia đình của người đã xâm chiếm đất đai của chúng nó; thường thường chúng nó bị bắt buộc đầu thai giữa hạng người vô lại hay sát nhơn trong xã hội. Những linh hồn như thế ấy lại chiếm được xác thân của giống dân chánh thứ năm, nên họ thuộc về hạng cận bã của xã hội người tiến hóa. Họ biểu lộ xuyên qua xác thân của giống dân chánh thứ năm những đặc tính của người còn ở nấc thang đầu của giống dân chánh thứ tư hay thứ ba. Và dầu họ có bộ thần kinh hệ được cấu tạo bên ngoài giống như bộ thần kinh hệ của người tiến hóa cao nhưng bên trong của nó lại khác. Nó không có sự tế nhị của tế bào thần kinh bởi vì muốn cho tế bào thần kinh được tế nhị thì phải nhờ ảnh hưởng của thần lực đi từ cõi Trung giới và Thượng giới xuống xác thân. Người ta quan sát những cá nhơn này thì thấy họ không ứng đáp được những cảm giác do ngoại giới đưa đến, trừ phi những cảm giác nào thật là đặc biệt dữ dội mới cảm kích được họ mà thôi. Điều này chỉ tỏ mức độ phát triển thấp kém của tâm thức con người. Chúng ta cũng thấy trong hạng người này một trạng thái ‘bất động’ khi không có một sự kích thích dữ dội nào bên ngoài đến lay chuyển họ. Đồng thời bị sự đòi hỏi của xác thân mà dục vọng luôn luôn đẩy lên để tạo lại những sự kích thích dữ dội ấy. Chúng ta thấy trong mấy người này một sự hoạt động trí thức chậm chạp do ảnh hưởng của sự rung động dữ dội đó đối với giác quan. Khi những giác quan này im lặng lại, thì tư tưởng của họ chìm trong trạng thái trống không (vide). Họ tuyệt nhiên không ứng đáp được với những tư tưởng và tình cảm cao thượng - không phải tại họ tự ý bác bỏ chúng nó, mà vì họ hoàn toàn không biết sự hiện diện của chúng nó. Theo thường lệ thì sự kích thích hay sự kịch liệt đều lấy nguồn ở ngoại giới. Tỷ như một điều gì xảy ra đến cho họ bởi phương tiện vật chất thì trí khôn sơ khai của họ hợp với khả năng thỏa dục làm cho họ nhớ lại và muốn hưởng cảm giác ấy một lần

nữa. Cho nên kẻ nào thuộc về hạng người này, thì có thể không có ý cướp của hay giết người, mà chỉ vì trông thấy một vị hành khách ăn mặc tử tế, dáng điệu giàu sang thì y nảy ra ý muốn cướp giựt hoặc cướp của và giết người: bởi vì tiền bạc đối với y - là sự thỏa mãn thềm muốn, là sự ấm no, sung sướng, là sự toại dục. Bấy giờ y liền có ý tấn công ngay người khách qua đường ấy. Theo sau cái ý đó là hành vi cướp của, giết người, nếu y không thấy có sự trở ngại tở như một người lính cảnh sát chẳng hạn. Chính cái ý muốn của y đã được thể hiện ra đó, khiến cho y có ý làm điều ác. Người có ý dự liệu sự sát nhơn là người đã tiến hóa khá cao rồi. Người đã phạm tội sát nhơn không cần suy nghĩ trước trừ phi y đứng trước một lực lượng nào mà y sợ hãi. Và khi y phạm tội rồi thì y tuyệt nhiên không ăn năn và không xấu hổ. Y chỉ cảm thấy sự sợ sệt mà thôi.

Ở đây lẽ tất nhiên ta không ám chỉ những hạng người sát nhơn qui quyết, mà chỉ nói về những hạng người sát nhơn một cách vô tri, vô thức, hạng người vô loại, đần độn, còn đã phạm của giống dân chánh thứ ba và thứ tư đầu thai lấy xác của người giống dân chánh thứ năm.

Dần theo bước tiến hóa của nhân loại sự Minh Triết cổ truyền càng ngày càng lan rộng ra. Nó ảnh hưởng những tư tưởng của người đời nay và đưa đến một cái kết quả không thể tránh khỏi là: sửa đổi cách đối xử với tội nhơn. Những tội nhơn mà ta vừa nói ở trước, sẽ được đối xử trong tù một cách tử tế hơn. Họ sẽ không bị hành hạ vô lối, và luôn luôn bị khép mình dưới một lề luật quá khắt khe. Người ta sẽ rán hết sức giúp đỡ họ tiến hóa trong tình trạng hiện nay của họ. Người ta sẽ làm sao cho nhà tù không phải là nơi để nhốt họ, mà để giúp cho họ tiến hóa mau lẹ hơn là khi họ sống tự do với mực độ bán khai của họ. Nhưng chúng ta sẽ đi lạc đề nếu chúng ta không biết dừng bước nơi đây. Vậy ta hãy trở về với những tác động của tâm thức trên cõi Trung giới trong khi nó biểu lộ xuyên qua thú vật tiến hóa cao và xuyên qua hạng người còn thấp kém.

Câu hỏi:

- 1- Thường thường vì lý do gì mà người tiến hóa thấp lại đầu thai được trong xác thân của người tiến hóa cao?
- 2- Tại sao ta cần phải đối xử với tội nhơn một cách tử tế và hiểu biết?

CHƯƠNG THỨ 13 (tiếp theo)

NHỮNG BƯỚC ĐẦU CỦA NHƠN LOẠI

4 - Tâm thức phát triển trên cõi Trung giới. **(Apparition de la Conscience sur le Plan Astral)**

Như ta đã thấy - sự tổ chức của cái vía có trước sự tổ chức của bộ óc xác thịt. Chính cái vía hoạt động để tạo ra bộ óc xác thịt.

Giờ đây ta hãy xem coi điều này ảnh hưởng đến sự linh hoạt của tâm thức bằng cách nào? Tự nhiên người ta chờ cho tâm thức trên cõi Trung giới biết được - (một cách mơ hồ, không rõ rệt) - những gì va chạm đến cái vỏ bọc của cái vía. Cũng tở như tâm thức trong loài kim thạch, thảo mộc và thú cầm (ít tiến hóa) biết được những gì va chạm vào thể xác của chúng nó vậy. Cái vía tri thức được những sự va chạm bên ngoài rất lâu trước khi nó có được sức tổ chức hẳn hoi ở vỏ bọc của nó (l'enveloppe astrale). Cái vỏ bọc của thể vía đó là cái cầu

nối liền giữa thể trí và thể xác. Nó phải tiến triển từ từ và trở thành cái thể vía, là cái thể có tâm thức độc lập trên cõi Trung giới.

Như chúng ta đã nói, cái dấu hiệu tổ chức đầu tiên của vỏ bọc thể vía là do sự ứng đáp với những cái va chạm tại cõi trần mà nó tiếp nhận được nhờ trung gian của thể xác. Và sự tiến hóa của cái vỏ bọc thể vía tùy thuộc sự tiến hóa của thể xác. Cách tổ chức của vỏ bọc thể vía không can hệ trực tiếp với sự thu nhận, sự phối trí hay sự thông hiểu những va chạm của thể vía. Cái vỏ bọc thể vía này chỉ có phận sự chịu ảnh hưởng của bộ thần kinh hệ xác thân và phản ứng lại nó. Bất kỳ tại cõi nào tâm thức của những hạ thể (như xác, vía, trí) đều biểu lộ ra trước hơn là cái tâm thức của Chơn ngã; và sự tiến triển của tâm thức (cái vía) trên cõi Trung giới đi song song với sự tiến triển của tâm thức của Chơn ngã dưới cõi trần.

Những làn rung động từ cõi Trung giới đến va chạm vỏ bọc của cái vía, tạo ra những làn sóng, chúng đã lay chuyển chất khí của toàn cả vỏ bọc cái vía và tâm thức bị nhốt trong đó dần dần biết được một cách mập mờ sự hiện diện của những làn sóng rung động này; nhưng nó không hiểu rằng chúng nó vốn từ bên ngoài mà đến: bởi vì nó sờ soạng tìm kiếm những cái va chạm tại cõi trần dữ dội hơn. Nhơn đó mà tâm thức cái vía chú ý nhiều nhất đến những sự va chạm của cõi trần. Chất khí Trung giới tập hợp lại; nó liên can đến hai bộ thần kinh hệ của con người (là não tủy thần kinh và giao cảm thần kinh); nó cảm biết tự nhiên những làn sóng rung động của vỏ bọc cái vía. Và những làn sóng rung động này - (do sự lay chuyển của vỏ bọc cái vía sinh ra) - xen lộn với những làn sóng rung động do xác thịt sinh ra. Cả hai đều đến ảnh hưởng những làn sóng rung động do tâm thức từ trên cõi cao đưa xuống xác thân xuyên qua chất khí tập hợp của cái vía.

Từ đây, mỗi dây liên lạc đã bắt đầu giữa những sự va chạm nơi cõi Trung giới với bộ giao cảm thần kinh của xác thân. Và những sự va chạm này có trách nhiệm quan trọng nhất trên đường tiến hóa của bộ giao cảm thần kinh đó. Trong khi tâm thức đang hoạt động nơi xác thân biết được dần dần cảnh ngoại giới rồi thì những sự kích động từ cõi Trung giới đến xen lộn với những sự va chạm kích động ở cõi hồng trần khiến cho ta không thể phân biệt được cái nào là của cõi Trung giới và cái nào là của cõi Hồng trần, bởi vì những sự kích động thuộc về cõi Trung giới lần lần bị ngũ quan phân loại ra cũng như chúng nó đã phân loại những sự kích động thuộc về cõi trần vậy. Cái quan năng biết được sự kích động của cõi Trung giới (mà ta gọi là thần nhãn thấp) - là cái quan năng được biểu lộ ra trước hơn là sự phát triển vĩ đại của trí tuệ. Bao giờ bộ giao cảm thần kinh còn là bộ máy chính của tâm thức thì tâm thức vẫn xem hai thứ kích thích đó như nhau và không phân biệt được: chúng nó thuộc về cõi Trung giới hay cõi hồng trần. Những con thú tiến hóa cao là những con thú có bộ não tủy thần kinh nảy nở, nhưng chúng nó chưa có thể hoạt động chánh thức bằng tâm thức mà chỉ bằng giác quan của chúng nó mà thôi. Chúng nó không phân biệt dạng cảnh vật và âm thanh của cõi Trung giới với cảnh vật và âm thanh của cõi hồng trần. Nhơn đó mà khi con ngựa thấy dạng một cái vía, (tức là một hồn ma) thì nó sẽ nhảy qua cũng như nó nhảy qua một cái xác vậy, và con mèo cạ chơn của một con ma mà nó tưởng là chơn của một người còn sống. Con chó cũng vậy, khi nó cảm thấy sự hiện diện của 'ma', nó tưởng là của người còn sống nên nó sủa. Nhơn đó mới có câu 'chó sủa ma'. Còn đối với con chó và con ngựa thì cả hai đều có một cảm giác - vừa lo lắng vừa sợ sệt - trước những hồn ma lảng vảng hay trước những hiện tượng hiện hình. Chúng nó cảm giác thấy một sự gì khác lạ rồi đâm ra nhát sợ. Sự sợ sệt của con chó, sự nhút nhát của con ngựa trước ma hiện đủ chứng tỏ điều này. Đường thể con ngựa có thần kinh căng thẳng là do trước nhất ở sự xáo trộn và sự bối rối của nó trước một sự vật xung quanh nó và cũng do sự bất lực của nó để phân biệt những cái khách quan thực tại (les réalités objectives), nghĩa là nó không phân biệt được một cụ thể như người ta hay gốc cây hoặc gộp đá với cái ảo ảnh như con ma, như cái bóng ảo. Dù con ngựa ấy đã

được điều luyện để ra trận - (hay để tự ên đem người coi nó bị thương về nhà cứu chữa như trong truyện Á Rập) đi nữa, thì tình trạng cũng giống y như vậy. Nó thấy góc cây hay một người đứng trước mặt nó nếu nó lui chạy đụng vào đó thì có thể nó bị thương tích, còn khi nó thấy một con ma hay một bóng ma nào (mà nó tưởng là người ta thật) nếu nó lui vào thì nó bước xuyên qua như không có chút chướng ngại gì. Nhơn đó mà nó bối rối đâm ra nhát sợ và kinh hoàng. Nếu con ngựa ấy có một trí khôn đặc biệt thì thường thường thần kinh nó bị căng thẳng hơn: bởi vì nó khởi có một cảm giác mập mờ về sự khác biệt giữa hai cái thấy trên đó; và cũng bởi nó không hiểu nổi những hiện tượng này nên nó đâm ra hoảng sợ.

Người còn dã man sống với bộ não tủy thần kinh nhiều hơn; y phân biệt được giữa hiện tượng hồng trần và hiện tượng Trung giới dù y cho rằng: những hiện tượng Trung giới là những hiện tượng có thật. Y qui chúng nó vào một thể giới khác biệt hơn là cái thể giới hồng trần mà y đang ở đây. Y cho cái thể giới đó là cái thể giới dị thường; còn cái thể giới hồng trần đối với y là cái thể giới thông thường. Y không hiểu được rằng: y tri thức cái thể giới dị thường đó xuyên qua bộ giao cảm thần kinh của y, chớ chẳng phải xuyên qua bộ não tủy thần kinh. Chỉ có thể thôi. Khi hầu hết những người giống dân chánh thứ ba (Lê Mu Riêng) và những người giống dân chánh thứ tư (Ất Lãn) trong thời buổi đầu đều tri thức cái thể giới Trung giới hơn là cái thể giới hồng trần. Những sự va chạm của cõi Trung giới lay chuyển trọn cả cái vĩa của họ. Chúng nó đến với họ xuyên qua những giác quan xác thân của họ, nên họ tri thức một cách rõ rệt. Đời sống của họ bị những cảm giác và những tình dục thống trị nhiều hơn là lý trí. Nhơn đó mà bộ giao cảm thần kinh của họ trở thành cái then máy chánh đại của tâm thức họ bấy giờ.

Dần dần bộ não tủy thần kinh của họ trở thành phức tạp hơn và tinh vi hơn, nó có thể đảm nhiệm được cái vai tuồng nòng cốt của tri thức cõi hồng trần. Bấy giờ tâm thức của họ chú ý đến cõi hồng trần nhiều hơn; và cái trạng thái hoạt động của tâm thức đó lấy danh từ là ‘trí khôn cụ thể’ (intelligence concrète). Trí khôn cụ thể này càng ngày càng rõ rệt hơn, vĩ đại hơn. Bấy giờ bộ giao cảm thần kinh trở thành phụ thuộc, nó ít ảnh hưởng đặng tri thức của con người; nó bị nhận chìm dưới luồng sóng vật chất của cõi hồng trần thô kịch và ô trược này. Nhơn đó mà con người ít tri thức được cõi Trung giới; nhưng tri thức con người lại được nảy nở mặc dù cũng có vài người thỉnh thoảng tiếp nhận một vài cảm giác mập mờ (do cõi Trung giới đưa đến) mà họ không hiểu nổi.

Trong buổi tiến hóa hiện tại của nhơn loại, thứ thần nhãn thấp kém đó vẫn còn tồn tại ở vài người còn dã man với trí khôn rất thô sơ của họ. Những người này không biết chi lắm về sự hợp lý của thần nhãn và họ cũng chỉ kiểm soát chút ít sự hoạt động của nó mà thôi. Nếu ta rần sức mở thứ thần nhãn này thì có thể ta làm cho thần kinh của ta trở nên tán loạn; như thế ta đi nghịch với luật tiến hóa: bởi vì trong khi ta tiến tới một mục đích cao hơn ta lại đi thụt lùi, quay đầu trở lại và ta chỉ sống xuyên qua bộ giao cảm thần kinh mà thôi. Bởi luật tiến hóa là luật thiên nhiên, nó bất di bất dịch; nên ai cố gắng đi nghịch với nó, thì sẽ rước lấy sự hỗn loạn ở cân não và sự đau đớn ở thể xác. Ta cũng không thể trở lại cái tình trạng xưa được, cái tình trạng mà bộ giao cảm thần kinh còn làm bá chủ. Bằng trái lại, ta cố gắng tập luyện để mở thứ thần nhãn đó thì ta sẽ làm hại thể xác và ngăn cản bước tiến thủ cao xa của trí tuệ. Bởi vậy, nhiều sức nguy hiểm quan trọng xảy đến cho những ai xem trong sách vở (đã phát hành lan rộng) mà luyện mở thần nhãn bằng nhiều cách khác nhau như tập trung tư tưởng tại rún hay đơn điền (plexus solaire) hoặc tại những trung khu của bộ giao cảm thần kinh. Cho chí ở phương Tây, người ta cũng có luyện một ít môn đó; còn ở Ấn Độ thì chúng nó được gom lại trong một hệ thống và lấy danh hiệu là ‘Hatha Yoga’. Nhờ những tư thế (asana) của Hatha Yoga mà người ta có thể lấy lại được sự kiểm soát đối với những cơ quan tự động. Tỷ như người ta ngưng đặng sự vận hành của phổi, tim và ruột v.v. . . Người ta muốn cho bao tử hay

tim hoạt động hay không cũng được; người ta có thể mưa chùng nào cũng được và v.v. . . Muốn vậy cần phải tốn bao nhiêu công phu tập luyện, cần phải mất nhiều thì giờ và sức lực! Nhưng chung qui rồi thì con người có đắc quả đâu! Họ chỉ kiểm soát đặng sơ sơ những cơ quan tự động mà thôi. Những cơ quan tự động này từ lâu rồi đã được giao phó cho bộ giao cảm thần kinh: là vì tâm thức của con người dần dần không chú ý đến chúng nó nữa. Nay muốn kiểm soát chúng nó lại, thì chỉ gom ý vào chúng nó là được thành công! Những cái thủ đoạn lực lưỡng này (ces tours de forces) ảnh hưởng trí tưởng tượng của những người thiếu hiểu biết, làm cho họ lầm tưởng đó là một triệu chứng biểu lộ tinh thần trọng đại. Môn 'Hatha Yoga' là một môn luyện tập thích hợp với những người chỉ ham có phép thần thông với những phương pháp không chánh đáng. Và lại, nếu họ muốn dùng những phương pháp chánh đáng (nghĩa là tu tâm, sửa tính, lập công, bồi đức . . .) thì không thể được vì tình trạng tiến hóa của họ lúc bấy giờ không cho phép họ. Hơn nữa, những phép thần thông này (là kiểm soát đặng những cơ quan tự động) vốn là những bậc thấp của khoa 'Hatha Yoga'. Chúng nó dễ mở và người luyện chúng nó không mấy gì khổ cực bằng tập đưa cánh tay lên rồi, để như thế mãi cho tới chừng nào nó trở thành khô héo, hoặc nằm bần chông.

Khi bộ não tùy thần kinh tạm thời ngưng hoạt động thì những cái thúc đẩy - từ bỏ bọc cái vía xuyên qua bộ giao cảm thần kinh - phản xạ lẫn nhau trong tâm thức. Nhơn đó mới xảy ra một lối 'sáng suốt' mà ta đã chứng kiến được trong lúc con người lâm vào tình trạng đê mê (trance) (do kẻ khác làm cho y đê mê hay do chính mình y). Sự 'sáng suốt' này biểu lộ bằng cái khả năng đọc được trong cục thủy tinh (hay trong những vật tương tựa) những khúc chiết của tâm tình. Phạm hể tâm thức trong những thể cao ngưng một phần hay ngưng hẳn sự hoạt động của nó, thì tất nhiên nó phải chú ý đến những thể thấp đó.

Ở đây, chúng ta nên lưu ý đến điều này để tránh mọi sự lầm lẫn ấy là: thần nhãn cao bao giờ cũng phải đi sau sự mở mang trí tuệ và tình cảm. Hay nói một cách khác hơn là: trước khi tập mở thần nhãn cao thì phải tập mở cái thể trí và cái thể vía (đừng lộn thể vía với cái bọc của nó) cho tới một mực độ tiến hóa nào khá khá mới được. Và khi trí thức được linh hoạt - (do bộ não tùy thần kinh được hoàn bị hơn) - thì ta mới có thể tập mở thần nhãn đặng. Bấy giờ, những trung khu của cái vía mà ta đã nói ở trước dưới danh từ 'luân xa' xoay chuyển mạnh hơn. Chúng nó nảy nở dần dần. Trên cõi Trung giới chúng nó phát triển và trở thành những giác quan và những cơ quan của thể vía. Đó là nhờ ảnh hưởng của cái trí hay của cõi thượng giới. Vậy cái trí có bốn phận cấu tạo và làm nảy nở những giác quan của thể vía, cũng như thể vía có bốn phận cấu tạo và làm nảy nở những giác quan của thể xác mà ta đã thấy ở trước. Hay nói một cách khác hơn là: giác quan cái vía bị ảnh hưởng của cõi trí kiểm soát, cũng như trung khu của óc bị cái vía kiểm soát vậy. Bấy giờ tâm thức hoạt động trên cõi trí và kiến thiết cái vía, cũng giống như nó đã kiểm soát cái xác, khi nó đã được linh hoạt ở cõi vía. Nhưng, nay nó hoạt động với một khả năng và một sự hiểu biết vĩ đại hơn: bởi vì nó đã mở mang được nhiều quyền năng hơn. Nhờ bộ giao cảm thần kinh và bộ não tùy thần kinh làm trung gian mà tâm thức mới tạo được những trung khu cái xác để về sau chuyển di những làn rung động của các cõi cao xuống tri thức của óc xác thân. Khi những trung khu xác thân này được linh hoạt rồi thì sự hiểu biết từ các cõi trên mới có thể chuyển di xuống được; nghĩa là sự hiểu biết đó sẵn sàng đặt dưới quyền sử dụng của tâm thức tác động trong óc xác thân. Đó là cách mở thần nhãn cao như ta đã nói ở trước. Có thần nhãn cao tức là biết sử dụng một cách khôn ngoan và ý thức, những quyền năng của tâm thức đang hoạt động trong thể vía.

Trên đường tiến thủ này các quyền năng của tâm thức trở thành linh hoạt trước nhất tại cõi hồng trần, rồi sau mới đến cõi vía và cõi trí. Vỏ bọc của cái vía và vỏ bọc của cái trí phải tiến đến một mực độ cao hơn trước khi trở thành những thể vía và trí thanh cao hơn, có khả năng hoạt động một cách độc lập trên những cõi cao và tự mình kiến thiết được một bộ máy

then chốt để biểu lộ được những quyền năng của chúng nó tại cõi trần. Và dẫu tại cõi trần đi nữa, mà bộ máy then chốt ấy đã được cấu tạo với tư tưởng và tình cảm thanh bai rồi, thì nó cũng phải nhờ lửa của luồng Hỏa hậu (Kundalini) làm cho linh hoạt. Chính tâm thức đang tác động trong óc xác thịt đánh thức và điều khiển luồng Hỏa hậu này.

Câu hỏi.

- 1- Tại sao có danh từ ‘chó sủa ma’?
- 2 - Tại sao luyện môn ‘Hatha Yoga’ là không tốt?

CHƯƠNG THỨ 14

TÂM THỨC CHƠN NGÃ VÀ TÂM THỨC PHÀM NGÃ

(**Conscience et Soi – Conscience**)

1.-Tâm thức Chơn Ngã . (La Conscience)

Trong một thời gian đặng đặng – (nghĩa là từ lúc thảo mộc, thú cầm và người thường nhơn tiến hóa đến mức độ cùng tột cho chí ngày hôm nay) – vỏ bọc cái vía (hay là thể dục vọng) như ta đã thấy, bị sự tác động của tâm thức xác thịt qui chế một cách trực tiếp. Bây giờ chúng ta hãy tìm cách giải thích sự phát triển tâm thức của Chơn Ngã đang thức tỉnh trước ngoại giới. Thật ra, người ta có thể nói rằng: bộ thần kinh hệ là sản phẩm của cái vía. Nhưng nó được tạo ra chẳng phải để cho cái vía sử dụng nó, mà để giúp cho tâm thức có thể biểu lộ ra được tại cõi trần hầu hoạt động một cách đặc lực hơn. Trước nhất, chính tại cõi trần này mà Tâm thức Phàm ngã trở thành Tâm thức Chơn ngã.

Khi những làn rung động của ngoại giới đến chạm vào vỏ bọc hồng trần (tức là xác thân) của Chơn Ngã – (mà Chơn ngã là Jivatma hay Ánh Sáng của Chơn Thân) – thì trước nhất, chúng nó tạo ra trong Chơn ngã ấy một sự chuyển động, một lóe tâm thức bên trong, một thứ cảm giác mà Chơn Ngã không cho là ở ngoài đến, mặc dù nó do sự va chạm của ngoại giới gây nên. Chính sự thay đổi bên ngoài của xác thân đến lay chuyển xác thân; mà xác thân lại là ngục tù của Chơn Ngã. Chơn Ngã bị nhốt trong bọc vật chất nặng nề, - hay nói cách khác là Chơn ngã bị xác thân bao kín. Nhưng khi có sự lay chuyển bên ngoài đến va chạm xác thân, thì nó bèn tạo ra một sự lay chuyển bên trong, ở giữa cái ngục tù xác thân đó, khiến cho tâm thức bên trong (hay là Chơn ngã) linh động và cảm thấy một sự thay đổi, một cái trạng thái khác lạ, (hay là một sự biến dịch) đã xảy ra. Ta có thể nói đó là một hấp lực của một ngoại vật va chạm trực tiếp hạ thể - (là cái vỏ bọc che kín Chơn ngã) – làm cho nó rung động. Sự rung động này chuyển đến Chơn Ngã. Chơn Ngã mới ứng đáp lại bằng cách đưa tới hạ thể những làn sóng rung động của nó thuộc về ngoại vật. Sự này, sở dĩ có được là do hấp lực của ngoại vật, nhơn đó mới sanh ra cảm giác. Cảm giác đó tượng trưng một sự hoạt động của tâm thức.

Trên đây ta nói: ‘hấp lực của ngoại vật’. Nhưng cũng có thể ‘hấp lực’ ấy trở thành ‘cự lực’ khi ta đứng trước một vật gì ghê gớm. Trong trường hợp ấy, ngoại vật là một ‘cự lực’ nó

làm cho ta thụt lùi. Vậy trong lúc đó, tâm thức của ta diễn tiến thế nào ? ‘Cự lực’ của ngoại vật biến đổi trạng thái của hoàn cảnh, nó cũng biến đổi luôn trạng thái của tâm thức.

Khi ta quan sát những trạng thái vô bọc của các hạ thể (như xác, vĩa, trí) dưới ảnh hưởng của ‘hấp lực’ và của ‘cự lực’, thì ta sẽ thấy chúng nó khác biệt nhau .

Khi sự va chạm của ngoại vật tạo ra trong vô bọc của hạ thể này một sự rung động có nhịp nhàng – (nghĩa là khi ngoại vật đó phóng ra những làn sóng điều hòa, từ thô kịch đến cái thanh bai) – thì giữa ngoại vật và hạ thể có xảy ra một sự giao dịch chắc chắn bên trong. Sự giao dịch đó được quan trọng nhiều hay ít là tùy thuộc ở sự điều hòa của những làn sóng phát sinh từ bên ngoài và từ bên trong: nghĩa là chúng nó do vật bên ngoài (objet extérieur) sinh ra và cũng do hạ thể bên trong đưa ra ngoài, xuyên qua những vô bọc của chúng nó. Sự giao dịch giữa bên ngoài và bên trong đó, sự hợp nhất bất toàn của hai ‘sự sống’ bên ngoài và bên trong đó – (dù có vô bọc của chúng nó chia cách) – tạo thành một trạng thái ‘khoái lạc’ (le plaisir). Và khi hai sự ‘sống’ này gần nhau, thì phát sinh ra sức ‘thu hút’ hay sự ‘hấp lực’ (attraction). Dù trạng thái ‘khoái lạc’ có phức tạp thế nào đi nữa, trung tâm của nó cũng vẫn là nòng cốt, là tinh ba của sức ‘hấp lực’ này; nó biểu tượng bằng một cái cảm giác ‘tăng cường’ (augmentation) ‘nảy nở’ (accroissement) và ‘phóng đại’ (amplification) cho đời sống được phong phú hơn. Và hễ sự ‘sống’ càng dồi dào, càng phong phú, thì cái trạng thái ‘khoái lạc’ đó càng tăng gia. Nó tăng gia bằng cách thực hiện được sự ‘phóng đại’ này để lan tràn qua một sự ‘sống’ khác. Những điều trên đây để chỉ rằng: hễ ta càng tiến hóa thì đời sống của ta càng dồi dào hơn. Mà sống dồi dào là nghĩa gì ?

-Sống dồi dào không phải có tiền bạc nhiều, có quyền cao tước trọng, và đi đó đi đây không rảnh rang chút nào! Mà sống dồi dào có nghĩa là mở rộng tâm hiệp nhất của đời sống mình với đời sống kẻ khác. Người tiến hóa sẽ vui mà thấy mình cảm động cái cảm của kẻ khác và có thể hiệp nhất được với họ. Nếu người này hiệp nhất được với người kia thì hai sự sống sẽ hòa nhau, và sẽ được tăng cường và mỗi một sự sống trong khi phối hợp với nhau, sẽ thực hiện được một sự ‘phong phú’. Chính những làn sóng có nhịp nhàng và mỗi giao dịch giữa những trạng thái thanh và trược đó làm cho sự sống này có thể thông thương được với sự sống kia. Thật ra thì những làn rung động điều hòa tạo ra sự khoái lạc.

Bằng trái lại nếu sự va chạm của một ngoại vật tạo ra trong vô bọc của hạ thể một ‘cự lực’^[12] thì sự sống bên trong các vô bọc đó sẽ bị lẻ loi, đơn độc, Những tia sáng của nó phóng ra thường lệ đều bị làn rung động bên ngoài chặn đứng lại, nên chúng nó phải trở lộn về chỗ cũ. Sự chặn đứng những tia sáng đó tạo ra sự đau khổ. Sự đau khổ này càng ngày càng tăng cường theo đà dữ dội của cự lực để đi đến chỗ ‘nhờm góm’ (répulsion). Ở đây còn có điều này nữa là: hễ sự sống càng tiến hóa chừng nào, thì sự đau đớn – (do tình trạng xáo trộn dữ dội của mực độ thường này) – càng to tác chừng nấy. Đồng thời, sự thất vọng về đó càng tăng. Vì lẽ ấy mà những làn rung động bất điều hòa tạo ra sự khổ sở. Chúng ta hãy lưu ý nơi đây rằng: điều này quả có thật đối với tất cả vô bọc của các hạ thể, chớ chẳng phải riêng gì cái thể vĩa mà thôi, mặc dầu thể vĩa chịu ảnh hưởng của những loại cảm giác đó một cách đặc biệt; về sau chúng nó lấy tên là sự vui và sự khổ hay là cảm giác ‘dễ chịu’ hay là cảm giác ‘khó chịu’. Trên đường tiến hóa, thường hay có một cơ năng sinh lý nào trở thành đặc biệt,

[12] Sở dĩ có một cự lực giữa ngoại giới (objet extérieur) và các hạ thể (enveloppes du Soi) là do những vật liệu làm ra chúng nó sắp xếp không điều hòa, chúng nó hoạt động không đồng một lối với nhau, nên chạm nhau.

nó cần phải có một cơ quan riêng để cho nó biểu lộ. Và bởi thể vĩa là cái thể dục vọng, nên nó cần phải có sự nhạy cảm về sự vui và sự khổ .

Sau khi đã quan sát sơ qua trạng thái của những vỏ bọc hạ thể, giờ đây chúng ta hãy quay về với mầm tâm thức (germe de la conscience). Chúng ta nên lưu ý đến sự quan trọng này là: trong những điều xảy ra đó, không có một chút tri giác nào thuộc về ngoại vật cả, cũng không có một thứ tri giác nào theo ý nghĩa thông thường của nó. Đến đây, tâm thức chưa quan niệm được chút gì về ngoại vật hay nội vật, về chủ quan hay khách quan. Mầm Tâm thức thiêng liêng đang kinh nghiệm để tri thức được. Mà nó có được sự tri thức là chỉ khi nào nó nhờ sự biến dịch của trạng thái vỏ bọc hạ thể mà thôi. Chính sự vận hành. Chính sự vận hành co, giãn bên trong của vỏ bọc hạ thể đó mới xảy ra sự biến dịch này. Mà có thay đổi tâm thức mới tri thức được: bởi vì tri thức chỉ hiện tồn trong sự thay đổi và chỉ do sự thay đổi này mà thôi. Nhon đó mà tri thức chỉ phát hiện trong sự vận hành, trong cuộc biến dịch hay thay đổi. Hễ có một sự biến dịch đầu tiên nào xảy ra bất cứ chôn nào hay lúc nào, thì nơi ấy và lúc ấy, tri thức phát sinh ra từ trong mầm tâm thức thiêng liêng chớ không phải từ bên ngoài mà đến.

Những lớp vỏ bọc của mầm tâm thức thiêng liêng đó làm bằng chất khí khác nhau, từ cõi cao lẫn xuống cõi thấp. Sự đi xuống của chúng nó tạo ra một sự biến dịch đầu tiên và mập mờ ở trạng thái của chúng nó. Sự biến dịch này nảy sinh ra mầm tri thức ^[13]. Không ai có thể nói lên được bao nhiêu thế kỷ đã qua, trong khi những sự biến dịch này mãi mãi tăng gia dưới những sự tác động của những cái va chạm không dứt từ bên ngoài đến và của những cái rung động không ngừng của tâm thức bên trong để ứng đáp lại bên ngoài .

Cái trạng thái của tâm thức trong giai đoạn tiến hóa này chỉ có nghĩa là ‘sự cảm giác’. Sự cảm giác đó lần lần trở nên rõ rệt hơn, và nó có hai cực diện đặc biệt: ấy là sự ‘vui’ và sự ‘khổ’. Theo ý nghĩa ở trên, thì sự ‘vui’ biểu tượng sự nở giãn của vỏ bọc hạ thể, còn sự ‘khổ’ biểu tượng sự co rút của chúng nó. Ta nên để ý điều này: giai đoạn tiến hóa đầu tiên của tâm thức đó không biểu lộ ba Trạng thái của Đức Thượng Đế, như ta đã biết, là: Ý chí, Minh Triết và Hoạt động, - dù giai đoạn đầu tiên đó có cao nhất cũng vậy. Trước khi tâm thức biểu lộ được Ba Trạng thái thiêng liêng này, thì nó phải biểu lộ ‘cảm giác’ trước. Ở giai đoạn đó, ‘cảm giác’ là tất cả đối với tâm thức, dù nó ở vào nấc thang đầu của cơ tiến hóa. Đường thể ‘Cảm Giác’ thường liên hợp với Trạng thái Ý Chí – Dục vọng (Volonté-Désir) hay là Ý Dục nên người ta lầm lộn cả hai không phân biệt được cái nào là Cảm Giác và cái nào là Ý Dục .

Thật ra, cảm giác thuộc về Trạng thái Ý Dục đó, nó hiện ra trước nhất trong màn Tâm thức để cho Tâm thức thấy được sự sai biệt và kinh nghiệm. Hễ sự ‘vui’ và sự ‘khổ’ càng được rõ rệt hơn chừng nào thì chúng nó càng hiện lên qua ba trạng thái. Khi sự ‘vui’ đã được hưởng xong, thì trong tâm thức còn lưu lại một sự hấp dẫn, một cái kỷ niệm. Cái kỷ niệm này trở thành một khuynh hướng nhắc lại sự ‘vui’ ấy. Nhưng nó vốn là một khuynh hướng không rõ rệt, một sự đeo đuổi mập mờ cái cảm giác đã biến tan, mà sự chuyển động quá ư mơ hồ nên không thể gọi nó là một sự cố gắng để giữ được cái ‘vui’ này. Đối với sự ‘khổ’ đã tàn, thì cũng y như thế. Khi sự ‘khổ’ đã qua rồi, thì trong tâm thức còn lưu lại cái ‘ký ức’ ghê tởm đó, dù là nó không rõ rệt. Những trạng thái này sinh ra cái ký ức ‘vui’ và ‘khổ’ đã qua. Chúng nó gọi lên cái Trạng thái Tư tưởng (Aspest Pensée) hay Trạng thái Minh triết của Chơn Ngã. Còn sự muốn nhắc lại cái ‘vui’ ấy hoặc lánh xa cái ‘khổ’ ấy, gọi lên Trạng thái Ước vọng

^[13] Xin lưu ý : Mầm tâm thức thiêng liêng là điểm Linh quang của Đức Thượng Đế mới phát sinh. Còn mầm tri thức là sự tri thức, sự hiểu biết vừa nảy sinh ra trước nhất.

(Aspect Désir) hay là Trạng thái Bác ái của Chơn Ngã. Sự muốn vận hành để làm một tác động hầu thực hiện ý tưởng hay ước vọng, gọi lên Trạng thái Hoạt động (Aspect Activité) của Chơn Ngã. Nhơn đó mà Tâm thức, trước tiên, chỉ biểu lộ dưới một trạng thái duy nhất là trạng thái Cảm Giác, nay nó biểu lộ dưới ba trạng thái khác nhau. Ba trạng thái này liên hệ đến Ba Trạng Thái của Đức Thượng Đế, mà con người là Đức Thượng Đế con .

Câu chơn ngôn Bí truyền cho rằng: ‘Trên Trời cũng như dưới đất’ (En bas comme en haut) đã được minh chứng nơi đây.

Câu hỏi :

Tại sao Trên Trời cũng như dưới đất ?

CHƯƠNG THỨ 14 (tiếp theo)

TÂM THỨC CHƠN NGÃ VÀ TÂM THỨC PHẠM NGÃ

2- Tâm thức của Chơn-Ngã :

Dục vọng đang nảy sanh. Nó lần dò tìm kiếm sự ‘khoái lạc’, nhưng nó chiếm không đặng cái vật đã tạo ra sự khoái lạc ấy: bởi vì tâm thức còn bị hạn chế gò bó trong phạm vi chính cõi của nó. Nó chỉ biết cái gì ở nội giới và chỉ cảm được sự biến dịch ở cõi của nó mà thôi. Nó chưa lưu ý đến gì ở ngoại giới cho chí sự hiện tồn của ngoại giới nó cũng không biết nữa, mặc dù ngoại giới luôn luôn đưa đến nó những làn rung động dữ dội, đập mạnh vào những hạ thể của nó, nhứt là xác thịt. Xác thịt chịu đựng những làn rung động hồng trần nhiều hơn là những làn rung động từ bên trong đưa ra ngoài.

Những sự va chạm liên tiếp và dữ dội này làm cho Tâm thức của Chơn ngã dần dần lưu ý. Chúng nó khác biệt với những làn rung động chậm chạp và sờ soạng của tâm thức lúc bấy giờ. Sự phát hiện không chừng, không đời của chúng nó, sự đi đến bất ngờ và khó hiểu của chúng nó làm cho tâm thức lưu ý: bởi vì làn rung động bên ngoài khác biệt với làn rung động bên trong. Làn rung động bên trong của tâm thức không dữ dội, không vô thường, không bất ngờ như làn rung động bên ngoài do ngoại giới đưa đến. Nó có đặc tánh điều hòa, đúng đắn và liên tục – mặc dầu những đặc tánh ấy còn mập mờ, chưa rõ rệt. Nhờ những sự biến dịch (mà ta nói ở trước), tức là những cái thay đổi bên trong, do ngoại giới kích động, tạo ra những làn rung động ấy. Nhưng tâm thức chưa đồng hóa được với chúng nó, tâm thức thì biết được một sự ‘sai biệt’ giữa bên trong và bên ngoài mà thôi, chính cái ‘biết’ này dần dần trở thành một cái cảm giác về một ký ức nào, một sự gì còn lưu lại sau cuộc hỗn loạn không dừng này. Nó trở thành cái cảm giác của bên trong và bên ngoài, hay nói đúng hơn là của bên ngoài và bên trong. Tại sao lại nói ‘bên ngoài’ trước ? – Bởi vì chính những cái va chạm liên tục bên ngoài đó làm nảy sanh ra trong tâm thức một cái cảm giác về ngoại giới và về nội giới. Nhưng cái cảm giác về ngoại giới lại đến trước dù là không lâu: bởi vì chỉ khi nào tâm thức biết rằng; có ngoại giới thì nó mới cảm đặng nội giới mà thôi.

Khi chỉ có một ‘giới’ thì không thể nói được ‘nội giới’ hay ‘ngoại giới’: bởi vì chỉ có một giới mà làm sao gọi là ‘nội’ hay ‘ngoại’ được. Nhưng khi ‘ngoại giới’ (là một đối tượng của tâm thức) ra mặt cưỡng chế tâm thức, thì bấy giờ ‘nội giới’ hiện ra tức khắc. Sở dĩ người ta có được sự cảm giác về ngoại giới là khi nào cái tâm thức liên tục bên trong gặp được cái

cảnh giới hỗn loạn và vô thường (nghĩa là hay thay đổi) bên ngoài. Nó phát sinh tại xác thân, đang sinh sống dưới trần. Chính nhờ cái xác thân đó mà người này mới biết đặng người kia. Nhờ sự ‘biết’ ấy mà ta thấy ‘Ta’ khác biệt với ‘Người’. Cái ‘Ta’ ấy bèn tri thức ngoại vật, trong khi nó chỉ phải tri thức những sự thay đổi của ngoại vật mà thôi. Và rồi dần dần, nó lại nhận thấy những sự thay đổi này chính ở trong lòng nó phát ra, và những ngoại vật đó lại là ở ngoài nó. Lúc bấy giờ, Tâm thức của Chơn ngã khởi sinh.

Sự nhận xét được ngoại vật là gồm cả một cuộc diễn tiến rất là phức tạp. Ta nên nhớ rằng: những ngoại vật va chạm đến xác thân ta bằng nhiều cách khác nhau. Và xác thịt ta tiếp nhận được một số rung động của ngoại vật xuyên qua trung gian của những nơi bị va chạm ấy. Mắt, tai, da, lưỡi, mũi tiếp nhận được nhiều thứ làn sóng rung động khác nhau, và một số tế bào của những cơ quan bị va chạm đó ứng đáp lại cũng bằng những làn rung động. Mấy làn sóng rung động này được di chuyển đến những trung khu cảm giác ở trong óc, nơi đây, chúng nó chuyển qua những trung khu hiểu biết (centres de la connaissance) bên trong vỏ bọc của cái vĩa. Tại đó, xảy ra một sự biến dịch đồng nhịp với những làn rung động kia như ta đã giải nghĩa ở trước. Những làn rung động này, - mang danh là ‘biến dịch’ - được chuyển ra ngoài dưới danh từ ‘cảm giác màu sắc, cảm giác hình thái, cảm giác âm thanh, mùi vị’ vân. vân... ! Chúng nó là những cảm giác luôn luôn không dính dáng gì tới sự tự tác động của tâm thức đang linh hoạt trong vỏ bọc thể trí. Nơi đây, chúng nó hòa hợp với nhau để tạo thành một hình ảnh duy nhất. Cái hình ảnh duy nhất này là một mối hiểu biết. Nhờ nó mà con người mới có được sự tri giác. Tác động này thuộc về đặc tính của thể trí. Như đó, một nhà tâm lý học Ấn Độ mới nói rằng: “Cái trí khôn thường được gọi là ‘giác quan thứ sáu’.”

Giờ đây, nếu ta quan sát ngũ quan đang lúc chúng nó linh hoạt để làm khí cụ cho trí khôn, thì ta sẽ thấy cuộc diễn tiến nói trên đây lại trái ngược. Trí khôn gồm thu trọn cả một hành vi nào, cũng như nó chụp hình trọn cả hành vi đó vậy. Rồi nó mới phát sinh một mớ làn rung động đồng nhịp trong vỏ bọc của thể trí. Mấy làn rung động này được lập lại trong những trung khu cảm giác của vỏ bọc thể vĩa. Chúng nó làm rách cái vỏ bọc này, chia ra thành phần, mỗi thành phần là mỗi khu hoạt động, phát sinh ra một thứ rung động riêng biệt của chính nó. Những thứ rung động này, đến lượt chúng nó, lập lại trong các trung khu hoạt động của óc xác thịt dưới hình thức những lượn sóng riêng biệt. Rồi những trung khu hoạt động ấy mới nhờ trung gian của bộ thần kinh hệ đem phân chia những thứ rung động trên cho tất cả cơ quan liên hệ đến sự hoàn thành cái hành vi đó. Nếu nói về sự giao dịch xấp đôi này, thì trí khôn trở thành quan năng thứ mười một (theo kinh Bhagavad Gita , XV, 7 có nói).

Tại sao lại thứ 11 ?

- Bởi vì ta có 5 quan năng, được gọi là ngũ quan, để thu thập những cảm giác bên ngoài. Ta còn có 5 quan năng khác nữa, ở trong thể vĩa, được gọi là 5 luân xa, đã nói ở trước liên hệ đến ngũ quan xác thịt. Chúng nó có nhiệm vụ chuyển đi sự rung động của tâm thức xuống óc xác thịt để cho xác thịt tri giác. Vậy ta có tất cả 10 quan năng. Còn quan năng thứ 11 đó là trí khôn. Trí khôn, như đã nói ở trước, gom tất cả cảm giác bên trong và bên ngoài để biến chế nó ra một cái hành vi tổng quát và duy nhất. Như đó mà ta gọi nó là quan năng thứ 11 .

Câu hỏi :

Mâm Chơn Ngã phát sinh lúc nào ?

CHƯƠNG THỨ 14 (tiếp theo)

TÂM THỨC CHƠN NGÃ VÀ TÂM THỨC PHẠM NGÃ

1- Sự Chơn và sự Giả . (Le Réel et l'irréel)

Trong khi tâm thức thiêng liêng bị biến dịch trong vật chất để trở thành cái tâm thức của phạm ngã, thì con người nhận thấy được sự sai dịch này. Sự sai dịch đó – (về sau khi tâm thức đã tiến hóa) – sẽ là cái phân ranh giữa cái Chơn (le Réel) (theo sự hiểu biết của người Phương Tây) và cái giả là cái vô thường (l'irréel). Vậy đối với những con vật như sứa, hải qui (mực) và giao long (hydre) vân. vân... thì sóng biển, ánh sáng mặt trời, bão tố, vật thực và cát vân. vân... là những vật vô thường (l'irréel) luôn luôn va chạm chúng nó xuyên qua mình chúng nó hay những râu, vòi của chúng nó.

Những ngoại vật đó không phải là điều chơn, là trường tồn trong tâm thức của con vật. Chúng nó chỉ lưu ký ở tâm thức con vật một sự biến dịch suông mà thôi. Đối với những đũa con nít còn ấu trĩ cũng y như vậy. Bà Besant nhấn mạnh chữ 'lưu ký' (enregistré) chớ không phải là 'nhận thức' (perçu) bởi vì nơi nấc chốt của thang tiến hóa, sinh vật không thể quan sát một cách khôn ngoan, hoặc phân tích hay phán đoán cái chi đặng. Chúng nó chưa tri thức được ngoại vật làm sao tự tri thức chúng nó đặng?

Còn đối với những cái biến dịch này, thì chúng nó chỉ cảm thấy là một sự thay đổi ở trong vòng tâm thức còn thô sơ của chúng nó mà thôi. Ngoại giới chỉ thành một 'sự có thật' (la réalité) là :

- 1) Khi nào tâm thức đã chia ly nó và thực hiện sự chia ly này, và
- 2) Khi nào tâm thức từ cái 'ngã mù mờ' bước sang qua 'cái ngã' hẳn định.

Bao giờ cái 'ngã' mù mờ dần dần trở thành rõ rệt, thấy mình và ngoại giới là hai thứ khác nhau, và nó phân biệt được sự thay đổi bên trong của nó với những sự va chạm bên ngoài, thì bấy giờ nó mới có đủ điều kiện bước qua giai đoạn thứ nhì. Trong giai đoạn này, tính ưa sự vui sướng càng ngày càng tăng cường và phát triển, để rồi hóa thành một dực vọng hẳn hoi. Giờ đây, tư tưởng mới xen vào dực vọng để tính thể nào chiếm hữu những gì đã đem lại sự vui sướng ấy. Điều này làm cho con người rần rức và cố gắng để đoạt cho kỳ được những sở vọng, khi chúng nó ở dưới tầm mắt, hoặc còn ở trong viễn vọng. Kết quả là tâm thức ghi lại những ấn tượng biến dịch giữa ngoại giới và nội giới, nó cảm thấy sự khác biệt giữa tình cảm và tư tưởng. Có lẽ nó luôn luôn tri thức được tư tưởng. Nó cũng cảm thấy ngoại vật đi và đến không màng để ý đến nó chút nào, mà còn tỏ vẻ miệt thị những tình cảm 'vui' hay 'buồn' bên trong của nó nữa. Nó phân biệt những ngoại vật ấy là những vật 'có thật' sanh tồn thật ảnh hưởng đặng nó nhưng nó không thể kiểm soát được.

Cái ý thức về sự 'có thật' ấy phát sinh tại cõi trần này trước nhất : bởi vì chính trên cõi này mà tâm thức biết trước hết sự va chạm giữa 'ta' và 'người'. Và chính tại xác thân mà tâm thức khởi sự tiến hóa. Trung tâm tiến hóa khởi thủy của tâm thức là bộ óc xác thịt.

Người thường nhơn, trong giai đoạn hiện hữu của cuộc tiến hóa, còn nhập mình làm 'một' với cái trung tâm của bộ óc đó, cho nên họ bị gò bó trong vòng hoạt động của tư tưởng lúc họ thức. Họ cho rằng tư tưởng (hoạt động trong óc) là họ, và họ là tư tưởng. Vì lẽ ấy mà họ không tự nhìn được mình là một 'cái Ngã' một cách rõ rệt và liên tục dưới cõi trần, nghĩa

là trong lúc thức. Trên cõi trần hẳn nhiên con người là ‘phàm ngã’ và không do dự mà phân biệt đúng đắn giữa mình và ngoại giới, giữa tư tưởng mình và những ảo ảnh xung quanh. Ấy vậy, chính trên cõi trần và chỉ tại cõi ấy thôi, mà sự vật, đối với con người là những điều ‘có thật’ chúng nó chẳng ở trong con người mà là ở ngoài con người.

Trên các cõi khác, như cõi Trung giới và cõi Thượng giới, người thường nhơn cũng tri thức được, nhưng sự tri thức ấy chưa thành ‘cái Ngã’ đồng hóa được với cảnh đó. Y biết được sự biến dịch bên trong y; nhưng y chưa phân biệt được cái nào là sự biến dịch do y làm và cái nào là sự biến dịch do những sự va chạm bên ngoài bỏ vào bọc cái vía và bọc cái trí của y. Đối với bên trong y, hai thứ biến dịch này đều y như nhau cả. Bởi vậy, đối với đa số thường nhơn, tất cả hiện tượng tâm thức trên cõi siêu phàm – (nghĩa là trên những cõi mà tâm thức của cái ‘ngã’ chưa hẳn hoạt động) – đều là những cái ‘không có thật’ (subjectifs), chúng nó ở bên trong của chính mình họ .

Người thường nhơn xem những hiện tượng của cõi vía và trí như là cái kết quả của trí tưởng tượng, nghĩa là như những hình thái của chính y tạo tác chớ chẳng phải là cái kết quả của những sự va chạm đập vào thể vía và thể trí của y. Thật ra, những cái va chạm thuộc về cõi trí và cõi vía thanh hơn những cái va chạm thuộc về cõi trần, nhưng chúng nó chưa đủ tiến hóa để ý thức trên những cõi thanh này, chúng nó cũng là những vật ‘có thật’ cũng như những ngoại vật của cõi hồng trần vậy. Nhơn đó mà con người chưa đủ khả năng cảm đặng cái Chơn Ngã trên các cõi cao ấy, và cũng vì vậy mà con người cần phải trở thành ‘khách quan’ đối với ngoại giới. Mà hiện giờ, con người chỉ biết được những sự biến dịch bên trong tâm thức, và xem ngoại cảnh như để thực hiện những dục vọng và tư tưởng của mình mà thôi. Vì lẽ đó mà con người trên cõi vía và trí chỉ là một đũa hài nhi . . .

CHƯƠNG THỨ 15

NHỮNG TRẠNG THÁI CỦA TÂM THỨC CON NGƯỜI

(Etats humains de la Conscience)

1-Tiền – thức: (La Sub – conscience)

Chúng ta đã lưu ý đến sự kiện này là: đa số hoạt động của tâm thức, - khi chúng nó có mục đích hẳn hoi – đều trở thành tự động cả. Bấy giờ chúng nó dần dần bị tâm thức lãng quên. Tỷ như những sự hoạt động của tâm thức để hộ trì xác thân như: sự tuần hườn của trái tim, sự

hồ hấp của phổi và sự tiêu hóa của dạ dày vân vân ... đều bị tâm thức không lưu ý đến nữa. Còn vô số hiện tượng khác – không trực tiếp thuộc về sự bảo trì của xác thân, - cũng bị chìm vào lãnh vực quên lãng của tâm thức!

Bộ giao cảm thần kinh hệ của con người là cái kho tàng tích trữ những dấu vết của những cuộc biến cố đã qua từ lâu. Những biến cố đó không hoàn toàn thuộc về đời sống hiện hữu của con người mà chúng nó đã xảy ra trong nhiều thế kỷ của những kiếp trước, từ lúc linh hồn (là Jivâtma hay là Chon non), trú ngụ trong xác thân thú vật hay con người còn dã man. Đã xảy ra biết bao nhiêu cơn khủng khiếp, kinh hoàng trong đêm tối, biết bao nhiêu sự xúi giục dữ dằn vì thù hận, biết bao nhiêu cuộc hãm hờ tể nhị để phục thù và để thỏa dục sôi nổi giữa đáy lòng ta! Chúng nó giấu kín dưới lớp màn đen tối của tiềm thức chúng nó, một cái di hài, hay một bộ cốt của đời quá khứ chúng ta. Tâm thức của cái vĩa mới chuyển di chúng nó xuống cái khí cụ hồng trần là xác thân, để cho chúng nó được thực hiện. Những cái biến cố này đều được hột nguyên tử trường tồn luôn luôn nhạy cảm, chụp ảnh chúng nó và lưu ký chúng nó lại trong những khố góc của bộ thần kinh hệ, kiếp này sang kiếp khác. Tâm thức của ta đang lo lắng chuyện chi khác ư? – Thì hoặc giả một luồng rung động mạnh mẽ nảy sanh từ tâm thức của một hạ thể ^[14]. Nó vượt lên, đánh thức ta. Hoặc giả, một biến cố nào xảy ra (vì nguyên nhân này hay nguyên nhân khác) tạo nên vài thứ rung động làm sống lại những khả năng của ta đang say ngủ nơi đáy lòng ta. Những khả năng này bị chôn lấp lâu rồi, nay thành linh hiện lên giữa thanh thiên, bạch nhật. Mấy khu vực này cũng là những nơi ẩn trú của những bản năng hèn yếu; chúng nó, trong thời dĩ vãng, đã rán sức chiến đấu để được sống còn. Những khu vực đó, cũng là những kho tàng chất chứa các kinh nghiệm mà linh hồn đã lượm lặt được trong những kiếp đã qua để căn cứ vào đó mà dọn đường cho kiếp tương lai. Và cũng chính nơi mấy khu vực ấy ẩn trú:

- 1) Những bản năng tình ái đối với người khác giống để tạo ra vô số tình duyên.
- 2) Những bản năng tình mẫu tử, tình phụ tử xuyên qua nhiều thế hệ.
- 3) Những bản năng tự vệ nảy nở xuyên qua vô số cuộc chiến đấu.
- 4) Những bản năng xúi giục con người lợi dụng kẻ khác một cách bất chánh, để tạo ra vô số mưu mô và xảo trá.
- 5) Những làn rung động nảy sanh từ những biến cố.
- 6) Những tình cảm, những dục vọng, những tư tưởng thuộc về kiếp sống hiện tại. Tất cả chúng nó (được con người đem ra thí nghiệm hay bị bỏ quên) đều sẵn sàng hiện đến khi có một tiếng gọi thoáng qua .

Chúng ta không có đủ thì giờ để liệt kê những gì ở trong cái kho tàng thái cổ này; chúng nó là những mảnh vụn, xương tàn thuộc về thời gian quá khứ, nằm song song với những khí cụ hiện còn cần thiết cho sự nhu cầu của thời đại. Trên ngưỡng cửa của cái kho tàng thái cổ đó, có viết hàng chữ này ‘Những Mảnh Vụn của Thời Quá Khứ’ (Fragments du Passé). Tiềm thức thuộc về Dĩ vãng cũng như tâm thức trong lúc con người đang thức thuộc về Hiện Tại và Tâm thức siêu linh thuộc về Tương Lai vậy .

^[14] Chúng ta đã nói ở trước, con người ngoài cái tâm thức thiêng liêng còn có nhiều tâm thức khác nữa, như : Tâm thức của xác thịt, của cái vĩa hay của cái trí v.v... mà nhà Phật gọi là: thân tánh, tâm tánh và trí tánh.

Còn một khu vực tiềm thức khác ở trong con người chúng ta. Nó là nơi trú ẩn của vô số tâm thức không quan trọng thuộc về các nguyên tử, các phân tử và nhiều thứ tế bào ở trong mình chúng ta và đã dùng xác thân của chúng ta làm sân trường tiến hóa cho chúng nó.

Vài vài hiện tượng dị kỳ, vài hình thái lạ lùng, từ tiềm thức nổi lên trong lòng ta thật ra không thuộc về ta chút nào cả. Chúng nó chỉ là những cái sợ hãi vô lý và điên cuồng những cái sờ soạng mập mờ, những cái tưởng tượng ngây ngô thuộc về những đơn vị tâm thức hạ tầng hơn chúng ta. Nhưng chúng nó là khách của chúng ta, lấy xác thân của chúng ta làm nhà trọ.

Chính nơi khu vực tiềm thức đó đã xảy ra những cuộc chiến tranh giữa nhiều khóm sinh vật khác nhau đang trú ngụ trong máu ta, trong xương ta, trong thịt ta, trong tủy ta. Chúng nó đánh giặc với nhau, giết chóc lẫn nhau, mà ta vẫn mắt ngơ, tai điếc, không hay biết gì cả, trừ phi chúng nó biểu lộ dưới hình thức bệnh hoạn, thì bấy giờ ta mới biết được mà thôi .

Tiềm thức của con người đang linh hoạt dưới trần hết sức là phức tạp. Nó có rất nhiều yếu tố khác nhau nên cần phải phân tích nó mới hiểu thấu nó đặng, hầu phân biệt được sự hoạt động nào của nó và sự hoạt động nào của tâm thức siêu linh thực sự của con người. Tâm thức siêu linh thực sự của con người giống với năng tính của những sinh vật đang hoạt động trong con người chúng ta ở chỗ linh hoạt của chúng nó. Hay nói cách khác: tâm thức siêu linh kêu gọi tâm thức của con người một cách mau lẹ, y hệt như năng tính của những sinh vật trú ngụ trong xác thân con người. Những tâm thức siêu linh và bản năng của sinh vật khác nhau một trời một vực: ở bản chất và ở cấp bậc tiến hóa của chúng nó, Tâm thức Siêu linh thuộc về Tương Lai. Còn Bản năng thuộc về Dĩ Vãng. Bản năng giống như một cơ quan tàn tật, cần cõ ghi chép lịch sử của thời xưa. Còn tâm thức Siêu Linh giống như một cơ quan còn non, mới tượng, biểu hiện sự tiến hóa của Tương Lai .

Chúng ta đã thấy rằng: tâm thức cái vía linh hoạt trên cõi Trung giới đã tạo lập và hiện còn đang tạo lập bộ thần kinh hệ để dùng làm khí cụ trung gian dưới cõi trần. Nhưng điều này cũng không phải là thành phần của cấp bậc tiến hóa hiện tại mà ta gọi là: ‘Tâm thức thường trong lúc con người thức’.

Đa số người thường nhơn có tâm thức đang hoạt động trên cõi trí (tức cõi Thượng Thiên) hiện giờ, để tạo lập và sắp đặt thể vía lại cho nó trở thành một cái khí cụ trung gian, hầu tâm thức có thể biểu lộ được dưới cõi Vía (tức là cõi Trung giới). Nhưng điều đó lại cũng không phải là thành phần của ‘tâm thức con người trong lúc thức’ nữa! Vậy tâm thức con người trong lúc thức là thể nào?

CHƯƠNG THỨ 15 (tiếp theo)

NHỮNG TRẠNG THÁI CỦA TÂM-THỨC CON NGƯỜI

2- Tâm-thức con người trong lúc thức . (La conscience de veille)

Tâm thức hồng trần là cái tâm thức vừa hoạt động trên cõi Trung giới và Thượng giới (bằng cái vía và cái trí) vừa hoạt động tại cõi trần lấy cái óc làm trung tâm. Người ta có thể

cho cái tâm thức đó là tâm thức của phàm ngã ^[15]. Nó vận dụng cái óc này với bộ thần kinh hệ liên-thuộc với nó như là một cái khí cụ ý chí, hiểu biết và linh động dưới cõi trần.

Trong lúc con người thức, thì cái óc luôn luôn linh động, luôn luôn rung chuyển. Nó là một khí cụ trung gian, khi thì nó bị kích thích do ngũ quan, khi thì nó bị kích thích do tâm thức bên trong con người. Nhưng nó bao giờ cũng linh hoạt và nó luôn luôn ứng đáp lại những ảnh hưởng từ ngoại giới hay nội giới đưa đến.

Đối với đa số người đời, cái óc chính là một phần tử, duy nhất trong cơ thể, làm cho tâm thức phàm ngã cảm thấy được mình thật là ‘mình’ xuyên qua cái óc, tâm thức phàm ngã mới thấy mình trở thành một cái tâm thức rõ rệt hẳn hoi hơn. Nhờ nó con người mới cảm thấy đặng mình quả là ‘mình’ và mình quả là một ‘cá nhân riêng biệt’. Đối với những thành phần khác trong cơ thể, thì tâm thức cần phải sờ soạng, nó cũng ứng đáp với những sự va chạm bên ngoài đặng, nhưng nó chưa giải thích được một cách rõ rệt những sự va chạm này là thế nào và do đâu chúng nó có! Tâm thức chỉ nhận được sự biến đổi trong chính nó, nhưng nó không nhận thức được ‘kẻ khác’ và ‘chính nó’. Đối với những người tiến hóa cao, thì tâm thức rất linh động trên cõi vía và cõi trí. Nó thật là phong phú. Nhưng nó chưa để ý đến ngoại giới, đến cõi Trung giới và cõi Thượng giới, là những nơi nó hoạt động. Và những hoạt động của nó biểu lộ ra ngoài xuyên qua tâm thức phàm trần phát huy tại cõi thế. Tâm thức chú ý hết sức vào cõi trần. Và cũng tại cõi này đây, thần lực của cõi cao tuôn xuống. Nếu cõi trần có khả năng thu thập được nó (nghĩa là có những phần tử tiến hóa, tiếp được thần lực cao) thì nó còn tồn tại, bằng không thì nó vượt đi chỗ khác. Tỉnh thoảng, trên cõi trí và cõi vía, những sự va chạm dữ dội làm nảy sanh – trong tam thức – một sự rung động mạnh mẽ cho đến đời nó hóa ra một luồng tư tưởng hay một sự cảm xúc bật nổi lên trong tâm thức hồng trần (nghĩa là trong tâm thức con người trong lúc thức) khiến cho con người rung cảm mạnh, và bị xáo trộn dữ dội làm ngưng hẳn những sự hoạt động thường lệ. Nhon đó mà con người làm một việc hoàn toàn ngoài sự suy tính, ngoài sự kiểm soát của tâm thức. Chừng chúng ta học đến cái ‘tâm thức siêu phàm’ (conscience hyper-physique) thì ta sẽ quan sát điều này một cách tỉ mỉ hơn.

Vậy người ta có thể nói rằng: tâm thức con người trong lúc thức có thể là một thành phần của cái tâm thức thực sự đang hoạt động trong óc và trong thần kinh hệ của con người. Cái tâm thức thực sự đó là cái tâm thức của Chơn Ngã. Chúng ta có thể tưởng tượng tâm thức thật sự như là một Ánh Sáng to lớn đang chói sáng xuyên qua một bầu thủy tinh treo ở trần nhà. Ánh sáng đi xuyên qua bầu thủy tinh đó rồi tỏa ra khắp phía dưới căn phòng, còn phía trên căn phòng, thì do chính cái ánh sáng ấy – (chớ không nhờ trung gian) - tự chói sáng khắp cùng một cách thông thả, tự do. Cái tâm thức cũng như một hột gà ánh sáng. Một điểm của cái hột gà ánh sáng ấy được ấn vào óc, người ta gọi nó là ‘cái tâm-thức hồng trần’.

Khi tâm thức thực sự trở thành tâm thức của phàm ngã tại cõi Trung giới, và khi cái óc được nảy nở khá khá để có thể ứng đáp được với sự rung động của cái vía, thì tâm thức của cái vía sẽ là một thành phần của tâm thức hồng trần.

Về sau, khi tâm thức trên cõi trí trở thành tâm thức của phàm ngã trên cõi Thượng giới, và khi cái óc được nảy nở khá khá để có thể ứng đáp được với sự rung động của cái trí, thì

[15] Cước chú : Xin xem ở trước: sự khác biệt của tâm thức Chơn Ngã và tâm thức phàm ngã, hay nói cách vắn tắt hơn, là Chơn tâm và phàm tâm. Xin đừng lộn cái tâm thức của cái xác, khác với tâm thức trong lúc thức, bởi vì tâm thức trong lúc thức vận dụng đủ 3 hạ thể: vía, trí, xác chớ chẳng phải riêng về cái xác mà thôi.

tâm thức của cái trí sẽ là một thành phần của tâm thức hồng trần. Và cứ như thế mãi cho tới chừng nào trọn cả tâm thức trên năm cõi dưới (Hồng trần, Trung giới, Thượng giới, Bờ Đè và Niết Bàn) được tiến hóa và có thể biểu lộ xuyên qua tâm thức hồng trần. Như vậy, dù ở trong một cõi nào (của năm cõi ấy) tâm thức thật sự của con người cũng vẫn được biểu lộ như thường: bởi vì nó không bị năm cảnh ấy chi phối và hạn chế. Đó là mục đích tối cao của Nhơn loại.

Tâm thức phát triển cùng một lượt với tế bào, và cũng cùng một lượt với vài cơ quan của cái óc, và Nhơn dịp đó, mối liên giao giữa tế bào này với tế bào kia được thành lập. Bởi vì muốn cho tâm thức của cái vía trở thành một thành phần của tâm thức hồng trần, thì cái hạch mũi (glande pituitaire) cần phải đi đến một mực độ tiến hóa cao hơn trạng thái hiện hữu của nó. Lại nữa, vòng khu óc thứ tư của hột nguyên tử - (đã nói ở trước) – phải hoàn thành cuộc tiến triển của nó mới đặng. Muốn cho tâm thức của cái trí trở thành một thành phần của tâm thức hồng trần, thì hạch tùng quả tuyến (glande pinéale) cần phải linh hoạt. Lại nữa, vòng khu óc thứ năm của hột nguyên tử phải hoàn thành cuộc tiến hóa của nó mới đặng. Bao giờ sự tiến hóa của hai cái hạch đó chưa hoàn tất, thì tâm thức của Chơn Ngã có thể tiến triển trên cõi vía và cõi trí, là nơi nó luôn luôn được gọi là ‘tâm thức siêu phàm’ (super-conscience) chớ nó không thể nào biểu lộ sự hoạt động của nó xuyên qua óc xác thịt đặng, nên nó không phải là thành phần của tâm thức hồng trần.

Tâm thức hồng trần bị cái óc xác thịt chế tạo và hạn định ranh giới cho sự phát triển của nó. Bất câu vết thương nào, bất câu sự đau đớn nào di hại đến xác thịt, thì cái óc liền cản ngăn sự biểu lộ của tâm thức dưới trần.

Dù tâm thức của một người kia tiến hóa cao đến bực nào đi nữa, nó cũng bị óc xác thịt hạn chế sự biểu lộ của nó dưới trần. Nếu cái óc này bị thiết lập không đầy đủ, kém tốt đẹp, thì tâm thức hồng trần của người tiến hóa ấy cũng sẽ nghèo nàn và không có chi là xuất sắc cả.

Khi xác thịt chết, thì cách biểu lộ của tâm thức sẽ thay đổi. Và điều gì mà ta đã nói về tình trạng cõi trần cũng đúng y với tình trạng cõi Trung giới. Vậy ta có thể giải thích như trước, mà một cách rộng rãi hơn rằng:

“Tâm thức hồng trần (hay là tâm thức con người trong lúc thức) là cái tâm thức đang hoạt động xuyên qua cái hạ thể thấp nhất của nó. Nhờ cái thể ấy mà tâm thức mới liên lạc được với cõi liên hệ”.

Trên những nấc đầu thang tiến hóa của Nhơn loại, tâm thức ít linh hoạt ở nội giới, trừ phi khi nó bị bên ngoài kích thích. Nhưng dần theo sự phát hiện của tâm thức phàm ngã tại cõi trần này, mà tâm thức thật sự bên trong mới trở nên linh hoạt hơn. Những cái rung động tại cõi trần là những cái kinh nghiệm của tâm thức bên trong. Nhờ những sự kinh nghiệm này mà tâm thức mau tiến hóa trên chính cõi cao của nó. Nhơn đó mà quyền năng của nó rất trội hơn cái khả năng do óc xác thịt biểu lộ ra: tỷ như tâm thức bên trong biết ‘muội’ mà óc xác thịt chỉ biểu lộ được ‘một’. Bấy giờ óc xác thịt trở thành một ranh giới, một chướng ngại vật, trong khi nó phải là một phụ tá viên và cộng tác viên của tâm thức. Mà tâm thức của người tiến hóa có một cái áp lực mạnh mẽ đối với những hạ thể (là những khí cụ của nó), nên đôi khi xảy ra sự hiểm nghèo như là cho xác thịt: vì cái áp lực mạnh mẽ của tâm thức ấy tạo ra sự căng thẳng thần kinh, làm cho cái óc mất thăng bằng, rồi con người khó mà thích ứng mau lẹ được với những làn sóng rung động mãnh liệt xông vào tứ phía. Vì vậy mà người ta có thể nói đúng rằng: ‘Không có cái chi gần Thiên tài hơn là sự Điên dại’. (Rien n’est plus près de la folie que le genie lui-même). Chỉ có cái óc tiến hóa được cấu tạo một cách tinh vi mới có thể làm cho ‘kẻ thiên tài biểu lộ đặng tài đức của mình dưới thế gian. Nhưng cái áp lực tốt đẹp và mạnh mẽ của tâm thức tuôn xuống óc xác thịt y, khiến cho nó chịu không nổi: nó phải mất sự thăng bằng của nó. Nhơn đó mới sanh ra sự ‘Điên cuồng’. Nhưng sự ‘Điên cuồng’ đây

không phải là do cái óc xấu hay bị tàn tật cũng như những người mắc bệnh điên mà ta thường thấy. Nó là sự ‘Điên cuồng’ của người tiến hóa và nó có nghĩa là: ‘cái óc xác thịt không thể ứng đáp một cách thông thường với những sự rung động từ cõi cao xuống’.

Sự ‘Điên cuồng’ trên đây không dính dáng gì với sự điên cuồng của người mắc bệnh điên (vì óc hư) cả.

Trong những lời giải trên đây, có một điều rất quan trọng là: một cái óc tiến bộ vượt bậc (đối với sự tiến hóa thường) là cái óc có nhiều tia nhánh tinh vi, có nhiều sự phức tạp và sự tế nhị ở tế bào, hơn đó nó mới biểu lộ được trọn vẹn những khúc chiết của tâm thức: bởi thế nó rất mảnh mai, cần phải giữ gìn kỹ lưỡng. Do sự mảnh mai, tế nhị của nó mà nó dễ bị hư hỏng, và trở thành vô dụng, nếu một góc khốe nào của nó chưa đủ sức chịu nổi cái áp lực quá mạnh mẽ của tâm thức. Bệnh thần kinh căng thẳng thường do đó mà ra.

Chúng ta sẽ nói về điều này nữa khi chúng ta học qua cái ‘tâm thức siêu phàm’.

CHƯƠNG THỨ 15 (tiếp theo)

NHỮNG TRẠNG THÁI CỦA TÂM THỨC CON NGƯỜI

3- Tâm-thức siêu-phàm. (La Conscience Super-physique)

Những nhà tâm lý học Tây Phương đã chuyên chú sưu tầm về những trạng thái khác của tâm thức hơn là những trạng thái của nó trong lúc con người thức. Họ gán cho chúng nó nhiều danh từ khác nhau như là: tâm thức dị thường (conscience anormale), tiềm thức (sub-conscience), tâm vô thức (inconscience) hay là mộng thức (conscience de rêve) mà họ thường dùng hơn hết: bởi vì ‘mộng’ là một trạng thái khác của tâm thức mà thường thường ai ai cũng đều biết. Trước nhất người ta xem những trạng thái đó như là những trạng thái bệnh hoạn của óc. Cái thuyết đó rất còn được nhiều người chấp nhận. Nhưng có những nhà tâm lý học cao hơn, họ thấy xa hiểu rộng hơn, họ vẫn tìm tòi khảo cứu về chúng nó, chớ không chịu bó mình trong những ý niệm hẹp hòi thế kia. Họ nghiên cứu những trạng thái của tâm thức còn chưa hiểu được hoặc khó hiểu (nên người đời cho đó là bệnh trạng, chớ thật ra không phải thế).

Trong những nhà tâm lý học đó, có vài người nhìn nhận sự hiện diện của một tâm thức quảng đại hơn (une conscience plus large). Nhưng nó chỉ hiện ra có một phần trong óc xác thịt mà thôi, vì sự cấu tạo của cái óc hiện giờ không cho phép nó hoạt động được toàn diện của nó. Từ lâu rồi, những nhà hiền giả Đông Phương đã xem cái tâm thức quảng đại này như là cái tâm thức cao hơn là tâm thức của con người trong lúc thức, (hay là tâm thức hồng trần). Họ cho nó là cái tâm thức được giải tỏa khỏi vòng bó buộc của óc xác thịt, và đang linh hoạt xuyên qua một cái trung gian nào đó thanh nhẹ hơn, uyển chuyển hơn và thích hợp với sự nhu cầu của nó hơn. Sự chiêm bao được coi như là một giai đoạn hoạt động của cái tâm thức quảng đại, siêu phàm đó, là một thiết điểm (point de contact) là mối dây liên lạc với những cõi cao hơn. Người ta có cách đánh thức Chơn Tâm^[16] trong cõi chiêm bao, làm cho Chơn Tâm được tùy ý giải tỏa khỏi sự ràng buộc của óc xác thịt, mặc dầu nó còn mang trên mình những thể thanh của nó. Vì lẽ đó mà Chơn Tâm, trong khi ứng đáp với những làn rung động

^[16] Chơn Tâm đây có nghĩa là cái tâm thức thực sự của con người, cái tâm thức cao hơn cái tâm thức hồng trần.

trên các cõi cao một cách mơ hồ và lộn xộn – (như trong trạng thái thấp của chiêm bao) – nó không thể thấy được rõ rệt, đúng đắn xung quanh nó. Muốn đạt được kết quả này, thì Chơn Tâm, trong những thể thanh của nó, trước nhất, phải ra khỏi xác thịt và linh hoạt trên cõi vía : bởi vì trước khi Chơn Tâm tự biết được mình đã giải thoát khỏi ách xác thịt, thì trong giấc chiêm bao, nó không thể nào phân biệt được cái nào là sự kinh nghiệm tại cõi Trung giới và cái nào là sự kinh nghiệm đứt khúc và lộn xộn tại cõi hồng trần. Cả hai thứ kinh nghiệm đó xen lộn vào óc xác thịt. Nhon đó mà nước trong đổ vào hủ dơ sẽ mất sự trong trẻo của nó đi. Cũng y như thế, một sự kinh nghiệm tại cõi Trung giới được đưa vào bộ óc chứa đựng những hình ảnh đứt đoạn của những sự kinh nghiệm hồng trần ^[17] thì nó sẽ bị biến dị đi, và hóa ra mập mờ và sai biệt. Chính vì lẽ đó mà những nhà tâm lý học Phương Đông tìm cách chia ly Chơn Tâm với xác thịt. Rất lý thú mà thấy rằng những phương pháp của người Phương Đông khác với những phương pháp của người Phương Tây, nhưng chúng nó đều có một mục đích chung là mở rộng tâm hoạt động của tâm thức, người ta bắt xác thịt yên lặng hoàn toàn, không cho cá tánh của nó dấy lên, trong khi đó Chơn Tâm hoạt động một cách thông thả.

Cái tâm thức siêu phàm là cái tâm thức cao hơn cái tâm thức của con người trong lúc thức: bởi vì tất cả cái gì trên những cõi cao không thể tự phát hiện được tại cõi trần, xuyên qua óc xác thịt làm trung gian. Nó phức tạp một cách tuyệt đối và có biết bao là hiện tượng. Sự chiêm bao là một trong những hiện tượng này; cũng như tất cả sự hoạt động của tâm thức cái vía. Chúng nó biểu lộ dưới hình thức; linh cảm (pressentiment), tri chiếu (avertissement), tiên tri. Trong trạng thái đó, con người dường như tiếp xúc được với cõi vô hình, và thành linh thấy đặng những gì xảy ra nơi chốn xa xôi và những sự biến cố nào sẽ xảy ra ở tương lai. Đó là những cái ảnh hưởng mập mờ thuộc về những cõi vô hình khác, và cũng là những cái trực giác không thể lãnh hội được.

Tất cả những sự hoạt động của hạ trí hay Thượng trí đều biểu lộ hoặc dưới hình thức trực giác hay thiên tài, hoặc dưới hình thức cảm hứng về trí thức hay tâm tình, hoặc dưới hình thức của sự thấy một cách ngẫu nhiên, những luật nhơn quả, hay những cảnh mỹ thuật tuyệt đẹp vân. vân... Chúng nó cũng liên hệ đến cái tâm thức siêu phàm mà ta đã nói ở trên. Cái tâm thức siêu phàm này biểu lộ tại cõi trần bằng một cái gì có tính cách bất ngờ, hoặc bằng một cái xác-tín hình như không có nguyên nhân rõ rệt hay bằng một uy lệnh khẩn thiết. Tất cả sự biểu lộ của tâm thức siêu phàm đó không liên quan chút nào (một cách trực tiếp) với tâm thức hồng trần (nghĩa là với tâm thức của con người trong lúc thức). Chúng nó không biến chứng trước tâm thức hồng trần, mà chỉ bắt tâm thức hồng trần tuân theo mà thôi .

Muốn làm cho tâm thức siêu phàm biểu lộ được dưới cõi phàm thì, lúc buổi đầu, con người phải làm cho óc xác thịt hoàn toàn bất động, để cho những giác quan không cảm nhiễm được những sự va chạm bên ngoài; nghĩa là con người phải làm sao cho xác thân trở thành vô giác, giống như trạng thái của kẻ xuất hồn (en état de transe). Cái trạng thái xuất hồn ấy chỉ là cái trạng thái của giả tạo do bên ngoài tạo ra (bằng cách thôi miên hay nhập xác) hoặc bằng cho uống thuốc vân. vân . . .) chứ chẳng phải là giấc ngủ tự nhiên, theo nhu cầu của xác thịt. Nhưng dù bằng cách nào đi nữa, cái kết quả của giấc ngủ giả tạo ấy, đối với xác thịt cũng giống như nhau, chứ trên các cõi trên (như cõi vía, cõi trí v.v...) thì cái kết quả hoàn toàn tùy ở sự tiến hóa của tâm thức tại mấy cõi ấy. Và một cái tâm thức tiến hóa cao sẽ không cho phép dùng thôi miên thuật hay thuốc mê để làm sao cho cái xác chìm vào trạng thái xuất hồn – trừ phi trong cơn giải phẫu – có thể cho là được quyền dùng thôi miên thuật để tạo cảnh xuất hồn mà thôi. Cái trạng thái xuất hồn này có thể tạo ra bằng một ảnh hưởng của một vong linh nào trên các cõi cao (ma nhập xác) hoặc bằng sự tập trung tư tưởng một cách cường liệt,

[17] Xin học giả đọc kỹ quyển sách ‘Chiêm Bao’ (Le Rêve) của Ông C.W. Leadbeater .

hoặc bằng sự đại định vào một Đấng nào mà mình tôn sùng. Đó là những phương cách làm cho xuất hồn do các vị tu sĩ Yogui Á Đông đã dùng vào đời thái cổ. Còn những vị Thánh bên Phương Tây thì lại dùng sự đại định để xuất hồn. Khó mà phân biệt được cái trạng thái xuất hồn do người ta tạo nên bằng thôi miên thuật hay bằng thuốc mê v.v... mà ta đã nói ở trước. Những vị Yogui luyện tư thể về Hatha Yoga cũng đi đến chỗ xuất hồn được bằng cách khác hơn: tỷ như họ nhìn trừng trừng vào một điểm đen vẽ trên vách tường trắng, hoặc dòm chòng chọc vào chót mũi, hoặc dùng những phương cách nào giống như vậy.

Nhưng nếu ta khảo cứu mấy trạng thái này với quyền năng thị giác, hoặc với cái khả năng kiểm soát nào ngoài cõi trần, thì ta sẽ thấy sự khác biệt giữa hai trạng thái xuất hồn bằng thôi miên thuật và bằng sự đại định của nhà Yogui là thế nào! Bà H. P. Blavatsky có diễn tả rất hay về sự khác biệt ấy như vậy: ‘Trong lúc xuất hồn, thì hào quang của người xuất hồn bị biến đổi hoàn toàn, và người có nhãn quang nhìn vào sẽ không phân biệt được màu sắc của nó, vì những màu sắc ấy lộn xộn và ngẫu. Trong giấc ngủ, chúng nó cũng không hiện-tại đủ nữa: bởi vì những màu nào thuộc về phần tinh thần của con người như là màu vàng (le jaune) của thể Bồ Đề, màu chàm (l’indigo) của thể Thượng Trí, màu xanh dương (le bleu) của bọc hào quang (l’enveloppe aurique) đều hoàn toàn mất dạng hoặc chỉ hiện ra mờ mờ một chút mà thôi.

Người tinh thần thì được giải thoát trong lúc ngủ và dù óc xác thịt của y không nhớ được những cái kinh nghiệm của y đi nữa, y cũng đã sống giữa những chất khí tinh anh nhẹ nhàng nhất của những cõi cao khác – những cõi ấy là những cõi thật, còn cõi phàm của ta đang ở đây là cõi ‘mộng’ (le monde des rêves). Nếu một vị nào có nhãn quang giỏi, quan sát được cùng một lượt, một người xuất hồn bằng thôi miên thuật với nhà tu sĩ Yogui xuất hồn bằng đại định, thì sẽ học được một bài học huyền môn quan trọng. Y sẽ tìm biết được sự khác biệt giữa sự xuất hồn do chính mình tạo ra, và sự xuất hồn do kẻ khác bên ngoài tạo nên như bằng thôi miên thuật chẳng hạn. Đối với nhà tu sĩ Yogui, thì ‘bốn chất thấp’ (les principes du quaternaire inférieur) mất dạng. Người ta không thấy màu xanh, cũng không thấy màu lục hay màu đỏ tím của Chơn Thân (corps causal). Người ta thấy nhiều lắm là vài sự rung động thật nhẹ nhàng của luồng sinh lực có nhóng màu vàng, và một vùng ánh sáng nhỏ màu tím chói tia vàng phát lên ở đầu, nơi con mắt thứ ba (giữa hai chơn mày). Học giả nên nhớ rằng: chính cái màu thật tím – màu sau cùng của bảy màu trong phân quang đồ (spectre) – không phải là màu do màu đỏ và màu lục tạo ra, mà nó vốn là màu đồng chất (nghĩa là không có xen lộn màu nào khác cả). Sự rung động của nó bảy lần mau hơn sự rung động của màu đỏ. Còn màu vàng rực là cái tinh ba của ba màu sau này là: màu vàng, màu vàng cam và màu đỏ cam. Nếu học giả nhớ được như thế, thì sẽ hiểu tại sao cái vỏ bọc hào quang của nhà tu sĩ Yogui lại trở thành cái thể Thượng trí – Bồ đề (Buddhi-Manas). Trái lại, người xuất hồn bằng cách giả tạo (do thuốc mê hay thôi miên thuật hoặc tà thuật v.v...), có cái thể Thượng Trí bị tê liệt, còn cái thể Bồ Đề lại tách riêng ra cái thể Thượng Trí vì sự tê liệt của thể này. Còn màu đỏ tím của thể vía thì hoàn toàn bị Hạ trí che lấp. (Trích trong quyển ‘The Secret Doctrine’, trang 479-480 quyển III).

Người có nhãn quang thấy được cái kết quả xuất hồn của người bị kẻ khác làm cho y xuất hồn và của nhà tu sĩ Yogui tự ý mình làm cho mình xuất hồn. Sự khảo cứu này sẽ giúp ích rất nhiều cho nhà có nhãn quang trong sự sưu tập mai sau.

Nhà tu sĩ Yogui xuất hồn ra khỏi xác một cách hiểu biết. Y nhận định việc làm của y, y xuất hồn để quan sát những cõi cao hơn cõi trần. Y còn giữ đủ những quan năng hiểu biết của y. Và khi y trở về nhập xác, thì y gắn vào óc xác thịt mở mang của y những điều mà y đã kinh nghiệm trên mấy cõi cao ấy. Còn người ít tiến hóa, mà xuất hồn, thì ‘mất đi cả sự hiểu biết’. Nếu cái tâm thức phàm ngã y chưa mở mang được trên những cõi cao, thì y không biết được

gì bên ngoài, y dường như ngậy ngủ trên cõi vía và cõi trí, cũng như y đang nằm mê tại cõi trần. Và khi y hết xuất hồn, y tỉnh lại, thì y không biết tí gì đã xảy ra xung quanh y tại cõi trần và tại cõi Trung giới và Thượng Giới mà y đã trải qua.

Tuy nhiên nếu y là người tiến hóa khá, - (cũng như đa số nhơn loại của chúng ta hiện nay) – để được tỉnh thức trên cõi Trung giới, thì y có thể trả lời đặng những câu hỏi mà người ta hỏi y trong lúc y xuất hồn. Bởi vì, khi y bị người ta làm cho xuất hồn, thì cái óc xác thịt của y không còn chịu ảnh hưởng của sự động và sự phản động giữa y và những vật xung quanh y; dù cái óc ấy còn là bất toàn, chớ nó cũng làm được khí cụ cho tâm thức cao hơn. Cái trạng thái xuất hồn ấy, làm cho y cách xa với người và vật xung quanh y, y không còn bị ngoại cảnh làm cho y rung cảm nữa, y dứt bỏ ra ngoài những mối dây liên lạc với những yếu tố thấp kém, mà chỉ thông đồng với những yếu tố cao thượng thôi. Vì vậy mà y ứng đáp được với những làn rung động của mấy cõi cao một cách rõ rệt hơn vì thần lực của y không bị tổn phí tại cõi trần (với cái xác nằm lịm của y). Chính đó là cái tinh ba của trạng thái xuất hồn. Khi giác quan đã tự đóng kín trước ngoại cảnh, thì thần lực, trong khi tuôn tràn ra ngoài do mấy giác quan ấy, lại ứ đọng lại, để cho tâm thức dùng. Chính trong lúc xác thân bị bắt buộc yên lặng đó, tiếng nói của các cõi cao mới vang dội lên đặng.

Trong trạng thái xuất hồn bằng thôi miên thuật, người ta lưu ý đến sự nhanh nhẹ của cái trí. Trí nhớ của kẻ xuất hồn cũng dồi dào. Những ký ức phớt qua của sự biến cố đã xảy ra, nay lại hiện lên vì sự linh hoạt mạnh hơn của xác thân đã tạm ngưng hoạt động. Nhơn đó mà người xuất hồn nhớ được những người mà y quên, lúc y thức. Y nói lại được ngôn ngữ của y đã nói lúc y còn bé mà y nay đã quên mất. Những cái biến cố không quan trọng gì cũng hiện lên trong ký ức của y nữa. Đôi khi cái quan năng tri giác của y được linh hoạt một cách lạ kỳ: y biết nhiều chuyện xảy ra ở xa. Thị giác của y băng qua các vật chướng ngại của cõi trần. Y nghe được những lời nói tại chốn xa xăm. Có khi y thoáng thấy đặng một vài khoảng cõi cao có xen lẫn với những hình tư tưởng của y trong lúc y thức. Người ta đã có viết nhiều về đó, ai muốn hiểu sâu rộng hơn thì hãy tìm lấy mà đọc.

Người ta cũng lưu ý rằng: cái kết quả của trạng thái xuất hồn lâu khác với trạng thái xuất hồn mau. Khi người ta xuất hồn lâu, thì cái tâm thức cao hơn cái tâm thức của xác thịt hiện lên trong óc. Ai cũng biết cái trường hợp trứ danh của Léonie I, II, III. Léonie I thì không biết chút gì về Léonie II và III. Còn Léonie II thì biết Léonie I, nhưng không biết chút gì về Léonie III. Mà trái lại, Léonie III lại biết rõ ràng Léonie I và Léonie II. Đó chỉ cho ta thấy rằng: cái cao biết cái thấp, và cái thấp không biết tí gì cái cao. Điều này rất có ý nghĩa.

Trong trạng thái xuất hồn bằng từ điển, những hiện tượng cao hiện lên dễ dàng hơn là trong trạng thái xuất hồn bằng thôi miên thuật. Người ta có thể nhờ người xuất hồn đó mà biết được một cách đúng đắn về cõi vía và có khi cũng biết về cõi trí đặng nữa. Khi người xuất hồn tiến hóa cao, đôi khi y cũng thoáng thấy đặng những kiếp trước nữa.

Khi ta biết rằng: muốn cho tâm thức cao biểu lộ được là phải ngưng hết mọi sự hoạt động dưới cõi trần, thì ta mới khởi thấy được cái phương pháp hợp lý của nhà Yogui Phương Đông. Khi những phương pháp tư thế của Hatha Yoga được thực nghiệm, thì đôi khi người ta đi đến cái kết quả thường là sự xuất hồn, giống như sự xuất hồn bằng thôi miên thuật: người xuất hồn, lúc tỉnh dậy, không nhớ mình đã làm gì. Còn phương pháp luyện Đạo Raja Yoga thì cao hơn nhiều. Trong lúc công phu ngồi thiền, người ta tập trung tư tưởng mãnh liệt, nhờ vậy mà tâm thức rời xa khỏi xác thịt. Nhơn đó, học giả mới có được sự tri thức hoàn toàn liên tục. Và khi y tỉnh thức, y nhớ được tất cả những gì mà y kinh nghiệm tại mấy cõi cao.

Bên Phương Tây cũng như bên Phương Đông, người ta tìm cách làm cho tâm thức hồng trần ngưng hoạt động để thu thập được những kinh nghiệm của tâm thức cao hơn. Nhưng phương pháp Á Đông – đã mấy ngàn năm kinh nghiệm – đem lại nhiều kết quả vô song trong

giới tâm thức siêu phàm. Nó được đặt trên nền tảng chắc chắn của sự kinh nghiệm liên hồi về xác thân, nó cho ta biết sự độc lập của tâm thức đối với xác thịt, nghĩa là tâm thức riêng biệt với xác thịt, nó có thể từ bỏ xác thịt lúc nào cũng được.

Cái trạng thái ‘quan năng phê chí’ (nghĩa là lúc đưa hồn lên cao, lìa khỏi xác) và cái trạng thái thị giác của các Thánh, tự muôn đời trong tất cả các tôn giáo, đều cho ta thấy gương ‘xâm nhập’ của cái tâm vô thức (les irruptions de l'inconscient). Trong trường hợp ấy, sự cầu nguyện lâu và chuyên chú hoặc sự đại định (contemplation) là những phương pháp để làm cho óc xác thịt ngưng hoạt động hầu đặt nó trong điều kiện hợp lý: như đó mà sự linh động của giác quan bị đình chỉ do sự tập trung tư tưởng mãnh liệt bên trong. Chính cái trạng thái đó mà nhà hành giả Raja Yoga cố ý tập cho kỳ được. Nhà bí học thỉnh thoảng cũng đạt được cái trạng thái đó. Ấy tại sao những nhà bí học của mỗi đạo giáo cho rằng: sự thấy mặt Đấng mà họ tôn thờ là do ân huệ của Ngài, chứ họ không hề đó là một sự kiện do họ tự tạo ra bằng cách làm cho óc ngưng linh động, để cho tâm thức siêu phàm gắn vào nó những cái thấy, cái nghe của các cõi cao.

Ông giáo sư William James, trong quyển sách của ông, nhan đề ‘Nhiều kinh nghiệm trong tôn giáo’ (Varieties of Religions Experience) lưu ý chúng tôi về sự kiện này: những trường hợp kỳ lạ nhất của cái trạng thái ‘tâm vô thức’ (l'inconscience) thường là những trường hợp ‘cải tâm thành linh’ (conversion subite). Tỷ như một tư tưởng chợt xảy đến, một cái thấy vị khuất mặt hay vị thánh như nào, một lời nói từ cảnh cao đưa tới, có thể thay đổi một cách bất ngờ và trọn vẹn cả kiếp sống của con người. Ông William James biện hộ rằng: ‘Một cái mãnh lực như thế ấy có đủ quyền năng tạo ra cái kết quả đó không thể gát bó một bên một cách hờ hững được, và nhà học giả nào về ‘tâm thức’ cũng phải biết nó mới được.

Những hiện tượng này cần đến một sự sưu tầm khoa học uyên thâm. Và nhà học giả đúng đắn sẽ gặt được những kết quả vô giá trong giới tâm thức siêu phàm.

Nhưng người ta chống với lập luận này, rằng: mấy cái hiện tượng đó luôn luôn đi kèm với trạng thái bệnh tật của bộ thần kinh hệ, và những vị hành giả theo đó là những người có thần kinh thác loạn, và bị kích động quá sức; và vì họ ở trong tình trạng bệnh tật nên họ có những cái kinh nghiệm về cõi siêu phàm trật lất hết. Trước nhất, điều này không phải luôn luôn là đúng hết đâu: những nhà tu sĩ Raja Yoga Phương Đông đều là những nhà nổi tiếng có tâm trạng thanh tịnh, và trí óc an bình. Còn nói về sự ‘cải tâm thành linh’ thì những nhân vật ấy thường là những người đời có đủ lý trí và khả năng. Chúng ta cũng nhìn nhận rằng: trong nhiều trường hợp, cái trạng thái thần kinh lại trở thành bệnh hoạn, và bộ óc bị làm việc quá sức. Mà như thế, rồi lại sao? Ai ai cũng công nhận là: cái óc bình thường đã đi đến một mức độ tiến hóa nào mà nó có thể ứng đáp được với những làn rung động của cõi hồng trần và chuyển đi chúng nó đến cõi trên, cũng như nó có thể chuyển đi xuống cõi hồng trần những làn rung động thuộc về cõi vía và cõi trí vậy. Nhưng nó chưa tiến hóa đến một mức độ nào mà nó có thể tiếp nhận, một cách không xáo trộn, những làn rung động quá mạnh của mấy cõi cao hơn hoặc giả nó có thể ứng đáp lại những làn rung động do các hiện tượng bên ngoài tạo ở mấy cõi cao. Lắm khi sự vui mừng, sự đau buồn và sự sợ sệt có những sự rung động quá mạnh cho cái óc tâm thường nên sanh ra những chứng nhưc đầu dữ dội, chứng thần kinh thác loạn hoặc chứng bủn rùn hoàn toàn của bộ thần kinh hệ. Bởi vậy, ta không nên lấy làm lạ, khi xảy ra một sự cảm động lớn lao đưa đến sự ‘cải tâm’ thì thường bộ thần kinh hệ không tránh khỏi một trong những chứng bệnh trên đây. Điều cần nhớ là: khi sự xáo trộn thần kinh đã qua rồi mà cái tư cách mới của ta đối với đời vẫn tồn tại. Sự rối loạn thần kinh sở dĩ xảy ra, là do cái óc thiếu khả năng bền dẻo để chống đối với những làn rung động dữ dội và mau lẹ từ bên ngoài đến. Còn cái tư cách mới đó mà được giữ mãi lại, là do ảnh hưởng của cái tâm thức siêu phàm cứ mãi dồn tới óc xác thịt. Khi cái tâm thức siêu phàm đó chưa đủ tiến triển

để ảnh hưởng liên tục óc xác thịt, thì người hữu phước đã được ‘cải tâm’ ấy sẽ mất đi ân huệ, sau khi mỗi rung cảm đã qua.

Ta đã thấy rằng: những trường hợp thấy được cõi vô hình, hoặc những hiện tượng vô hình, sở dĩ có được là sau khi đã tạo ra sự xuất hồn. Nhưng ngoài điều kiện đó ra, người ta có thể thấy được những hiện tượng vô hình, đó là khi nào cái óc bị ảnh hưởng của sự kích động quá mãnh liệt tạm thời, hoặc giả cái óc đã phát triển hơn thường lệ. Một sự cảm động mạnh có thể làm cho thần kinh căng thẳng, đến một mực độ nào, khiến cho con người ứng đáp được một cách trực tiếp những làn rung động của cõi Trung giới: vì lẽ đó mới có người thấy được và nghe được những vong linh nơi âm cảnh. Sự nghe, thấy những gì ở cõi Trung giới chắc chắn đưa đến một hậu quả là: sự rối loạn thần kinh, (ít hay nhiều là tùy trường hợp). Khi cái óc được tiến hóa cao hơn bậc thường, khi nó được chuẩn bị hơn, và được nhạy cảm hơn, thì nó biết dạng những ảnh hưởng của cõi Trung giới một cách liên tục. Trong khi ấy, điều có thể xảy ra là: sự căng thẳng thần kinh quá nhiều làm cho bộ thần kinh hệ khó mà chịu nổi trong khi nó phải chịu đựng những cái mệt nhọc, những sự làm việc quá sức mà đời sống văn minh đưa đến cho nó. Vậy những cái nghe, thấy ở cõi vô hình thường khó tránh dạng sự thác loạn thần kinh hay một sự xáo trộn nào về thần kinh.

Nhưng những sự kiện này không làm cho mấy điều kinh nghiệm trên đây giảm bớt phần quan trọng: vì chúng nó là những cái biểu lộ của tâm thức.

Chúng nó, trái lại, thật là quan trọng: vì chúng nó chỉ cho ta thấy con đường tiến hóa dưới ảnh hưởng của những làn rung động xung quanh đối với một cơ quan của ta là: bộ óc. Những cái va chạm do bên ngoài đưa đến liên tiếp làm cho cái óc được tăng trưởng, nhưng đôi khi chúng nó cũng làm cho mệt óc: vì chúng nó bắt cái óc tạm thời làm việc quá sức. Nhưng chính sự căng thẳng thần kinh đó hồi thúc cuộc tiến hóa. Cái đỉnh sống tiến hóa luôn luôn cần phải có những cơ quan xác thịt dị thường; còn những cơ quan khỏe mạnh, theo qui tắc thường lệ của người bình thường sẽ đến sau. Những cơ quan bình thường là những cơ quan hoàn toàn đáng được chú ý, nhưng chúng nó không đem đến một sự thích thú bằng những cơ quan dị thường: vì những cơ quan dị thường giúp ta thấy được tương lai. Một sự thật này là: những mãnh lực của cõi Trung giới luôn luôn ảnh hưởng mạnh cái óc xác thịt của con người để làm cho nó nở lớn hơn hầu trở thành một cái khí cụ toàn hảo cho tâm thức. Và một cái óc nhạy cảm trong buổi giao thời hiện đại – (là thời gian giữa sự tiến hóa đã qua và sự tiến hóa sẽ tới) – là một cái óc có khả năng mang đến cho thế giới ngày nay một chút ánh sáng của các thế giới đã qua. Chắc chắn rằng: đa số hoạt động của chúng ta hiện giờ đang được chúng ta chú ý, và về sau chúng nó sẽ trở thành những cái hoạt động tự nhiên, những cái hoạt động máy móc, cũng như phối và bao tử vậy. Trước kia, chúng nó là những cơ quan hoạt động dưới quyền điều khiển của tư tưởng, nhưng bây giờ chúng nó tự động vì thói quen.

Dần theo sự thay đổi ấy, những làn rung động thanh cao, tế nhị hiện lên ở óc ban đầu ít, sau nhiều, như là khi óc đã được tiến triển đặc biệt, và lại cũng không phải là cái óc bình thường, mà cái óc đứng trên ‘chót sóng’ tiến hóa của nhơn loại. Chính cái óc như thế mới ứng đáp dạng với những làn rung động vô cùng thanh cao tế nhị từ cõi Trung giới đưa đến.

Bác sĩ Maudsley có viết rằng: ‘Chúng ta có quyền gì tưởng tượng Tạo Hóa phải tự bắt buộc hoàn thành công việc của Ngài xuyên qua những trí óc hoàn toàn mà thôi sao? Ngài có thể tìm trong một trí óc bất toàn một cái khí cụ phù hợp để hoàn thành một mục đích nào. (Trang 19 quyển sách của ông James đã nói ở trước). Chính ông giáo sư James đã lưu ý rằng: ‘Nếu sự cảm hứng do cõi cao đưa xuống, thì người có thần kinh yếu nhược cũng có thể tiếp nhận được vậy, vì y có điều kiện đặc biệt về đó’.

Khi chúng ta biết rằng; những mãnh lực thanh cao, tế nhị hơn cõi trần cần phải có một cái khí cụ tốt đẹp mới biểu lộ ra được. Chúng nó làm sao phát huy ra được với những bộ óc

thô kịch của người tầm thường, chỉ để tiếp nhận những làn rung động của cõi trần mà thôi. Chúng ta sẽ không ngạc nhiên mà thấy những mãnh lực siêu phàm thường biểu lộ dễ dàng xuyên qua những bộ óc gần như mất thăng bằng một chút. Chúng ta cũng hiểu rằng: những triệu chứng bình dị về thể xác với những hiện tượng vô hình đã nói ở trước, không làm giảm đáng cái giá trị của những mãnh lực thanh cao từ cõi trên tuôn xuống được, hoặc làm cho chúng nó mất đi phần quan trọng của chúng nó trong tương lai. Nhon đó mà chúng ta tự nhiên muốn tìm phương thế nào để cho những mãnh lực thanh cao đó tuôn xuống mà không e ngại làm hư cái khí cụ trần gian ấy đi. Cái khí cụ đó là bộ óc vậy.

Những phương pháp này, các bậc hiền giả Đông Phương đã tìm ra được: ấy là pháp môn Raja Yoga. Người hành pháp môn Raja Yoga tập trung tư tưởng mãnh liệt để cho tâm thức siêu phàm biểu lộ, mà không sợ nguy hiểm. Chính nhờ sự tập trung tư tưởng này mà cái óc được phát triển, vì nó kích động tới những tế bào của óc – như chúng ta đã nói ở trước về khoản tư tưởng – Sự tập trung tư tưởng làm cho óc trở thành một khí cụ tốt đẹp, thích nghi cho những mãnh lực tinh thần biểu lộ xuống cõi trần. Lại nữa, sự tập trung tư tưởng mở dần những vòng khu óc nguyên tử khác với những vòng nguyên tử đã linh động hiện giờ. Như chúng ta đã nói ở trước, mỗi hạt nguyên tử căn bản hồng trần đều có bảy vòng khu óc (7 spirilles de l'atome ultime physique). Mỗi vòng khu óc chỉ rõ mỗi bậc tiến hóa của hạt nguyên tử căn bản hồng trần. Hiện giờ giống da vàng chỉ có bốn vòng khu óc nguyên tử linh hoạt mà thôi. Còn giống da trắng thì có năm vòng khu óc nguyên tử linh hoạt. Nhưng nếu người giống da vàng biết tập trung tư tưởng cho đúng cách thì sẽ làm cho vòng khu óc thứ năm linh hoạt được, và như vậy y sẽ tạo thêm được một cơ quan mới cho sự biểu lộ thần lực thiêng liêng. Sự phát triển này tự nhiên rất chậm chạp nhưng chỉ có phương pháp ấy là phương pháp không nguy hiểm mà thôi. Và nếu sự chậm chạp ấy được xem như là vật chướng ngại, thì ta hãy khuyên lon nhà hành giả của ta nhẫn nại, và nên thận trọng vì nếu y tìm cách làm cho nguyên tử phát triển quá mau lẹ, trước ngày giờ của nó, thì y không thể mong đi mau được; - (tục ngữ nói rằng: 'Chạy mau té nặng' là vậy đó) – Sự tiến triển chậm chạp theo cách thực hành của Khoa Pháp môn Raja Yoga đó, người Phương Tây khó mà chấp nhận được, vì họ là những người ưa thích cái gì mau lẹ. Tuy nhiên, ngoài phương pháp Raja Yoga, thì ta không còn thể nào tiến triển theo cách bình thường được.

Chúng ta chỉ chọn một trong hai con đường: hoặc giả tiến triển chậm, hoặc giả rước lấy những chứng thác loạn thần kinh là vì cố làm cho tâm thức siêu phàm biểu lộ xuyên qua một khí cụ (là bộ óc) chưa được chuẩn bị đàng hoàng bởi thiếu thời giờ. Con người không thể nào đốt cháy giai đoạn để vượt qua khỏi luật Tạo Hóa đặng. Con người chỉ được phép rón hiểu luật thiên nhiên để rồi sử dụng nó về sau.

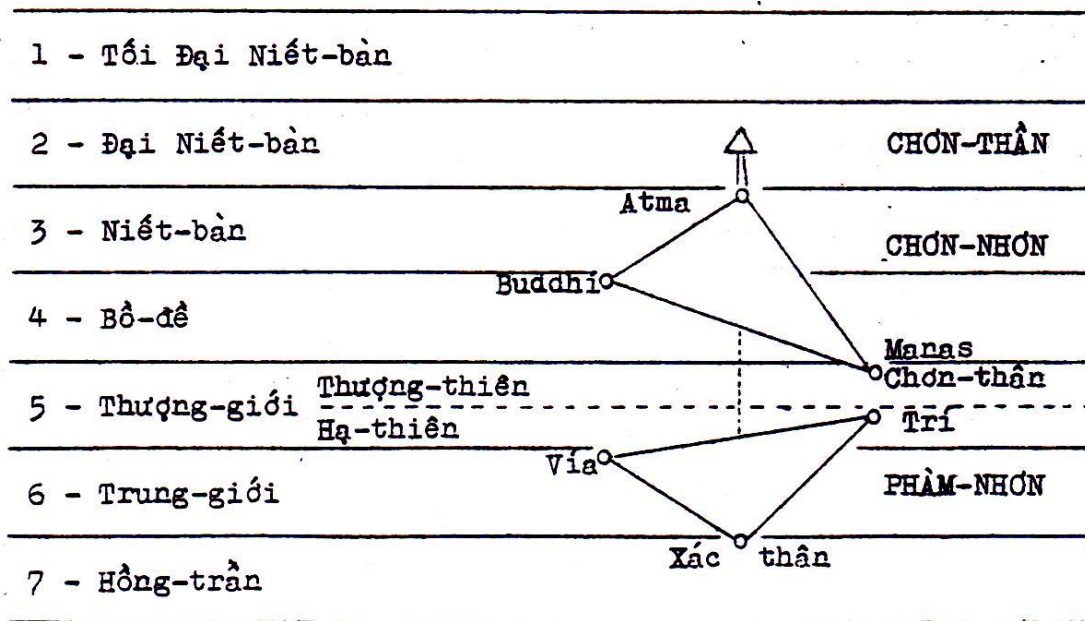
CHƯƠNG THỨ 16

CHƠN THẦN HOẠT ĐỘNG (La Monade à l'oeuvre)

1.- Sự cấu-tạo những hạ-thể .(Construction des véhicules)

Giờ đây ta hãy quan sát công trình của Chơn Thần đang cấu tạo những hạ thể (xác, vía và trí) khi nó có Đại-diện của nó (là Tam vị Nhất thể Atma – Buddhi – Manas hay là Chơn

Nhơn) tại cõi thứ ba, thứ tư và thứ năm, và nhất là khi nó đã có được cái Chơn Thân (corps causal) là cái kho chứa tất cả sự kinh nghiệm của nó trong mỗi kiếp luân hồi.



Đồ hình số 24

Mỗi một kiếp sống đã qua, nghĩa là mỗi khi đời sống tại cõi Thiên Đàng (cõi Thượng Giới) đã chấm dứt, thì Chơn Thân phải đem thần lực xuống ban rải cho ba hạt nguyên tử trường tồn là ba trung tâm của ba hạ thể: xác, vía, trí, để cho chúng nó linh hoạt lên: vì chúng nó sẽ là nền tảng cấu tạo ba hạ thể. Thần lực này đánh thức trước nhất trung tâm của cái trí bằng cách xạ sự sống xuống từng đợt sóng, ban đầu nhỏ sau to. Những đợt sóng này chảy dài theo vòng khu ốc của hạt nguyên tử trường tồn cái trí. Chúng ta nên nhớ rằng: khi những hạt nguyên tử trường tồn cái xác, cái vía và cái trí đã 'ngủ' thì luồng sóng sanh lực ở trong những vòng khu ốc này giảm bớt. Và trọn cả thời gian 'ngoi nghỉ' – (tức là lúc con người còn ở trên cõi Trung giới và Thượng giới – chưa đầu thai) – thì luồng sóng đó rất mãnh mai và chậm chạp. Khi giờ tái sanh đã điểm, tất cả vòng khu ốc đều nổi lên rung động. Những làn sóng sinh lực và những hạt nguyên tử trường tồn lần lượt trở nên linh động cho đến nỗi người ta ví chúng nó như đá nam châm, thu hút xung quanh chúng nó chất khí nào hợp với chúng nó. Khi đến lượt hạt nguyên tử trường tồn của cái trí phải linh động, thì nó rung chuyển mãnh liệt do cái khả năng rung động của nó – (tức là do cái kết quả của những sự kinh nghiệm của nó đã qua). Những sự kinh nghiệm này chong chát trong hạt nguyên tử trường tồn và rút vào xung quanh nó chất khí của cõi Thượng giới thích hợp với nó. Một miếng sắt mềm trở thành đá nam châm khi người ta quấn sợi kim khí xung quanh nó rồi cho điện chạy vào. Nó là trung tâm thu hút; nó rút vào xung quanh nó những chất khí thích hợp. Đối với hạt nguyên tử trường tồn của cái trí, sự diễn tiến cũng y như vậy. Khi luồng sóng sanh lực bao xung quanh nó thì nó như đá nam châm thật sự, nó thu hút chất khí nào thích nghi ở trong nguyên tử của nó. Chất khí thích nghi đó bao xung quanh nó để cấu thành thể trí cho linh hồn sắp đầu thai xuống thể. Chất khí bị rút xung quanh hạt nguyên tử trường tồn cái trí sẽ y theo bản tính phức tạp của hạt nguyên tử ấy. Chẳng những nó phải thanh bai hay nặng nề theo bản tính của hạt nguyên tử trường tồn, mà nó còn phải tùy theo sự tiến hóa của những hạt nguyên tử bên ngoài

đã được rút vào để làm ra thể trí sau này. Những phần tử bị rút vào hột nguyên tử trường tồn là gồm những hột nguyên tử có khả năng rung động giống hay gần giống, hoặc điều hòa với hột nguyên tử trường tồn ấy. Vì lẽ đó mà sự phát triển chất khí của thể trí mới phải tùy thuộc ở trình độ tiến hóa con người, và mỗi khi con người đầu thai, kiếp này sang kiếp khác, thì con người phải có một cái thể trí mới, thích nghi với trình độ tiến hóa của mình.

Sự thiết lập thể vía mới trên cõi Trung giới cũng giống y như sự thiết lập thể trí trên cõi Thượng giới vậy: cái trung khu thể vía – hay nói cách khác là hột nguyên tử trường tồn cái vía – được đánh thức, nên nó tỉnh dậy và trở thành linh động như hột nguyên tử trường tồn cái trí trước kia.

Bây giờ, con người đã có hai thể mới là : thể vía và thể trí : chúng nó chứng minh trình độ tiến hóa của con người: bởi vì chúng nó chỉ tỏ tâm trạng và tư tưởng tốt hay xấu của con người. Con người chỉ giấu sự hèn hạ, hay cao thượng mình với những tai phàm mắt thịt của thể gian, chớ làm sao che đậy mắt thánh? Chính cái thể vía và thể trí là những khí cụ để cho các quan năng bên trong của con người biểu lộ, trong những cõi riêng của chúng nó một cách đúng đắn.

Nhưng đến khi tạo lập một cái thể tại cõi hồng trần thì có một yếu tố khác xen vào . Đối với công việc tạo ra một cái thể mới cho con người, thì Chơn thần không thay đổi phương pháp: nghĩa là Chơn Thần đánh thức hột nguyên tử trường tồn cái xác - cũng như đánh thức hột nguyên tử trường tồn của cái vía và cái trí vậy. Chơn thần làm cho hột nguyên tử trường tồn cái xác trở thành một trung khu hút thần lực như đá nam châm. Công việc của Chơn thần đối với cái xác đến đây có thể gọi là tạm ngưng, để cho một yếu tố khác xen vào hoạt động: ấy là Bàn Tay Nhân Quả của Đức Nam Tào Bắc Đẩu. Tùy theo Nhân quả của con người mà Đức Nam Tào Bắc Đẩu sắp xếp những hột nguyên tử bị thu hút vào để làm xác thân mới cho thích nghi và đúng với nghiệp chương hay căn lành của con người .

Mà ai thay mặt cho Đức Nam Tào Bắc Đẩu để làm công việc này? – Chính là các vị Thiên Thần. Các Ngài rút chất dĩ thái (éther) xung quanh hột nguyên tử trường tồn cái xác và một phần dĩ thái của người mẹ để nắn cái phách cho đứa nhỏ sắp chào đời. Cái Phách là cái khuôn xác thịt của nó sau này. Hễ đứa nhỏ có căn lành thì cái khuôn tốt, còn nếu nó bị nghiệp chương thì cái khuôn xấu. Thiên thần rút chất dĩ thái đó y như người thợ gom vật liệu để cất nhà vậy, nhưng trên Thiên Thần có luật Nhân Quả, cũng như trên người thợ có người thợ xếp. Người thợ xếp này có quyền sắp xếp và dung nạp hay vứt bỏ những vật liệu để đúng với bản đồ xây cất của kiến-trúc sư .

Đến đây người ta sẽ bỏ dấu hỏi: Tại sao sự thiết lập xác thân lại khác với sự thiết lập thể vía và thể trí? Tại sao dưới thể gian - là nơi chúng ta mong thấy sự diễn tiến của cõi trên được tái lập, lại có một mãnh lực bên ngoài tới cướp công của ông chủ nhà đi? (ông chủ nhà đó là Chơn Nhơn). Và không cho ông tự mình xây cất cái nhà cho ông ở?

Câu trả lời là: con người chỉ phải tùy theo luật Nhân Quả. Trên mấy cõi cao – (như cõi Trung giới và Thượng giới) – con người biểu lộ tất cả quyền năng của mình xuyên qua hai hạ thể vía và trí chớ không cần lo đến những dây Nhân Quả đã tạo ra ở tiền kiếp: bởi vì con người chỉ hoạt động trong phạm vi đặc biệt của y mà thôi, thần lực của y tủa ra trực tiếp cho mấy hạ thể vía và trí, rồi trở lộn về chớ không đi cảm nhiễm kẻ khác. Trái lại, dưới cõi trần, thần lực của y, biểu lộ xuyên qua xác thịt y; và xác thịt y có khả năng cảm nhiễm những người xung quanh y. Chính vì chỗ liên quan với kẻ khác đó mà Nhân Quả của con người dưới cõi trần trở thành phức tạp, và cái hạ thể mà y dùng để trú ngụ trong trọn một kiếp (là xác thân) phải thiết lập cách nào thích nghi với sự vận hành của Nhân Quả. Vì lẽ đó mà Đức Nam Tào Bắc Đẩu cần phải nhúng tay vào sự thiết lập xác thân mới cho con người sắp đầu thai. Nếu con người đi đến một giai đoạn tiến hóa nào mà có thể liên hệ đến kẻ khác trên hai cõi cao ấy

thì sự thiết lập thể vía và thể trí sẽ bị Bàn Tay Nhân Quả xen vào, giống y như sự thiết lập thể xác vậy .

Bất kỳ sự hoạt động nào bên ngoài của mỗi người trần thế cũng đều bị hạn chế cả.

Vì lẽ đó mà sự thiết lập xác thân của y phải do một Đấng cao cả hơn y điều khiển mới đặng. Y phải bị bắt buộc sanh vào gia đình nào, trong một quốc gia nào, y phải trải qua những cơn biến cố nào v.v... Tất cả mấy điều này đều căn cứ trên Nhân Quả của y. Luật Nhân Quả hạn chế sự cấu tạo xác thân, cho nên nó chỉ biểu lộ tâm thức có một phần mà thôi, vì hai lẽ sau đây.

1)- Do vật liệu nặng nề, thô kịch của cõi hồng trần dùng để làm ra xác thân.

2)- Do sự hạn chế của Nhân Quả mà ta vừa nói ở trước.

Một phần lớn của tâm thức – (dù nó sẵn sàng biểu lộ xuống cõi trần) – cũng không thể phát huy trọn vẹn được. Tâm thức chỉ biểu lộ một phần nhỏ xuyên qua xác thịt, dưới danh hiệu là: Tâm thức Hồng trần .

Điều mà ta phải khảo cứu bây giờ trong sự thiết lập những hạ thể, là sự tổ chức đặc biệt của chúng nó vốn là những trung gian cho tâm thức. Chúng ta hãy đề qua một bên sự thiết lập thể vía và thể trí dưới ảnh hưởng của tình cảm và tư tưởng, (mà chúng ta đã biết rồi), chúng ta hãy đề cập nơi đây một cách tỉ mỉ, hơn là một cách tổng quát, những điều quan trọng sau này.

Chúng ta đã biết rằng : khi Ngôi Hai xạ Thần lực xuống thì Ngài đưa đặc tánh vào cho vật chất. Vật chất ấy là những nguyên tử do Ngôi Ba tạo ra. Nhờ Thần lực của Ngôi Hai mà những nguyên tử này mới gom lại và hóa thành những hình hài sắc tướng, chúng nó được vĩnh cửu một cách tương đối. Bây giờ Chơn Thần mới phân thân (son Image réfléchie) xuống cõi dưới lấy danh hiệu là Chơn Nhơn hay Con Người Tinh thần (homme spirituel) để điều khiển những hạ thể của mình. Chơn Nhơn xuống mỗi cõi đều lấy một cái thể làm bằng chất khí của cõi ấy, nên thấy mình bị nhốt trong một vỏ bọc. Khi đến cõi Trần Chơn Nhơn thấy mình có bộ giao cảm thần kinh hệ hoạt động mạnh mẽ, và bộ não tủy thần kinh hệ còn yếu ớt. Nó sẽ có bổn phận phải thiết lập một số dây liên lạc giữa bộ giao cảm thần kinh hệ với những trung khu của cái vía, để trong tương lai, nó có thể hoạt động một cách độc lập. Nhưng trước khi một thể cao được linh động độc lập, thì Chơn Nhơn cần phải làm sao cho thể ấy trở thành một thể di chuyển khá giỏi, nghĩa là một thể xuyên qua đó, Chơn Nhơn tác động tới xác thịt đặng. Chúng ta phải phân biệt việc tổ chức ban sơ những hạ thể vía và trí – (để cho chúng nó có thể chuyên di một phần tâm thức siêu linh) - với việc làm sau này nhằm vào sự phát triển của hai hạ thể ấy, để cho chúng nó trở thành những thể độc lập. Nhờ những thể độc lập này, Chơn Nhơn mới có thể linh hoạt đặng trên mỗi cõi riêng của nó. Vậy có hai công việc phải làm:

1)- Trước tiên, sự thiết lập hai thể vía và trí để cho chúng nó có thể di chuyển được tâm thức xuống xác thịt,

2)- Và sau hết là sắp xếp sao cho những hạ thể trí, vía này được trở thành những thể độc lập, trong đó tâm thức có thể linh hoạt không cần sự giúp đỡ của xác thịt.

Vậy hai hạ thể, vía, trí phải được sắp xếp thế nào để cho Chơn Nhơn có thể dùng óc xác thịt và bộ thần kinh hệ làm cơ quan chuyên di tâm thức xuống cõi trần. Vậy cái gì xui Chơn Nhơn linh động ?

- Chính những sự va chạm tại cõi trần. Chúng nó chuyên di sự rung động của chúng nó đến nơi đầu những sợi dây thần kinh khác nhau, rồi tạo ra những lượng sóng thần kinh lực đi từ óc qua phách, từ phách đến vía, và sau rốt từ vía đến trí. Tại thể trí, những lượng sóng thần kinh lực đó kích động sự ứng đáp của tâm thức đang ngự trong Chơn Thân (corps causal) trên cõi Thương Thiên (plan mental supérieur). Vậy tâm thức được thức tỉnh là do sự va chạm của

ngoại giới. Và khi nó đã được thức tỉnh rồi, thì nó rung động lên để ứng đáp lại. Sự rung động này, đi từ Chơn Thân xuống thể trí, rồi từ thể trí đến thể vía, từ thể vía đến thể phách, và từ thể phách đến xác thịt. Những làn sóng rung động của tâm thức tạo ra những luồng điện dĩ thái (éther) trong óc cái phách ^[18]. Tại đây mấy luồng điện dĩ thái mới tác động đến chất thô kịch nặng nề của những tế bào thần kinh hệ cái xác.

Nhờ những làn sóng rung động này mà dần dần cái vía và cái trí, từ những đám mây mờ ban sơ không hình thể rõ rệt, được trở thành những khí cụ tốt đẹp, dùng làm sân trường tiến hóa cho Chơn Nhơn. Mà Chơn Nhơn tiến hóa bằng cách nào? – Chơn Nhơn tiến hóa bằng những sự va chạm bên ngoài, chúng nó tạo ra sự động và sự phản động ở bên trong tâm thức. Những sự động và phản động này làm cho tâm thức được thức tỉnh, và nhờ được thức tỉnh, tâm thức mới có thể kinh nghiệm dạng một cách hữu ý. Mà hễ tâm thức có nhiều sự kinh nghiệm, thì nó bước xa trên đường tiến hóa.

Vậy sự động và sự phản động kích thích tâm thức từ đời này qua đời nọ, từ kiếp này sang kiếp khác vô số kể. Chúng nó khởi điểm tại cõi thấp nhất, ấy là cõi hồng trần, nhưng dần dần về sau chúng nó sẽ được Chơn Nhơn kiểm soát. Mà Chơn Nhơn làm sao kiểm soát được? – Chơn Nhơn khởi sự điều khiển những hoạt động của nó bằng cách căn cứ vào ký ức của những sự kinh nghiệm về cảm giác đã qua. Cái ký ức ấy được kêu gọi và hiện lên bởi dục vọng. Đó là bước đầu hoạt động của Chơn Nhơn. Bởi sự diễn tiến này cứ mãi tiếp tục, nên sự tác động điều khiển của Chơn Nhơn từ bên trong phát ra càng ngày càng mạnh và càng ngày càng nhạy. Rồi những sự ưa, ghét về ngoại vật dần dần không còn mãnh lực hấp dẫn và sai sử nữa. Nhơn đó mà ảnh hưởng của ngoại cảnh dần dần mất đi cái lực đối với sự thiết lập những hạ thể. Và sự kiểm soát những cái động và những cái phản động của tâm thức là do bên trong mà ra chớ chẳng phải từ bên ngoài đến. Bấy giờ Chơn Nhơn không còn bị ngoại giới lệ thuộc nữa.

Hễ các hạ thể dần dần tiến hóa thì bên trong chúng nó có xảy ra vài sự tập kết chất khí, ban đầu còn mờ mờ, sau dần dần rõ rệt hơn và có hình dáng đàng hoàng. Những nơi tập kết chất khí này được gọi là luân-xa (chakra) trong tương lai. Chúng nó là những trung khu lực của thể vía. Chúng nó khác với những trung khu cảm giác của cái vía (centres sensoriels astrals). Nhưng trung khu này liên quan với ngũ quan và những trung khu của xác thịt. (Xin xem lại chương XII ‘Then máy của Tâm-thức’, nơi trang 144). Nhưng trong một thời gian đặng đặng, không có cái chi đến làm cho những trung khu này linh động, như đó mà chúng nó phát triển một cách chậm chạp, và lắm khi sự liên lạc giữa chúng nó và xác thân bị ngưng trệ, dù chúng nó đã khởi hoạt động tại cõi Trung giới rồi. Bởi sự liên lạc với xác thân chỉ có được là xuyên qua trung gian của thể này mà thôi, vì lẽ trong xác thân có một cái thần lực hết sức mạnh mẽ, ấy là Luồng Hỏa Hậu ‘Kundalini’. Trước khi Luồng Hỏa Hậu ‘Kundalini’ liên lạc được với những trung khu cái vía để có thể chuyển di sự kinh nghiệm của chúng nó tới xác thân được, thì chúng nó phải liên lạc trước nhất với bộ giao cảm thần kinh hệ và với những tế bào của các hạch chúng nó là những thiết điểm (points de contact). Khi sự liên lạc giữa những trung khu cái vía và bộ giao cảm thần kinh hệ cùng các hạch đã được thiết lập xong rồi, thì Luồng Hỏa Hậu có thể tuôn xuống thông thả rồi những cái nghe, cái thấy từ cõi Trung giới mới có thể chuyển di xuống óc xác thịt một cách đúng đắn đặng. Dù những trung

[18] Cái phách cũng có cái óc, nhưng nó bằng chất dĩ thái .

khu cái vía không thể liên lạc được với xác thịt bằng cách nào khác hơn, sự cấu tạo và sự sắp xếp chúng nó như là những trung khu lực quay tròn có thể có khởi điểm tại một cái thể nào đó, tỷ như thể xác hay thể vía, hay thể trí (thượng và hạ), hoặc những thể cao hơn nữa, tùy theo bản tính của mỗi người. Chính cái bản tính đặc biệt này chỉ định cái thể nào phải làm sân trường hoạt động cho sự cấu tạo hạ thể và cho sự biến đổi các hạ thể lần lần tinh vi hơn, để trở thành những món khí cụ hoàn hảo cho sự di chuyển tâm thức xuống cõi trần.

Cái ‘thiết điểm’ đó hay là cái trung tâm hoạt động vừa nói trên sẽ lay chuyển từ ‘trên’ xuống ‘dưới’ khiến cho máy hạ thể, xác, vía, trí trở thành những khí cụ thích nghi để biểu lộ bản tính của Chơn Nhơn .

CHƯƠNG THỨ 16 (tiếp theo)

CHƠN THẦN HOẠT ĐỘNG

2.- Một mẫu người đang tiến . (Un exemple comme évolution)

Để hiểu rõ những điều trên đây ta hãy lấy ví dụ một trường hợp đặc biệt: ta hãy xem qua một cá nhân với hạ trí hoạt động dồi dào. Chúng ta sẽ miêu tả Chơn Nhơn của y lúc y đầu thai trong giống dân chánh thứ ba, thứ tư và thứ năm. Nếu ta quan sát y khi y đầu thai trong giống dân chánh thứ ba, thì ta sẽ thấy hạ trí của y còn non nớt, dù điểm cao nhất của bản tính y là trí khôn. Đời sống linh hoạt xung quanh y, nhưng y không thể hiểu đặng, và chủ trị đặng. Nó ảnh hưởng, một cách mạnh mẽ, từ bên ngoài đến cái vía của y. Thể vía này mới giữ lại những cảm giác mà nó đã tiếp nhận, rồi dục vọng y đến kích thích cái trí non nớt ấy, làm cho nó cố gắng đoạt cho được sở vọng.

Sự cấu tạo xác thân của người thuộc về giống dân chánh thứ ba khác với sự cấu tạo xác thân của người thuộc về giống dân chánh thứ năm. Người thuộc về giống dân chánh thứ ba có bộ giao cảm thần kinh hệ tiến trội hơn, và bộ não tủy thần kinh hệ kém hơn và đóng vai tuồng phụ thuộc. Người thuộc về giống dân chánh thứ năm dù bộ giao cảm thần kinh hệ vẫn còn linh hoạt mạnh, nhưng có vài trung khu của nó khởi mất đi đặc tánh cảm xúc khi chúng nó còn ở trong tình trạng tiến hóa thấp kém của con người. Trong óc có hai cái hạch, lúc ban sơ, chúng nó dính liền – một cách đặc biệt với bộ giao cảm thần kinh hệ. Nhưng trong thế hệ hiện đại, chúng nó là thành phần của bộ não tủy thần kinh hệ. Hai cái hạch đó là: hạch mũi (glande pituitaire) và hạch nê-hườn-cung, hay là tùng quả tuyến (glande pinéale). Chúng nó là hai cơ quan để chứng tỏ sự tiến triển của một thành phần nào trong xác thân. Cũng một thành phần ấy, mà trong một thời gian nào, có thể hoạt động một cách đặc biệt, nhưng về sau, nó lại yếu dần rồi ngưng hẳn. Nhưng đến một trình độ tiến hóa cao hơn ở tương lai, nó trở lại linh hoạt như trước mà tế nhị hơn, nhờ nó tiếp được thần lực của cõi trên xạ xuống .

Hai hạch đó (hạch mũi và tùng quả tuyến) nảy nở trong những loài không có xương sống nhiều hơn là trong những loài có xương sống, vì vậy mà những nhà sinh vật học cho rằng: con mắt thứ ba là ‘con mắt của loài không có xương sống’. Tuy nhiên, người ta cũng gặp ‘con mắt thứ ba’ ấy trong vài loài có xương sống, nó dùng để thấy. Tỷ như người ta mới vừa gặp ở Úc Châu một con rắn, trên đầu nó có một khoanh vảy dị kỳ, hơi trong trong. Khi rút những vảy ấy đi, thì người ta thấy một con mắt – đủ cả bộ phận thị giác. Nhưng con mắt ấy không hoạt động.

Con mắt thứ ba này hoạt động trong những người Lê-Mu-Riêng (Lémuriens) – thuộc về giống dân chánh thứ ba. Nhưng nó hoạt động một cách lờ mờ và bất toàn, vì nó diễn tả thị giác không đúng, đó chỉ tỏ trình độ tiến hóa còn thấp, và thuộc về đặc tính của bộ giao cảm thần kinh hệ. Khi con người tiến hóa cao hơn, và đi từ giống dân chánh thứ ba đến giống dân chánh thứ tư là giống dân Ất – Lăn (Atlante), thì con mắt thứ ba lại ngưng hoạt động, và óc nảy nở xung quanh nó, nó bèn hóa thành vật phụ thuộc, một vật bỏ túc mà ngày nay người ta gọi là tủy quả tuyến (et il se transforme en cet appendice que nous appelons aujourd'hui la glande pinéale).

Trong giống dân chánh thứ ba, con người có khiếu thần linh phát lộ trước nhất, bởi vì bộ giao cảm thần kinh hệ rất nhạy cảm đối với những làn rung động của cái vía còn kém mở mang trong thời kỳ đó. Trong giống dân chánh thứ tư, con người mất dần dần cái khiếu thần linh ấy đi: vì bộ giao cảm thần kinh hệ không còn đóng vai tuồng chánh nữa mà đã trở thành phụ thuộc, và bộ não tủy thần kinh hệ đang phát triển.

Đối với mẫu người thuộc về giống dân chánh thứ tư (mà ta đang quan sát đây), thì bộ não tủy thần kinh hệ phát triển mau lẹ hơn là mẫu người khác: bởi vì sự hoạt động chánh của y gom vào hạ trí, để kích động nó và uốn nắn nó. Như đó, thể vía sớm mất đặc trách quan trọng của nó để trở thành một cái khí cụ chuyển di làn sóng tư tưởng đến óc xác thịt nhanh chóng hơn. Ấy vậy, khi cá như đó chuyển sang từ giống dân chánh thứ tư qua giống dân chánh thứ năm, thì y đã được chuẩn bị hẳn hoi để có những đặc tánh tiện lợi cho sự thiết lập một khối óc mạnh mẽ và rất điều hòa. Y sẽ dùng thể vía của y như là một khí cụ trung gian và sẽ tạo thành những luân-xa từ cõi Thượng-Giới.

CHƯƠNG THỨ 16 (tiếp theo)

CHƠN THẦN HOẠT ĐỘNG

3 – Hạch mũi và tùng-quả-tuyến . (Le corps pituitaire et la glande pinéale)

Bây giờ ta hãy quan sát hạch mũi mà ta đã nói đến. Người ta cho rằng: trong thời nguyên thủy, hạch mũi là do cái miệng sanh ra: bởi vì nó thông đồng trực tiếp với bộ tiêu hóa của loài không có xương sống. Khi loài không có xương sống đã trở thành loài có xương sống rồi, thì hạch mũi hết hoạt động như cái miệng và nó hóa ra một cơ quan sơ bộ (un organe rudimentaire). Tuy nhiên, hạch mũi còn giữ một trách nhiệm đặc biệt, liên hệ mật thiết với sự nảy nở xác thân. Nó rất linh hoạt trong lúc xác thân phát triển ở thời bình. Và hễ nó càng linh hoạt nhiều chừng nào, thì xác thân càng nảy nở nhiều chừng nấy. Người ta để ý: người không lồ có hạch mũi linh động một cách đặc biệt. Lại nữa, khi mà bộ cốt của con người đã được hoàn tất, thì đôi khi hạch mũi lại trở nên rất linh động, nó làm cho tay, chơn v.v. . . nảy nở một cách dị hình, khiến cho cá nhơn đó lấy làm khó chịu .

Khi bộ não tủy thần kinh hệ tiến triển trội hơn, thì hai hạch kể trên hết còn giữ vai tuồng quan trọng của chúng nó nữa. Nhưng chúng nó còn một tương lai trước mặt chúng nó nữa, cũng như chúng nó đã có một dĩ vãng oai liệt sau lưng chúng nó vậy. Ở thời dĩ vãng, chúng nó liên kết chặt chẽ với bộ giao cảm thần kinh hệ. Nhưng trong tương lai, chúng nó sẽ liên kết chặt chẽ với bộ não tủy thần kinh hệ. Dần theo sự tiến hóa, những luân-xa cái vía trở thành linh động, bây giờ hạch mũi hóa ra một cơ quan hữu hình cho thần nhãn (nhãn quang của cái vía) và về sau nó là một cơ quan hữu hình cho thiên nhãn (nhãn quang của cái trí). Nếu người ta bắt hạch mũi làm việc quá sức để có thần nhãn, thì nó sẽ sưng lên. Chính nhờ hạch mũi làm trung gian mà những sự kinh nghiệm trên cõi Trung giới mới xuống óc xác thịt đặng. Cũng chính nó làm kiểm soát viên cho những thiết điểm (point de contact) giữa bộ giao cảm thần kinh hệ với thể vía, để cho tâm thức được liên tục từ cõi vía xuống cõi phàm .

Có một lúc, tùng quả tuyến dính liền với một trong những luân xa cái vía. Nhờ cái luân xa đó làm trung gian, tùng quả tuyến mới thông đồng đặng thể trí. Vậy tùng quả tuyến là cơ quan hữu hình để chuyển di tư tưởng từ óc người này đến óc người kia. Trong trường hợp thần giao cách cảm (télépathie), tư tưởng có thể phóng từ óc người này đến óc người khác, dùng chất khí của thể trí làm trung gian, hoặc tư tưởng chuyển di đến óc xác thịt từ tùng quả tuyến của người này đến tùng quả tuyến của người kia, dùng chất dĩ thái hồng trần làm trung gian. Rồi từ tùng quả tuyến của cá nhơn đó, tư tưởng chuyển qua tâm thức của y, làm cho y hiểu biết.

Dù trung tâm hoạt động ở trong cái bản nguyên cao nhất của con người, chớ những mối dây nối liền các luân xa với xác thịt phải bắt đầu từ cõi trần sanh ra. Mục đích của mấy sợi dây liên lạc này không phải để làm cho thể vía trở thành một cái khí cụ, xuyên qua đó thần lực của Chơn nhơn có thể xạ xuống xác thân một cách hoàn vẹn hơn, mà mục đích của chúng nó là làm sao cho mối liên lạc giữa Chơn Nhơn và xác thịt được hoàn thiện hơn, được mật thiết hơn. Có thể có nhiều trung khu linh hoạt cho sự thành lập những thể trung gian (như vía, trí). Nhưng rất cần cho ta bắt đầu từ cõi trần để chuyển giao đến tâm thức những cái kết quả do sự hoạt động của những hạ thể tại các cõi khác. Nhơn đó, mà điều cần thiết nhất là sự tinh khiết trong vật thực cũng như trong áo quần, nhà cửa vãn vãn ...

Người ta thường hỏi rằng: ‘Làm sao những sự hiểu biết đoạt từ các cõi cao lại có thể xuống óc xác thịt được? Và làm sao chúng nó không để chút dấu vết nào lại về căn cội của

chúng nó? Những ai đã tham thiên đều đều thì biết rằng: đa số hiểu biết của họ hiện ra trong óc họ không phải là do họ đã đoạt tại cõi trần này đâu. Vậy chúng nó từ đâu đến?

- Chúng nó đi từ cõi Trung giới hay cõi Thượng giới (là những nơi chúng nó sanh ra), xuống óc xác thịt bằng cách mà chúng ta đã kể ở trước. Tâm thức đã trực tiếp đồng hóa chúng nó, hoặc tâm thức đã tiếp nhận chúng nó tại cõi Trung giới. Cũng như thường lệ, chúng nó phóng ra những làn sóng tư tưởng. Những điều hiểu biết này cũng có thể chuyển di đến cõi cao do một ‘vị’ nào cảm kích thể trí một cách trực tiếp. Nhưng cá nhân đó không mấy may nhớ được lúc nào mà mình tiếp nhận những sự hiểu biết này, và mình tiếp nhận bằng cách nào? Phần đông người đời không thật ‘tỉnh’ trên cõi Trung giới hay cõi Thượng giới, nghĩa là những quan năng của họ quay vào trong. Họ cứ chăm chú vào sự hoạt động của tư tưởng và tình cảm của họ, nên họ không màng đến những sự biến cố bên ngoài đã xảy ra ở tại mấy cõi này (là cõi Trung giới và Thượng giới). Có thể họ là người rất nhạy cảm, họ có thể thu thập ảnh hưởng cõi trên một cách rất dễ dàng. Họ có thể làm cho thể vía và thể trí của họ nổi lên rung động rất dễ dàng, và chính những sự rung động này đem đến những cái hiểu biết đó. Nhưng họ lại không chú ý đến ‘vị’ nào đã gởi đến cho họ sự hiểu biết ấy.

Dần theo sự tiến hóa, những người này càng ngày càng thu thập sự hiểu biết một cách dễ dàng hơn tại cõi Trung giới và Thượng giới. Nhưng dù vậy, họ cũng vẫn vô tri đối với những người lân cận của họ .

Cái lý do thiếu trí nhớ này là sự mất liên lạc với bộ giao cảm thần kinh hệ. Có thể một người kia hoàn toàn ‘tỉnh thức’ trên cõi vía, nghĩa là y linh hoạt nơi đó, y tri thức hoàn toàn những gì xung quanh y, nhưng nếu những sợi dây liên lạc giữa thể vía và thể xác thiếu, hoặc giả chúng nó không có chi kích thích để hoạt động, thì ký ức mất liên tục. Vì tâm thức có linh hoạt tại cõi Trung giới thể mấy đi nữa, nó cũng không thể nào di chuyển những sự kinh nghiệm của cái vía đến óc xác thịt đang cùng làm cho nó nhớ được, nếu mấy sợi dây liên lạc này chưa thể linh động một cách hoàn toàn. Lại nữa, hạch mũi là trung khu có nhiệm vụ tập trung những làn rung động từ cõi vía xuống, ví như ‘thủy tinh thể’ (la lentille) gom lại những tia sáng mặt trời vậy, nó phải linh hoạt đầy đủ mới được. Một số rung động tại cõi Trung giới được gom lại và phóng xuống một đặc điểm nào. Như đó mà những làn rung động mới sanh ra trong chất hồng trần, và từ chất hồng trần mới lan rộng ra dễ dàng. Những điều trên đây cần thiết cho con người có được ký ức .

CHƯƠNG THỨ 16 (tiếp theo)

CHƠN THẦN HOẠT ĐỘNG

4- Những con đường của Tâm thức : (Les voies de la Conscience)

Ở đây người ta sẽ hỏi rằng: ‘Tâm thức có theo mãi một con đường để đi đến xác thân không?’

- Chúng ta biết rằng: đôi khi người ta cũng có thể thông đồng trực tiếp từ cõi này đến cõi khác bằng ‘Con Đường Nguyên Tử’ (sous-plans atomiques). (Đồ hình số 25), và có lúc trong khi người ta đi qua tất cả các cảnh đến cảnh thứ bảy. (Đồ hình số 26). (Xin xem lại chương V về những cõi, những cảnh và Con Đường Nguyên Tử) .

Đồ hình số 25

	Cõi Kiết-Bàn	Cõi Bổ-Đề	Cõi Thượng giới	Cõi Trung giới	Cõi Phàm-trí
Cảnh 1	hay là cảnh của Nguyên-tử. <div style="text-align: center;"> → Con Đường → Nguyên Tử → </div>				
Cảnh 2					
Cảnh 3					
Cảnh 4					
Cảnh 5					
Cảnh 6					
Cảnh 7					

Con Đường Nguyên TửGiải thích đồ hình số 25 :

Đồ hình này tượng trưng sự liên quan giữa các cõi do sự thấu nhập lẫn nhau, chớ chẳng phải do sự sắp cõi này chồng lên cõi kia .

Sự liên quan chặt chẽ giữa cảnh này với cảnh kia rất là trọng đại bởi vì sự sống có thể di chuyển một cách mau lẹ từ cõi này đến cõi khác bằng con đường thông thương giữa những cảnh nguyên tử (tức là cảnh thứ nhất), chớ không cần phải đi xuyên qua hết bảy cảnh của mỗi cõi mới đến nơi nhất định được.

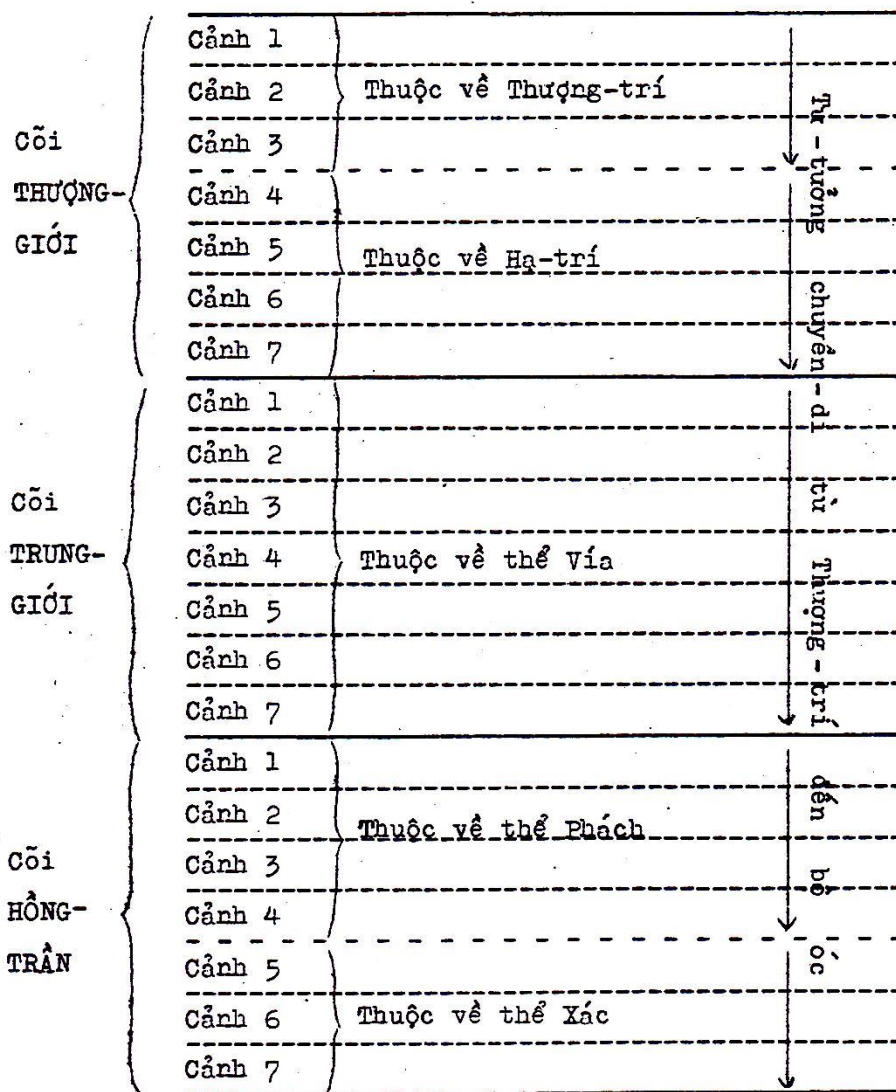
Vậy trong hai con đường:

- 1)- Con đường Nguyên Tử và,
- 2)- Con đường đi qua các cảnh,

hỏi tâm thức chọn con đường nào?

Trong sự hoạt động bình thường và trong khi con người luyện trí một cách thông lệ, thì làn sóng tâm thức tuôn xuống không ngừng xuyên qua tất cả các cảnh, từ cảnh cao đến cảnh thấp, nghĩa là nó khởi đi từ các cảnh Thượng giới (thuộc về thể trí) đến bảy cảnh của cõi Trung giới (thuộc về thể Vía), rồi qua các cảnh dĩ thái (thuộc về thể phách), mới đến chất nặng của hồng trần (tức là thể xác) (Xin coi đồ hình số 26).

Tại cõi hồng trần, làn sóng tâm thức mới sanh ra những luồng điện khí trong chất dĩ thái của cái Phách. Những luồng điện khí này mới ảnh hưởng nguyên-hình-chất (la protoplasme) của tế bào xám của óc. Nhưng khi xảy ra điều gì dị thường, cũng như khi con người thành linh tiếp nhận đặng ánh sáng thiêng liêng, hoặc trí khôn thành linh bật sáng, cái ánh sáng này đến nâng cao trí khôn của nhà khoa học một cách bất ngờ. Trong những mảnh vụn của sự tìm tòi trí khôn nhà khoa học lại thành linh tỏ ngộ, và thấy đặng cái định luật duy nhất nó vốn là nền tảng của vật lý. Trong trường hợp của nhà khoa học này, làn sóng tâm thức chỉ tuôn xuống ‘Con Đường Nguyên Tử’ để đến óc xác thịt mà thôi. Chính cái ‘Đại Giác’ (Illumination) này chỉ tỏ sự hiện diện của tâm thức. Đại giác ví mặt trời. Trước mặt trời, mọi lý luận đều tan rã. Lý luận của hạ-trí còn làm cho rắc rối thêm. Lý luận vô óc bằng con đường từ cảnh này đến cảnh khác, còn Đại Giác đến óc bằng con đường Nguyên Tử mà thôi .



(Đồ hình số 26)

Tư tưởng chuyển di theo con đường bình thường

CHƯƠNG THỨ 17

BẢN TÍNH CỦA KÝ ỨC

1.- Đại ngã và những Tiểu ngã :

Ký ức là gì? Nó hoạt động thế nào? Làm sao nhớ lại được những chuyện quá khứ, những điều gì đã xảy ra trong lúc gần đây hay đã lâu rồi? Bởi vì, tựu trung, dù chuyện gần hay xa, thuộc về đời sống hiện tại hay kiếp quá khứ, những định luật điều khiển ký ức phải luôn luôn duy nhất (nghĩa là không thay đổi). Và điều mà chúng ta đang tìm đây là một lý thuyết của tất cả loại ký ức, để cho chúng ta giải nghĩa được mỗi trường hợp đặc biệt của nó.

Muốn đạt được một lý thuyết hợp lý và rõ ràng thì điều cần thiết trước nhất là hiểu con người của ta về mặt cấu tạo xác thân, về Chơn ngã và về các hạ thể, cùng sự giao dịch giữa chúng nó. Chúng ta có thể vẽ lại một cách vắn tắt những điểm chánh trong mấy chương trước liên hệ đến vấn đề ký ức này. Chúng ta chớ quên rằng: tâm thức của chúng ta là một đơn vị và cái đơn vị này tác động xuyên qua nhiều lớp vỏ bọc khác nhau. Chính nhiều lớp vỏ bọc này (là các hạ thể) làm cho ta lầm tưởng rằng; tâm thức không phải là một đơn vị duy nhất. Cái vỏ bọc ở trong hơn hết các vỏ bọc khác là cái vỏ bọc thanh nhẹ nhất, nó không lia đơn vị tâm thức được, và chính nó làm cho tâm thức trở thành một đơn vị. Đơn vị tâm thức đó là Chơn Thân. Chơn Thân ngụ tại cõi Đại Niết Bàn (Anoupadaka), nhưng trên thực tế, người ta chỉ nói về cái phân thân của nó là: ‘Atma – Buddhi – Manas’, là Chơn Nhơn, Chơn Ngã hay Con Người Bên Trong hay Tam Vị Nhất Thể (Triade). Cái đơn vị tâm thức này biểu lộ xuyên qua những vỏ bọc thuộc về năm cõi mà Nó đang hoạt động. Ta gọi Nó là Chơn ngã hoạt động trong những hạ thể của Nó. Vậy ta hãy xem Nó như là cái Chơn ngã ở trong những hạ thể của Nó. Cái Chơn ngã ở trong những hạ thể có khả năng rung động. Những làn rung động này, về mặt chất khí, thì liên hệ đến sự thay đổi bên trong tâm thức của Chơn ngã. Nói rằng những làn rung động của tâm thức là không thật đúng bởi vì chúng nó, sở dĩ có được là nhờ phần vật chất, phân sắc tướng. Còn danh từ ‘tâm thức rung động’ (conscience vibrante) đây chỉ dùng để nói lên một ý nghĩa hoàn toàn tổng quát mà thôi. Sự biến đổi thì xảy ra trong tâm thức; còn những làn rung động liên hệ thì phát sanh từ trong các hạ thể mà ra.

Vấn đề hạ thể (hay những thể mà trong đó có tâm thức đang linh hoạt) là một vấn đề quan trọng cho sự khảo cứu về ký ức. Nhờ sự hoạt động của thể trí mà con người có thể nhớ được những biến cố xảy ra lâu hay mau. Mà thể trí hoạt động cách nào?

Thể trí lập lại nhưng biến cố đó trong cái hạ thể có đặc tính tương đương với sự việc mà tâm thức đã tác động lúc biến cố xảy ra. Chơn ngã tức là phần tử của Cái Ngã Đại Đồng. (Vì sự thuận tiện để trình bày, chúng ta có thể coi Cái Ngã Đại Đồng là Đức Thượng Đế, tuy thật ra Ngài chỉ là thành phần của nó). Trong Cái Ngã Đại Đồng tất cả đều hiện hữu, bởi vì Nó gồm tất cả cái gì đã có và sẽ có trong vũ trụ. Tất cả điều này và còn bao nhiêu điều khác nữa đều chất chứa trong tâm thức của Võ trụ. Chúng ta hãy tưởng tượng một cái Võ trụ với Đức Thượng Đế của Nó mà thôi. Ta hãy xem Đức Thượng Đế ấy như một Đấng Toàn tri. Ngài hiện diện khắp nơi. Nói về lý do căn bản thì sự Toàn Tri của Ngài và sự Toàn diện của Ngài đều có trong Chơn ngã của mỗi người, bởi vì mỗi người là phần tử của Ngài. Nhưng (danh từ ‘nhưng’ ở đây là cần thiết), bởi vì tuy con người giống với Đức Thượng Đế nhưng lại khác. Tại sao vậy? – Bởi vì đứng về phương diện Chơn ngã thì dù nó là một thành phần của Đơn vị Đại Đồng Duy Nhất đi nữa, và dù bản tính của nó có Toàn Tri, Toàn Năng và Toàn Diện đi nữa, những hạ thể của nó hiện giờ chưa tập rung động đối ứng được với sự biến đổi của tâm thức. Bởi vậy cho nên chúng ta nói rằng: tất cả Đức tánh của Đức Thượng Đế đều có trong con người, nhưng còn trong trạng thái ‘Tiềm lực’. Tất cả sự biến đổi xảy ra trong Tâm thức Đức Thượng Đế, có thể diễn lại trong Tâm thức của Chơn ngã – (vì Chơn ngã là phần tử của Ngài), nhưng những hạ thể của Chơn ngã chưa sẵn sàng làm khí cụ trung gian cho sự biểu lộ thiêng liêng này. Chính vì Chơn ngã bị cầm tù và bị gò bó trong sắc tướng (là những vỏ bọc hay những hạ thể) mà các quyền năng của nó phải lâm vào cảnh tiềm tàng, chưa thể phát huy ra được. Những quyền năng ấy còn trong tình trạng tiềm lực, chớ không phải là những cái có thật. Cũng y như trong mỗi nguyên tử cấu tạo một hạ thể, đều có biết bao nhiêu là khả năng rung động, mỗi một Chơn ngã lia xa Đức Từ Phụ đều có vô số khả năng thiêng liêng trong sự biến đổi tâm thức.

Vào buổi khởi nguyên lập thành một Thái Dương Hệ, chúng ta không thấy sự biến hóa vô cùng của những làn rung động này trong hạt nguyên tử, nhưng chúng ta biết rằng; hạt

nguyên tử ấy có khả năng thu hoạch được vô số mãnh lực rung động. Nó có được những làn rung động này dần theo bước đường tiến hóa của nó, trong khi nó ứng đáp không ngừng với những làn rung động bên ngoài đến chạm vào vỏ bọc của nó. Đến lúc Thái Dương Hệ đi mức đường tiến hóa của nó rồi, thì một số nguyên tử khổng lồ mà nó áp ủ trong lòng nó đã đạt được một trình độ tiến triển cao siêu rồi: bởi vì những hạt nguyên tử đó có thể ứng đáp được với bất kỳ làn rung động nào ở trong chính Thái Dương Hệ ấy. Người ta nói rằng chúng nó đã được Hoàn Thiện rồi! Đối với Chơn Ngã thì cũng y như thế. Tất cả sự thay đổi trong Tâm Thức Đức Thượng Đế và tất cả sự biểu lộ trong võ trụ dưới một hình thức nào cũng đều hiện lên trong tâm thức của bất cứ một Chơn Ngã nào đã đi đến mức Hoàn Thiện và đang ở trong cái võ trụ này. Bất cứ một sự thay đổi nào trong Tâm Thức Đức Thượng Đế cũng có thể lặp lại được trong tâm thức của các Chơn Ngã đã được Hoàn Thiện ấy. Đó là ý nghĩa của Ký ức. Tất cả cái gì đã có trong lòng võ trụ, nghĩa là đã có trong lòng Đức Thượng Đế thì có thể hiện lên trong lòng các con của Ngài tức là các vị Chơn Thần. Dù ta có tượng trưng các vị Chơn Thần ấy như những vị riêng biệt với nhau, nhưng chúng nó không thể riêng biệt được với Đức Thượng Đế, là Đấng đã sanh ra chúng nó. Không có một nơi nào trong võ trụ mà thiếu sinh lực của Ngài đặng. Chúng ta sống trong lòng Ngài. Chúng ta hoạt động và sanh tồn cũng ở trong lòng Ngài. Luôn luôn chúng ta thọ Ảnh hưởng của Ngài và luôn luôn chúng ta tràn đầy sự sống của Ngài.

Hễ Chơn Ngã càng thay đổi hạ thể, cái này tiếp cái khác nhiều chừng nào thì cái khả năng tiếp nhận sự hiểu biết thu hẹp phạm vi, nhưng điều đáng chú ý là những sự hiểu biết này lại được rõ rệt hơn. Tâm thức của con người tại cõi trần rất bị hạn chế. Nó chỉ được kinh nghiệm xuyên qua tác động của xác thịt, nhất là xuyên qua ngũ quan mà thôi. Chính do năm con kinh ấy mà những sự kinh nghiệm mới chuyển đi đến Tâm thức được, bởi vì tâm thức bị nhốt giữa các vỏ bọc tức là các hạ thể. Dầu nhờ ngũ quan, tâm thức mới có được sự kinh nghiệm tại cõi trần, nhưng đôi khi người ta cho chúng nó là những chướng ngại vật của sự hiểu biết là bởi người ta tưởng đến những khả năng của các thể thanh hơn. Xác thịt làm cho sự hiểu biết được rõ rệt và đúng đắn. Nó giống như tấm vải căng thẳng, có xoi một lỗ nhỏ, để trước vách tường. Thật ra tấm vải căng đó án khuất ánh mặt trời, không cho soi sáng vách tường, nhưng có một vài tia sáng đi ngang qua lỗ vải, tạo thành những hình ảnh rất rõ rệt trên vách tường.

CHƯƠNG THỨ 17

BẢN TÍNH CỦA KÝ ỨC (tiếp theo)

2.- Những sự biến đổi trong các hạ thể và trong Tâm thức .

Bây giờ ta hãy quan sát xác thịt để xem có xảy ra sự gì cho nó, khi nó tiếp nhận một cảm giác, và cũng để biết cảm giác đó được lập lại trong ký ức bằng cách nào?

Ta biết rằng: một làn rung động từ bên ngoài đến chạm vào giác quan rồi chuyển qua trung khu liên hệ của óc. Tức thì một nhóm tế bào của óc phát lên rung động, và khi sự rung động này ngừng thì nhóm tế bào đó lâm vào một trạng thái hơi khác lạ với trạng thái của chúng nó trước kia. Sự khác lạ này lưu lại một ấn tượng cho các tế bào, khiến cho chúng nó có thể lập lại sự rung động trước. Chúng nó đã rung động đặc biệt một lần rồi thì trọn đời

chúng nó giữ mãi được cái khả năng rung động giống như thế khi chúng nó gặp một sự kích thích nào từ bên ngoài đưa đến. Mỗi khi sự rung động được lập lại là mỗi lần cái khả năng đó được tăng cường và lưu lại một ấn tượng đặc biệt cho tế bào. Nhưng sự rung động này phải được lập đi lập lại nhiều lần, nó mới tự ý phát sinh mà không cần đến sự kích thích của ngoại giới nữa. Mỗi lần tế bào rung động giống như vậy thì nó tạo được thói quen và nó trở thành tự động. Nhưng sự rung động này không chỉ tác động với các tế bào xác thân mà thôi đâu. Nó chuyển đi đến những tế bào liên hệ của các hạ thể thanh hơn như thể vía và thể trí chẳng hạn. Vì vậy mà rốt cuộc rồi chúng nó biến đổi được tâm thức. Sự biến đổi của tâm thức lại tác động đến những tế bào của trí, vía và xác, tạo nên một sự rung động đi từ bên trong đến bên ngoài. Nhờ sự lập đi lập lại, mà sự rung động này tạo thành ký ức của cái gì đã sanh ra nó. Khi các tế bào ứng đáp với những lần rung động bên ngoài thì chúng nó tạo ra khả năng ứng đáp được với những lần rung động đồng tính từ bên trong song rất yếu ớt hơn. Mỗi một lần rung động trong chất khí của một hạ thể mới, là mỗi một lần làm mất đi một chút sức lực. Nhon đó, sự rung động làm cho giảm sức. Nhưng hễ sự rung động càng lập đi lập lại thường hơn và tế bào ứng đối với những sự va chạm bên ngoài dễ dàng hơn, thì sự giảm sức ấy càng bớt dần.

Chính đó là cái giá trị của ‘ngoại giới’: vì ‘ngoại giới’ kêu gọi, - hơn tất cả phương diện khác - cái khả năng ứng đáp của tế bào, bởi nó có nhiều thiết điểm (points de contact) với hạ thể hơn là ‘nội giới’.

Sự biến đổi của tâm thức cũng lưu lại bên trong của tâm thức ấy cái khả năng lập lại sự biến đổi này một cách dễ dàng hơn trước. Và mỗi sự biến đổi của tâm thức đều đưa tâm thức lần đến một trạng thái tự ý biến đổi như thế, chớ nó không cần có sự rung động nào đến kêu gọi nó lại. Nếu đi ngược thời gian để xem tâm thức trong thời kỳ khởi điểm thì ta sẽ thấy rằng: các Chơn ngã bị cầm nhốt trong những hạ thể phải trải qua vô số kinh nghiệm, trước khi chúng nó tự ý kêu gọi một sự biến đổi nào trong tâm thức của chúng nó. Nhưng ta chớ quên điều này trong khi ta bước qua khỏi giai đoạn khởi điểm ấy để khảo cứu sự hoạt động của tâm thức trong địa hạt cao hơn. Ta cũng cần nhớ rằng: mỗi sự va chạm kích động đến cái hạ thể bên trong nhất, và tạo nên một sự biến đổi trong tâm thức đều kéo theo sự phản kích (réaction), bởi vì sự biến đổi trong tâm thức tạo ra một dọc rung động mới đi từ trong ra ngoài. Vậy những lần rung động thâm nhập vào trong rồi đi tận đến Chơn ngã. Sự thâm nhập này gọi lên một sự ứng đáp của Chơn ngã từ trong ra ngoài. Ấy vậy, trên đây ta thấy hai điều quan trọng là:

- 1.- Ngoại giới là nguyên nhân đầu tiên để đưa đến một sự thấu hiểu (perception).
- 2.- Sự phản kích của Chơn ngã. Sự phản kích này sanh ra ký ức.

Một số rung động đến va chạm xác thịt bằng năm đường của ngũ quan. Rồi từ ngũ quan ấy chúng nó được di chuyển đến thể vía và thể trí. Tại thể trí, những lần rung động này phối hiệp với nhau làm một đơn vị duy nhất và phức tạp ví như một âm điệu có nhiều âm thanh vậy. Chính đó là trách nhiệm đặc biệt của thể trí. Thể trí tiếp nhiều lần rung động đưa đến, rồi tổng hợp chúng nó lại, cũng như nó tiếp nhận nhiều cảm giác rồi gom lại để biến đổi chúng nó ra một tư tưởng, một sự hiểu biết, một đơn vị phức tạp.

CHƯƠNG THỨ 17

BẢN TÍNH CỦA KÝ ỨC (tiếp theo)

3.- Những ký ức .

Bây giờ ta hãy tìm hiểu bản tính của cái ‘đơn vị rất phức tạp’ ấy, sau khi nó đã thâm nhập vào nội tâm và đã gọi lên một sự biến đổi trong tâm thức: để tạo thành một ý niệm. Sự biến đổi này tạo ra trong các hạ thể (xác, vĩa, trí) những sự rung động mới mẻ; chúng nó lặp lại những cái rung động đã được gọi lên lúc ban đầu dưới một hình thức yếu dần – từ thể này đến thể nọ (nghĩa là sự rung động nào va chạm vào xác thịt thì xác thịt lặp lại nó một cách mạnh mẽ hơn là khi nó chuyển đến thể vĩa). Và thể vĩa lặp nó lại mạnh mẽ hơn là khi nó chuyển đến thể trí). Vậy cái hình ảnh rung động đó không lúc nào linh động và đứng đảnh cho bằng lúc mà những làn rung động (tạo ra cái hình ảnh ấy) đi - mau như chớp nháng - từ xác thịt đến thể vĩa, và từ thể vĩa đến thể trí. Trong thể trí, hình ảnh hiện lên không rõ rệt bằng trong thể vĩa. Nó vốn là bản sao của cái hình ảnh mà thể trí đã đưa vào nội tâm trước kia bằng những làn rung động yếu ớt hơn. Khi Chơn ngã tri giác đặng sự phản ứng này (có sự phản ứng bởi vì hai làn rung động – một do bên ngoài, một do bên trong - chạm nhau, tức nhiên phải có sự phản ứng), thì nó rất yếu ớt hơn là cái tác động tạo ra nó. Vì vậy mà dường như nó ít thiết thực hơn là cái tác động đó. Cho nên ta ít cảm được sự biến đổi trong tâm thức, và nhơn đó, ta cũng ít tri giác được ‘sự thực’.

Bao giờ tâm thức không có khả năng biết đặng cái hình ảnh rung động đến với nó xuyên qua trung gian thể trí hay thể vĩa, thì có nghĩa là tâm thức quả thật liên đới chặt chẽ với xác thịt hơn là với hai hạ thể kia. Trong trường hợp đó, thì ta không nhớ đặng ‘ý niệm’ (idée) mà chỉ nhớ được những cái ‘tri giác’ (perception) mà thôi, nghĩa là những cái hình ảnh vật chất bên ngoài do sự rung động của tế bào cái óc chuyển đến thể vĩa và thể trí, rồi lặp lại. Nói một cách sát nghĩa, thì chúng nó là những hình ảnh, dù bằng chất khí của thể trí, cũng giống như những hình ảnh tạo trên võng mạc (rétine) ở trong con mắt. Tâm thức thấy (hơn là biết) những hình ảnh này: bởi vì sự thấy của mắt chỉ là một cảm giác bị hạn chế thuộc về cái khả năng tri thức của mắt mà thôi.

Khi tâm thức tự rút ra một phần khỏi xác thịt, để chú ý đến những sự biến đổi xảy ra trong hai hạ thể vĩa và trí, nó thấy trong óc những hình ảnh phản chiếu của thể vĩa do những làn rung động của thể vĩa phát ra. Vì vậy mới có ‘Ký ức của cảm giác’ (souvenirs des sensations). Hình ảnh phát sinh trong óc dưới ảnh hưởng của sự phản ứng do sự biến đổi của tâm thức gây nên. Cái óc cũng nhận thức được hình ảnh đó. Điều này chỉ rằng: tâm thức rút lui ra khỏi xác thịt với một tỷ lệ trọng đại, để sang qua thể vĩa, nơi đây, nó được linh hoạt đầy đủ. Trong thời buổi hiện hữu, chính tâm thức của nhân loại đang hoạt động bằng cách ấy: vì vậy mà nó có đầy ký ức, và ký ức là cái bản sao của hình ảnh thuộc về dĩ vãng, do sự biến đổi của tâm thức mà hiện lên trong óc. Đối với những người ít tiến hóa, thì những hình ảnh này là những hình ảnh thuộc về những chuyện đã xảy ra trong thời kỳ quá khứ mà trong đó xác thịt đóng một vai trò, tỷ như những cảm giác đói, khát, những cảm giác ăn uống no say, những cảm giác thỏa mãn về sắc dục v.v... Tóm lại, nhưng cảm giác ấy là những cảm giác hoàn toàn liên hệ đến xác thân. Còn đối với những người tiến hóa cao hơn (tức là những người có tâm thức linh hoạt nhiều hơn trong thể trí) thì những hình ảnh đó là những hình ảnh thuộc về thể vĩa, chúng nó hiện ra trong thể vĩa, và được tâm thức chú ý nhiều hơn. Chúng nó được tạo ra bởi những làn rung động từ thể trí phát ra, và khi tâm thức đặc biệt rút vào thể trí (là thể kế cận với nó nhất), thì nó nhận ra được chúng nó dưới trạng thái hình ảnh. Dần dần tâm thức giác tỉnh và ứng đáp với những làn rung động bên ngoài do những đồ vật trên cõi vĩa gây nên. Những đồ vật này trở thành thiết thực hơn và dễ mà phân biệt chúng nó với những ký ức, cùng những hình ảnh do sự phản ứng của tâm thức tạo thành trong thể vĩa.

Chúng ta nên ghi nhớ qua loa rằng: ký ức của một đồ vật luôn luôn liên hệ đến hình ảnh trước đã được lặp lại dưới một trạng thái sắc sảo hơn do sự va chạm vật chất gọi lên sự cảm

giác thuộc về đồ vật ấy. Đó là sự ‘dự biện’(anticipation). Vì vậy, hễ ký ức của một sự kinh nghiệm càng rõ rệt chừng nào thì sự dự biện cũng càng rõ rệt chừng nấy. Như đó mà có khi ký ức gọi lại trong xác thân những cái phản ứng quen thuộc do đồ vật bên ngoài gây ra: tỷ như người ta có thể thưởng thức trước mùi vị của một món ăn nào mà mình chưa có sẵn. Vì vậy, sự dự biện một món ăn ngon lành làm cho ta chảy nước miếng

Chúng ta sẽ trở lại vấn đề này khi chúng ta kết thúc lý thuyết ‘Ký ức’ .

4.- Ký-ức là gì ?

Ta đã học về sự biến đổi trong các hạ thể do sự va chạm của ngoại giới, và sự ứng đáp bên trong bởi sự biến đổi của tâm thức. Ta đã học những sự rung động yếu ớt hơn nảy sinh trong các hạ thể bởi sự phản ứng của tâm thức, và sau cùng, ta cũng học tại làm sao tâm thức biết được những sự rung động này dưới hình ảnh ‘ký ức’. Bây giờ đây, ta hãy đề cập đến vấn đề trọng yếu: ‘Ký ức là gì?’.

Chúng ta biết rằng: những hạ thể xác, vĩa, trí bị sự chết làm tan rã. Cho nên giữa khoảng ‘chết’ và ‘đâu thai’ thì con người đâu còn ba hạ thể nữa để tự động tiếp nhận và đáp ứng với những làn rung động do bên ngoài đưa đến. Những nhóm ứng đáp đều bị tan rã. Tất cả cái gì sẽ trở thành những năng lực rung động tương lai thì được chất chứa trong những hạt nguyên tử trường tồn. Khi người ta nhận thấy mình không thể nào nhớ được những ký ức kiếp trước nảy sinh từ các hạ thể (đã tan rã), thì người ta sẽ biết những dấu vết rung động gắn trong hạt nguyên tử trường tồn là mảnh mai thể nào. Thật ra, tất cả cái gì mà hạt nguyên tử trường tồn có thể làm được là đáp ứng dễ dàng với những làn rung động đồng tánh mà trước kia nó đã đáp ứng, hơn là với những làn rung động mới, ký ức của tế bào hay của những nhóm tế bào sẽ bị tiêu mất, khi con người chết, và con người không thể nào nhớ được trong trạng thái đó. Vậy trong trường hợp này, ký ức được duy trì nơi đâu?

Câu trả lời thật đơn giản. Ký ức không phải là một năng khiếu (faculté) và không thể cất giữ nơi nào được cả. Nó cũng không dính líu với tâm thức như là một khả năng, và không có một ký ức về biến cố nào được gắn ghi vào tâm thức của một cá nhân. Mỗi một biến cố đều hiện-tại trong tâm thức của võ trụ, nghĩa là trong tâm thức của Đức Thượng Đế. Tất cả cái gì xảy ra trong võ trụ, bất cứ trong thời kỳ quá khứ, hiện tại hay tương lai đều có trong Tâm Thức của Ngài. Tâm thức đó bao trùm tất cả trong cái ‘Toàn Diện’ của Ngài. Tự thủy chí chung, từ lúc khai thiên lập địa cho đến hồi võ trụ sắp tàn, tất cả muôn loài vạn vật, tất cả đều luôn luôn hiện tồn, luôn luôn sống. Tất cả đều ở trong cái đại hải ý tưởng này (cet océan d’idées). Chúng ta đi tầm vơ xuyên qua cái đại hải này; chúng ta va chạm với những mảnh vụn trong đó, và câu trả lời của chúng ta nơi đây là: sự hiểu biết. Một khi chúng ta đã hiểu biết rồi, thì về sau chúng ta tiếp xúc lại với những mảnh vụn này một cách dễ dàng hơn; và sự tiếp xúc lại đó – khi nó không do sự va chạm của cái thể nào hiện hữu bên ngoài với những mảnh vụn trên cõi của thể ấy đang hoạt động – tức là ký ức vậy. Tất cả ký ức đều có thể gom góp lại được: bởi vì mọi khả năng rung động tạo ra những hình ảnh chất chứa trong Tâm thức Đức Thượng Đế, và chúng ta có thể san xẻ cái tâm thức này một cách dễ dàng hơn, khi mà trước kia chúng ta đã có nhiều lần cảm nhiễm được những làn rung động đồng tánh với Tâm thức Đức Thượng Đế. Chính vì vậy mà chúng ta lập lại những làn rung động đồng tánh trước kia dễ dàng hơn là với làn rung động mới. Nơi đây mới hiện lên trọn cả giá trị của những hạt nguyên tử trường tồn. Những hạt nguyên tử trường tồn này, khi chúng nó bị bắt buộc phải trở nên linh động thì chúng nó lại phóng ra những làn rung động mà chúng nó đã tiếp nhận từ trước; rồi khi ấy, tất cả khả năng rung động của những tế bào và nguyên tử của những hạ thể nổi lên ứng đáp theo âm điệu của mây hạt nguyên tử trường tồn. Bởi trong kiếp này chúng ta

bị sự rung chuyển và sự biến đổi của tâm thức làm cho kích động, nên chúng ta dễ mà rút trong Tâm thức võ trụ cái gì ta đã sống trong tâm thức cá nhân. Dù trong kiếp này hay trong kiếp đã qua lâu rồi, ký ức luôn luôn được thu hồi cũng bằng cách ấy. Không có một ký ức nào ở ngoài vòng Tâm Thức Hóa Công – nó luôn luôn hiện tồn – Thật ra, trong cái Tâm thức ấy, chúng ta sống, chúng ta hoạt động, chúng ta sinh tồn. Khi chúng ta rón hồi nhớ, là chúng ta làm cho chúng ta liên lạc với những phần tử của Tâm thức mà trước kia chúng ta đã liên lạc rồi.

Nhơn đó, theo Ông Pythagore, học tức thị ‘hồi nhớ’, là có ‘ký ức’; bởi vì học chỉ là cái việc rút trong Tâm thức Hóa công để chuyển qua Tâm thức cá nhân riêng biệt của ta – do cái bản tính duy nhất giữa Ta và Ngài. Làm như vậy sự học hỏi của ta mới lưu tồn mãi mãi.

Trên cái cõi nào mà có sự Hiệp Nhất nhiều hơn là sự chia rẽ, thì ta chia sót được với Đức Hóa Công cái Tâm thức Võ trụ của Ngài. Còn ở các cõi dưới, sự Hiệp nhất bị chôn vùi dưới lớp màn dày đặc của sự chia rẽ, thì ta bị những hạ thể thô kịch của ta ngăn cách ta với Tâm thức của Ngài. Chính vì mấy hạ thể thô kịch này hạn chế năng lực của ta, làm cho Tâm thức ta không đáp ứng được với Tâm thức của Ngài, và bởi ta chỉ tiếp xúc được với những cõi trời là xuyên qua chúng nó mà thôi. Vì vậy mà ta không thể nào tăng cường ký ức một cách trực tiếp đặng, ta chỉ tăng cường sức tiếp nhận tổng quát và cái khả năng đề xuất lại bằng cách làm cho các hạ thể của ta trở nên nhạy cảm, đồng thời hãy thận trọng đừng làm quá lộ e đi quá mức co giãn của chúng nó. Ta còn phải tập ‘chú ý’, nghĩa là điều khiển cái năng lực tri giác của tâm thức, bắt cái tâm thức đó chủ định vào phần Tâm thức nào của Đấng Hóa công mà ta muốn cho tâm thức của ta được đồng nhịp. Không ích gì phải phí sức để tìm biết coi có ‘bao nhiêu thiên thần có thể đứng trên mũi kim’, hoặc giả, tại làm sao ta có thể chứa được trong một khoảng cực nhỏ, vô số lần rung động mà ta đã có trong bao kiếp luân hồi sanh tử, bởi vì tất cả lần rung động tạo nên hình ảnh trong võ trụ đều liên tiếp hiện tồn, và luôn luôn ở sẵn dưới tay ai muốn lấy. Dần theo mức tiến hóa của cá nhân đó, bằng sự kinh nghiệm càng ngày càng nhiều mà y thâm nhập được những hình ảnh đó.

CHƯƠNG THỨ 17

BẢN TÍNH CỦA KÝ ỨC (tiếp theo)

5.- Ký ức và Dĩ vãng hay là Nhớ và Quên .

Ta hãy đem áp dụng điều này trong một sự kinh nghiệm ở kiếp trước: một số biến cố đã xảy đến cho ta, còn lưu lại trong ký ức ta, còn một số khác thì ta quên mất. Thật ra, dù quên hay nhớ, sự kinh nghiệm vẫn còn lưu lại mãi mãi với tất cả trạng huống bao vây nó. Nó còn lưu lại dưới một hình thức duy nhất ở trong Ký Ức của Đức Thượng Đế, tức là Ký Ức của võ trụ. Hễ người nào có khả năng liên lạc với cái Ký Ức này được thì có thể tìm lại được trọn vẹn cái biến cố ấy theo khả năng của y. Nhưng kinh nghiệm mà ta đã trải qua không hẳn thuộc về ta. Chúng nó là thành phần chứa đựng trong tâm thức của Đức Thượng Đế. Và điều mà ta tưởng tượng là sự kinh nghiệm của riêng ta là điều mà, trước kia, ta đã có lần rung động đồng nhịp với nó và lần này ta có lại những lần rung động ấy một cách dễ dàng hơn là buổi ban đầu.

Tuy nhiên, ta có thể có lại những điều kinh nghiệm này xuyên qua các hạ thể khác nhau và trong nhiều dịp khác nhau, bởi vì ta sống giữa điều kiện thời gian và không gian. Điều kiện

đó thay đổi với mỗi hạ thể. Phần tâm thức của Đức Thượng Đế mà trong đó chúng ta đang hoạt động bằng xác thịt thì rất nhỏ hơn phần tâm thức mà trong đó chúng ta hoạt động bằng cái vía và cái trí. Và sự liên lạc giữa Tâm thức của Đức Thượng Đế và của ta, xuyên qua một thể được thành lập đang hoang thì rõ rệt, đúng đắn và linh hoạt hơn là xuyên qua một thể cấu tạo một cách thô kệch. Ta nên nhớ rằng: sân trường hoạt động của tâm thức ta bị thu hẹp là chỉ tại nơi những hạ thể của ta mà thôi. Trước một chuyện làm hoàn bị, dù là tại cõi trần, hay tại cõi cái vía, cái trí hoặc tại thượng trí, tâm thức của ta bị hạn chế bởi sự ứng đáp của những hạ thể của ta. Ta cảm thấy mình đang ở giữa những trạng huống, chúng nó bao vây cái thể trước nhất của ta (là xác thịt) mà ta đang linh hoạt trong đó. Cái thể xác để cho ta dùng để ‘va chạm’ với cõi trần. Trái lại, ta ‘hồi nhớ’ những điều kinh nghiệm của ta trong những cảnh ngộ nào mà ta liên lạc với những thể thanh hơn của ta (như thể vía, thể trí). Những thể thanh hơn này chuyển di sự rung động cho cái thể trước hơn, ấy là cái xác. Như đó, cái xác bị ảnh hưởng từ ‘bên trong’.

Để cho ta biết được cảnh ngộ ấy là ‘khách quan’, (nghĩa là không trừu tượng mà là hữu hình) hay là thuộc về tình trạng hiện hữu, thì ta hãy đưa nó về cho ‘lượng tri’ (sens commun) phán xét. Nếu nhiều người khác xung quanh ta thấy như ta, nghe như ta, thì ta cho rằng: những cảnh ngộ ấy là ‘khách quan’. Còn trái lại, nếu những người đó không biết gì về sự cảm của ta, ta bắt buộc phải cho những cảnh ngộ đó là ‘trừu tượng’. Nhưng cách thử sự ‘khách quan’ chỉ có giá trị cho những người linh hoạt trong dòng thể chất với ta (tỷ như ta hành động trong thể xác thì họ cũng phải hành động trong thể xác như ta). Nếu một người đang làm việc bằng xác thân, còn một người khác sống trong xác thân, nhưng làm việc bằng thể vía thì những điều ‘khách quan’ của người sau này không cảm nghiệm được người trước đang làm việc bằng xác thân. Và người đang làm việc bằng xác thân sẽ nói rằng: những sự kinh nghiệm này chỉ là những ảo ảnh trừu tượng mà thôi (des hallucinations subjectives). Cái ‘lượng tri’ chỉ hoạt động được là khi nó phán xét những thể đồng nhất mà thôi (tỷ như nó không thể sánh thể xác với thể vía được). Nó sẽ đưa ra những kết quả giống như vậy cho tất cả mọi người sống trong xác thân, hay sống trong cái vía, hoặc sống trong cái trí. Bởi vì ‘lượng tri’ chỉ là hình tư tưởng của Đức Thượng Đế trên mỗi cõi mà thôi. Những hình tư tưởng này sắp xếp cho mỗi tâm thức đi nhập thế và làm cho tâm thức có khả năng ứng đáp được bằng một sự thay đổi nào trong vài rung động của xác thể. Lượng tri không phải bị hạn chế chỉ ở trong cõi trần mà thôi. Nhưng đa số người đời – với trình độ tiến hóa hiện hữu – không làm cho phát triển đủ sức cái tâm thức bên trong để có thể dùng được cái lượng tri của mình triết trên cõi Trung giới và cõi Thượng giới. Lượng tri là bằng có hiệu lực để chứng tỏ sự duy nhất của sự Sống bên trong của tất cả chúng ta. Ta thấy mọi vật xung quanh ta trên cõi trần này cũng bằng cách ấy, bởi vì tâm thức của chúng ta bên ngoài hình như bị chia rẽ, nhưng tất cả đều do một Gốc mà ra, tất cả đều do Tâm thức Thượng Đế mà ra, và nó đang linh động trong mọi hình hài sắc tướng. Chúng ta tất cả đều cảm ứng như nhau, tùy theo bậc tiến hóa của của chúng ta: bởi vì chúng ta cùng chia chung một Tâm thức, ấy là Tâm thức của Đức Thượng Đế. Chúng ta đồng cảm nghiệm như nhau vì sự động và sự phản ứng xảy ra giữa những tâm thức khác và chúng ta quả thật là những hoạt động phụ thuộc của một sự Sống Duy Nhất dưới nhiều hình thức khác nhau.

Bởi vậy, nếu ký ức có thể tìm lại được một chuyện gì đã qua, đó là do nó đã có và được gìn giữ mãi trong Tâm thức của Đức Thượng Đế. Ngài hạn chế chúng ta bằng không gian và thời gian để cho khi chúng ta rần rức, chúng ta có thể đáp ứng lại mau lẹ - bằng cái thay đổi trạng thái tâm thức – do những rung động gây ra trong các thể chúng ta bởi làn rung động của các hạ thể khác có tâm thức đang linh động bên trong. Chỉ có cách đó mà chúng ta tập phân biệt lần lần một cách đúng đắn và rõ rệt mà thôi. Chúng ta tiếp nhận dần dần vì chúng ta bị

hạn chế bởi Thời gian . Chúng ta tiếp nhận dần dần – (theo chiều hướng đối với chính chúng ta và đối với mỗi người khác) – bởi vì chúng ta bị hạn chế bởi không gian. Như thế, chúng ta phát triển dần dần và như vậy đến một trạng thái mà ta có thể biết tất cả mọi việc một lượt và chúng ta còn biết mọi việc ở khắp cùng. Trong trường hợp đó, ta không bị hạn chế bởi thời gian và không gian. Dần dần, như thế, chúng ta trải qua mọi kinh nghiệm ở đời. Chúng ta biết rằng mình không liên lạc được với mọi cảnh mà mình đã trải qua. Cái khả năng ứng đáp của xác thịt ta rất bị hạn chế. Nhơn đó mà đa số kinh nghiệm của ta vượt khỏi tầm kiểm soát của ta. Trong khi ta xuất thân (transe), ta có thể tìm lại được những điều kinh nghiệm đó và người ta nói chúng nó từ tiềm thức trỗi lên. Thật ra, chúng nó luôn luôn ở tại Tâm thức của võ trụ, và khi chúng ta đến gần tầm với của chúng nó, thì chúng ta nhận biết được sự hiện diện của chúng nó: bởi vì ánh sáng tâm thức rất yếu ớt của chúng ta bị chôn vùi trong thể xác, ngã vấp vào chúng nó nên chúng nó biến mất khi chúng ta bước đi. Tuy nhiên, khi ánh sáng của nội tâm chói sáng trong thể vía, thì khoảng không gian được chói sáng đó lớn hơn khoảng không gian mà nó chói sáng tại cõi trần. Nhơn đó, những điều kinh nghiệm xuất hiện một lần nữa khi chúng ta xuất thân – nghĩa là khi chúng ta để xác thịt lặng yên hoàn toàn và hoạt động trong thể vía. Những điều kinh nghiệm không phải xuất hiện để rồi biến mất và xuất hiện lại nữa. Ánh sáng của tâm thức ta trong xác thịt đã tiếp tục bước đi của nó, nhơn đó mà ta không để ý đến chúng nó (nghĩa là những điều kinh nghiệm đó). Nhưng ánh sáng của tâm thức xuyên qua thể vía chói sáng một khoảng rộng lớn hơn khiến cho chúng ta thấy lại chúng nó (là những điều kinh nghiệm ấy) một lần nữa. Như trong quyển The Science of Peace (Khoa học của sự Bằng an), Ông Bhagavan Das nói rất đúng rằng:

“Nếu một người khán giả kia đi tầm vợ giữa đêm khuya trong những gian phòng của một bảo tàng viện rộng lớn; y đi ngang qua một gian phòng dài rộng có để đồ mỹ phẩm với một cây đèn nhỏ nơi tay. Những đồ vật, tranh, hình tượng, hình vẽ mỗi cái đều được lần lượt rọi lên trong một chốc mà thôi, còn mấy món kia thì chìm trong bóng tối. Bây giờ, thay vì chỉ có một người cầm đèn thì có vô số người cầm đèn cũng như có vô số đồ vật trong phòng. Mỗi người cầm đèn đi qua đi lại không ngừng, giữa đám đông. Mỗi ngọn đèn dọi sáng một món đồ vật trong một lúc, do một người cầm đèn. Cái phòng rộng lớn và bất động đó tượng trưng cái ý niệm bất biến của Võ trụ (symbolise l'idéation pétrifiée de l'immuable Absolu). Mỗi một người cầm đèn, giữa đám đông, là một đường tâm thức giữa tất cả đường tâm thức khác (đường như vô biên). Chúng nó gom lại và tạo thành Tâm Thức Duy Nhất của Võ trụ. Khi vật nào được rọi sáng mà xuất hiện là nó ám chỉ cái trạng thái biểu lộ (état manifesté) của nó. Đó là một sự kinh nghiệm của Jiva. Khi một vật nào được rọi sáng mà trở về bóng tối là nó ám chỉ một trạng thái bất biểu lộ (non manifesté) của nó. Nói về phương diện của chính đồ vật hay là Tâm thức võ trụ, thì không có trạng thái biểu lộ hay là trạng thái không biểu lộ. Còn trên phương diện của một đường Tâm thức thì cả hai trạng thái đó đều có cả”.

Hễ các hạ thể, cái này đến cái khác, được trở nên linh động hơn, thì sân trường ánh sáng cũng được nói rộng hơn, và tâm thức cơ thể chú ý được bất kỳ nơi nào của sân trường đó và nó có khả năng quan sát chặt chẽ những đồ vật bên trong. Khi tâm thức có khả năng hoạt động tự do trên cõi Trung giới và tri thức được tất cả cái gì xung quanh nó thì nó có thể thấy nhiều vật trên cõi Hồng trần, nếu nó đã sống với những vật ấy ở dĩ vãng. Nó đã thấy nhiều việc đã qua mà còn thấy nhiều việc sắp tới nữa. Những việc từ ánh sáng của thể vía chói ra ngoài, sẽ sa vào tầm ánh sáng của thể trí, thanh nhẹ hơn. Khi cái thể đó lại chính là cái Chơn Thân (corps causal), thì người ta có thể nhớ lại đặng những kiếp trước: bởi vì Chơn Thân rung động đồng nhịp với những cảnh mà con người đã sống; và ánh sáng chói xuyên qua Chơn Thân choán một khoảng rộng lớn hơn nhiều và chói sáng những cảnh trạng đã xảy ra lâu rồi. Thật ra, những cảnh trạng đó không có thuộc về dĩ vãng hơn là những tình trạng hiện hữu, nhưng

chúng nó choán một chỗ khác trong thời gian và không gian. Những hạ thể trước kia không có rung động để ứng đáp với những cảnh trạng này thì không thể tiếp xúc và ứng đáp với chúng nó được. Phần việc này là phần việc của Chơn Thân, là một cái thể duy nhất tương đối trường cửu. Nhưng khi Chơn Thân ứng đáp với những cảnh trạng đó thì những làn rung động, từ Chơn Thân túa ra bên ngoài, đi xuống các hạ thể, và chúng nó có thể được lập lại trong thể trí, thể vía và thể xác .

6.- Sự chú ý :

Chúng ta đã nói ở trước về sân trường của tâm thức rằng: nó có thể để ý vào bất cứ nơi nào trong sân trường đó và quan sát kỹ lưỡng những vật bên trong. Sự điều khiển cái ý ở trong tâm thức rất giống với điều mà ta gọi là cái nhắm đúng của con mắt ở trong xác thịt. Nếu ta quan sát điều gì xảy ra ở bắp thịt của con mắt khi ta dòm một món đồ để gần, rồi một món đồ để xa hoặc trái ngược lại, ta sẽ cảm thấy một sự cử động ở bắp thịt mắt. Và sự co rút hay nở giãn, tùy trường hợp gây một tác động nhẹ ở trong con mắt. Hiện hữu, sự cử động đó là tự ên vì nó là một sự cử động do thực nghiệm. Một đứa bé không biết nhắm cũng như không đoán được chiều xa của đồ vật. Trước một cây đèn cây để ở tuốt góc phòng, xa nó, nó cũng đưa tay ra với lấy, cũng như nó đã đưa tay ra với lấy cây đèn cây ở gần bên nó vậy. Chỉ về sau, dần dần nó mới biết cái gì ở xa tầm với của nó.

Sự rần rức để thấy rõ đồ vật lần lần đưa đến sự nhắm trúng của con mắt. Và như vậy trong một thời gian, sự nhắm trở thành tự động. Những đồ vật mà mắt chú vào là những đồ vật ở trong tầm mắt, nên chúng nó được thấy một cách rõ rệt, còn những đồ vật nào ngoài tầm nhắm của mắt thì được thấy mờ mờ. Cũng y như vậy, tâm thức biết rõ khi nào nó chú ý đến, bằng không thì sự biết của nó sẽ mờ mờ và không đúng. Vậy, con người tập lần lần chú ý đến những chuyện đã qua từ lâu, từ khi con người biết được ý nghĩa của thời gian. Chơn Thân liên lạc với những chuyện xưa ấy và những sự rung động của nó sẽ di chuyển xuống các thể thấp. Sự hiện diện của một cao đồ (là một đệ tử tiến hóa cao) sẽ giúp đỡ một người học giả ít tiến hóa bởi vì cái Chơn Thân của người cao đồ đã tập rung động để ứng đáp với những chuyện đã xảy ra từ lâu và tạo ra một cái hình ảnh của những chuyện đó bằng chất thanh khí (là bằng chất cái vía) và trong khi đó người học giả ít tiến hóa (bạn của cao đồ kia), có thể lập lại những sự rung động ấy một cách dễ dàng hơn, hơn đó mà y cũng thấy được như vị cao đồ vậy. Tuy dù khi một người kia đã tập biết được quá khứ của y và do đó y biết được những sự rung động khác liên quan với chúng nó bằng cách nào đi nữa, y cũng khó mà chú ý một cách hữu hiệu đến những chuyện mà y không can dự một chút nào. Và khi y thành công, y sẽ khó mà liên lạc với những chuyện ngoài sự kinh nghiệm của dĩ vãng mới xảy ra cho y. Tỷ như y muốn viêng mặt trăng và y phóng mình theo tầm hướng quen thuộc của y, thì y liền thấy mình bị những làn rung động lạ phóng vào túi bụi như mưa mà y không thể nào tự động ứng đáp lại được. Y buộc lòng phải gọi đến quyền năng thiêng liêng trong lòng y để đối phó lại với những gì có thể cảm nhiễm hạ thể y. Nếu y muốn đi xa hơn nữa, để đến một dãy Hành tinh khác, y sẽ thấy trước mặt y một tấm vách mà y lướt qua không được. Tấm vách đó là ‘Cái vòng không thể vượt qua’ của chính Đức Hành Tinh Thượng Đế thuộc về dãy Hành tinh của y .

7.- Tâm thức duy nhất :

Bây giờ chúng ta khởi hiệu ý nghĩa của lời người ta nói rằng: Những người tiến hóa vào một trình độ nào có thể đi đó đi đây trong vũ trụ (Cosmos). Họ có thể liên lạc được với Tâm

Thức của Đức Thượng Đế, khi họ không bị những hạ thể của họ ràng buộc họ như những người ít tiến hóa hơn họ. Những hạ thể này làm bằng chất khí có thể bị biến đổi do ảnh hưởng của Đức Hành Tinh Thượng Đế của dãy Hành Tinh thuộc về của họ. Chúng nó không thể đáp ứng được với những sự rung động của chất khí bị biến đổi một cách khác. Nhà học giả phải có khả năng dùng Tiên Thể (corps âtmique) của mình trước khi liên lạc được với Ký ức võ trụ, bên kia ranh giới của chính Dãy Hành tinh mình.

Đó là lý thuyết về ký ức mà tôi (là tác giả) hiến cho những học giả Thông Thiên Học để cho họ khảo sát. Cái lý thuyết đó cũng áp dụng cho những cái quên nhỏ, cho những cái ký ức vật vụn trong đời sống thường ngày cũng như cho những tầm với xa vời mà chúng ta vừa nói đó. Bởi vì đối với Đức Thượng Đế thì không có cái gì là lớn và cái gì là nhỏ cả. Và khi ta làm xong một cái việc ‘hồi nhớ lại những chuyện tầm thường’ là ta chạm đến sự Toàn Tri và Toàn Diện của Đức Thượng Đế, cũng như khi ta rón nhớ lại cái gì ở xa xưa. Không có cái gì xa xưa và cũng không có cái gì ở gần bên. Tất cả đều hiện tồn như nhau mãi mãi và khắp cùng. Điều khó chỉ là do nơi những hạ thể của chúng ta, chớ chẳng phải là do nơi ‘Sự Sống Bất Di Bất Dịch thâm nhuần võ trụ’. Chúng ta sẽ hiểu mọi vật một cách dễ dàng hơn và sự An Tĩnh sẽ đến với chúng ta nhiều hơn, nếu chúng ta cho rằng: trong cái Tâm thức (của Đức Thượng Đế) này, không có cái gì ‘trước’, không có cái gì ‘sau’, không có cái gì ‘đã qua’ và không có cái gì ‘sắp tới’. Chúng ta khởi cảm thấy những điều đó chỉ là những ảo ảnh, là những giới hạn do các hạ thể của chúng ta bắt buộc chúng ta tưởng như thế. Điều này cần thiết trong lúc quyền năng của chúng ta còn đang tiến hóa và còn đang phụng sự ta. Chúng ta sống một cách vô ý thức trong cái Tâm Thức Cao Cả đó. Trong cái Tâm Thức Cao Cả này, mọi vật đều ‘Hiện tồn’ vĩnh cửu; và chúng ta cảm thấy mù mờ rằng: nếu chúng ta có thể sống một cách ý thức trong ‘Vĩnh Cửu’ thì sự An Tĩnh sẽ đến với chúng ta. Tôi không biết cái gì diễn tả đúng mực độ của chuyện đời bằng cái ý niệm nói về một Tâm Thức mà trong đó mọi việc đều hiện tồn từ lúc khởi thi cho tới bây giờ, nghĩa là không có thi và cũng không có chung. Chúng ta học rằng: không có cái chi đáng ghê sợ và không có cái chi đáng đau buồn, đó chỉ là điều tương đối. Và chính trong bài học ấy mà chúng ta thấy được cái khởi điểm của sự An Tĩnh thực sự. Sự An Tĩnh thật sự này, khi đến ngày giờ, sẽ nảy nở và hóa thành một Phúc Lạc .

PHẦN THỨ HAI

CHƯƠNG THỨ 1

CÁI Ý CHÍ MUỐN SỐNG

Trong bài khảo luận ngắn về Nguồn gốc, nơi Đoạn 1 và 2 (từ trang 2 đến trang 8), Chương thứ nhứt của quyển ‘Tâm thức Học’. chúng ta thấy rằng : Chơn Thần (la Monade),

từ Ngôi Thái Cực (1^{er} Logos) đi xuống, có ba trạng thái là Ý Chí, Minh Triết và Hoạt Động. Nó thọ ba trạng thái ấy do bản gốc ‘Tam vị nhất thể’ (Tri-unité) của nó .

Hiện giờ, chính cái ‘Ý chí’ là điều mà chúng ta lưu ý để học hỏi. Cái Ý-chí biểu lộ trên cõi cao thì mới gọi là ‘nghị lực’ và khi nó biểu lộ dưới cõi thấp thì nó gọi là ‘Dục-vọng’ hay là ‘sự ham muốn’. Và khi chúng ta học về sự ham muốn thì chúng ta đi lần đến sự học về ‘tình cảm’, bởi vì tình cảm và ham muốn gắn liền với nhau không rời. Chúng ta đã thấy rằng: chúng ta ở tại cõi này đây là vì chúng ta muốn sống nơi dương thế. Sự quyết ý của chúng ta khiến cho chúng ta ở tại đây. Nhưng đa số người đời chỉ thực hiện có một một phần nhỏ bản tính quyền năng và tác động của Ý chí: bởi vì, trên bước đầu của con đường tiến hóa, Ý chí biểu lộ dưới danh nghĩa ‘ham muốn’. Và chính dưới trạng thái ‘ham muốn’ này, ta phải tầm học về Ý chí, trước khi hiểu nó dưới trạng thái Ý chí thật sự của nó.

Chính cái trạng thái Quyền năng của tâm thức –(luôn luôn bị che kín trong Chơn Ngã, có thể nói là núp sau Minh Triết và Hoạt Động)- xui giục chúng nó (là Minh Triết và Hoạt động) biểu lộ ra. Bản tính của Ý chí là tự che kín, nên nhiều người cho nó là một với Hành động và không chấp nhận nó là một trạng thái của ‘Tâm thức’. Tuy nhiên, Hành động quả là tác động của Chơn Ngã xuyên qua phàm ngã. Chính điều này làm cho phàm ngã có cái Thực tại vô thường của nó, chính nó là tạo tác. Nhưng có Ý chí ẩn trong đó. Chính Ý chí xui giục Hoạt động. Nó thu hút, nó xô đẩy. Nó là trung tâm điểm của Trái Tim Con Người.

Ý chí là cái quyền năng tạo thành căn cứ cho sự Hiểu biết. Chính nó thúc đẩy sự Hoạt động. Tư tưởng là sự hoạt động tạo tác. Còn Ý chí là nguyên động lực. Những Hạ thể của chúng ta được tạo ra thế nào là thế ấy: bởi vì Chơn Ngã muốn như vậy. Từ hồi bao nhiêu đời rồi. Nó muốn rằng: vật chất phải tạo ra hình thể để cho nó dùng để biết và để làm cho linh động những cái gì xung quanh nó. Trong một bản kinh xưa có nói rằng:

“Hỡi Maghvan, xác thân này, thật ra (một ngày kia) cũng phải chết, nó phải lệ thuộc Từ Thân. Tuy nhiên, chính nó là nơi an nghỉ của Atma (là Chơn Ngã) trường tồn và vô sắc (nghĩa là không có hình thể) . . .

“Con mắt vốn là cơ quan quan sát của Chơn Ngã đang ngự bên trong nó. Người nào muốn: ‘Tôi sẽ ngửi’ thì chính là Chơn ngã y muốn kinh nghiệm ngửi mùi thơm ấy. Người nào muốn: ‘Tôi sẽ nói’ thì chính là Chơn ngã y muốn nói nên lời. Người nào muốn: ‘Tôi sẽ nghe’ thì chính là Chơn ngã y muốn nghe tiếng động. Người nào muốn: ‘Tôi sẽ suy nghĩ’ thì chính đó là Chơn ngã y muốn. Cái trí là Thiên nhãn (l’oeil céleste) nó quan sát tất cả mọi vật đáng thích. Nhờ Thiên nhãn của cái trí mà Chơn Ngã vui hưởng tất cả.” (Trích trong quyển Chandoggyopanishat, VIII, xii, 1, 4, 5 .)

Đó là sự huyền bí, là nguyên động lực của sự tiến hóa. Hoàn toàn đúng rằng: cái đại Ý chí vạch con đường tiến hóa. Và cũng đúng rằng: các Đấng Thiêng Liêng – thuộc về nhiều trình độ khác nhau - điều khiển các sinh linh trên các nấc thang tiến hóa. Nhưng người ta không quan trọng hóa những vô số kinh nghiệm, những sự thành công và thất bại, những con đường quanh co, khúc khuỷu - do sự sò soạng của những ý chí chia ly với nhau. Mỗi cái ‘Ý chí muốn sống’ rần sức tìm cách tự biểu lộ. Sự va chạm với cõi bên ngoài làm cho Chơn ngã tỏ Ý chí muốn biết vật gì va chạm đó. Đối với con sứa, thì sự va chạm chỉ đem đến cho nó một sự hiểu biết chút ít mà thôi. Những cái ý chí muốn biết linh động (xuyên qua nhiều hình thể) là con mắt lần lần trở nên hoàn bị khiến cho quan năng tri giác của nó ít bị trở ngại. Khi ta nghiên cứu về Sự Tiến Hóa thì trở nên tri thức lần lần sự hiện diện của ý chí đang đào luyện vật chất; nhưng nó đào luyện bằng sự kinh nghiệm dò dẫm chớ không phải bằng sự thấy, biết rõ ràng. Sự hiện diện của những cái ý chí này làm cho ‘cây tiến hóa’ nảy thêm nhánh nhóc .

Có một cái Chơn lý thật sự trong câu chuyện hài hước của giáo sư Clifford thuật về loại bò sát khổng lồ ở thời tiền sử như vậy: ‘Có con nhất định bay, nên chúng nó trở thành chim. Có con nhất định bò, nên chúng nó trở thành rắn rít’.

Lắm khi ta thấy một sự cố gắng bất thành, và rồi nó xoay qua chiều hướng khác. Khi khác ta lại thấy nhiều cơ cấu hết sức hoàn toàn. Những cơ cấu hoàn toàn này là những kết quả của các vị Thiên sứ, hiểu biết tôn chỉ của các Ngài. Các Ngài luôn luôn gọt đẽo những hình hài sắc tướng thích nghi. Còn những cơ cấu thô kịch kia là do sự cố gắng bên trong – còn đang dọ dẫm, nhưng nhất quyết cố gắng tự biểu lộ. Nếu chỉ có những vị kiến thiết bên ngoài mà thôi (là những Đấng đã thấy- từ lúc khởi thi - cái tôn chỉ phải làm) thì thiên nhiên chỉ hiển cho ta những kiến tạo bí hiểm; hơn đó mà có biết bao sự cố gắng không kết quả, nhiều ước vọng không thành. Nhưng chừng khi ta nhận biết được trong mỗi hình thể cái Ý chí muốn sống tìm cách biểu lộ và đào luyện những hạ thể cho sự cần thiết đặc biệt của nó, thì ta có thể hiểu được cơ đồ tạo tác của Hóa Công; nó là nền tảng chung của tất cả. Ta có thể hiểu được tại sao những hình hài sắc tướng này đang hoạt động để cho Thiên cơ được thành tựu. Ta cũng hiểu được việc làm của các vị Thiên Sứ kiến thiết này, và ta cũng có thể hiểu được những cơ cấu vụng về, những phương tiện không khéo léo do sự cố gắng của Chơn ngã quả quyết nhưng chưa đủ sức thông hiểu hay khả năng để làm một cách hoàn thiện. Chính cái Chơn Ngã này sờ soạng. Nó tìm kiếm, nó chiến đấu. Nó là cái Ngã thiêng liêng. Và với sự tiến bộ, nó dần dần càng trở nên một chân Hoàng Đế, một Chơn Sư ở nội tâm, một Đấng trường tồn, bất diệt.

Người nào thấy đặng chính mình là Vị Hoàng Đế Vĩnh cửu đang ngự ở giữa các hạ thể mà y đã tạo tác để tự biểu lộ, thì người ấy thấy đặng cái hơn phẩm của mình, thấy đặng cái quyền năng của mình càng ngày càng lớn dần, có khả năng khuát phục được bản ngã phạm tục. Chỉ có sự hiểu biết Chơn Lý đem đến cho ta sự tự do mà thôi. Việc làm của vị Hoàng đế bên trong có thể còn bị hạn chế bởi các hạ thể do chính Ngài tạo tác để tự biểu lộ. Nhưng khi Ngài biết rằng mình là một vị Chúa tể duy nhất thì Ngài có thể làm việc một cách bền bỉ để trở thành một vị Hoàng Đế trong nước. Ngài biết mình xuống cõi trần với mục đích đã hoạch định rõ ràng để có thể làm việc đồng nhịp với Ý chí của Đấng Hóa Công, Ngài biết mình phải làm điều chi và chịu những đau khổ cần thiết để hoàn thành mục đích đó. Ngài biết mình là thiêng liêng và sự thật hiện Chơn Ngã chỉ là vấn đề thời gian, Ngài ý thức được sự thiêng liêng ẩn tàng bên trong dù nó chưa biểu lộ được. Việc làm duy nhất của Ngài là làm cho cái tinh túy trở thành sự thật hiển nhiên.

Cái Ý chí chúa tể trong lòng chúng ta giống như một vị Hoàng Tử sanh ra để làm vua. Vị Hoàng tử này phải trải qua nhiều cơn thử thách nhằn nại trước khi thành một vị Hoàng Đế. Cái Ý chí chúa tể trong lòng ta cũng đang tiến hóa đến một khi kia nó có thể hưởng được những quyền năng vương giả, còn bây giờ đây, nó đang phải chịu sự rèn luyện cần kíp của đời sống.

Chương trình học chung : (tại 72/4 Nguyễn đình Chiểu Sài Gòn)

Thứ bảy : 14 – 1 – 1967 lúc 4 giờ 30 chiều .

Đề tài : ‘ Tâm thức của Chơn Thần ’

Thứ bảy .: 28 – 1 – 1967 lúc 4 giờ 30 chiều.

Đề tài : ‘ Cái Ý chí muốn sống ’ .

CHƯƠNG THỨ 2

SỰ HAM MUỐN HAY LÀ DỤC VỌNG

1.- Bản tính của Dục vọng (La nature du désir).

Khi Chơn Thần phóng tia sáng xuống chất khí của ba cõi dưới (là cõi Niết Bàn, Bồ Đề và Thượng Thiên) và tiếp lấy tại mỗi cõi một hạt nguyên tử trường tồn, (Xin xem lại đoạn ‘Sự tuyển chọn những hạt nguyên tử trường tồn’, trang 86) . – thì nó tạo ra một điều mà người ta thường gọi là: ‘sự phản ảnh của Chơn Thần trong vật chất’, ‘hay là linh hồn trong con người’. Và cái trạng thái Ý chí của Chơn Thần phản chiếu cái trạng thái Atma (là trạng thái Ý chí) trong con người. Trạng thái Atma này ngự ở cõi Niết Bàn. Do cái thực thể (hypostase) thứ nhất đó, nghĩa là do sự phóng tia xuống năm cõi dưới, mà Chơn Thần tự nhiên giảm bớt quyền năng. Nó giảm bớt quyền năng là vì nó bị bao vây bởi chất khí ba cõi dưới, chớ bản năng bên trong của nó không bị hư hại chi cả. Tỷ như hình ảnh của một đồ vật do một tấm gương hảo hạng chiếu rọi lại y hệt, thì cũng giống như vậy, Linh hồn con người – là Atma, Bouddhi, Manas – là một hình ảnh Hoàn hảo của Chơn Thần. Quả thật, chính là Chơn Thần bị chất khí nặng trọc bao xung quanh. Nhưng cũng y như một tấm gương mặt lỏm hay mặt lồi đều chỉ phản ảnh đồ vật một cách sai lệch. Vì vậy mà khi Chơn Thần nhập vào thể chất nặng trọc thì nó chỉ phản ảnh một cách lệch lạc mà thôi .

Ấy vậy, khi Ý chí (của Chơn Thần) trên đường đi xuống và tự bao vây với chất khí trọc của mỗi cõi, nó nhập vào cõi cao hơn cõi trần (tức là cõi Trung giới) và hiện lên dưới danh nghĩa là ‘Ham muốn’ hay ‘Dục vọng’. Dục vọng có tất cả năng lực, sự tập trung sức mạnh, với tính cách thúc đẩy của Ý chí, nhưng vì tấm màn nặng trọc đó bao vây nó (là Ý chí) nên nó mất cả sự kiểm soát, sự điều khiển của Linh hồn, mà phải chịu ở dưới quyền sai khiến của Dục vọng. Dục vọng là Ý chí bị xuống ngôi, là nô lệ của vật chất. Nó không hoạt động tự ý nó, mà nó hoạt động theo những cái hấp dẫn xung quanh nó.

Đó là điều dị biệt giữa Ý chí và Dục vọng. Cái bản tính bên trong của cả hai đều như nhau, bởi vì thật ra, cả hai chỉ là một sự quyết định của Atma – là nguyên động lực trong con người. Chính cái nguyên động lực ấy xui giục con người hoạt động ở ngoại giới để đi đến Vô ngã (nghĩa là không còn cái ô trọc của phàm ngã). Khi Chơn ngã nhất định hoạt động thì sự hoạt động này không bị cảm nhiễm bởi những sự hấp dẫn hay những cự lực của ngoại giới. Bây giờ Ý chí mới xuất hiện. Khi những hấp dẫn và những cự lực bên ngoài điều khiển sự hoạt động, và con người là cái trò chơi của thế cuộc, bịt tai trước lời nói của Chơn Ngã, vô tri trước sự hiện diện của Sư Phụ bên trong (Maitre Intérieur) thì bây giờ Dục vọng hiện lên .

Dục vọng là Ý chí ẩn dưới lớp thanh khí của cõi Trung giới. Lớp thanh khí này bị Luồng Sóng Sinh Hoạt thứ nhì kết tập nhiều thứ, do đó, sự tác động giữa những cái kết-tập ấy và tâm thức tạo ra sự cảm giác trong lớp thanh khí nói trên. Cái Ý chí (bị bao vây bởi lớp thanh khí) kéo theo những cảm giác trong tâm thức trở thành Dục vọng. Cái bản tính chánh của Ý chí là sanh ra động lực, mà nó lại bị bao vây bởi chất thanh khí, nên tạo ra cảm giác, nó ứng đáp sự cảm giác bằng một sức thúc đẩy. Sức thúc đẩy đó tinh dậy và hoạt động xuyên qua chất thanh khí của cái vía. Chính nó là Dục vọng .

Trên cõi cao, Ý chí là nguyên động lực, nơi cõi giới Dục vọng cũng là nguyên động lực. Khi dục vọng yếu ớt thì trọn cả bản năng con người đều bạc nhược trước những phản ứng ở ngoại giới. Cái sức mạnh thực sự của con người chỉ lượng bằng sức mạnh Ý chí hay sức mạnh

dục vọng, tùy theo trình độ tiến hóa của cá nhân. Trong câu ngạn ngữ có ẩn một chơn lý: ‘Kẻ đại ác sẽ trở thành vị đại thần), một người kia tánh tình lãnh đạm không thể nào là đại hiền hay đại ác đặng. Ý không đủ sức mạnh bên trong để làm điều gì khác hơn là: nửa chừng đạo đức hay nửa chừng gian ác. Sức mạnh của bản tính dục vọng của một cá nhân là cây thước để đo tỷ lượng tiến hóa của y, nhờ nó mà y tự dọn đường cho y. Cái sức mạnh thúc đẩy cá nhân phản ứng với những người xung quanh hay trước hoàn cảnh khiến cho ta đo được cái sức mạnh của năng lực y để sửa đổi và chinh phục. Trong sự chiến đấu với dục-vọng-tính – (sự chiến đấu này là biểu hiện sự tiến hóa trên đường thiêng liêng) - cái nguyên động lực không bị hủy diệt, mà được thay đổi: những dục vọng xấu xa sẽ được đổi ra những dục vọng cao hơn. Sức mạnh của dục vọng sẽ được lọc thanh mà chẳng làm hại gì đến năng lực của nó. Cứ thay đổi như vậy mãi cho đến một ngày kia bản tính của dục vọng sẽ biến mất để hiện lên dưới hình thức của Ý chí. Tất cả sức mạnh gom lại và hòa tan trong Trạng thái Ý chí của Linh hồn, trong quyền năng của Chơn ngã.

Ấy vậy, người chí nguyện chớ ngã lòng trước sự nổi dậy đập dồn của dục vọng. Cũng như nhà dạy thú không ngã lòng và sợ sệt trước sự nhảy, đá, dựng ngược của con ngựa con còn rùng đang hung hăng. Tánh rùng của con ngựa nhờ chưa được rèn luyện, và sự phản động của nó trước sức cô gắng để tập nó, chỉ là những cái hứa hẹn cho tất cả điều gì nó sẽ phụng sự lại một ngày kia, khi nó đã được tập rèn xong. Cũng y như thế, sự chống đối của dục vọng trước gọng kềm của trí tuệ chỉ là cái hứa hẹn, ở tương lai, cho sự hoạch đắc một Ý chí cương cường. Chính cái Ý chí cương cường đó là Quyền năng của Chơn ngã .

Nơi nào mà có sự khó khăn xảy đến là nơi ấy dục vọng còn yếu, trước khi Ý chí vượt khỏi sự trở ngại của chất thanh khí (là chất cái vía). Bởi vì trong trường hợp đó, cái Ý chí muốn Sống chỉ biểu lộ một cách yếu ớt mà thôi, và cái nguyên động lực để thúc đẩy sự tiến hóa dường như không có. Còn có sự trở ngại khác nữa là: những hạ thể của chúng ta là những bức rào ngăn chặn luồng nghị lực của Chơn Thần, không cho nó lưu chảy dễ dàng. Và bao giờ những chướng ngại ấy chưa trừ được thì mọi sự tiến hóa dường như vạn nan! Trong cơn dông tố, chiếc thuyền lướt sóng tiến tới, nó có thể bị đắm. Nhưng khi biển lặng, sóng êm như mặt hồ, thì nó lại đứng im không tuân theo lá buồm và bánh lái. Và trong cuộc du hành vĩ đại này, mà ta gọi là sự tiến hóa, con người không bao giờ gặp tai nạn cuối cùng đâu. Con người chỉ gặp những tổn hại tạm thời, và những cơn bão tố đưa đến sự tiến hóa hơn là lúc trời quang mây tạnh. Những ai thấy mình bị bão tố tạt tới có thể tự tin rằng: một ngày kia dông gió của dục vọng sẽ được thay thế bằng triều lưu liên tục của Ý chí.

2.- Sự biểu lộ của Dục Vọng – (Apparition du désir) .

Tất cả sự cảm giác của ta đều tùy thuộc cõi Trung giới. Những trung khu cảm giác của ta đều nằm trong thể vía và sự phản ứng của những trung khu này (do ngoại giới gây nên) tạo ra sự vui hay sự buồn trong tâm thức. Nhà sinh lý học thường cho rằng; sự cảm giác vui buồn là do một thiết điểm (point de contact) trong óc, và họ chỉ biết sự rung động của thần kinh đi từ bên ngoại diện đến thiết điểm ấy, và trong thiết điểm này, sự phản ứng của tâm thức tạo ra cảm giác. Nhưng chúng ta do theo sự rung động xa hơn nữa, chúng ta chỉ thấy trong thiết điểm ở óc, và trong dĩ thái lưu chảy nơi thiết điểm đó, những sự rung động đơn thuần mà thôi, còn trung khu cái vía mới là nơi phản ứng của tâm thức. Khi cái vía lìa xa xác thịt do thuốc mê (chloroforme, éther) hay một thứ hơi nào hoặc một thứ thuốc gì, thì xác thịt, với trọn cả bộ thần kinh, mất hết tri thức, cũng như nó không có một sợi dây thần kinh nào vậy. Sợi dây liên lạc giữa xác thịt và thể cảm giác (là thể vía) mất sự thẳng bằng trong sự hoạt động của chúng nó, và tâm thức không ứng đáp được với ngoại giới nữa.

Dục vọng hoán khởi trong thể vía, và sanh ra lần đầu tiên sự vui sự buồn. Như chúng ta đã nói ở trên, sự vui biểu hiện bằng ‘tính tăng đại’ sự sống, bằng làm cho sự sống dồi dào thêm. Phong phú thêm. Còn sự buồn, sự khổ thì biểu lộ bằng ‘tính thu hẹp’ sự sống. Cả hai là thành phần trọn vẹn của tâm thức. Ở vào trạng thái đầu tiên, tâm thức không biểu lộ Ý chí, Minh triết và Hoạt động, dù trong lúc còn phôi thai cũng vậy: cảm giác sanh ra trước chúng nó và thuộc về tâm thức. Mặc dầu trong những giai đoạn tiến hóa về sau, cảm giác tự chỉ tỏ là mình liên đới với trạng thái ‘Ý chí-Dục vọng’ (volonté-desir) khiến cho người ta suýt làm tưởng cả hai là ‘một’. Khi mà những trạng thái vui và buồn xảy ra thường xuyên hơn trong tâm thức, thì chúng nó lại sinh ra một cảnh huống đặc biệt. Cảnh huống ấy là khi sự vui đã qua thì trong tâm thức chỉ tồn tại một sự ‘lưu luyến’, sự ‘lưu luyến’ đó biến đổi ra một sự ‘mò mẫm, dò la’ không nhất định, để tìm lại sự vui ấy. Và điều quan trọng nên lưu ý là: sự ‘mò mẫm, dò la’ đó không phải để tìm cái gì tạo ra sự vui, mà là để tìm sự liên tục của cảm giác vui. Sự tìm cảm giác đã qua một cách lơ mờ như vậy tạo ra một sự ‘động hành’ (mouvement), một bước tiến để chiếm và giữ cái cảm giác ấy. Sự ‘động hành’ này không máy rõ rệt nên không thể gọi là sự cố gắng. Cũng giống như vậy, khi sự buồn đã qua, trong tâm thức chỉ tồn tại một ‘cự lực hiềm-ố’ (répulsion), nó trở thành một cố gắng mù mờ để xô đuổi sự buồn đó đi. Chính trong trạng thái trên đây tạo ra dục vọng.

Sự hoán khởi dục vọng đó là một sự cố gắng yếu ớt, một bước vận hành, một sự sờ soạng mù mờ, không chiều hướng nhận định, để tìm sự vui ở đời sống bên ngoài. Sự tìm vui này không thể đi xa được, bao giờ tư tưởng chưa được tiến hóa đến một mức độ nào, chưa biết được ngoại giới, chưa biết được cái gì không thuộc về Bản ngã với sự vui hay buồn sanh ra trong tâm thức, khi chúng nó va chạm nhau. Nhưng rất lâu, trước khi biết được sự hiện diện của đồ vật bên ngoài, cái kết quả của những sự va chạm ấy tạo ra, - như ta đã nói ở trên - một sự chia rẽ, một sự nhị hóa (dédoublement) dục vọng. Chúng ta hãy lấy một tỉ dụ rất đơn giản này là: nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể. Khi xác thân yếu mòn, trở thành bạc nhược, thì trong cái vía lại nảy ra một cảm giác đau đớn, một sự cần thiết, một sự đòi hỏi mãnh liệt, tuy còn mù mờ, không chiều hướng rõ rệt. Xác thân vì yếu mòn, đã trở thành một khí cụ ít hữu hiệu cho sự sống từ cõi Trung giới tuôn xuống. Sự ngăn chận này tạo ra sự đau đớn. Khi cơ thể được dinh dưỡng trở lại, vật thực được xác thân thu thập, sự yếu mòn được bồi bổ, thì sự sống được lưu chảy thường xuyên; đó là sự vui. Đến một giai đoạn cao hơn một chút, khi có sự khổ xảy ra, thì hiện lên một ý muốn xa lánh sự khổ ấy, một cự lực hiềm họa, khác biệt với tính ‘lưu luyến’ do sự vui tạo ra. Cái kết quả này là do dục vọng chia đôi. Do cái Ý chí muốn Sống mới nảy sinh ra lòng ham muốn cảm giác nồng nhiệt. Và lòng ham muốn cảm giác nồng nhiệt này hiện lên trong các hạ thể dưới hình thức dục vọng: nó chia làm hai đường: 1) Một là ý muốn cảm giác nồng nhiệt tăng cường sức mạnh cho sự sống, và 2) Hai là một sự trốn tránh cái gì làm cho sút giảm sự sống này. Cái hấp lực, và cái cự lực ấy, cả hai đều là bản tính của dục vọng. Đá nam châm thu hút hay là đẩy lui một vài thứ kim khí, thì cái Ngã (le Soi) cũng thế ấy. Nó hấp dẫn hay là đẩy lui những gì xung quanh nó. Hấp lực và cự lực cả hai đều là dục vọng. Chúng nó là hai động lực vĩ đại của đời sống. Trong hai chúng nó, mọi dục vọng đều có thể giải quyết được. Chơn ngã mà bị sa vào ách của dục vọng rồi, - nghĩa là dưới sự kèm chế của hấp lực và cự lực - thì nó bị hút bên này và bị xô bên kia, nó bị phóng vào giữa những sự kiện gây ra sự vui hay sự khổ, giống như chiếc thuyền không lái giữa biển khơi và gió trời.

Chương trình học chung :

Tại ; Tinh Thần Viện 72/4 Nguyễn đình Chiểu Sài gòn .
 Lúc : 4 giờ 30 chiều
 Ngày : Thứ bảy 11-3-1967 với
 Đề tài: Bản tính của Dục vọng .

Ngày : Thứ bảy 25-3-1967 với
 Đề tài: Sự biểu lộ của Dục vọng .

CHƯƠNG THỨ 2

SỰ HAM MUỐN HAY LÀ DỤC VỌNG

3- Sự liên lạc giữa Dục vọng và Tư tưởng . (Relations entre le Désir et la Pensée)

Giờ đây chúng ta hãy xem qua sự liên lạc giữa Dục vọng và Tư tưởng, và để ý tại sao trước tiên dục vọng kèm hãm tư tưởng và sau cùng chính nó bị tư tưởng kèm hãm lại!

Cái lý do thuần túy là phản ảnh của trạng thái Minh Triết của Chơn Thần (Monade) chiếu xuống tâm phàm dưới hình thức Bồ Đề (Bouddhi). Nhưng nơi đây, chúng ta không lưu ý đến sự liên lạc giữa dục vọng và cái lý thuần túy ấy bởi vì người ta không thể nói có một sự liên lạc trực tiếp với sự Minh triết, mà là có một sự liên lạc trực tiếp với Bác Ái: vì Bác ái là phản ảnh của Minh triết tại cõi Trung giới. Tốt hơn là điều chúng ta cần phải học là sự liên lạc với trạng thái Hành động của Chơn thần. Cái trạng thái này hiện xuống cõi Trung giới dưới hình thức cảm giác, và tại cõi Thượng giới, nó hiện lên dưới hình thức Tư tưởng. Chúng ta không nói đến cái Trí tuệ (L'Intelligence supérieure) là sự hành động Sáng tạo (Manas) trong trạng thái thuần túy của nó, mà chúng ta nói đến cái phản ảnh của Trí tuệ, là cái trí méo mó, ấy là cái hạ trí (l'intelligence inférieure). Chính cái hạ trí này liên lạc trực tiếp với dục vọng. Trên đường tiến hóa của con người, dục vọng và hạ trí không tách rời ra. Chúng nó kết giao khnit khít cho đến nỗi người ta gọi chung chúng nó bằng danh từ 'Kama-Manas' (là Dục vọng-Tư tưởng) cũng như cả hai là 'một' vì trong tâm thức phàm, người ta ít thấy một tư tưởng nào không bị nhuộm màu dục vọng. Thật ra Manas (cái trí) có hai mặt: mặt thanh và mặt trược.

Cái Manas thanh do tư tưởng quyết định. Cái Manas trược do Dục vọng quyết định. (Kinh Bindopanishat,1).

Cái hạ trí này trở thành 'tư tưởng' trên cõi Thượng giới. Cái bản tính đặc biệt của nó là xác định và phủ nhận. Nó biết là nhờ so sánh. Nó trông thấy và nhớ. Như chúng ta đã thấy ở trên, cũng cái trạng thái này, trên cõi Thượng Giới nó là Tư tưởng, còn trên cõi Trung giới, thì nó là cảm giác do sự va chạm với ngoại giới tạo thành.

Khi một niềm vui đã hưởng xong, và nó tan đi, thì dục vọng lại dấy lên để thưởng thức nó lại như ta đã thấy. Đó là do ký ức; ký ức là một công tác của trí khôn. Nơi đây, cũng như khắp chỗ, ta nên nhớ rằng: tâm thức luôn luôn hoạt động dưới ba trạng thái (dù có một trong ba trạng thái ấy linh động hơn), bởi vì dù một dục vọng nào còn non nớt nhất, cũng không thể sanh ra được, nếu không có ký ức. Cảm giác phải sanh ra bởi sự va chạm bên ngoài, và nó phải được nhập đi nhập lại nhiều lần như vậy, trước khi trí khôn bắt được dây liên lạc giữa

cảm giác (mà nó tri thức được) và vật ngoại giới tạo ra sự cảm giác đó. Sau cùng cái trí khôn nhận thấy được món đồ vật, nghĩa là nó liên lạc được với một trong những cái biến đổi trong chính nó và nó biết sự biến đổi xảy ra trong chính nó là do ngoại vật gây nên. Sự nhận biết như thế ấy được lập đi lập lại nhiều lần tạo ra trong ký ức một sợi dây liên lạc hẳn hoi giữa ngoại vật với sự cảm giác vui hay buồn. Và khi dục vọng xúi dục con người lập lại sự vui thì trí khôn nhớ lại ngoại vật nào đó đã tạo ra sự vui ấy. Thế thì dục vọng pha trộn với tư tưởng. Sự pha trộn này tạo ra một cái dục vọng đặc biệt; nó có mục đích tìm và chiếm vật nào đã đem lại sự vui đó.

Dục vọng xui giục trí khôn trở tài tự nhiên của nó trong sự tìm kiếm và chiếm hữu này. Sự ham muốn thiết tha mà không được thỏa mãn sẽ tạo ra một sự bức rức khó chịu; và con người rán sức vút bỏ sự bức rức này bằng cách xâm chiếm món đồ vật ấy. Trí khôn lập chương trình và kế hoạch, bắt cái xác hoạt động để làm thỏa mãn lửa dục. Cũng như đối với sự buồn, trí khôn bị dục vọng xui giục, tạo chương trình và kế hoạch bắt cái xác hoạt động để xa lánh sự buồn do một ngoại vật tạo ra, và trí khôn biết tại cái ngoại vật ấy nên mới có sự đau buồn này.

Đó là sự liên lạc giữa Dục vọng và Tư tưởng. Nó đẩy động, thúc giục, xô đẩy trí khôn cố gắng. Cái trí khôn này lúc ban sơ, là nô lệ của dục vọng. Sự này nở mau lẹ của nó tùy thuộc ở sự xui giục mạnh mẽ của dục vọng. Chúng ta ham muốn, tự nhiên chúng ta bắt buộc phải suy nghĩ.

4.- Dục vọng, Tư tưởng, Hành Động (Désir, Pensée, Action)

Giai đoạn thứ ba của sự liên lạc giữa Chơn ngã và Phàm ngã là sự Hành động. Trí khôn, một khi nhận thấy mục phiêu của nó rồi, thì nó xui xác thân hoạt động dưới sự điều khiển và điều luyện của nó. Người ta thường nói rằng: hành động sanh ra bởi dục vọng. Những dục vọng đơn độc chỉ có thể tạo được một sự vận hành, một sự tác động mù mờ mà thôi. Mạnh lực của dục vọng là sức đẩy tới, chứ không phải sức điều khiển. Chính tư tưởng đem đến yếu tố điều khiển và điều dắt hành động tùy cảnh.

Cái vòng lẫn lộn – ‘dục vọng, tư tưởng, hành động’- cứ lập đi lập lại mãi trong tâm thức. Cái năng lực thúc đẩy của dục vọng sanh ra tư-tưởng. Cái năng lực điều khiển của tư tưởng dìu dắt hành động. Sự nối tiếp cái này với cái kia cứ diễn đi diễn lại, không hề thay đổi. Điều quan trọng nhất là phải hiểu rõ nó, bởi vì sự kiểm soát hạnh kiểm tùy thuộc ở cách hiểu và cách áp dụng nó trong thực tế. Muốn kết nhân quả, thì phải hiểu thật rõ rệt cái ‘vòng liên tục’ này, bởi như vậy, chúng ta mới phân biệt được cái hành vi nào có thể tránh được với cái hành vi nào không thể tránh được.

Chính nhờ tư tưởng chúng ta mới có thể sửa đổi dục vọng, và nhờ đó sửa đổi hành vi. Khi trí khôn nhận thấy có vài dục vọng xui khiến nó làm điều quấy, (đưa đến kết quả tai hại) thì về sau nó có thể chống cự lại những cơn thúc giục của dục vọng trên đường cũ và nó không chịu điều khiển hành động đưa đến một kết quả mà nó đã biết là tàn khốc. Nó có thể tưởng tượng những kết quả đau buồn đó; như vậy nó kích động cự lực của dục vọng và thấy được trong trí tưởng tượng những kết quả tốt đẹp do những dục vọng đối lập (với những dục vọng xấu trước kia). Cái sức sáng tạo của tư tưởng có thể dùng để trao đổi dục vọng, và sức thúc đẩy của nó có thể bước sang một chiều hướng tốt đẹp hơn. Thế thì, tư tưởng có thể dùng để chủ trị dục vọng và trở thành ‘chủ nhơn’ chứ không phải ‘nô lệ’ của nó. Và khi trí khôn đã nhận định được cái ưu quyền của nó đối với đối thủ bất kham rồi (là dục vọng) thì nó khởi sự biến đổi dục vọng ra ý chí. Nó đòi sự kiểm soát của Sức Mạnh chói sáng từ ngoài vô trong, từ ngoại vật cảm dỗ hay hiểm ó đến Tinh Thần là Đấng Chủ Tể bên trong.

5.- Những sợi xích thàng của dục vọng (Les liens du désir) .

Một khi mà Ý chí muốn sống là nguyên nhân của sự tuôn tràn sự sống ra ngoài giới (là cái nguyên nhân thúc đẩy sự sống tìm nhập xác và chiếm hữu cái gì cần ích cho sự biểu lộ và sự duy trì hình thể của nó), thì Dục vọng (vốn là Ý chí cõi thấp), cũng có đặc tính giống y như vậy. Dục vọng cũng tìm chiếm hữu, tìm cách rút vào nó để làm thành phần của nó tất cả cái gì có thể lưu giữ và tán trợ sự sống bên trong hình thể. Khi chúng ta muốn một vật gì, chúng ta tìm cách làm cho vật ấy trở nên thành phần của chúng ta – (của cái ‘Ngã’ chúng ta) - để cho nó đóng góp một phần vào cái hình thể mà trong đó cái ‘Ngã’ đang trú ngụ. Dục vọng là sự biểu lộ của sức hấp dẫn. Chính nó thu hút đến chúng ta vật mà chúng ta sở vọng. Tất cả cái gì chúng ta muốn, chúng ta đều rút về chúng ta. Cái ý muốn chiếm hữu tạo ra một sợi dây liên lạc giữa đồ vật và người sở vọng. Như đó mà chính ta cột vào Chơn ngã của chúng ta cái thành phần này của Phạm ngã. Và sợi dây liên lạc đã được tạo ra như thế sẽ tồn tại cho tới khi nào ‘vật sở vọng’ đã hoàn toàn thuộc về chúng ta, hay cho tới chừng nào Chơn Ngã cắt đứt sợi dây ấy đi và xô đuổi ‘vật sở vọng’. Chính đó là những ‘sợi dây tình’ (les liens du coeur); chúng nó cột Chơn Ngã vào bánh xe Luân Hồi sanh tử.

Những sợi dây đó cột người sở vọng với vật sở vọng cũng giống như sợi dây kéo rút Chơn Ngã đến nơi nào mà nó tìm được vật sở vọng của nó; và như thế, nó hẳn định sự sanh của nó ở cõi đời này hay cõi đời khác. Có một câu chơn ngôn nói về chính điều này: ‘Người nào lưu luyến một vật gì thì luôn luôn dùng hành động để chiếm hữu vật ấy – cái vật mà trí khôn của y đã chấm. Và khi đã chiếm hữu được vật sở vọng bằng hành động tại cõi hạ giới này rồi, thì y từ thế giới khác, trở lại cõi trần lần nữa, cũng chỉ vì vật sở vọng ấy mà thôi. Đối với trí khôn ham muốn thì cũng thế’. (Kinh Brihadaranya Kopanishat, IV,iv. 6). Nếu một người kia ham muốn những đồ vật nơi một thế giới khác mãnh liệt hơn tại thế giới mà y đang ở, thì chính tại thế giới đó y sẽ đầu thai lại. Sợi dây dục vọng cứ mãi siết chặt cho tới khi nào cái ngã và đồ vật hợp nhau lại mới thôi.

Chính cái Ý chí muốn sống – (là cái mãnh lực điều khiển vĩ đại và duy nhất) - duy trì sự vận hành của những hành tinh xung quanh mặt trời, ngăn chặn sự tan rã chất khí của các bầu vũ trụ, và giữ vững những hạ thể của chúng ta không cho rời rạc. Cái Ý chí muốn sống ấy là sức mạnh của dục vọng. Sức mạnh này điều khiển, trong người của chúng ta, tất cả cái gì thuộc về dục vọng, và nó rút về chúng ta tất cả đồ vật mà chúng ta lưu luyến, hoặc giả nó đưa chúng ta đến những đồ vật này. Lưỡi câu của dục vọng móc vào một đồ vật cũng giống như cái dục-móc móc vào con cá voi vậy. Khi dục vọng gắn vào một món nào, thì cái Ngã cũng bị cột vào món ấy, nó dùng ý chí để chiếm hữu và nó dùng hành động để đồng hóa với nó. Chính vì lẽ đó mà một nhà Hiền Triết nổi tiếng kia nói rằng: ‘Nếu con mắt hữu của người làm phiền người, thì hãy móc nó ra và ném nó ra xa. –Nếu bàn tay hữu của người làm mất lòng người, thì hãy chặt nó đi và ném nó ra xa’. (Mathieu, V, 20-30). Vật sở vọng trở thành thành phần của cái Ngã, và nếu nó xấu, thì phải rút bỏ nó đi với bất cứ giá nào. Bằng không, nó chỉ biến mất với thời gian và với sự dần mòn.

Sách ‘Ánh Sáng Trên Đường Đạo’ có nói rằng “Chỉ có linh hồn mạnh mẽ mới diệt được nó. Người yếu nhược phải chờ cho nó nảy nở, đơm bông trở trái rồi chết ” .

Chương trình học chung :

Tại : Tinh Thần viện 72/4 Nguyễn đình Chiểu Sài Gòn .
 Lúc : 4 giờ 30 chiều .

Ngày : Thứ bảy 8 – 4 – 1967
 Đề tài: Sự liên lạc giữa Dục vọng và Tư-tưởng.
Dục vọng, Tư tưởng, Hành động.

Ngày : Thứ bảy 22-4-1967
 Đề tài : Những sợi xích thàng của Dục vọng .

CHƯƠNG THỨ 2

SỰ HAM MUỐN HAY LÀ DỤC VỌNG

6 .- Cắt đứt những sợi xích thàng (Rupture des liens) .

Muốn cắt đứt những sợi xích thàng dục vọng thì phải nhờ đến trí khôn. Chính trong trí khôn mới có trước nhất cái năng lực tinh lọc dục vọng và biến đổi nó về sau.

Mỗi khi một người kia chiếm hữu một vật sở vọng nào, thì trí khôn ghi nhận kết quả của sự chiếm hữu đó, và lưu ý đến sự phối hiệp giữa vật sở vọng với cái Ngã coi về việc này có đem đến sự vui hay sự buồn. Và nếu sau bao lần chiếm hữu một vật sở vọng nào đó, con người chỉ tồn lại một sự đau khổ, thì trí khôn liền ghi nhận kết quả này và liệt vật sở vọng ấy vào loại phải tránh về sau. Kinh Bhagavad Gita (V, 22) có nói rằng : ‘Những sự vui do sự đụng chạm mà sanh ra, thì chúng nó quả thật là nguồn đau khổ’ .

Bây giờ mới nổi lên một trận chiến đấu. Khi vật sở vọng lại hiện đến nữa, thì dục vọng phóng móc câu ra giựt và khởi rút về nó. Trí khôn nhớ lại những kết quả đau buồn do những sự xâm chiếm trước kia cũng giống như thế ấy - mới tìm cách chặt đứt sợi dây dục tình đang bó siết bằng lưỡi gươm trí huệ của mình. Một trận giặc lòng tàn khốc nổi lên trong con người. Con người bị dục vọng đẩy tới trước và đồng thời bị tư tưởng kéo lại sau. Rất nhiều lần, dục vọng đắc thắng và chiếm đoạt đặng vật sở vọng. Nhưng sự đau khổ cứ mãi diễn đi diễn lại do cái kết quả này. Và mỗi lần con người thắng trận, là mỗi lần dục vọng thấy trước mắt nó một kẻ thù mới – dưới hình thức quyền năng của trí khôn. Trí khôn chỉ tỏ sự ưu thế của nó một cách không thay đổi, mặc dù chậm chạp, cho tới khi nào đắc thắng thuộc về nó mới thôi. Rồi một ngày kia, dục vọng trở thành yếu hơn trí khôn, bấy giờ vật sở vọng mất cả sự hấp dẫn của nó, và sợi xích thàng bị cắt đứt. Mọi liên quan giữa người và vật sở vọng bị bẻ gãy từ đây.

Trong trận giặc lòng này, tư tưởng tìm dùng sức mạnh của dục vọng để chống với chính nó. Trí khôn chọn trong những vật sở vọng, những cái nào đem lại sự vui tương đối lâu dài hơn, và tìm cách dùng nó để chống đối với những dục vọng tạo ra sự đau khổ mau lẹ. Như đó mà trí khôn đem sự vui về nghệ thuật để chống lại với sự vui về nhục dục. Nó sẽ dùng danh vọng, uy quyền chánh trị hay xã hội để chống đối với sự vui về xác thịt; nó kích thích lòng ham muốn làm phước thiện và xa lánh điều ác. Và sau cùng, trí khôn sẽ để cho lòng ham muốn thái bình muôn thuở ngự trị trên những sự vui tạm thời.

Do sự hấp dẫn duy nhất và vĩ đại này mà những sự hấp dẫn thấp hèn phải phai mờ và hết còn là vật sở vọng nữa. ‘Cho đến đổi cái thú vị (của vật sở vọng này) cũng lánh xa y, khi y đã nhìn thấy Đức Cao Cả’, (Bhagavad Gita, II, 59). Chính cái sức mạnh của dục vọng có thể rút nó ra khỏi cái gì tạo sự khổ và cột nó vào cái gì đem đến sự vui. Cũng như cái sức mạnh ấy, trước kia, chìm tất cả dưới ách nó, ngày nay trở thành một khí cụ giải thoát. Khi rút ra khỏi sự hấp dẫn của những đồ vật bên ngoài, nó mới quay nhìn lên trên, và nhìn bên trong; rồi nó hiệp nhất con người với sự Sống (đã tạo tác ra con người). Do sự hiệp nhất này, con người mới có được sự phúc lạc vô biên.

Chính đó là tất cả giá trị của lòng tôn sùng, như một động lực giải thoát. Tình thương quay về Đấng Cao cả thấy Ngài cao quý nhất, như một Sở Vọng thiết tha và Hạnh Phúc vô bờ, vô bến. Nhơn đó mà những sợi xích thằng – đã trói buộc tâm thức vào những đồ vật thấp hèn – bị cắt đứt.

Chỉ cái ‘Ngã Tư Tưởng’ mới chủ trị được cái ‘Ngã Dục Vọng’ mà thôi. Cái Ngã tự biết mình là sự sống ưu thắng hơn là cái Ngã tự biết mình là Hình thể. Con người phải tập tách mình riêng ra khỏi những hạ thể mà con người dùng để cảm, nghĩ và hành động, hầu nhận thức được rằng: tất cả chúng nó đều là thành phần của Phạm Ngã tạo nên đời sống vật chất bên ngoài. Nhơn đó, sức mạnh ở trong dục vọng hướng về ngoại vật sẽ trở thành sự ham muốn thanh cao dưới sự điều khiển của trí tuệ sẵn sàng biến ra Ý chí thiêng liêng.

Dần theo sự biến đổi hạ trí ra thượng trí, và thượng trí ra Minh Triết, mà trạng thái Ý chí cao thượng hiện lên dưới hình thức Quyền Năng tinh thần; nó tự định đoạt và chủ trị lấy nó, đồng nhịp hoàn toàn với Ý chí Thiêng liêng. Vì lẽ đó mà nó được tự do. Chỉ bao giờ mọi sợi xích thằng đã bị cắt đứt, thì Thần hồn mới được giải thoát tất cả. Và chỉ lúc đó người ta mới nói: Ý chí là tự do được mà thôi.

CHƯƠNG THỨ 3

DỤC VỌNG (tiếp theo)

1.- Khí cụ của Dục Vọng (Le véhicule du Desir).

Chúng ta sẽ trở lại vấn đề chiến đấu giữa bản tính của dục vọng để đem lại vài chi tiết hữu ích thêm vào những điều đã nói. Nhưng trước nhất, chúng ta cần phải học cái khí cụ của dục vọng, hay là thể vía, vì như vậy chúng ta mới hiểu phương pháp đúng đắn nào để thi hành đặng chế ngự và vứt bỏ những dục vọng thấp hèn.

Cái khí cụ của dục vọng làm bằng một chất khí mà ta gọi là chất thanh khí. Chất này thuộc về chất khí của cõi Trung giới, là cõi cao hơn cõi trần một bậc. Nó gồm có bảy chất (hay bảy thành phần) khác nhau, cũng giống như chất hồng trần có bảy thành phần khác nhau vậy. (Chất hồng trần gồm có: chất đặc, phần lỏng, hơi vân vân). Mỗi thành phần của chất thanh khí đều có những chất kết-trung thành tập-thể thanh, nhẹ hay nặng, trược khác nhau. Và sự điều luyện của thể vía, cũng như sự điều luyện của thể xác, là thay thế chất nặng trược bằng chất thanh nhẹ hơn.

Lại nữa, những thành phần của chất khí trược của cái vía dùng nhiều nhất vào việc biểu lộ dục vọng thấp hèn. Còn những thành phần chất khí thanh thì rung động đáp ứng với những dục vọng đã hiệp tác với trí khôn và nhờ trí khôn đổi ra những mối cảm động. Những dục vọng thấp hèn là những thứ xúi giục con người tìm vật sở vọng đã tạo ra sự vui. Chúng nó

tìm gặp những thành phần thanh khí nặng trực này để làm trung gian cho sức hấp dẫn của chúng nó. Lại nữa hễ dục vọng càng thấp hèn, ô trực chừng nào thì những tập thể chất khí dùng để biểu lộ nó càng thấp hèn và ô trực chừng nấy. Khi một dục vọng nào làm rung động chất thanh khí của cái vía tương xứng với nó, thì chất thanh khí đó được linh động mạnh mẽ. Nó rút về nó một số chất khí bên ngoài cùng loại. Nhơn đó số lượng của chất khí đặc biệt này được gia tăng trong toàn diện thành phần của thể vía.

Khi dục vọng được tinh lọc dần dần, thì nó đổi ra mỗi cảm động. Trong những mỗi cảm động này có trí khôn xen vào. Và khi sự ích kỷ giảm bớt thì số lượng chất khí thanh nhẹ gia tăng một cách tương xứng trong thể vía, còn chất khí trọng trực hơn (vì thiếu sinh lực), nên mất cả sức mạnh, nó thưa dần dần.

Những sự kiện này đem ra áp dụng, sẽ giúp chúng ta thắng kẻ nghịch đang ngự trị bên trong chúng ta: bởi vì chúng ta có thể tước đoạt cái khí cụ của nó. Một kẻ phản bội bên trong nguy hiểm hơn là một kẻ nghịch bên ngoài, và cái thể vía hoạt động cũng như tên phản bội ấy, bao giờ nó còn có những thành phần ứng đáp được với sự cảm dỗ bên ngoài.

Trí khôn phải xô đuổi dục vọng, nếu nó rút vào thể vía những vật liệu thô kịch. Trí khôn đừng tạo ra hình ảnh của cuộc vui tạm do sự chiếm hữu vật sở vọng gây nên, mà nó phải tưởng tượng sự buồn thảm thật lâu dài do hậu quả ấy tạo thành. Bao giờ chúng ta dứt bỏ dần dần chất khí thô kịch ứng đáp với sự hấp dẫn thấp hèn thì sự hấp dẫn này mất cả mãnh lực đối với chúng ta.

Chúng ta phải cương quyết kiềm chế cái khí cụ dục vọng này: bản tính của sự hấp dẫn (từ bên ngoài đến chúng ta) – là tùy thuộc sự cấu tạo bên trong. Chúng ta có thể cải thiện cái khí cụ đó, thay đổi yếu tố tạo thành nó, và như thế, ta đổi kẻ nghịch thù ra người bảo vệ ta.

Khi tánh nết con người được phát triển, thì con người chạm trán với những điều rắc rối. Chúng nó lảm khi đem lại sự kinh hoàng và sự rùn chí cho đương sự. Y thấy mình bị dày xéo bởi dục vọng mà y hổ thẹn và muốn xa lánh. Nhưng dù với tất cả sự cố gắng để rút bỏ chúng nó, chúng nó cũng cứ bám siết vào y không thôi. Chúng nó chống đối lại sự cố gắng của y, lòng hy vọng vào hoài bảo của y, và người ta có thể nói rằng: dường như chúng nó là một với y. Sở dĩ có cuộc thử lòng đau đớn này là do tâm thức tiến bộ mau hơn là hình thể. Cả hai, tâm thức và hình thể, có thể nói là đang chiến đấu lẫn nhau. Trong thể vía còn đa số chất tập thể thô kịch, nhưng vì dục vọng đã trở thành thanh bai hơn, nên không đem sinh lực đến tăng cường chúng nó, làm cho chúng nó linh động hơn nữa. Tuy nhiên còn sót lại một số sinh lực cho những tập thể thô kịch này, và dù chúng nó có héo mòn đi nữa, chúng nó cũng không hoàn toàn biệt dạng.

Nhưng giờ đây, dù chính dục vọng không dùng đặng những tập thể thiếu sinh khí này để làm vật cụ cho sự biểu lộ, chúng nó cũng có thể được sự linh hoạt tạm thời bên ngoài, và chúng nó có vẻ sống động giống như cái xác chết bị kích thích. Những dục vọng của kẻ khác, - ('những tinh linh dục vọng' (élémentals du désir) thuộc về loại xấu) – có thể dính đeo vào những yếu tố vô dụng của thể vía kích động chúng nó lên và đem lại sự sống mới cho chúng nó khiến cho con người cảm thấy trong lòng mình nảy sanh những dục vọng mà mình ghê tởm. Khi trải qua những cuộc thử lòng như thế, người chiến sĩ tuyệt vọng phải phục hồi can đảm. Y phải xô đuổi những dục vọng đó như là những cái gì không thuộc về y – dù trong lúc chúng nó đột kích dữ dội nhất. Y nên biết rằng: những yếu tố mà dục vọng dùng trong người của y, là thuộc về dĩ vãng, chúng nó đang đi lẩn đến chỗ tan rã, và sự tan rã của chúng nó nói lên giờ giải thoát của y.

Chúng ta có thể lấy giấc chiêm bao làm thí dụ để chỉ tỏ chất phé vật này tác động làm sao trong thể vía. Một người kia, trong kiếp trước, vốn là người say rượu. Những sự kinh nghiệm trong kiếp qua đã để lại cho y một cái cảm giác ghê tởm sâu xa về rượu. Khi y đầu

thai, Chơn nhờn y cố gắn vào xác, vía mới của y cái cảm giác ghê tởm đó. Nhưng dù vậy, trong cái vía (mới) của y cũng có một số chất do sự say rượu của y ở kiếp trước rút vào hột nguyên tử trường tồn. Trong kiếp này, chất đó không bị một xu hướng nào bắt buộc y ngã về thói quen trước hay một sự ham muốn uống rượu mãnh liệt nào làm hoá khởi thói quen cũ lên đặng, bởi vậy trong lúc thức, y là người tiết độ. Nhưng trong lúc chiêm bao, chất ấy trong thể vía linh động trở lại do sự kích thích bên ngoài, và bởi Chơn ngã kiểm soát thể vía không đặng chặt chẽ, nên nó ứng đáp lại sự rung động của dục vọng say đắm về rượu. Nếu trong lòng y còn tiềm tàng cái dục vọng về rượu, thì cái dục vọng ấy, quá yếu ớt không hiện lên được trong lúc y thức, lại có thể hiện lên trong giấc chiêm bao. Đó là do chất xác thịt nặng nề và khó lay động một cách tương đối, và một dục vọng yếu ớt không có đủ sức mạnh để bắt nó rung động. Nhưng cũng chính cái dục vọng này có thể làm cho chất khí cái vía (vốn thanh nhẹ hơn nhiều) rung động được. Ấy vậy trong lúc chiêm bao, người ta có thể chịu ảnh hưởng của một dục vọng nào đó, mà trong khi thức, nó không có mãnh lực gì đối với con người cả. Những điềm chiêm bao như thế, làm buồn phiền nạn nhờn rất nhiều, bởi vì y không hiểu tại sao cả. Y phải biết rằng: điềm chiêm bao ấy chỉ tỏ sự cảm dỗ đã bị chế ngự một cách tương đối, và y chỉ bị khuấy rối bởi di tích của những dục vọng thuộc về dĩ vãng. Những dục vọng này được bổ sung sinh lực trên cõi Trung giới do ảnh hưởng bên ngoài, hoặc giả, nếu ảnh hưởng này từ bên trong mà ra là bởi một dục vọng đang đi trên đường tiêu diệt và nó yếu quá, không thể khuấy rối được trong lúc con người thức. Điềm chiêm bao đó là triệu chứng của một sự đắc thắng gần trọn vẹn. Đồng thời nó cũng là lời khuyên cáo vì nó nói với con người rằng: trong thể vía của y còn có một số chất khí có khả năng linh hoạt trở lại nếu nó bị sự rung động của dục vọng về rượu chế ngự. Bao giờ những điềm chiêm bao như thế ấy không hoàn toàn chấm dứt, thì cái vía chưa dứt bỏ trọn vẹn cái chất khí xấu, nó là một nguồn nguy hiểm!

Chương trình học chung :

Tại : Tinh Thần viện 72/4 Nguyễn đình Chiểu Sài gòn.

Lúc : 4 giờ 30 chiều,

Ngày: Thứ bảy 13-5-1967

Đề tài: Cắt đứt những sợi xích thàng.

Ngày : Thứ bảy 27-5-1967

Đề tài: Khí cụ của dục vọng

CHƯƠNG THỨ 3

DỤC VỌNG (tiếp theo)

2.- Sự Chiến đấu giữa Dục vọng và Tư tưởng :

Giờ đây, ta hãy trở lại sự chiến đấu giữa bản tính của dục vọng (như ta đã nói ở trước), để thêm vào đó vài chi tiết cần thiết.

Sự chiến đấu này thuộc về sự chiến đấu mà người ta gọi là của thời tiến hóa trung hạng. Giai đoạn đó kéo dài. Nó là gạch nối giữa người hoàn toàn bị dục vọng điều khiển - (như:

xâm chiếm tất cả cái gì y muốn, không nghe tiếng nói của lương tâm, không bị hối hận khuấy rầy) - với người tiến hóa cao về tinh thần, mà ba trạng thái Ý Chí, Minh Triết và Hoạt Động đều linh hoạt một cách điều hòa. Có sự chiến đấu giữa dục vọng và tư tưởng. Tư tưởng thì đang khởi hiệu sự liên quan giữa nó với cái ‘không phải Ngã’ (le non soi) cùng những cái Ngã rải rác khác. Còn dục vọng thì bị ảnh hưởng của những đồ vật xung quanh, đang bị kích thích bởi những hấp lực và cự lực, thành thử nó, khi thì ngã qua bên này, khi thì ngã qua bên kia do những đồ vật làm mê hoặc nó.

Chúng ta hãy học qua giai đoạn tiến hóa này, nơi đây những ký ức về các điều kinh nghiệm xưa, chông chất và lưu trữ trong trí khôn. Chúng nó đến chống lại với những dục vọng đã tự chứng minh là sẽ đưa đến đau khổ. Hay nói cách khác rõ hơn là cái giai đoạn trong đó chúng ta thấy nhà tư tưởng đã rút kinh nghiệm nhiều lần liên tiếp về bản tính của dục vọng đối với một vật mà y cho là nguy hiểm. Y đã thấy được cái kết quả do vật nguy hiểm ấy đưa đến đâu rồi.

Cái thói quen xâm chiếm vật sở vọng và toại hưởng nó đã xảy ra trong nhiều trăm kiếp liên tiếp nên nó trở thành mạnh mẽ. Còn cái thói quen chống lại dục vọng hiện tiền để tránh sự đau buồn mai sau, thì chỉ khởi tạo mà thôi, chỉ nên nó rất yếu ớt. Nhon đó, sự chiến đấu giữa tư tưởng với dục vọng kéo dài lâu ngày và kết cuộc bằng sự thất bại. Cái trí khôn còn trẻ trung chống lại với thể Dục vọng đã trưởng thành, nên luôn luôn bị thất bại. Nhưng mỗi khi dục vọng thắng trận thì luôn luôn kéo theo đó một sự vui ngắn ngủi và một sự buồn lâu dài. Điều này nảy sanh một thứ sức mạnh mới. Sức mạnh này tự ghét lấy nó. Nó chiếm sức mạnh của kẻ thù nó. Mỗi lần ‘Người Tư tưởng’ (le Penseur) thất bại, là mỗi lần hứa hẹn cho sự thành công tương lai, và sức mạnh của ‘Người Tư tưởng’ càng ngày càng tăng, còn sức mạnh của Dục vọng càng ngày càng giảm.

Khi chúng ta đã hiểu rõ điều này rồi, thì chúng ta sẽ không than phiền về những lỗi lầm của chúng ta và những người thân mến của chúng ta: bởi vì chúng ta biết rằng: những sự té ngã đó đối với chúng ta sẽ là một điểm tựa (point d'appui) chắc chắn ở tương lai, và chính kẻ chinh phục phải trở thành trong đau khổ.

Sự hiểu biết điều lành, điều dữ của chúng ta phải tiến triển trong sự kinh nghiệm, và sự thử thách làm cho nó được dồi dào hơn. Cái ý thiện và ác là cái ý tự nhiên của con người tiến hóa hiện nay trong thời đại chúng ta. Nó phát triển xuyên qua vô số kinh nghiệm. Trong những bước đầu tiên của Chơn Ngã^[19] tách mình riêng rẽ với Chơn Thần, mọi kinh nghiệm đều cần ích cho sự tiến hóa của Nó. Những sự kinh nghiệm này đem đến cho Nó những bài học hữu ích, có mục đích giục thúc sự tiến hóa của Nó lần lần Nó biết rằng: khi Nó chiều theo dục vọng là Nó sẽ làm hại những người xung quanh Nó, rồi nó sẽ gặt hái những điều đau khổ mà số lượng còn nhiều hơn là điều vui tạm thời do dục vọng mang lại. Nó khởi cho là ‘điều ác’ tất cả dục vọng nào mang đến cho Nó sự đau khổ nhiều nhất. Hơn nữa, Sư Phụ của Nó điu dắt Nó trên đường tiến hóa lúc ban đầu, đã không bằng lòng những vật sở vọng này, bằng cách bài trừ chúng nó rất nghiêm ngặt. Khi Nó chiều theo dục vọng và nhon đó gặt hái kết quả đau thương thì cái cảm tưởng càng sâu đậm nơi ‘Người Tư Tưởng’ đã dự đoán mọi việc. Lương tâm Nó – vốn là ý chí làm lành, lánh dữ - cũng sẽ tăng cường mãnh lực theo tỷ lệ của cảm tưởng trên.

[19] Chơn Ngã, mặc dù có đủ đức tánh của Đức Thượng Đế, nhưng vẫn còn yếu ớt vì những đức tánh kia còn ở trong trạng thái ‘Mâm’ mà thôi.

Vì lẽ đó, chúng ta đã thấy trọn cả giá trị của những sự khuyên cáo, những trách móc và những lời khuyên hữu ích. Tất cả chúng nó đều được lưu trữ trong trí khôn. Chính chúng nó là những mảnh lực đến tăng cường tổng số ký ức thúc giục con người chống lại với những dục vọng xấu xa. Nếu cá nhân nào đã được cảnh cáo mà còn sa ngã trước sự cám dỗ, thì đó có nghĩa là đòn cân sức mạnh của y còn ngã qua dục vọng xấu xa. Khi xảy ra sự đau khổ (đã được tiên đoán) thì trí khôn sẽ nhớ lại tất cả những lời cảnh cáo, những lời khuyên răn trước đó, và nó sẽ khắc sâu hơn trong trí nhớ của nó sự quả quyết rằng: ‘Điều đó là quấy’. Nếu một người kia làm một điều gì đáng trách, thì đó chỉ một cách đơn giản rằng: những ký ức tạo ra sự đau khổ ở dĩ vãng không còn gắn sâu vào y để giữ ngay đòn cân không cho ngã qua sự vui nhất thời mà y hết sức ham muốn. Y phải lập đi lập lại bài học ấy nhiều lần mới tăng cường sức mạnh của dĩ vãng được. Khi y đã học xong bài học ấy rồi, thì chắc chắn là thắng trận. Sự đau khổ là một yếu tố cần thiết cho sự tiến triển của linh hồn, và bên trong nó có ẩn một sự hứa hẹn tiến triển ấy. Nếu chúng ta biết nhận định thì sẽ thấy ở khắp nơi mọi vật đều tiến triển. Không có nơi nào mà sự xấu lại vô hy vọng cứu chữa.

Trận chiến đấu này phát lộ ra bằng tiếng than rằng: “Điều mà tôi muốn làm, tôi lại không làm. Điều mà tôi không muốn làm, tôi lại làm!”. “Khi tôi phải làm điều lành, sự dữ lại có mặt nơi tôi”. Điều quấy mà ta làm, trong khi ta muốn không làm, là do tập quán xưa. Một ý chí yếu bị lệ thuộc dưới một dục vọng mạnh.

Nhưng, trong sự chiến đấu với dục vọng, ‘Người Tư Tưởng’ lại kêu gọi đến chính bản năng của dục vọng: y cố gắng kêu gọi trong nó một sự ham muốn chống lại với sự ham muốn mà hiện nay y đang tham chiến. Một thời đá nam châm có từ điển yếu có thể bị hòa trung bởi một thời đá nam châm có từ điển mạnh. Cũng giống y như vậy, một dục vọng có thể được tăng cường sức mạnh để thống trị một dục vọng khác. Một ham muốn tốt có thể được dinh dưỡng để đánh đổ một dục vọng xấu. Do đó mà một lý tưởng có được giá trị.

3.- Giá trị của một lý tưởng

Một lý tưởng là một quan niệm nhất định có tính cách linh cảm, được tạo ra để hướng dẫn phẩm hạnh. Sự tạo ra một lý tưởng là một phương châm để ảnh hưởng dục vọng hữu hiệu nhất. Lý tưởng có thể, hoặc không có thể, hiện thân trong một người, tùy theo tính khí của người tạo ra nó. Chớ quên rằng: cái giá trị của lý tưởng tùy thuộc rất nhiều sự hấp dẫn của nó, và điều gì thu hút người này thì không bắt buộc phải thu hút người khác. Lý tưởng trừu tượng và Lý tưởng tư ngã đều tốt cả, nếu người ta nhìn chúng nó một cách tổng quát, và cá nhân phải chọn cái nào hấp dẫn đối với y hơn. Thường thường, người có bản tính trí thức sẽ thấy rằng : lý tưởng trừu tượng hợp với y hơn, còn người có bản tính đa cảm, thì sẽ đòi hỏi một sự cụ thể hóa của tư tưởng y. Chỗ yếu của tư tưởng trừu tượng là đôi khi nó thiếu sự linh ứng. Còn chỗ yếu của lý tưởng cụ thể hóa là đôi khi nó ở dưới trình độ lý tưởng .

Thật ra, chính trí khôn tạo ra lý tưởng rồi giữ nó dưới hình thức trừu tượng hay cụ thể hóa nó trong một cá nhân. Lúc thuận tiện nhất để tạo lập lý tưởng là khi mà cái trí được yên lặng, vững vàng và sạch trong và cũng là lúc mà dục vọng nằm yên, lẳng lẳng. Bấy giờ ‘Người Tư tưởng’ phải quan sát tôn chỉ của cuộc đời y, cái đích mà y nhắm, và sự quan sát đó hướng dẫn sự chọn lựa của y. Y sẽ chọn lựa những đức tánh nào cần thiết cho y để đoạt thành chí nguyện. Y sẽ phối hợp các đức tánh đó trong một tư tưởng duy nhất rồi tưởng tượng hết sức mạnh mẽ đến toàn thể đức tánh mà y cần phải có. Mỗi ngày y tập như vậy cho tới bao giờ lý tưởng đã được tạo lập rõ rệt trong trí y, với tất cả sự tốt đẹp phi thường của một tư tưởng thanh bai và cao thượng. Cái lý tưởng ấy trở thành một hình ảnh hấp dẫn bắt buộc y phải nghe theo. Người có bản tính trí tuệ sẽ giữ lý tưởng đó dưới hình thức tư tưởng trong sạch. Còn

người có bản tính đa cảm sẽ đem lý tưởng đó cụ thể hóa trong một cá nhân như Đức Phật, Đức Chúa, Đức Shri Krishna hay vị Thánh sư nào khác. Y sẽ học qua đời sống, giáo lý và hành vi của Ngài. Như thế, lý tưởng của y càng trở nên linh động mạnh mẽ và càng hóa thành sự thật đối với y hơn. Một tình thương nồng nhiệt từ tâm y sẽ bắn tung ra để bao lấy Đấng lý tưởng của y, rồi Dục Vọng sẽ đưa tay ra trước Ngài và cố gắng hết sức để cầm lấy. Và khi sự cám dỗ đến tấn công, và những dục vọng thấp kém cực lực đòi hỏi một sự thỏa mãn, thì cái năng lực hấp dẫn của lý tưởng mới tự mình quyết định. Những dục vọng cao thượng sẽ đánh đổ những dục vọng thấp hèn và tất cả những dục vọng thanh cao đều đến trợ lực. Năng lực tiêu cực của ký ức nói rằng: ‘Đừng làm điều quấy’, giờ đây nó được tăng cường sức mạnh bằng mãnh lực của lý tưởng tích cực. Lý tưởng ấy nói: ‘Hãy hoàn thành cử chỉ anh hùng’.

Người nào luôn luôn có trong lòng một lý tưởng cao thượng là người ấy có được một vũ khí chống đối với những dục vọng thấp hèn.

Đó là nhờ tình thương của y đối với ‘Đấng Lý tưởng’, nhờ sự xấu hổ mà y sẽ có khi đứng trước mặt Ngài, nhờ lòng ham muốn thiết tha giống Ngài là Đấng mà y tôn sùng và cũng nhờ chiều hướng đại cương và đường lối dắt dẫn của trí khôn đưa y đến một loạt tư tưởng cao thượng. Những dục vọng xấu xa cũng trở nên không thích hợp với y nữa. Chúng nó tự nhiên chết đi: vì không thể thở đặng cái không khí trong sạch này.

Có lẽ vì cái kết quả tai hại của sự phê bình lịch sử của nhiều người – mà ta cần phải lưu ý nơi đây là; ‘Cái giá trị lý tưởng về Đức Chúa, Đức Phật, Đức Krishna không bị suy giảm chút nào bởi thiếu bằng cứ lịch sử, hay bởi sự bất toàn của chứng tích thật nơi một cáo bản nào’. Nhiều sự tích truyền lại có thể không phải là lịch sử thật, nhưng chúng nó đúng về mặt luân lý và về sự lợi ích trọng yếu. Biến cố này hay biến cố nọ có thể xảy ra hay không xảy ra trong đời sống của Đức Giáo Chủ: điều đó không quan trọng gì, cái ảnh hưởng của một lý tưởng như thế ấy đối với những người xung quanh Ngài là luôn luôn có thật một cách uyên thâm. Những Thánh kinh thế giới trình bày những sự kiện tinh thần. Đây về mặt lịch sử, ở cõi trần này, những việc xảy đến có hay không cũng không quan hệ gì.

Vậy tư tưởng có thể tạo lập và hướng dẫn dục vọng để cho nó trở thành một người bạn hơn là một kẻ thù. Nhờ đối tượng của dục vọng mà tư tưởng làm cho nó trở thành một sức mạnh cổ vũ ^[20] và thúc đẩy hơn là một sức mạnh trì trệ. Và nơi nào có dục vọng trói buộc ta với ngoại vật, cột ta vào bùn lầy, thì nơi đó lý tưởng của dục vọng sẽ đưa ta đến cõi trời, trên chiếc cánh uy lực của nó.

Chương trình học chung

Tại : Tinh Thần Viện 72/4 Nguyễn đình Chiểu. Sài Gòn,

Lúc : 4 giờ 30 chiều .

Ngày : Thứ Bảy 10-6-1967

Đề tài : Sự chiến đấu giữa Dục Vọng và Tư tưởng .

Ngày : Thứ Bảy 24-6-1967

Đề tài : Giá trị của một lý tưởng

[20] Cổ vũ = kích thích .

CHƯƠNG THỨ 3

DỤC VỌNG (tiếp theo)

4.- Tinh lọc Dục Vọng .

Chúng ta đã thấy tất cả cái gì phải làm để tinh lọc cái thể của Dục Vọng, và chúng ta cũng đã thấy sự chiêm vọng và sùng kính một Lý tưởng (như đã miêu tả) , là một phương pháp hữu hiệu nhất để tinh lọc dục vọng. Khi ta dinh dưỡng và làm phấn khởi những dục vọng tốt thì những dục vọng xấu sẽ tiêu mòn dần – tiêu mòn chỉ vì nó thiếu chất bồi bổ!

Khi một người kia cố gắng để xua đuổi mọi dục vọng xấu xa, thì trong trí y nổi lên một sự cự tuyệt hãn hời không cho chúng nó biến thành hành vi. Ý chí khởi sự hạn chế hành vi, ngay khi Dục vọng lại đòi để được thỏa mãn. Trong khi con người cự tuyệt không chịu hành động dưới sự hướng dẫn của dục vọng xấu, thì vật sở vọng – (đã gây nên sự ham muốn) - mất đi cái mãnh lực hấp dẫn của nó. Kinh Bhagavad Gita (II,59) có nói rằng: ‘Vật sở vọng của giác quan . . . quay gót trước sự tiết độ của kẻ trú ngụ trong xác thân’. Dục vọng tiêu mòn vì thiếu thỏa mãn. Cự tuyệt trước sự đòi hỏi để thỏa mãn của dục vọng là một phương pháp tinh lọc hiệu năng.

Còn một phương pháp tinh lọc nữa: người ta dùng sức mạnh để cự tuyệt dục vọng cũng giống như cách dùng sức mạnh để hấp dẫn trong lúc chiêm vọng một lý tưởng, (như rán sức ngưỡng vọng một Đấng Giáo chủ nào và tưởng tượng Ngài bao gồm tất cả đức tánh mà mình muốn có). Sức mạnh cự tuyệt đó trở thành hữu ích trong những trường hợp cực đoan, khi dục vọng thấp hèn nhất nổi sóng ba đào và hỗn loạn, cũng như sự ham ăn, sự say sưa và sự dâm dăng. Có lúc, con người không thể dứt bỏ vài dục vọng xấu, và dầu y rán sức cách mấy, trí khôn y cũng chiều theo ảnh hưởng bất đề kháng của chúng nó, và những sự tưởng tượng ô uế xâm chiếm trí não y. Nhưng y có thể chinh phục chúng nó đặng bằng cách giả bộ chiều theo chúng nó, rồi tưởng tượng trước những cái hậu quả tất nhiên phải đến của chúng nó. Y tự theo dõi y và thấy y té càng ngày càng nặng. Y thấy mình trở thành nô lệ hoàn toàn cho sự đam mê của y. Y dùng trí tưởng tượng làm linh động từng bước một những giai đoạn té ngã của y. Y thấy xác thân của y càng ngày càng trở nên ô trược hơn, nó trở nên phì nộm và ngã ra đau ốm. Y nhìn vào bộ thần kinh bị tàn phá của y, những vết lở loét khắp mình của y, sự hư hỏng và sự tàn phá ghê tởm của xác thân, mà một ngày nào đó nó có đầy đủ sức khỏe và khí lực. Y tưởng tượng cảnh lâm chung sỉ nhục đang đợi chờ y. Y thấy cái gia tài buồn thảm do tiếng tăm xấu mà y lưu lại cho gia đình và bạn bè y. Y dùng tư tưởng nhìn vào cái chết và cõi tử. Y thấy cái vía của y bị bệnh, đó là hình ảnh của tất cả sự tàn phá của tánh hư, tật xấu, và y tưởng tượng đến cảnh hấp hối kinh khủng của những dục vọng đang khao khát nhưng không được thỏa mãn. Y nhất định bắt buộc tư tưởng – (nó đang co rút lại để thoát) – phải ngừng bước trước cảnh tượng khốn nạn của dục tình đắc thắng, cho tới khi nào nảy sinh trong lòng y một sự nhòm góm mãnh liệt trước chúng nó, một sự sợ hãi, một sự chán ghét hậu quả khi y chiều theo dục vọng như hiện giờ.

Cái phương pháp tinh lọc này giống như con dao của nhà giải phẫu, nó cắt đứt mục ung thư đang hãm dọa mạng sống của người. Nhưng cũng như các loại giải phẫu khác, ta nên tránh, trừ phi không có phương châm cứu chữa nào khác. Tốt hơn là chủ trị dục vọng bằng mãnh lực hấp dẫn của lý tưởng hơn là bằng cự lực của cảnh tượng điêu tàn. Những nơi nào

mà sự hấp dẫn (của lý tưởng) thất bại, thì có lẽ cự lực (của cảnh tượng điêu tàn) sẽ thành công.

Cái phương pháp tinh lọc sau này còn có một sự nguy hiểm nữa: Khi cá nhon dùng tư tưởng chú vào sự xấu thì y tăng cường chất khí ô trược trong cái thể dục vọng của y. Nhon đó, sự chiến đấu kéo dài hơn là khi y có thể nuôi dưỡng những hoài bão tốt đẹp, những ham muốn cao thượng. Trong hai phương pháp tinh lọc này, phương pháp cự lực là xấu nhất. Người ta chỉ dùng nó khi nào phương pháp kia thất bại.

Dục vọng phải được tinh lọc, nhờ sự hấp dẫn đến điều cao thượng, nhờ sự cự lực trước sự xấu xa, hoặc nhờ những huấn thị chậm chạp của sự đau khổ. Danh từ (phải) đây không phải chỉ là một điều cần thiết do vị Thần Minh nào bên ngoài bắt buộc, mà nó là một mệnh lệnh khẩn thiết của vị Thần Minh bên trong. Ngài sẽ không chịu ai chối bỏ Ngài. Tất cả mãnh lực Thiên Nhiên đều hoạt động đồng nhịp với cái Ý chí thuần khiết của vị Thần Minh này. Ngài là Chơn Ngã của chúng ta. Và chính cái Chơn Ngã này chỉ muốn điều gì cao thượng, thanh bai, chủ trị và chinh phục mọi vật .

Sau cuộc đắc thắng (của Chơn Ngã) này, dục vọng ngưng tác động. Vì lúc ấy, những ngoại vật không hấp dẫn và cũng không đẩy lùi những mãnh lực chói sáng của Atma ^[21]. Những mãnh lực này hoàn toàn được đặt dưới sự điều khiển của sự Minh Triết của Chơn ngã. Ấy có nghĩa là: Ý chí đã thay thế cho Dục vọng. Sự lành và sự dữ được xem như là những mãnh lực thiêng liêng. Cả hai đều cùng nhau hoạt động để giúp sự tiến hóa. Sự lành cũng cần thiết như sự dữ. Cái này bổ túc cái kia. Sự lành là một mãnh lực mà ta cần phải điều hòa. Sự dữ là một mãnh lực, mà ta cần phải chống cự. Biết dùng một cách đúng đắn hai mãnh lực này là ta biểu lộ được những quyền năng của Chơn Ngã .

Khi Chơn Ngã đã mở mang dạng Trạng thái Minh Triết rồi, thì Nó xem người lành, kẻ dữ, người Thánh nhơn, kẻ tội lỗi đều như nhau cả. Nó sẵn sàng giúp đỡ cả hai. Nó sẵn sàng đưa cho cả hai, bàn tay từ bi của Nó. Dục vọng đã xem đồ vật - (tùy theo hấp lực hay cự lực) – như là điều tạo vui hay điều tạo khổ. Nay nó biến đi mất, và ý chí (nghĩa là mãnh lực do sự Minh Triết điều khiển) đưa đến cả hai sự giúp đỡ kịp thời của nó. Như thế, con người đã lướt khỏi sự tàn bạo của hai đối lập, và được yên nghỉ trong sự An Tĩnh Vĩnh cửu

Chương trình học chung.

Tại : Tinh Thần Viện 72/4 Nguyễn đình Chiểu Sài Gòn .

Lúc : 4 giờ 30 chiều .

Ngày : Thứ bảy 8-7-1967

Đề tài : Tinh lọc Dục Vọng .

[21] Atma = là trạng thái Ý Chí Thiêng Liêng

CHƯƠNG THỨ 4

MỐI CẢM ĐỘNG (L'émotion)

1 – Nguồn gốc của mối cảm động :

Mối cảm động không phải là một trạng thái đơn thuần hay sơ đẳng của tâm thức. Nó là cái phối hợp do hai trạng thái của Chơn Ngã, là dục vọng và trí khôn tác động lẫn nhau. Sự tác động của trí khôn đối với dục vọng sanh ra sự cảm động. Sự cảm động là đứa con của cả hai. Nó có vài đặc tánh của cha – là trí khôn, - và vài đặc tánh của mẹ - là dục vọng.

Mối cảm động, đến một mực độ tiến hóa khá cao, dường thể khác biệt với dục vọng, chúng có giống nhau trên căn bản, cho tới một quan điểm nào, những sự giống ấy không được biểu lộ. Tuy nhiên, chúng ta có thể thấy được sự tương đồng đó, bằng cách, hoặc giả dò theo bước tiến của dục vọng để biến thành mối cảm động, hoặc giả, nhất tề khảo cứu cả hai. Như thể chúng ta sẽ thấy chúng nó có những đặc tánh, những phân phối giống nhau, và do sự kiện đó, cái này chỉ là hình dáng tinh luyện của cái kia, Sở dĩ có được sự tinh luyện này là vì trong cái sau có nguyên tố trí thức, mà nguyên tố ấy lại thiếu, hoặc giả có ít trong cái trước.

Chúng ta hãy dò theo sự biến đổi của dục vọng ra mối cảm động trong một sự giao dịch thông thường nhất của con người với nhau: sự giao dịch giữa nam và nữ. Nơi đây, dục vọng dưới một trong những trạng thái đơn giản nhất: ấy là sự ham muốn căn bản của mọi sinh linh: sự ham muốn ăn uống để bảo tồn sự sống của xác thịt, sự ham muốn phối hiệp nam nữ để tăng gia sinh linh. Trong cả hai sự ham muốn này, cái ý ‘tăng gia’ đã được biểu hiện, hay nói cách khác, sự vui đã được bộc lộ. Dục vọng ăn uống vẫn chỉ tồn là dục vọng: thức ăn, ăn vào bị tiêu hóa, nó mất đi tánh đồng nhất đặc biệt của nó, và trở nên một thành phần của ‘Bản ngã’. Không có sự liên tục giữa thức ăn và người ăn để tạo nên một phương tiện tạo nên một mối cảm động. Nhưng đối với sự phối hiệp nam nữ thì trái ngược lại. Sự phối hiệp này có khuynh hướng càng ngày càng trở nên vĩnh cửu hơn, dần theo sự tiến hóa của con người. Hai người còn dã man, sở dĩ thu hút gần nhau là do sự khác giống của họ: bên trong nổi lên tính say đắm, người này muốn người kia. Sự ham muốn này cũng đơn giản như sự ham muốn vật thực. Nhưng cả hai không được thỏa mãn đồng bực với nhau, bởi vì hai người nam nữ, không người nào xâm chiếm và đồng hóa trọn vẹn người kia được, mỗi người vẫn giữ, trong một mực độ nào, cái ‘ngã’ riêng biệt của y, và người này chỉ trở nên một phần của ‘cái ngã’ của người kia. Thật ra, trong đó có sự ‘gia tăng’ của ‘cái ngã’, nhưng sự gia tăng này là sự thâm nhập, chớ chẳng phải là sự đồng hóa. Cái chướng ngại kiên trì đó là cần thiết để cho dục vọng trở thành mối cảm động. Điều này khiến cho trí nhớ kiên tâm và dự liệu được một vật duy nhất, chớ không phải lảng qua một vật khác đồng loại – cũng như trường hợp vật thực. Một dục vọng liên tục để hiệp nhất với một vật duy nhất, trở thành một mối cảm động, và nhơn đó tư tưởng trộn lẫn với dục vọng căn bản để chiếm hữu. Cái chướng ngại này bắt buộc hai vật (đã thu hút lẫn nhau) lại ở riêng biệt, chớ không cho xấp nhập với nhau để đồng hóa. Cái chướng ngại này xem dường không thỏa đáng, nhưng nó giúp cho mối cảm động trở nên thiêng liêng thật sự. Nếu trở ngại bị biến đi, thì dục vọng và cảm động cũng cùng tan nát, và bây giờ ‘Hai thành Một’ phải tìm một vật nào khác bên ngoài để được bộc lộ sự khoái lạc .

Ta hãy trở về với hai người còn dã man, họ hiệp nhau bởi dục vọng. Người phụ nữ lâm bệnh, và trong một thời gian, y không còn cung cấp được sự thỏa mãn của dục tình nữa. Nhưng người đàn ông nhờ sự vui đã qua, tưởng trước sự vui sắp tới, rồi trong lòng nổi lên mối cảm tình đối với sự đau khổ của vợ, y thương xót cho sự yếu đuối của vợ. Vì nhớ sự vui đã qua và

dự liệu sự vui sắp tới, mà y quay đến vợ y. Nếu sự hấp dẫn của vợ y kéo dài, thì nó sẽ biến đổi dự tính ra cảm động, đam mê ra tình thương. Và hai cái biểu lộ đầu tiên của tình thương là sự cảm tình và lòng thương xót. Điều này sẽ làm cho người đã man kia biết hy sinh mình cho vợ, biết thức đêm để săn sóc vợ, khi y muốn ngủ, và y biết làm việc thay thế cho vợ khi y muốn nghỉ ngơi. Những trạng thái tình cảm ngẫu phát ấy sẽ hóa thành những đức tánh về sau, nghĩa là chúng nó sẽ trở nên những trạng thái kiên trì của tâm tánh y, khiến cho y sẵn sàng ứng đáp trước sự nhu cầu của tất cả mọi người mà y gần gũi, dù những người này có thu hút y hay không cũng vậy. Ở sau, chúng ta sẽ thấy những đức tánh là những trạng thái vĩnh viễn của một mối cảm động cao thượng .

Tuy nhiên, trước khi chúng ta lo đến những sự liên quan giữa sự cảm động và những luật luân lý, thì chúng ta nên thực hiện hoàn toàn tính đồng nhất căn bản của dự vọng và sự cảm động bằng cách chú ý đến đặc tính và sự phân phối của chúng nó. Nếu làm như vậy, thì chúng ta sẽ thấy rằng những mối cảm động không phải chỉ là khu rừng rậm (khó mà phăng nổi) mà tất cả nhánh nhóc đều chung một gốc, chia làm hai thân cây chánh. Hai thân cây chánh này lại chia ra những nhánh nhóc, trên đó mọc những lá của đức tánh và tật xấu.

Cái ý niệm khả quan này thiết lập được khoa tình cảm và cấu tạo được một hệ thống luân lý hợp lý và dễ hiểu. Cái hệ thống đó là do một tác giả Ấn Độ là Ông Bhagavan Das đặt ra. Chính ông là người đầu tiên đã đem ánh sáng rọi vào khu tâm thức này, mà từ xưa tới nay vẫn còn mờ昧. Những nhà tâm lý học sẽ tìm thấy trong quyển ‘Science of the Emotions’ (Khoa tình cảm) một bài luận rất rõ ràng với sự giải thích về cái học lý ấy, làm cho khu hỗn loạn của tình cảm hóa thành một thế giới hoàn toàn trật tự. Những nét đại cương của lý thuyết chúng tôi đều rút ở quyển sách đó, mà chúng tôi xin giới thiệu cho độc giả để có nhiều chi tiết phong phú hơn.

Ta đã thấy rằng; dự vọng biểu lộ bằng hai cách chánh:

1)- Ý muốn thu hút một món gì để chiếm hữu nó, hoặc để gần gũi một lần nữa một vật gì mà trước kia nó đã đem đến sự khoái lạc.

2)- Ý muốn xô đẩy một vật gì để vứt nó ra xa, hoặc để tránh gần lại một món gì mà trước kia nó đã đem đến sự đau khổ.

Ta đã thấy rằng: hấp lực và cự lực là hai trạng thái của dự vọng. Chúng nó đến ảnh hưởng Chơn Ngã .

Sự cảm động chỉ là dự vọng phối hợp với trí khôn, tức nhiên nó cũng chia làm hai trạng thái. Sự cảm động có trạng thái hấp lực thì rút vật này đến vật kia bằng sức mạnh của sự khoái lạc. Nó là mãnh lực hệ thuộc của vũ trụ. Chính nó là Tình Thương vậy .

Sự cảm động có trạng thái cự lực thì chia riêng vật này với vật kia bằng sự đau khổ. Nó là mãnh lực phá tan. Chính nó là sự Ghét. Sự Thương và Sự Ghét là hai thân cây cùng chung một gốc là Dự vọng, và tất cả nhánh nhóc của sự cảm động đều lấy nguồn cội ở một trong hai thân cây này.

Điều đó làm cho chúng ta thấy cái đồng tính của Dự vọng và Cảm Động, Tình Thương tìm cách thu hút hay đeo đuổi vật sở vọng để hợp nhất với nó, hoặc giả để chiếm hữu lại. Bởi sự khoái lạc và sự vui mừng do Tình Thương đem đến, mà nó cũng tạo ra những sợi xích thằng giống như dự vọng vậy. Những sợi xích thằng này, chắc chắn là bền dai hơn, phức tạp hơn, và làm bằng nhiều sợi chỉ hơn. Những sợi chỉ này tế nhuyễn hơn. Nhưng cái tinh ba của ‘Dự vọng Thu hút’ là Tình thương.^[22] Và cũng thế ấy, sự ghét tìm cách vứt ra xa cái vật mà nó không ưa để chia lìa, để xô đuổi vật đó hay để tránh xa. Cái tinh ba của ‘Dự Vọng cự lực’

^[22] Dự vọng thu hút (désir-attraction) là sợi dây cột nối hai vật với nhau .

(désir-répulsion)- cũng là cái tinh ba của sự cảm động bạo lực-, là sự Ghét, Sự Thương và sự Ghét chỉ là những hình thức điều luyện, có lẫn trộn tư tưởng, dục vọng trong sạch và đơn thuần để chiếm hữu một vật gì hay để xa lánh nó .

Chương trình học chung .

Tại : Tinh thần viện 72/4 Nguyễn đình Chiểu Sài gòn.

Lúc : 4 giờ 30 chiều .

Ngày : Thứ bảy 22-7-1967.

Đề tài : Nguồn gốc của mỗi cảm động.

CHƯƠNG THỨ 4

MỐI CẢM ĐỘNG (tiếp theo)

2.- Vai tuồng của mối cảm động trong gia đình .

Người ta nói rằng: ‘Con người là một con thú có tính hợp quần’. Câu từ ngữ vật lý này khiến cho ta hiểu con người, khi gần gũi với đồng bào thì tiến hóa hơn là ở đơn độc. Những quan năng thuần lý trí cần phải có một hoàn cảnh xã hội mới phát triển đặng. Và những sự vui mừng lớn nhất – (và cũng tất nhiên, những sự đau khổ vĩ đại) - mà người ta có thể cảm được, là do sự giao dịch giữa đồng bào. Chỉ có một sự giao dịch ấy mới khiêu gợi được trong lòng y những lời ứng đáp, mà trong cả cuộc đời tiến hóa vị lai của y đều tùy thuộc. Trọn cả sự tiến hóa, trọn cả sự phát huy tài năng tiềm tàng của y đều tùy thuộc cách y ứng đáp với ngoại giới. Và khi đã tiến tới bậc làm người rồi thì chỉ nhờ sự chung đụng với đồng bào mới nảy sanh ra được những mãnh lực sâu đậm và hữu hiệu mà thôi.

Sự hấp dẫn giữa nam nữ tạo thành mối liên lạc đầu tiên trong xã hội, và trẻ con do cha mẹ sanh ra, hiệp cùng cha mẹ, trở nên một đơn vị xã hội: ấy là gia đình. Sự vô năng kéo dài của trẻ con, sự tùy thuộc của chúng nó dưới quyền cha mẹ khiến cho tính say mê về vật chất của người này có thời giờ biến thành tình mẫu tử, tình phụ tử, và làm cho dây thân ái của gia đình càng thêm se chặt. Còn gia đình chính là một sân trường rộng mở để cho mọi mối cảm động phát huy. Nhơn đó mới an bài được sự giao dịch đầu tiên vĩnh cửu và xác định giữa loài người. Và hạnh phúc của mỗi người trong gia đình tùy thuộc ở sự điều hòa của cách giao dịch này.

Chúng ta có thể nghiên cứu một cách lợi ích về vai tuồng của mối cảm động trong gia đình: bởi vì nơi đây, chúng ta có một đơn vị xã hội tương đối đơn giản, nhưng nó tiêu biểu cho một hình ảnh bé tí của toàn thể xã hội. Và cũng nơi đây, chúng ta thấy đặng nguồn gốc và sự phát triển của những đức tánh và của những tật xấu. Nhơn đó, chúng ta thấy được ý nghĩa và tôn chỉ của luân lý..

Chúng ta đã thấy sự đam mê giữa nam, nữ phát triển như thế nào. Và trong tình trạng đó, làm sao nó trở thành mối xúc động thương yêu. Và chúng ta cũng đã thấy thế nào là tình thương đó hóa ra tình âu yếm và lòng từ ái, khi người đàn bà đồng đẳng với đàn ông, lúc tạm thời yếu sức, như có thai nghén chẳng hạn. Trái lại khi một con bệnh hay một tai nạn nào xảy đến cho người chồng khiến cho y tạm thời kém sức, thì trong lòng người vợ nổi lên tình yêu

tha thiết và lòng thương xót đối với chồng mình. Nhưng người mạnh không thể tỏ lộ tình thương cho kẻ yếu đặng, nếu y không gọi được trong lòng kẻ yếu một sự ứng đáp nào, và kẻ yếu sẽ tự nhiên đáp lại tấm tình thương ấy bằng lòng tin cậy tính chơn thành và sự biết ơn, với tất cả cảm xúc thiết tha, nói lên sự yếu đuối và thấp kém của y. Trong cảnh tương giao giữa cha mẹ và con cái, và giữa con cái và cha mẹ, sự hơn và sự kém về hình thể được rõ rệt và lâu dài hơn, thì những cảm xúc yêu đương của đôi đàng được luôn luôn biểu lộ. Bất cứ lúc nào, cha mẹ cũng tỏ tình âu yếm, lòng xót thương, sự che chở đối với những đứa con của mình, và mấy người này luôn luôn đáp lại bằng lòng tin cậy, tính nhiệt thành và sự biết ơn. Sự biểu lộ cảm xúc tình thương ấy thay đổi trạng thái trong nhiều trường hợp khác nhau. Về phía cha mẹ thì đó là trạng thái quảng đại, tha thứ và nhẫn nại . . . Về phía con cái thì đó là trạng thái phục tùng, tôn kính và giúp đỡ . . . Nếu chúng ta quan sát hai thứ cảm xúc tình thương đó thì chúng ta sẽ thấy rằng; tình ba của cái này là lòng từ ái và tình ba của cái kia là sự tôn kính. Lòng từ ái là tình thương ngó xuống kẻ yếu và thấy kém hơn mình. Còn sự tôn kính là tình thương ngó lên kẻ mạnh và cao cả hơn mình. Vậy người ta có thể nói một cách tổng quát rằng: tình thương ngó xuống là lòng từ ái; tình thương ngó lên là sự tôn kính. Đó là những đặc tính chung của tình thương mà người ta thường gặp trong tình thương của kẻ trên đối với người dưới và người dưới đối với kẻ trên.

Sự giao dịch thông thường giữa chồng và vợ, giữa anh, chị em (ruột), hiển cho chúng ta một sân trường nghiên cứu về sự biểu lộ tình thương của những người đồng đẳng với nhau. Chúng ta thấy rằng: tình thương biểu lộ dưới trạng thái âu yếm, tin cậy và tôn kính lẫn nhau, nó cũng biểu lộ bằng sự đoán trước ý muốn của những người xung quanh chúng ta và bằng sự cố gắng của chúng ta để vừa lòng họ, bằng sự đại lượng và tính nhẫn nại. Nơi đây, chúng ta gặp lại cũng những yếu tố trong sự cảm động về tình thương của người trên đối với người dưới nhưng chúng nó có đặc tính hỗ trợ lẫn nhau.

Vậy lòng từ tế, ý tương trợ và sự kính nể là ba hạng chánh của sự cảm động về tình thương bởi vì mọi sự giao dịch giữa nhân loại đều phân phối theo ba hạng chánh đó: ấy là sự giao dịch giữa kẻ trên và người dưới, giữa kẻ dưới và người trên và giữa người đồng đẳng với nhau.

Nếu chúng ta nghiên cứu về sự cảm động của niềm ghét trong gia đình, thì chúng ta sẽ thấy cái kết quả không khác gì. Nếu có sự ghét giữa chồng và vợ, thì một trong hai người đó (tạm thời gọi là kẻ trên), sẽ biểu lộ sự nhẫn tâm, sự độc ác, sự cưỡng chế đối với người dưới. Còn người dưới sẽ đáp lại bằng sự oán ghét là đặc tánh của sự yếu đuối, cũng như sự hằn thù, sự sợ sệt và sự phản phúc. Những tánh này còn rõ ràng hơn giữa cha mẹ và con cái, khi có sự ghét xen vào: bởi vì nơi đây tình trạng của đôi đàng đều khác biệt xa. Và bao giờ con cái còn trong thời kỳ bất lực, sự cưỡng chế tạo ra một lối cảm xúc xấu xa thật sự, như sự xảo trá, sự ty tiện và sự hèn nhát. Về sau, khi chúng nó lớn lên, thì những tánh xấu trên sẽ hóa thành sự phản loạn và ý muốn trả thù. Lại một lần nữa, nơi đây, chúng ta thấy một đặc tính chung. Chúng ta thấy rằng: sự ghét đi từ kẻ trên xuống người dưới trở thành sự khinh miệt, và từ kẻ dưới đến người trên là sự sợ sệt.

Cũng giống như thế, sự ghét giữa vợ chồng biểu lộ dưới hình thức giận hờn, nghịch ý, đổ ky, bạo loạn, thù hằn, ghen tương, bất kính và ngạo mạn . . . Đó là những cảm xúc chia rẽ người này với người kia, và khi chạm mặt nhau, thì họ có tư cách nghịch thù đối với nhau, chớ không phải tay nắm tay cùng bước tới. Vậy cái đặc tánh của sự ghét giữa kẻ đồng đẳng với nhau là ý muốn làm hại lẫn nhau, và ba đặc tính của sự xúc động về ghét là: sự khinh khi, sự sợ sệt và ý muốn làm hại lẫn nhau.

Tình thương trong tất cả trạng thái của nó, đều biểu lộ bằng sự thiện cảm, sự hy sinh và ý muốn cho ra. Đó là những yếu tố chánh đại của nó, dưới hình thức hảo tâm, cung kính với

ý muốn tương trợ. Bởi vì tất cả sự biểu lộ này đều cần thiết để hấp dẫn: chúng nó tán trợ cho sự hợp nhất, chúng nó vốn là bản tính chính của tình thương. Vậy tình thương là liên hệ đến tinh thần, bởi vì giao cảm là có cảm giác đối với kẻ khác cũng như đối với mình: sự hy sinh là nhận thấy sự đòi hỏi của kẻ khác cũng như sự đòi hỏi của chính mình. Và sự cho ra là một trong những trạng thái tinh thần. Thế nên chúng ta thấy rằng: tình thương liên hệ đến Tinh Thần, nó thuộc về Sự Sống của vũ trụ .

Trái lại, sự ghét, trong tất cả trạng thái của nó, đều biểu lộ bằng sự ác cảm, sự tự xung tung, ý muốn chiếm hữu. Đó chính là những yếu tố chánh đại của nó, dưới hình thức khinh khi, sợ sệt hay với ý muốn hãm hại lẫn nhau. Những tính này trực tiếp tán trợ cho sự hiềm kỵ, sự chia rẽ. Vậy sự ghét liên hệ đến vật chất, nó nêu rõ sự bất đồng, sự dị biệt. Yếu điểm của sự ghét là sự chia rẽ. Nó thuộc về hình thể của Thiên nhiên.

Tới đây, chúng ta nghiên cứu về tác động của sự cảm động trong gia đình, bởi vì gia đình cho ta một hình ảnh bé tí của xã hội. Xã hội chỉ là nhiều đơn vị gia đình hiệp lại. Nhưng giữa tất cả đơn vị gia đình này không có tình huyết thống cũng như không có lợi lộc và tôn chỉ chung. Vậy cần phải tìm một sự liên lạc gì thay thế cho tình gia đình. Những đơn vị gia đình trong xã hội dường thể thù nghịch nhau hơn là huynh đệ với nhau: bởi vậy sự cảm động về sự ghét có xu hướng ngự trị trong những đơn vị đó hơn là sự cảm động về tình thương. Vậy cần phải tìm phương thế nào để duy trì sự điều hòa giữa người này với người kia. Cái phương thế đó sẽ đến với chúng ta, khi chúng ta đổi những sự cảm động về tình thương ra những đức tánh.

(12-8-67)

CHƯƠNG THỨ 4

MỐI CẢM ĐỘNG (tiếp theo)

3.- Sự phát sinh đức tánh :

Chúng ta đã thấy rằng: khi những người trong gia đình, đi ra khỏi vòng chật hẹp của quyền thuộc để gặp những cá nhân bên ngoài không cùng chung lợi lộc hoặc có lợi lộc trái nghịch, thì họ không có chút gì thương yêu đối với nhau, mà còn ghét nhau nữa. Sự ghét này đi từ tính đố kỵ nghi ngờ đến khí nhiệt cuồng phá hoại của giặc giã. Trong trường hợp đó. Làm sao một xã hội lại có thể là một tổ hợp của những đơn vị gia đình đặng?

Điều này có thể thành tựu là khi nào những mối cảm động về tình thương trở thành vĩnh viễn và những mối cảm động về niềm ghét đều bị tiêu diệt. Một mối xúc cảm thương yêu vĩnh cửu đối với một cá nhân nào còn sanh tiền sẽ trở thành một đức tánh. Còn một niềm ghét bền dai sẽ trở thành một tật xấu. Sự thay đổi này sở dĩ có là nhờ tác động của hạ trí. Hạ trí làm cho mỗi cảm động trở thành một đặc tánh vĩnh cửu, nó tìm cách tạo nên hòa khí trong mọi sự giao dịch giữa đồng bào để có được hạnh phúc. Chính cái đức tánh phát sinh từ tình thương một cách tự nhiên, trong mọi hoàn cảnh đối với mọi người, mới đưa đến sự điều hòa, và có điều hòa mới có hạnh phúc trong gia đình đặng. Cái đức tánh, do tình thương phát sinh, đưa đến kết quả là hạnh phúc. Trái lại, tật xấu, tự nhiên do niềm ghét phát sinh, đưa đến sự bất hòa. Do đó nó đem lại nỗi khốn khổ cho gia đình, khi nó tràn lan cho mọi người, trong mọi hoàn cảnh.

Cái lý thuyết này (nêu rõ thuộc về mối cảm động của tình thương vĩnh cửu), đã đưa đến một dị luận, vì người ta nói rằng: sự ngoại tình và sự trộm cắp và nhiều tật xấu khác, có thể do mỗi cảm động của tình thương ấy phát sinh ra. Trong trường hợp đó, cần phải phân tích những yếu tố xen vào tư cách của lý trí. Tư cách của lý trí đó rất phức tạp, chứ không phải đơn giản đâu. Thật ra, động cơ của sự ngoại tình là tình thương, nhưng không phải có tình thương suông mà thôi đâu. Nó còn có những cái khác xen vào nữa, như là: sự khinh thường phẩm giá của kẻ khác, sự lãnh đạm trước hạnh phúc của người này, sự tìm vui một cách ích kỷ, dù phải làm hỏng niềm hòa khí, danh giá và nghi lễ của xã hội cũng mặc. Tất cả điều này là do sự xúc động về niềm ghét mà ra. Chỉ có tình thương mới là một đức tánh duy nhất giữa mọi tật xấu ghom ghê. Chỉ có nó mới làm bớt tội lỗi mà thôi. Vậy ta thấy rằng: khi một sự cảm động về tình thương đi sai đường thì cái lỗi hoàn toàn do nơi những tật xấu thấp tầng theo nó, chứ chẳng phải do chính nó.

4.- Sự thiện và sự ác :

Giờ đây, chúng ta hãy quay về một lát vấn đề ‘Thiện và Ác’ và tìm thấy mối quan hệ mà cả hai đem lại sự phước và sự khổ. Thường thường người ta cho rằng: ‘xem đức tánh như là một phương châm để tạo phước là biểu lộ một cái gì thấp kém và vật chất’. Nhiều người nghĩ rằng: cái tư tưởng đó hạ thấp đức tánh và đưa nó xuống hàng thứ nhì, trong khi, đúng lý ra, nó phải ở hàng thứ nhất. Họ nói rằng: quan niệm ấy làm cho đức tánh trở thành một phương châm, chứ không phải một tôn chỉ. Vậy chúng ta hãy xem tại sao đức tánh phải là con đường đưa đến hạnh phúc, và tại sao đức tánh phải là lẽ tự nhiên của vạn-vật-tánh?

Khi hạ trí nhìn vào hạ giới và thấy vô số tương quan giữa vạn vật, thì nó sẽ nhận định rằng: sự giao dịch điều hòa sẽ đem lại hạnh phúc, còn sự giao dịch bất điều hòa sẽ đem lại sự khổ đau. Rồi nó mới tìm cách hoạt động để thiết lập sự điều hòa ở mọi nơi hầu đạt được

cảnh phúc lạc khắp cùng. Về sau, nó sẽ phát giác rằng: thế gian đang đi trên con đường đã được chỉ định. Con đường ấy là: sự Tiến Hóa và nhơn đó, nó tìm ra được Luật Tiến Hóa. Bởi vì một phần tử nào, một đơn vị nào hoạt động hòa nhịp với Định Luật Thiên Nhiên mà y đang ở trong đó, thì chỉ nghĩa rằng: y sẽ có được sự an tịnh, sự điều hòa, tức nhiên y sẽ có được hạnh phúc như vậy. Còn trái lại, nếu y hoạt động nghịch với Định Luật đó, thì có nghĩa là y sẽ gặp sự đụng chạm, sự bất điều hòa, tức nhiên y sẽ gặp đau khổ. Vậy sự Thiện là cái gì điều hòa với Thiên Luật, đem đến hạnh phúc. Còn sự Ác là cái gì trái với Thiên Luật đem đến đau khổ, khi hạ trí được Tinh thần giác ngộ thì nó thấy Thiên Nhiên là cái biểu lộ Tư tưởng của Trời. Thế thì chúng ta có thể thay thế sự điều hòa với Luật Tiến Hóa bằng sự điều hòa với ý chí của Trời, và sự Thiện sẽ là điều gì điều hòa với ý chí của Trời và đạo đức sẽ trở thành một tôn giáo chính.

5.- Đức tánh và Hạnh phúc :

Sự tinh luyện, sự điều hòa với ý chí của Trời đi liền với hạnh phúc. Đức tánh là con đường đi đến hạnh phúc và nếu nó không đưa đến hạnh phúc, thì nó không phải là đức tánh. Sự Toàn Thiện của Trời tự biểu lộ bằng sự điều hòa, và khi ‘những mảnh vụn thiêng liêng’ (là tia sáng của Trời) đã được rải rác ra. Mà điều hòa, thì chúng nó nâng đặng phúc lạc. Sự kiện này thường thường bị che lấp là bởi, trong vài trường hợp, sự hành thuận lợi đem đến đau khổ. Đúng như vậy. Nhưng sự đau khổ chỉ tạm thời và sơ thiểu mà thôi và đòn cân giữa đau khổ bên ngoài và phúc lạc bên trong do đức hạnh tạo ra, lại ngã về bên phúc lạc. Lại nữa, đau khổ không phải do đức hạnh gây nên, mà là do hoàn cảnh trái nghịch với sự thực tiễn của Đức Hạnh tạo thành. Đau khổ cũng sanh ra bởi sự va chạm giữa một cơ thể toàn thiện với một cận-bàng xấu xa. Ấy vậy, khi bạn đánh lộn một âm điệu dịu hòa giữa những tiếng ồn ào thì sự lạc điệu sẽ lan rộng ra trong một lúc. Người đạo đức đang phải chiến đấu với sự ác. Nhưng điều này không che lấp ta trước sự kiện này là: phúc lạc luôn luôn gắn chặt với sự lành, và đau khổ luôn luôn gắn chặt với sự dữ. Dù đôi khi, người lành có đau khổ tạm thời đi nữa, thì cũng không làm sao che giấu được sự thật này là: chỉ có điều lành mới đưa đến phúc lạc mà thôi. Và nếu chúng ta quan sát tâm thức của người lành, thì chúng ta sẽ thấy rằng: y được hạnh phúc, trong khi hành thiện, dù sự hành thiện ấy có thể đem đến sự khổ tạm thời, hơn là hành ác có thể tiêu hủy sự an tĩnh bên trong. Trong khi y hành ác y sẽ bị đau khổ bên trong còn nhiều hơn là sự vui mừng bên ngoài. Dù khi hành thiện, y phải chịu đau khổ bên ngoài đi nữa, thì sự đau khổ này cũng ít uyên thâm hơn là sự đau khổ do tội ác gây nên. Cô Helen Taylor đã trình bày ý niệm này một cách rõ rệt, khi cô nói rằng: ‘Đối với một người chết vì chơn lý thì sự chết đó còn êm dịu hơn là một đời sống giả dối’. Người lành tử vì đạo còn êm dịu và an vui hơn là sống trong dối trá.

Bởi bản tánh của Chơn Ngã là phúc lạc – (và phúc lạc chỉ bị hoàn cảnh ngăn chận không cho biểu lộ) – nên nó sẽ làm tan đi sự trở ngại ấy và mở con đường thực hiện Chơn Ngã, nghĩa là thực hiện Phúc Lạc. Nơi nào mà thâm tính của vạn vật là an lạc, thì sự điều hòa giúp cho thâm tính ấy sự biểu lộ, đem lại sự an tịnh và sự vui mừng. Mà cái gì đem lại sự điều hòa đó? – Chính là đức hạnh vậy.

(26-8-67)

6.- Sự biến đổi mỗi cảm động ra đức tánh và tật xấu :

Giờ đây, chúng ta hãy tìm hiểu một cách uyên thâm cái chơn lý nói trên: đức tánh do sự cảm động sanh ra. Và chúng ta hãy hiểu đến một mực độ nào – có phải thật một đức tánh hay một tật xấu chỉ là trạng thái vĩnh cửu của một sự cảm động nào chăng?

Sự cảm động về tình thương là những mãnh lực xây dựng, nó thu hút người này với người kia, tạo nên gia đình, bộ lạc và quốc gia. Tình thương là cái biểu lộ của tính thu hút, nó hợp nhất vật này với vật kia. Sự kết hợp này khởi sự trong gia đình trước nhất, và sự giao dịch giữa người trong gia đình, cùng chung sống, bắt buộc người này phải rón sóc và dịu dàng phụng sự người kia, nếu họ ao ước có chút ít hạnh phúc. Điều bắt buộc cần thiết để có hạnh phúc trong sự giao dịch này, được gọi là ‘bổn phận’ mà mọi người phải theo đúng đối xử với nhau. Nếu mỗi người trong gia đình không làm trọn bổn phận mình đối với kẻ khác, thì sự giao dịch giữa họ trở thành một nguồn cội đau khổ: bởi vì trong sự liên lạc mật thiết giữa người trong gia quyến với nhau, hạnh phúc của mỗi người đều tùy thuộc cách kẻ khác đối xử với mình. Không có sự giao dịch nào giữa loài người mà không tạo ra một nhiệm vụ, một bổn phận lẫn nhau. Người chồng thương vợ, người vợ thương chồng. Và không có chi cần thiết để tìm hạnh phúc cho nhau hơn là cái ý muốn thiết tha tự nhiên làm sao cho người mình yêu thương được sung sướng. Chính cái ý muốn đó xui giục người này cung cấp cho người kia cái gì y cần thiết. Nói một cách dễ hiểu hơn là: ‘tình thương là hoàn tất luật Trời’^[23]. Không cần phải có ý nghĩ về nhiệm vụ, bởi vì tình thương luôn luôn tìm cách để giúp đỡ và để ban ân. Không cần phải nói lên: ‘Anh sẽ làm cái này’ hay ‘Anh sẽ không làm cái kia’.

Nhưng khi một người kia vì tình thương mà làm xong mọi bổn phận giao dịch đối với kẻ khác, y gần gũi với những người mà y không ưa, thì làm sao giữa họ có được mối liên lạc điều hòa? Thì y chỉ biết có nhiệm vụ, do mối liên giao vừa tạo ra, và làm bổn phận. Trong trường hợp trước, thì điều gì y làm do tình thương, đã trở thành bổn phận, còn bây giờ y làm bổn phận, chớ không vì tình thương. Cái lý trí chánh đáng làm cho những hành vi tình thương tự nhiên trở thành nhiệm vụ hay bổn phận. Và sự xúc động về tình thương trở thành một yếu tố vĩnh cửu của hạnh kiểm, nó được gọi là đức tánh. Điều này chứng thật cái lý thuyết của ta là: đức tánh vốn là một trạng thái vĩnh cửu của mỗi cảm động tình thương. Mỗi cảm động trở thành một trạng thái vĩnh cửu và sẽ biểu lộ trong mọi giao dịch với người đời. Người nào mà làm tròn nhiệm vụ của mình – (do sự giao dịch ấy tạo thành) - là người đức hạnh. Mỗi cảm động của y – (nhờ trí khôn làm cho vĩnh cửu) – hướng dẫn y. Trí khôn y đã nhận biết rằng: hạnh phúc nói đây là tùy thuộc ở sự điều hòa trong mọi giao dịch. Tình thương nhờ trí khôn làm cho ổn định và hợp lý, nên trở thành đức tánh.

Như thế, chúng ta có thể tạo ra một khoa luân lý – một khoa mà những định luật liên kết với nhau một cách chắc chắn như bất cứ khoa nào.

Giữa mỗi cảm động về niềm ghét và tội lỗi, cũng có sự liên quan y như vậy. Cái trạng thái vĩnh cửu của mỗi cảm động và niềm ghét là một tật xấu. Một người nọ làm tổn hại một người kia, người sau này làm tổn hại trở lại: rồi mối giao dịch giữa đôi đảng sẽ trở thành bất hòa, nó sẽ đem lại sự đau khổ. Và bởi người này mong mỗi một sự thiệt hại cho người kia, và mỗi người rón làm sao cho kẻ nghịch mình mất đi một phần khả năng làm tổn hại mình, như đó mới sanh ra một hành vi oán ghét tự nhiên. Khi trạng thái này trở thành vĩnh cửu và cá nhân biểu lộ nó mỗi khi có dịp gần gũi kẻ khác, thì nó được gọi là một tật xấu. Một người kia ít tiến hóa không kiểm được nổi tính dục của y, y đánh đập một đồng bào. Đó là sự biểu lộ tự

[23] Epitres aux Romains, XIII, 10 .

nhiên của niềm ghét. Nếu y thường lặp lại cái hành vi ấy thì nó sẽ trở thành thói quen, khi y nóng giận. Y gây đau khổ và thích thú trong đó. Cái tính độc ác đã phát triển trong y, và nếu y gặp một đứa con nít hay một người nào yếu đuối hơn, thì y sẽ tỏ lộ sự độc ác của y chỉ vì y liên giao với họ. Mỗi cảm động về tình thương được hướng dẫn và tạo thành vĩnh cửu để hóa ra một đức tánh, mỗi cảm động và niềm ghét cũng giống y như vậy, nó cũng được hướng dẫn và tạo thành vĩnh cửu, do một lý trí mù quáng và mất thăng bằng, nên nó hóa ra một tật xấu.

(9-9-67)

CHƯƠNG THỨ 4

MÔI CẢM ĐỘNG (tiếp theo)

7.- Áp dụng lý thuyết này cho hạnh kiểm.

Khi đã thấy bản tính của tật xấu và đức tánh như vậy rồi, thì dễ mà biết được cái phương tiện nào hữu hiệu nhất để dinh dưỡng đức tốt và diệt trừ tật xấu. Đó là tác động ngay vào phương diện xúc cảm của tánh tình. Chúng ta có thể cố gắng mở mỗi cảm động về tình thương của chúng ta. Như vậy chúng ta mới cung cấp được vật liệu cho lý trí dùng để luyện thành đức tánh đặc biệt sau này. Làm cho phát triển mỗi cảm động về tình thương là phương châm hữu hiệu nhất để tăng cường đức hạnh: bởi vì đức tánh chỉ là những hoa, quả của rễ ‘Cây Thương’ nảy sanh ra mà thôi.

Chúng ta sẽ hiểu được sự biến đổi của cảm động ra đức tánh và tật xấu là cần thiết đến mức độ nào, chỉ khi chúng ta nhờ đó mà chúng ta có được một cái lập luận, để làm nền tảng cho hành vi của chúng ta. Cái lập luận này cũng như tấm địa đồ trải ra trước mắt chúng ta, khi chúng ta muốn tìm một xứ nào xa lạ, chúng ta sẽ dò trên tấm địa đồ ấy, con đường bắt đầu từ chỗ chúng ta đang ở đây đến nơi mà chúng ta muốn tới. Có rất nhiều người thật tốt và đầy nhiệt huyết, họ phí nhiều năm để thực hiện đức ‘nhơn ái’ với sự hoài bão mù mờ. Nhưng dù vậy, họ cũng tiến hóa chút ít. Họ có nhiệt tâm trong tôn chỉ, nhưng yếu đuối để đoạt thành. Đó, trước nhất, là tại họ không hiểu được chính cái bản tính của họ và những phương pháp nào thích hợp nhất để dinh dưỡng nó. Họ giống như một đứa trẻ trong vườn, nó nhiệt liệt muốn thấy khu vườn nó chứa đầy hoa đẹp, nhưng nó không biết cách trồng và dưỡng hoa cùng diệt trừ cỏ dại đang xâm chiếm khắp nơi. Cũng như đứa trẻ, họ mong có mùi thơm của hoa ‘đức hạnh’, nhưng họ thấy khuôn vườn của họ bị cỏ dại của tật xấu xâm chiếm .

8.- Sự hữu ích của mỗi cảm động

Sự hữu ích của mỗi cảm động đã quá rõ ràng, nên dường như không cần gì phải dừng lại nơi đây, nhưng dù vậy, khi lặp lại nhiều lần rằng: ‘tình thương là một mãnh lực kiến thiết trong vũ trụ’ cũng không gọi là quá đáng. Những đơn vị gia đình gom tụ lại để hợp thành đơn vị bộ lạc, đơn vị quốc gia. Và chính từ những đơn vị này, về sau, nảy sanh ra ‘Tình Huynh Đệ’ giữa loài người. Ta cũng đừng quên rằng những đơn vị bé nhỏ làm nổi bậc, được mãnh lực tình thương chuẩn bị cho sự biểu lộ của tình thương được đầy đủ hơn. Mục đích của tình thương là gọi lên cái mãnh lực ẩn tàng của Tình Bác Ái Thiên Liêng ngự trong Tâm Linh, bằng cách hiến cho nó những cái gì vừa tầm với của nó mà nó ưa thích. Tình thương không thể gò bó trong khuôn khổ chật hẹp được. Hễ nó càng nhờ sự thực hành trở nên mạnh mẽ hơn,

thì nó càng tủa rải xa, càng lan rộng ra, cho tới chừng nào nó gom được vào lòng nó tất cả sinh linh. Chúng ta có thể nói lên định luật của tình thương như vậy: ‘Hãy xem mọi người lớn tuổi như cha mẹ người. Hãy xem mọi người đồng tuổi với người như anh hay chị người. Hãy xem mọi người nhỏ tuổi hơn người như con cái người’. Tất cả sự giao dịch giữa người đời đều phải qui vào định luật đó. Làm đúng theo định luật thì thế gian sẽ trở thành cõi Thiên Đàng! Vì chính để thực hiện mục đích ấy mà gia đình mới được thành lập.

Người nào muốn nói rộng tình thương trong sự giao dịch thì phải khởi xem hạnh phúc của xã đoàn y cũng như hạnh phúc của chính gia quyến y. Người ấy phải rán làm việc để nâng đỡ xã đoàn của y với một nghị lực, với một hứng thú cũng như y làm việc cho chính gia đình của y vậy. Về sau y sẽ nói rộng sự hứng thú và tình thương của y, việc làm cực nhọc của y ra khắp quốc gia y. Bây giờ mới hiện lên một đức tánh vĩ đại, đại đồng cho công chúng, - nó là dấu hiệu đầu tiên chắc chắn, thể hiện ra trước, để báo tin một sự phát đạt của quốc gia. Về sau người ấy sẽ thương yêu và làm việc cho toàn thể nhơn loại. Cuối cùng, tình thương của y bao gồm tất cả sinh linh và y sẽ trở thành một người bạn hữu của vạn vật.

Ở vào tình trạng tiến hóa hiện thời, ít có người thương được nhơn loại thật sự. Có rất nhiều người nói rằng: họ thương tất cả mọi người, nhưng họ không sẵn sàng làm một việc hy sinh nào để giúp đỡ một huynh tỷ đang đau khổ gần kề họ. Người phụng sự nhơn loại không được lãng nhìn những sinh linh ở tại cửa ngõ y, hoặc già, y không được dùng trí tưởng tượng tươi chan tít thiện của cái khu vườn xa xuôi trong khi những cây cối xung quanh công y đang chết khát!

Sự hữu dụng của niềm ghét, mới nhìn qua không lấy gì rõ rệt lắm, nhưng nó không kém phần quan trọng. Trước tiên, thì chúng ta học về niềm ghét, và thấy cái tinh túy của nó là sự tàn phá, sự hủy hoại, thì chúng ta vội cho nó là đặc biệt xấu xa. Lại, có một vị Giáo Chủ nói rằng: ‘Kẻ nào ghét người huynh đệ của mình là phạm tội sát nhơn’, bởi vì sự sát nhơn chỉ là cái biểu lộ của niềm ghét. Ví dù niềm ghét này không đưa tới sự sát nhơn đi nữa, nó cũng vẫn còn là một mãnh lực phá hoại, nó làm tan vỡ gia đình, suy sụp quốc gia. Nơi nào nó bước qua là nó chia ly thiên hạ. Vậy, niềm ghét có ích lợi vào đâu?

Trước nhất, nó ly tán những yếu tố không thích hợp, chúng không thể liên kết với nhau được, như thế đó, nó ngăn chặn sự va chạm liên tục. Nếu nói về những cá nhơn ít tiến hóa, họ không thể tương hợp với nhau đặng, thì thà là họ xa nhau để cho mỗi người đi theo con đường tiến hóa riêng của họ, còn hơn ở gần nhau, người này kích thích cho tăng cường mỗi cảm xúc xấu xa của người kia. Lại nữa, sự ố kỵ của một thường nhơn đối với kẻ ác vẫn còn hữu ích là bao giờ kẻ ấy có đủ năng lực đưa y vào con đường tội lỗi: bởi vì sự ố kỵ - dù thuộc về niềm ác ... nó cũng phòng giữ y tránh khỏi một ảnh hưởng xấu xa mà y có thể trở thành nạn nhơn. Sự khinh bỉ đối với kẻ nói láo, đối với người đạo đức giả, đối với kẻ ác hiệp yếu là một sự xúc động hữu ích, nó hữu ích cho người xúc động và cũng hữu ích cho đối phương. Đối với người thứ nhất: (là người xúc động) thì nó phòng giữ y khỏi sa vào cũng mây tạt xấu ấy, còn đối với người thứ nhì (là kẻ bị ố kỵ) thì nó gọi lên trong lòng y một sự hổ thẹn, sự hổ thẹn này có thể kéo y lên khỏi bùn lầy mà y đang chìm mình trong đó. Bao giờ một người kia còn có trong lòng một khuynh hướng làm một điều ác, thì niềm ghét đối với kẻ làm ác là hữu ích cho y, nó bảo vệ y.

Về sau, dần theo sự tiến hóa, y sẽ tập phân biệt giữa sự ác và người làm ác. Y sẽ cảm thấy thương hại cho kẻ làm ác, và tất cả niềm ghét của y sẽ hướng về sự ác mà thôi. Về sau nữa, khi đức hạnh của y được vững chắc rồi, thì y sẽ không còn ghét người làm ác và sự ác nữa. Y sẽ bình tĩnh mà thấy đó chỉ là một giai đoạn tiến hóa thấp kém mà thôi. Y rán sức kéo người huynh đệ bé nhỏ của y lên khỏi giai đoạn ấy, bằng những phương tiện thích nghi..

‘Phản khí chánh đấng’,

‘Khinh bỉ cao nhấ’,
‘Phản nộ đúng đắn’.

là những danh từ nhìn nhận sự hữu ích của các xúc động này, trong khi tìm cách che lấp sự thực rằng: chúng nó vốn là hình thái của niềm ghét. Người ta cố che lấp sự thực đó, vì người ta có cảm tưởng rằng: niềm ghét là một điều ác. Dù dưới danh từ nào, những mối cảm động xấu ấy cũng không kém là những hình thái của niềm ghét. Nhưng chúng nó đóng một vai trò hữu ích trong sự tiến hóa: những cơn giông tố, do chúng nó gây ra, tinh lọc không khí xã hội. Không dung tha tội ác còn hơn nhiều là lãnh đạm đối với nó. Bao giờ một người kia chưa hoàn toàn thoát khỏi sự cám dỗ của tội ác được, thì tính không khoan dung của y đối với người gây tội là một sự bảo vệ cần kíp cho y.

Chúng ta hãy lấy thí dụ trường hợp của người ít tiến hóa: y tìm cách tránh những tội lỗi lớn, nhưng y còn cảm thấy bị chúng nó cám dỗ. Cái ý muốn tránh những tội lỗi này sẽ tự biểu lộ dưới hình thái ó kỵ những ai đã phạm lỗi. Bỏ sự ó kỵ này tức là chìm y vào sự cám dỗ mà y chưa có đủ nghị lực để chống lại. Dần theo sự tiến hóa về sau và về sau nữa, y sẽ thoát ra khỏi vòng nguy hiểm của sự cám dỗ, y sẽ ghét sự ác, nhưng y có thiện cảm xen lẫn tình thương xót đối với kẻ làm ác. Nhưng chỉ khi nào y trở thành bậc thánh rồi, y mới có khả năng không ghét sự ác.

Khi chúng ta cảm thấy ó kỵ một người nào, là có thể chắc chắn rằng: trong chúng ta còn có vài dấu vết khả ó mà chúng ta gặp được trong người ấy. Chon Ngã thấy một sự nguy hiểm, bèn rút các thể của nó lui về. Một người có tiết độ hoàn toàn cảm thấy ít ó kỵ kẻ nghiện rượu hơn là một người có tiết độ mà đôi khi cũng quá chén. Một người phụ nữ trinh tiết hoàn toàn không có chút gì ó kỵ đối với chị em mình bị sa vào tội lỗi. còn người đàn bà khác ít trong sạch hơn lại xa lánh họ một cách ghê tởm. Khi chúng ta được hoàn thiện rồi, thì chúng ta sẽ thương vị Thánh cũng như người tội lỗi. Và cũng có lẽ, chúng ta sẽ thương người tội lỗi hơn, bởi vì Vị Thánh tự lực đứng vững được, còn người tội lỗi sẽ té ngã, nếu y không có tình thương của kẻ khác giúp đỡ y .

Khi con người đã đi đến mức độ không còn ghét sự ác và kẻ phạm ác nữa, thì sức mạnh phá hoại (tức là niềm ghét giữa loài người), sẽ trở thành ngay một năng lực, dùng để tiêu hủy những ngại vật ngăn cản bước chân tiến hóa. Chỉ khi nào sự Minh triết hoàn toàn hướng dẫn những mãnh lực kiến thiết và phá hoại, và chỉ khi nào Tình thương hoàn thiện là động lực, thì chừng ấy con người mới có thể dùng được cái năng lực phá hoại mà không sợ sa vào tội lỗi đầu tiên của tính chia rẽ. Cảm thấy mình khác biệt với những người xung quanh là ‘một cái tẻ đơan lớn’, bởi vì khi vạn vật tiến đến sự hiệp nhất rồi thì tính chia rẽ là trái nghịch với Luật Trời. Cái tính chia rẽ này nhất định là sai quấy hoặc giả nó xui ta tự thấy mình hay giỏi hơn kẻ khác, hoặc giả ta là kẻ tội lỗi nhiều hơn người. Bậc Thánh hòa đồng với kẻ sát nhơn cũng như với bậc Thánh khác: bởi vì kẻ sát nhơn và bậc Thánh đều thiêng liêng giống nhau, dù ở vào giai đoạn tiến hóa khác nhau. Khi người nào cảm đặng điều này, thì y gần sống được Đời sống của Đức Christ trong lòng y. Y không tự cho mình là riêng biệt, mà là ‘một’ với vạn vật. Đối với y, cái thánh tâm của y là cái thánh tâm của nhân loại, và cái tội lỗi của bất cứ ai cũng là cái tội lỗi của y nữa! Y không dựng hàng rào giữa y và người tội lỗi, mà y xô ngã bất kỳ cái hàng rào nào do kẻ tội lỗi dựng lên. Người như thế đó san sớt nỗi đau khổ của kẻ tội lỗi và chia xẻ với y tất cả cái gì mình có.

Những ai đã cảm đặng cái chơn lý của ‘Lời khuyên về sự hoàn thiện’ này rồi, thì trong đời sống thường ngày, phải tìm cách đem nó ra mà thực hành, dù không được hoàn toàn cũng vậy. Trong khi giao thiệp với những người ít tiến hóa hơn, họ luôn luôn tìm cách san bằng mọi trở ngại giữa họ và mấy người này. Bởi vì tính chia rẽ rất tinh vi, nó vẫn ở mãi trong lòng chúng ta cho tới chừng nào chúng ta đã hoàn tất được con đường của Chúa. Nhưng với sự cố

gắng, chúng ta có thể làm cho nó sung giảm dần dần đặng. Rán sức đồng hóa chúng ta với cái thấp kém nhất, tức là tác động cái năng lực xây dựng, để kết hợp thể giới, tức là làm cho chúng ta trở thành những con kinh do đó mà Tình thương Thiên liêng mới tuôn xuống cõi trần đặng.

(23-9-67)

CHƯƠNG THỨ 5

MÔI CẢM ĐỘNG (tiếp theo)

1.- Điều luyện môi cảm động . (Education des Emotions).

Như chúng ta đã thấy, môi cảm động là một cái năng lực tác động trong con người. Nó kích khởi tư tưởng và xui đến hành động. Nó đối với con người cũng như hơi nước nóng đối với đầu máy. Không có nó, con người sẽ trở thành bất động và thụ động. Nhưng có rất nhiều người không ngớt làm trò đùa cho môi cảm động của họ, họ bị chúng nó hất qua bên này, rồi hất sang bên kia, cũng như chiếc tàu không lái chòng chành trên bề cả vì giông tố. Họ bị những lượn sóng vui, buồn tung lên cao và kéo chìm xuống thấp. Họ bị sự phấn khởi và sự ngã lòng lần lượt dày xéo họ. Những người như thế bị sự cảm động sai khiến và chinh phục, luôn luôn họ bị quấy nhiễu giữa sự tranh chấp của chúng nó. Những quan năng bên trong của họ bị hỗn loạn ít nhiều, và những hành vi bên ngoài của họ không trật tự chút nào, chúng nó chịu ảnh hưởng của sự kích động nhất thời và không lưu ý đến hoàn cảnh bên ngoài. Nếu mấy người này chịu xem xét, suy nghĩ, thì họ sẽ điều khiển hành vi của họ trúng đường. Thường thường, họ là những người tốt, trong lòng họ có những động lực khoan hồng, họ muốn làm lành, có đầy thiện cảm đối với những người đau khổ, họ có nhiệt tâm muốn giúp đỡ và không ngần ngại ra tay tức khắc để cứu trợ kẻ đau buồn. Nơi đây, chúng ta không đề cập đến người lãnh đạm hay hung dữ, mà nói đến kẻ có những cảm động thúc đẩy sự hành động mà chưa kịp quan sát hoàn cảnh, hay thấy xa hơn cái ý muốn cứu khổ đó. Người như thế - (dù bên trong có động lực muốn giúp đỡ, có thiện cảm và ý muốn làm giảm bớt sự đau khổ) - lại thường làm hại hơn là làm lợi vì y thiếu suy nghĩ trong hành vi. Sự cảm xúc xui y hành động là do ‘phần bác ái’ của thiên tánh y mà ra; ấy là cái tính thu hút người này đến gần người kia, nó là căn bản thiết tạo và bảo tồn đức hạnh. Cũng chính vì lẽ đó mà nó có sự nguy hiểm của nó. Nếu nguyên căn của môi xúc cảm là xấu, thì người đó sẽ là kẻ thứ nhất phải nhổ gốc đi. Còn nếu nguyên căn của nó là ‘sự cảm động vì tình thương’ – (là nguồn cội của mọi đức tánh liên quan đến xã hội) - thì y không cần ngờ vực và tìm cách kiểm soát. Những câu: ‘Tôi rất có thiện cảm với kẻ khác’. ‘Tôi rất xót xa trước cảnh đau khổ’. ‘Tôi không thể thấy sự khốn nàn mà chịu nổi’, là những câu ám chỉ nhiều sự khoe mình, dấu rằng giọng nói có vẻ gièm pha. Thật ra, sự thiện cảm chính nó thì lắm lúc nó làm hại hơn là làm lợi. Đôi khi nó làm cho người mà nó lưu ý, còn đau khổ nhiều hơn trước nữa. Lắm lúc cách an ủi không khôn ngoan cốt chỉ tránh cho ‘người thiện cảm’ khỏi thấy sự đau khổ hơn là làm cho nó giảm bớt đi. Và một sự đau lòng tạm thời được ngăn chặn trước khi gây nên một sự thương tổn vĩnh cửu. Dù không nói ra, đó cũng chỉ để tránh cho người khỏi thấy một cảnh khổ.

Làm cho người cảm được lòng thiện cảm của ta là điều tốt: bởi vì sự này tăng cường ‘môi cảm động về tình thương’ của y. Nhưng cái kết quả của nó đối với kẻ khác lại lắm khi không hay, vì thiếu sự quân bình của tư tưởng. Rất dễ mà kêu la ầm ĩ trước cảnh khổ, cùng khuấy động đất trời để than thở, nhưng khó mà ngừng lại để quan sát nguyên nhân của sự khổ

đặng chữa trị và thuốc thang cho lành mạnh hơn là kéo dài nó. Nếu ta muốn cho mỗi cảm động của ta đem đến kết quả tốt đẹp, thì cái lý trí lành bệnh phải hướng dẫn và điều khiển nó. Mỗi cảm động phải là một động lực đưa đến hành vi, nhưng nó không phải là vị chủ nhơn để sai khiến: bởi vì nhận sự sai khiến là thuộc về trí khôn, và trí khôn không bao giờ được mất cái đặc quyền ấy. Người nào mà tâm thức hoạt động với mỗi cảm xúc mạnh mẽ làm động lực, một lý trí sáng suốt để điều khiển, là bậc hiền nhơn, là người hữu ích cho đời.

Người ta có lý khi so sánh dục vọng với những con ngựa bắt kếp vào chiếc xe người, và dục vọng bắt nguồn từ mỗi cảm động. Khi những mỗi cảm động này không được kiểm soát chặt chẽ thì dục vọng giống như những con ngựa hung hăng bắt trị, đưa chiếc xe và người kéo xe vào chỗ nguy hiểm. Dây cương được sánh với trí khôn. Nó điều khiển con ngựa. Tùy theo lúc, nó kiềm ngựa lại hay thả lỏng. Ở đây, chúng ta có một cái hình ảnh rõ rệt về sự liên quan giữa mỗi cảm động, trí khôn và hành vi. Sự cảm động tạo ra vận hành, trí khôn kiểm soát và điều khiển, còn chơn ngã dùng sự hoạt động để được thắng lợi: bởi vì Nó điều khiển những mỗi cảm động chớ không phải là nạn nhơn của chúng nó.

Trạng thái tâm thức này, - mà người ta gọi là Bồ Đề Tâm (Bouddhi) - phát triển trong Giống Dân Phụ thứ Sáu, và nó còn phát triển nhiều hơn trong Giống Dân Chánh thứ Sáu. Cái bản tính tình cảm tiến triển mạnh trong vài người tiến hóa cao của giống Dân Chánh thứ Năm. Và thường khi, sự tiến triển này lại kèm theo, trong một lúc, nhiều hiện tượng phiền toái và cũng đáng ngại nữa. Dần theo sự tiến hóa, những hiện tượng đó sẽ biến mất và bản tính sẽ trở lại cân bình, tỷ như vừa tốt đẹp, vừa mạnh mẽ và vừa minh mẫn, vừa khoan hồng. Còn những người nào tiến hóa mau lẹ sẽ có một đời sống đầy giông tố và thường bị đau buồn. Họ phải đau đớn nhiều và lâu. Tuy nhiên, nhờ đau đớn như vậy, họ mới có được cái nghị lực ở tương lai, và sự tinh luyện ở hiện tại. Hễ sự đau đớn càng kịch liệt chừng nào, thì cái kết quả càng vinh quang chừng nấy. Chính ở những tâm hồn mạnh mẽ này, Bồ Đề Tâm mới chiến đấu để biểu lộ, chúng nó phải chịu mọi nỗi đau khổ để hoàn tất công việc ấy. Chẳng bao lâu nữa, Bồ Đề Tâm tức là ‘Đức Chúa’, ‘Đấng Hải Đồng bé nhỏ’ sẽ sanh ra: sự Minh triết nhập một với Bác Ái và nhập một với Thượng Trí để trở thành Chơn Ngã Tinh Thần, là Con Người thực sự bên trong, là Nhà Chi Huy bắt diệt!

Học giả nào đang quan sát bản tính mình để tự nắm lấy sự tiến hóa của mình, hầu điều khiển được bước đường mai sau, thì phải xem xét kỹ lưỡng những đức tánh và tật xấu của mình, để qui định cái này và sửa chữa cái kia. Đối với những người ít tiến hóa, thì trí khôn và cảm xúc thay đổi theo tỷ lệ trái ngược nhau: Sự cảm xúc mạnh lại đi đôi với trí khôn yếu, và trí khôn mạnh lại đi đôi với cảm xúc yếu. Trong trường hợp thứ nhất, khả năng điều khiển yếu. Trong trường hợp thứ hai, động lực cảm xúc yếu. Vậy học giả, trong sự tự kiểm thảo, phải xem coi trí khôn mình có thật phát triển không. Nếu biết sự cảm động của mình đã nảy nở mạnh, thì y phải tự thử lấy mình để coi mình có thật sẵn sàng nhìn sự vật trong ‘ánh sáng tỏ rõ và khô khan của trí khôn’ chăng. Khi một vấn đề nào đưa đến y, dưới ánh sáng đó, mà y cảm thấy ó kị, thì đó ám chỉ phần cảm động của bản tính y nở nang nhiều hơn là phần lý trí. Bởi vì con người thăng bằng không tỏ ra ó kị đối với ánh sáng tỏ rõ của trí khôn chỉ huy, cũng như đối với động lực mạnh mẽ của mỗi cảm động. Nếu trong dĩ vãng, một phía bản tính đã được dinh dưỡng quá nhiều, và nếu tình cảm đã được chăm nom một cách thương tổn cho trí khôn, thì người học giả phải chú ý trọn vẹn đến trí khôn để tăng cường nó, y phải kèm hãm hẳn hời mọi ý chống đối với sự trình bày khô khan bằng lý trí. Y phải nhận xét sự biệt dị giữa trí khôn và tính thiện cảm .

CHƯƠNG THỨ 5

MỐI CẢM ĐỘNG (tiếp theo)

2.- Sức vặn sai của môi cảm động : (Pouvoir déformant de l'émotion) .

Một trong những điều mà người đa cảm không lưu ý nhất là: môi cảm động phát sinh ra những làn rung động tràn ngập không khí xung quanh bằng cách nào, và rồi làm sao những làn rung động đó lại ảnh hưởng đến trí khôn? Mọi vật hiện đến cho chúng ta đều xuyên qua bầu không khí này, chúng nó bị bầu không khí đó nhuộm màu và vặn sai, bởi vậy chúng nó đến với trí khôn chúng ta, không dưới hình thức và màu sắc thật sự của chúng nó, mà lại với hình thức lệch lạc và màu sắc lợt phai. Vàng hào quang bao xung quanh chúng ta phải là một trung gian trong trẻo để cho tất cả vật gì ở ngoại giới đến chúng ta với hình thức và màu sắc chính thức của nó. Nhưng, khi vàng hào quang rung động dưới ảnh hưởng của sự cảm xúc, thì nó không thể hoàn thành nhiệm vụ trung gian của nó một cách đúng đắn, và tất cả cái gì đi xuyên qua nó đều bị bẻ vẹo và hoàn toàn bị vặn sai. Nếu một người kia trầm mình dưới nước mà rón rập cây gậy của người ta đưa trên mặt nước, gần thấy, thì y chụp sai hướng, bởi vì y đưa tay nơi chỗ mà y trông thấy cây gậy, nhưng tia sáng do cây gậy chói vào nước lại bị bẻ vẹo đi, khiến cho y thấy cây gậy không đúng thật chỗ của nó. Cũng giống y như vậy, khi một cảm giác nào do ngoại giới đưa đến cho ta, xuyên qua một vàng hào quang tràn đầy cảm xúc, thì tỷ lệ của nó bị vặn sai, và ta xét đoán sai vị trí của nó, vì vậy mà sự hiểu biết của trí khôn bị nhầm lẫn, và sự suy đoán căn cứ vào sự hiểu biết này tự nhiên không trúng, dù nó vẫn chính là công việc của trí khôn.

Dẫu ta có sự phân tách một cách kỹ lưỡng nhất đi nữa, ta cũng không thể bảo vệ mình toàn vẹn trước sức vặn sai của môi cảm động này. Trí khôn luôn luôn có khuynh hướng xét đoán với ý tán thành những gì nó ưa thích, và xét đoán một cách bất lợi với những gì nó đố kỵ, đó là do 'sự bẻ vẹo' mà chúng ta đã nói ở trên. Chúng ta nâng cao giá trị của một vài hành động vì chúng ta có ý muốn thực hiện nó, và chúng ta hạ thấp những nghị luận nào chống đối với hành động ấy. Một bên dường như rất rõ rệt và đáng tin, còn một bên, thì xem thể mơ hồ và đáng ngờ vực. Và bởi chúng ta, thấy xuyên qua sự cảm động, nên chúng ta cho rằng: chắc chắn chúng ta có lý, và những ai không thấy như chúng ta, đều là những người có khuynh hướng, thành kiến hay có định tâm xấu xa.

Mối hiểm họa ấy luôn luôn đe dọa chúng ta. Để đối phó với nó, chúng ta chỉ tự phòng bị bằng cách lưu ý và mãi cố gắng, nhưng rốt cuộc rồi, chúng ta không thể nào tránh nó được, nếu chúng ta chưa vượt lên khỏi môi cảm động và ngự trị nó một cách vẹn toàn.

Còn một phương pháp nữa có thể giúp ta xét đoán một cách đúng đắn, ấy là những chiêm nghiệm những tác động tâm thức của kẻ khác, và sự quan sát kỹ lưỡng những quyết định của họ, trong các trường hợp tương tự với những trường hợp của ta. Sự xét đoán nào trái ý với ta nhất là chắc chắn nó hữu ích cho ta nhất, vì nó được tạo thành bởi một trung gian cảm xúc rất khác biệt, với trung gian cảm xúc của ta. Ta có thể so sánh những quyết định của họ với những quyết định của ta, và ta lưu ý đến những điều nào ảnh hưởng tới họ nhiều nhất và với ta ít nhất.

Ta cũng lưu ý đến những điểm nào đối với họ quan trọng nhiều nhất và đối với ta ít nhất. Như vậy, trong sự xét đoán đó, ta mới nhận biết được cái nào là yếu tố của môi cảm động với

cái nào là yếu tố của trí khôn. Vì dù sự kết luận của ta có sai đi nữa, nhưng sức cố gắng của ta đã đi đến kết luận đó sẽ có khuynh hướng sửa đổi ta và làm cho ta giác ngộ. Điều này giúp cho ta chế phục được mỗi cảm động và tăng cường trí khôn. Tất nhiên là ta chỉ chiêm nghiệm những điều trên đây là khi nào ta không bị mỗi cảm động khuấy rầy, và ta thu nhặt những kết quả đó để dùng lúc nào sự xúc động tỏ ra quá mạnh.

3- Phương pháp chế ngự mỗi cảm động : (Moyens de maitriser les émotions) .

Cái phương pháp đầu tiên và hữu hiệu nhất để chế ngự mỗi cảm động – (cũng như tất cả cái gì liên hệ đến tâm thức) - là sự Tham thiền. Người ta Tham thiền lúc nào không bị sự va chạm với ngoại giới làm xáo trộn tình cảm. Khi Chơn Ngã từ cõi giới thanh nhẹ hơn cõi trần, trở về xác thịt, sau giấc ngủ, thì Nó sẽ gặp lại cái nhục thể của Nó trong trạng thái an ổn, và Nó sẽ chiếm lấy một cách bình yên cái óc và bộ thần kinh đã được nghỉ khỏe. Về sau, khi những cảm động đã bị xáo trộn trong ngày, và khi chúng nó hoạt động nhiều, thì sự tham thiền không được hữu hiệu hơn. Cái thời gian an ổn, sau giấc ngủ, mà ta dùng để tham thiền là tốt nhất; bởi vì cái thể vía, là thể tình cảm, đã được an tịnh hơn là sau khi nó chìm trong cảnh xáo trộn của dòng đời. Giờ tảng sáng an tịnh này, nảy sinh một ảnh hưởng tốt lành. Cái ảnh hưởng ấy sẽ bảo vệ ta trọn ngày; mỗi cảm động của ta, đã được lắng dịu và yên tĩnh, khiến cho ta dễ bề kiểm soát.

Một khi ta có thể làm được điều này rồi, thì tốt cho ta nên soạn sẵn những vấn đề nào cần phải giải quyết trong ngày; đoạn ta quyết định sẽ phải kết thúc chúng nó bằng cách nào và ta sẽ phải có tư cách gì trong trường hợp đó. Nếu ta biết rằng ta phải đứng vào địa thế nào, nó sẽ lay động mỗi cảm xúc của ta, thì ta có thể dùng lý trí mà tiên liệu cái tư cách của ta, và ta cũng có thể quyết định trước sự hành vi của ta nữa. Tỷ như khi ta đã có một quyết định rồi, và lúc cơ hội đến, ta sẽ nhớ lại sự quyết định đó mà hành động theo, đầu mỗi cảm động của ta có xui ta đi lối khác cũng không được. Ví dụ, ta đi đến gặp một người mà ta yêu mến thiết tha trong lúc tham thiền, ta đã nhất định rằng ta phải có tư cách nào khôn ngoan nhất. Và trước ánh sáng rõ rệt của lý trí an bình, ta nhận làm gì để cho cả thầy đều được hạnh phúc. Ta phải bám chặt vào sự quyết định đó, dù ta có khuynh hướng cảm nghĩ rằng: ‘Tôi đã không xét đúng tầm quan trọng của chuyện này’. Trên thực tế, chính trong trường hợp đó, ta đã quan trọng nó quá nhiều, lúc trí ta yên lặng. Và tốt hơn hết là ta nên theo con đường mà ta đã vẽ trước kia, dầu mỗi cảm động nhất thời có xui ta làm khác. Có thể ta xét đoán sai, nhưng nếu, trong lúc tham thiền, mà ta không thấy được sự sai đó, thì không chắc gì ta thấy đặng giữa cảnh xoáy tít của tình!

Còn một phương pháp nữa để chế ngự mỗi cảm động: ấy là suy nghĩ điều gì mà mình sắp nói, và trước khi nói, nên kèm lưỡi lại. Có một pháp lý gia cổ thời ở phương Tây nói rằng: ‘Người nào đã tập kiểm soát được lời nói của mình, là chủ trị đặng tất cả’. Người nào, không bao giờ thốt ra một lời chua cay hay thất kính, là tiến đến sự chế ngự tình cảm hoàn toàn. Làm chủ lời nói của mình tức là làm chủ trọn cả bản tính mình. Tốt hơn là đừng nói gì hết – (có ý tịnh khẩu) - khi người ta không biết rõ phải nói điều gì, hay không chắc lời nói ấy có chân thật chẳng, có thích hợp với người mà mình đàm thoại không, hoặc giả nó có đáng nói ra không? Trước nhất, lời nói phải chân thật. Không có cái chi tạ lỗi được sự nói dối. Lắm khi, lời nói thốt ra, trong cơn xúc động, không chơn thật: hoặc giả nó quá lỗi, hoặc giả nó bị vắn sai. Và rồi, vì ảnh hưởng của cảm xúc mạnh hay của cảm giác kịch liệt, mà ta quên xem coi lời nói của ta có phù hợp với người đàm thoại cùng ta chẳng? Ta có thể đưa ra một ý niệm rất sai lầm cho một chơn lý vĩ đại, nếu ta không quan tâm đến vị trí của người đối thoại cùng ta. Sự cảm thông phải có giữa người đó và ta, ta phải thấy điều y thấy: bởi vì chỉ chừng ấy, chơn

lý mới hữu dụng và cứu trợ được mà thôi. Khi ta trình bày chơn lý cho một người khác, là chẳng phải để ta cố gắng tự giúp mình, mà chính để giúp y. Có thể, đối với người đàm thoại, cái định luật bất di, bất dịch, bất khả kháng, tuyệt đối vô tư, là một ý niệm trợ lực, nâng cao tinh thần, là một diệu tướng, nhưng đối với người ít tiến hóa, thì dường thể nó là tàn bạo, bất nhân, vậy nó làm thương tổn hơn là cứu trợ. Chơn lý không phải để đè bẹp mà là để nâng cao. Và ta lạm dụng nó. Khi ta trao nó cho người chưa sẵn sàng tiếp nó. Ta có đủ những gì để cung cấp nhu cầu cho mỗi người, nhưng ta cần phải thận trọng để chọn lọc một cách khôn ngoan, và ta chớ để cho tính háng hái của ta bắt ép kẻ khác phải giác ngộ quá sớm. Có nhiều người Thông Thiên học trẻ tuổi làm hại hơn làm lợi: vì sự quá nhiệt tâm của họ, họ hỏi hỏi trao cho kẻ khác những báu vật mà họ tôn quý. Về sau, ta còn phải cân nhắc văn chương của lời nói và xem coi nó có hữu ích và cần thiết không. Một chơn lý chính nó là hữu ích mà nó có thể trở thành một tai hại khi ta trình bày nó dưới một hình thức nào.

‘Chớ bao giờ nói lời không thật. Chớ bao giờ nói lời bất nhã’, nó là ngọc luật của ngôn ngữ. Mọi lời nói phải chơn thật, dịu dàng và dễ thương. Lắm khi, những người hảo ý cũng quên thốt lời dịu dàng, họ lại tự hào cho mình là chơn thật, khi họ chỉ là kẻ cộc cằn và lãnh đạm trước tình cảm của những người mà họ đàm thoại. Nhưng điều này không phải là sự giáo hóa tốt cùng là tinh thần đặc giáo: bởi vì người vô giáo dục không phải là người đạo giáo. Nhà đạo giáo thật sự phải vừa hoàn toàn chơn thật, vừa hoàn toàn nhã nhặn. Hơn nữa, tất cả cái gì thừa hay vô dụng là tổn hại. Sự cảm động bùng bùng và bá láp cứ mãi tuôn tràn, nó tạo ra những câu chuyện khào, vụn vặt. Kẻ nào không giữ im lặng được lại luôn luôn bép xép. Họ phí sức lực của lý trí và tâm tình cũng như họ thốt ra cả trăm chuyện ngô nghê mà tốt hơn họ nên giữ lấy. Sự im lặng là triệu chứng yếu đuối của trí khôn. Sự im lặng còn quý hơn là lời nói ngô nghê. Trong cảnh im lặng, những cảm xúc được tăng trưởng và cương cường, đồng thời, chúng nó cũng được kiểm soát, nhơn đó mà năng lực động tác của bản tánh được tăng thêm sức mạnh, và cũng được đặt dưới quyền chế ngự của ý chí. Quyền năng của sự im lặng thật vĩ đại. Thường thường nó có một cái ảnh hưởng êm dịu nhất. Nhưng trái lại, kẻ nào đã tập giữ im lặng phải khéo léo, đừng để sự im lặng của mình làm mất đi phép lịch sự, hoặc giả y dùng sự im lặng trong xã hội không đúng lúc, khiến cho những người hiện diện cảm thấy lạnh lùng và khó chịu.

Có lẽ vài người lo ngại rằng: trong lúc quan sát như thế trước khi mở lời, có thể làm trở ngại cho sự trao đổi tư tưởng khiến cho cuộc đàm thoại phải tê liệt chẳng? Nhưng tất cả những ai đã tập kiểm soát lời nói đều chứng tỏ rằng: với một chút thực nghiệm, người ta sẽ thấy thời gian giữa câu hỏi và câu trả lời thật là ngắn ngủi cho đến nỗi không ai lưu ý tới. Trí khôn vận hành còn mau lẹ hơn chớp nháy, chỉ trong nháy mắt mà có thể kiểm đi kiểm lại mọi điều quan trọng. Lúc ban đầu (tập kiểm soát lời nói) có thể nảy ra một chút xú do dự, nhưng vài tuần sau, không cần ngừng lâu để xem xét lời nói, sự kiểm đi, kiểm lại câu trả lời quá lẹ làng, nên không làm trở ngại chút nào cho cuộc đàm thoại. Trong nhiều nhà diễn giả, cũng có vị chứng thực rằng: trong lúc háng hái diễn thuyết, lời nói trôi chảy như thác nước, thì trí khôn vẫn giữ đặng sự an tĩnh của nó; nó xoay trở từ câu, cân phân giá trị riêng từ chữ, trước khi tuyên chọn cái này và sa thải cái kia. Tuy nhiên, trong hàng thính giả mê say không một ai thấy được sự hoạt động bên trong này, người ta không ngờ rằng: diễn giả trong khi nói thao thao bất tuyệt lại có thể chọn lọc danh từ!

Phương pháp thứ ba để chế ngự mọi cảm động là: kèm mình trước sự xung động nhất thời. Lặt vặt là đặc điểm của trí óc tân thời, là cái quá ló của sự mau lẹ; mà sự mau lẹ vốn là đức tánh của trí óc. Khi ta quan sát đời sống một cách bình tĩnh, thì ta sẽ thấy rằng: sự vội vàng, rung rẩy không cần thiết chút nào. Ta luôn luôn có đủ ngày giờ. Một hành vi, dù phải làm mau lẹ, cũng nên cân nhắc, và không được hóp tốp. Khi ta bị áp lực của một sức cảm

động mạnh mẽ, và ta thi hành theo chiều hướng nó, mà không suy xét, thì ta làm một cách không khôn ngoan. Nếu ta tập suy nghĩ trước khi thực hành trong mọi việc thường ngày, mà nếu có xảy ra biến cố hay chuyện gì khác cần phải làm mau lẹ, thì cái trí khôn nhanh nhẩu kia sẽ kịp thời đem lại sự thăng bằng cần thiết, và sẽ lập tức chỉ thị hành vi. Trong khi đó sẽ không xảy ra sự hấp tấp, sự khinh suất và việc làm cầu thả thiếu khôn ngoan.

Vài người có thể hỏi rằng: ‘Nhưng tại sao tôi không được nghe theo trực giác của tôi?’.

Sự xung động (impulsion) và trực giác (intuition) là hai điều mà người ta thường lầm lẫn, dù chúng nó hoàn toàn khác biệt, từ nguồn gốc chí đặc tánh. Sự xung động bắt nguồn từ bản tánh dục vọng. Nó cũng do sự tác động của tâm thức xuyên qua thể vía mà ra. Chính nó là một sức mạnh phóng ra ngoài để ứng đáp với một kích thích ở ngoại giới. Nó là một sức mạnh hiệu năng, an bình, chủ định và do Chơn ngã thiêng liêng điều khiển .

Bao giờ bản tính chưa hoàn toàn điều hòa, mà muốn phân biệt giữa xung động và trực giác, thì cần phải có sự kiểm soát trong an tịnh, và một kỳ gian cần thiết để suy nghĩ. Sự kiểm soát và kỳ gian này làm tiêu tan sự xung động, nhưng trái lại chúng nó giúp trực giác tăng cường sức mạnh và sáng suốt hơn. Yên lặng làm cho hạ trí nhận biết sự hiện diện của trực giác và cảm được cái uy lực thanh quang của nó. Lại nữa, nếu có cái gì giống như trực giác – mà chính thật là một dẫn ý (suggestion) do Đấng cao cả nào phát ra – thì cái dẫn ý này sẽ rõ rệt hơn, khi ta tham thiền, im lặng. Trong kỳ gian lặng lẽ đó, dẫn ý không kém phần hữu hiệu và uy lực .

Thật ra, phú mình theo chiều hướng của sự xung động ngô ngậy là thích thú, còn kèm mình là điều đau khổ chốc thời. Nhưng con đường gắng sức đưa ta đến đời sống cao cả hơn đều đầy đầy những nỗi vui phải khước từ, và những cơn sầu phải cam chịu. Lần lần, ta sẽ cảm được cái mùi cao thượng của việc làm trong cảnh lặng lẽ, xét suy, hơn là chiều theo sự xung động xôn xao. Và như thế, ta sẽ tránh được nguồn hối tiếc, cứ mãi đến với ta. Bởi vì, khi ta chiều theo sự xung động, ta tạo ra nhiều phiền khổ, và rốt cuộc rồi ta hiểu rằng, sự xung động chỉ là điều sai quấy mà thôi. Nếu việc làm có chủ đích thì sự suy nghĩ kỹ càng sẽ tăng cường giá trị của nó chớ không làm cho giảm đi. Và nếu sau khi nghĩ kỹ, mà ta thấy hành vi của ta mất giá trị, thì ta có thể chắc rằng: hành vi đó là do một nguồn gốc thấp kém.

Tham thiền mỗi ngày, cẩn thận lời nói trước khi thốt, và không chịu làm trò chơi cho sự xung động, đó là những phương pháp tuyệt hảo để xoay mỗi cảm động trở thành kẻ tôi tớ hữu dụng, chớ chẳng phải là những chủ nhơn nguy hiểm như trước.

(20 – 10 – 67)

CHƯƠNG THỨ 5

MỐI CẢM ĐỘNG (tiếp theo)

4.- Sự hữu ích của mối cảm động : (L'Utilité des émotions) .

Chỉ có người đã chủ trị được mối cảm động mới biết lợi dụng nó mà thôi. Người ấy biết rằng: ‘Mối cảm động không phải là chính mình, mà vốn là kết quả của sự động và phản động, hỗ tương lẫn nhau, xảy ra giữa Chơn Ngã và phàm ngã. Nó chỉ tác động trong những thể của

y, nơi mà y đang cư ngụ'. Bản tính của mỗi mỗi cảm động luôn luôn thay đổi. Điều này chỉ tỏ nó thuộc về máy thể đó. Mỗi cảm động sở dĩ linh hoạt được là do ảnh hưởng của ngoại giới, và do Tâm thức từ bên trong ứng đáp lại. Đặc tánh của Tâm thức sanh ra sự cảm động là hạnh phúc, và sự vui, sự khổ là những vận hành trong thể vía (là thể dục vọng). Chúng sanh ra bởi sự va chạm với ngoại giới, và cũng bởi sự ứng đáp xuyên qua thể vía của Tâm thức (trên phương diện hạnh phúc). Chính tư tưởng cũng là những vận hành được sanh ra là nhờ những va chạm giống như vậy, và cũng nhờ sự ứng đáp của Tâm Thức (trên phương diện hiểu biết) từ bên trong đối với những va chạm bên ngoài. Khi Chơn ngã tự biết được mình và tự phân biệt được mình với nhân thể, thì Nó mới chủ trị đặng mỗi cảm động, và sự vui, sự khổ trở thành những phương thức hạnh phúc.

Dần theo sự tiến hóa, ta sẽ biết rằng: ta đã đoạt được mức thăng bằng vững chắc hơn trong cảnh vui, buồn và mỗi cảm động đã hết làm xáo trộn đòn cân của trí khôn. Bao giờ con người còn bị sự vui làm cho mừng quýnh, sự khổ làm cho kiệt quệ đến nỗi không làm tròn bổn phận, thì kẻ ấy chỉ nô lệ cho những cảm động chớ không làm chủ được chúng nó. Khi con người tập chủ trị được chúng nó rồi, thì có thể cảm đặng những nỗi vui, buồn đến tột độ. Nhưng dù vậy trí khôn con người vẫn giữ được tất cả về thanh quang của nó, và rán làm tròn nhiệm vụ một cách trầm tĩnh. Rồi cái gì xảy đến, đều trở thành hữu dụng. Nhờ đau khổ, mới đạt được uy lực, cũng như nhờ khoái lạc, mới đoạt được khí lực và dũng cảm. Tất cả đều trở thành mãnh lực để giúp đỡ chớ không phải những ngại vật để cản trở.

Tài hùng biện có thể cho ta thí dụ về giá trị của mỗi cảm động. Bạn nghe một người kia nói, trong lúc đam mê bùng nóng. Lời nói của y lấp vấp, bộ tịch hung hăng, y bị sự xúc động xâm chiếm và lôi cuốn. Tuy nhiên, y không kêu gọi được sự hăng say của thánh giả. Trái lại, nhà hùng biện tài ba lại chế ngự được sự xúc động của mình. Y dùng sự xúc động ấy để làm cho cử tọa say mê. Y tuyên chọn và cân nhắc từ lời nói, dù ngay ở đoạn hùng biện nhất của bài thuyết luận của y cũng vậy. Cử chỉ của y đứng lúc và đường hoàng. Y không cảm thấy xúc động, vì y đã có xúc động như thế ấy rồi, và hiện nay, y dùng mỗi xúc động của thời dĩ vãng để thiết lập hiện tại. Biệt tài của nhà diễn giả trong sự lợi dụng mỗi cảm động là tùy thuộc ở mức độ mà trước kia y đã cảm xúc, và đã kiểm soát nó. Người nào không có cảm động mạnh thì không thể trở thành nhà hùng biện đại tài đặng. Nhưng tài ba đó dần tăng theo tỷ lệ kiểm soát mỗi cảm động của y. Một tiếng nổ có nhiều hiệu lực là do người ta đặt chất nổ cẩn thận và châm ngòi đúng lúc, chớ không phải rải bừa chất nổ, và thấy đại que diêm lên thuốc, rồi trông chờ cho cháy.

Khi một người nào bị ảnh hưởng của mỗi cảm động rồi, thì không còn thấy sáng suốt nữa, mà sự thấy sáng suốt là điều cần yếu cho sự trợ giúp được đặc lực. Người trợ giúp có giá trị là người trầm tĩnh, cân phân và tràn đầy thiện cảm. Bạn nghĩ thế nào một người bác sĩ kia, đang giải phẫu bệnh nhân, lại òa lên khóc? Tuy nhiên, có nhiều người thấy kẻ khác đau khổ lại quá thông thiết cho đến nỗi toàn thân đều rối loạn, như thế họ tăng gia sự đau khổ hơn là làm cho nó bớt đi. Mọi cảm động đều phát sinh những làn rung động mạnh, và chúng nó truyền qua người này đến người kia. Người trợ giúp hữu hiệu phải cho trầm tĩnh, vững vàng, không dao động, và tóa rải sự an tịnh. Ai đứng trên mồm đá mà sóng không tràn tới được, thì có thể cứu một người khỏi chết chìm dễ hơn là khi chính y đang lặn hụp giữa sóng ba đào.

Mỗi cảm động còn một điều hữu dụng nữa. Người nào đã hoàn toàn chủ trị sự xúc động của mình rồi thì có thể dùng nó để kêu gọi ở người khác một sự xúc động hữu ích cho y. Nếu một người kia nổi giận thì dĩ nhiên y phải thú nhận làn rung động tức giận của những người xung quanh ứng đáp lại, vì tất cả làn rung động đều có xu hướng theo sự đồng tính và tái xuất. Bởi mỗi người chúng ta đều có cái thể cảm động (cái vía) nên chất gì gần chúng ta mà rung động cách nào, đều có khuynh hướng tạo ra trong chúng ta những làn rung động

tương tựa, nếu trong thể chúng ta có chất đồng tính. Sự nóng giận kêu gọi sự nóng giận, tình thương kêu gọi tình thương, sự dịu hòa kêu gọi sự dịu hòa. Nếu chúng ta chế ngự được mỗi cảm động của chúng ta rồi, mà còn cảm thấy nổi lên sự tức giận đáp ứng với sự tức giận của kẻ khác, thì chúng ta sẽ lập tức chặn đứng sự đáp ứng ấy lại và để cho lượn sóng nóng giận đập vào chúng ta, đồng thời chúng ta vẫn giữ mình trầm tĩnh. Kẻ nào giữ được thể vía mình bình lặng, giữa sự xáo trộn của thể vía kẻ khác xung quanh, là người đã học thuộc bài học ‘tự kiểm soát’ rồi. Khi y đã đoạt được kết quả này, thì y sẵn sàng bước lên cấp bậc cao hơn, và đem những làn rung động tốt chống lại với những làn rung động xấu. Như thế đó, chẳng những y tránh được sự nóng giận mà còn tóa ra những làn rung động có khuynh hướng làm tan cơn giận của kẻ khác nữa. Y đem tình thương ứng đáp lại sự nóng giận. Y đem sự dịu hòa ứng đáp lại trận lôi đình.

Trước nhất, sự ứng đáp này phải vững chắc và chủ định mới được. Người ta nên áp dụng nó với những người có tánh nóng nảy. Mỗi khi ta đứng trước người đang nóng giận, thì ta thực hành như thế ấy. Chắc chắn lúc ban đầu, sự cố gắng của ta còn do dự và thiếu hăng say, chỉ có ý chí yêu thương biểu lộ trong sự cố gắng này mà thôi, còn ngoài ra, không có chút xúc cảm nào cả. Nhưng chập sau, cái ý chí yêu thương này sẽ nảy sinh một chút tình cảm, và rốt cuộc một thói quen sẽ được lập thành và tự nhiên ta sẽ lấy lòng tử tế mà đối đãi với sự hiềm ác. Trong khi ta mãi tự ứng đáp như thế, một cách vững chắc, với những làn rung động xấu xa bên ngoài. Thì trong thể tình cảm của ta sẽ có một thói quen, nó sẽ tự động ứng đáp một cách chính đáng. Tất cả mọi Chơn Sư Đạo Đức đều dạy giống nhau rằng: ‘Hãy lấy ân mà báo oán’. Và lời dạy đó căn cứ trên sự đổi làn rung động lẫn nhau (nghĩa là lấy làn rung động của tình thương thay vào làn rung động của sự ghét). Nếu ta lấy ác chống ác, thì ác gia tăng, còn trái lại, nếu ta lấy ân chống ác, thì ta trung hòa sự ác. Sử dụng mỗi cảm động một cách cao quý nhất trong đời sống thường ngày để phụng sự nhơn loại là: kêu gọi mỗi cảm động về tình thương của kẻ khác bằng cách gọi đến họ những luồng thần lực thương yêu, hầu kích thích tất cả cái gì tốt đẹp bên trong của họ, và ngăn chặn tất cả cái gì xấu xa bỉ ổi. Điều tốt cho ta là nên có trong trí một danh lục những cảm xúc tương đương để đáp ứng đúng lúc với những mỗi cảm động bên ngoài. Tỷ như ta đáp ứng sự phách lối bằng dạ từ bi, tính ngạo mạn bằng sự phục tùng, sự nóng nảy bằng tánh trầm tĩnh. Như thế, ta sẽ tạo cho ta một trạng thái tâm hồn giúp ta ứng đáp đặng với tất cả cảm xúc xấu xa bằng những cảm động tốt đẹp tương đương, và ta sẽ đem ân huệ đến cho tất cả mọi người xung quanh, bằng cách giảm bớt sự ác và gia tăng điều lành .

(11-11-67)

CHƯƠNG THỨ 5

MỖI CẢM ĐỘNG (tiếp theo)

5.- Giá trị của mỗi cảm động trong sự tiến hóa : **(La valeur de l'Emotion dans l'Evolution)**

Ta đã thấy rằng, mỗi cảm động là nguyên động lực trong con người. Muốn nó trở thành hữu dụng cho sự tiến hóa, thì ta phải dùng nó để nâng ta lên, chớ chẳng phải để hạ ta xuống. Trên đường tiến hóa, Chơn Ngã cần phải có ‘những điểm thu hút Nó lên cao’ cũng như trong

quyên ‘Tiếng Vô Thinh’ đã nói: bởi lẽ lên cao là khó, nên ta không thể xem thường một vật gì hấp dẫn ta đến đích cao hơn mà ta có thể rần sức đoạt được. Nhưng lắm khi ta lết bước lê thê giữa lộ, không còn đủ can đảm để tiếp tục đi nữa: mọi hoài bão đều tiêu mất, mọi ý muốn bước cao hơn đều biệt dạng. Chính bây giờ là lúc ta có gọi đến sự giúp đỡ của mỗi cảm động bằng cách đem nó tập trung vào một sùng tượng nào, và như vậy, ta sẽ lấy được cái đà cần thiết, và sẽ có được sức mạnh để tiến tới như lòng ao ước.

Thường người ta gọi trạng thái của mỗi cảm động này là: ‘sự tôn thờ các vị anh hùng’: chính nó là cái uy lực xui ta đem cả sức mình để ca tụng và thương yêu một nhơn vật nào cao thượng hơn ta. Và kẻ nào thương yêu và ca tụng được như vậy, tức là kẻ có thể sử dụng đặng một trong những mãnh lực vĩ đại nhằm giúp đỡ nhơn sanh tiến tới. Người ta thường hạ thấp ‘sự tôn thờ các vị anh hùng’ vì không thể thấy đặng một lý tưởng hoàn hảo ở người đời. Nhưng một lý tưởng khêu gọi đặng tình yêu, sự khen ngợi của ta, - dù là không hoàn hảo cũng sẽ luôn luôn là một phương tiện hiệu năng để hối thúc cuộc tiến hóa của ta. Thật ra, có vài nhược điểm trong cái lý tưởng bất toàn này. Vậy ta cần phải phân biệt giữa đức tánh anh hùng thật sự với những khuyết điểm xen vào những đức tánh đó. Nhưng ta chỉ lưu ý đến những đức tánh anh hùng có thể kích thích ta tiến bước, chớ không nhớ tới những lỗi lầm nhằm hạ phẩm giá những ai chưa thoát vòng nhân loại.

Nhìn nhận rằng: tất cả nhược điểm đều không phải là Chơn ngã; chúng nó là khách qua đường, còn tất cả cái gì cao thượng là thuộc về Chơn Ngã vĩnh cửu, thương yêu tất cả cái gì tốt đẹp, cao quý, và lướt qua được tất cả cái gì nhỏ mọn. Đó là những điểm giúp ta trở thành Đệ tử Chơn sư. Người nào tôn thờ các vị anh hùng chắc chắn sẽ được lợi vì lý tưởng ấy, nếu y biết ca tụng sự cao thượng và quên đi những nhược điểm của họ; họ sẽ chịu Quả Báo tuôn tràn đến họ bởi những lỗi lầm của họ.

Nhưng người ta sẽ nói: ‘nếu ta nhìn nhận sự cao thượng của Chơn Ngã giữa nhược điểm của phàm ngã là ta chỉ làm một điều mà ta phải làm đối với mọi người, và tại sao ta tôn người đó là anh hùng, trong thiên hạ, khi y còn có những khuyết điểm này?’

Bởi vì nhờ vị anh hùng ấy đem đến cho ta một gương mẫu để làm ni tác cho chính sự tiến hóa của ta. Một người thường nhơn không thể trở thành một vị anh hùng liền đặng. Chỉ khi nào Chơn Ngã chói sáng hơn người đời, thì mới có khuynh hướng tôn thờ các vị anh hùng, dù chưa phải là bậc siêu nhân, và những nhược điểm của con người chỉ là những vết bần trong ngôi mặt trời đó thôi. Lời ngạn ngữ nói rằng: ‘Không ai là anh hùng với tên bồi phòng của mình được’. Và kẻ châm biếm tưởng rằng câu đó có nghĩa là: người anh hùng được nổi tiếng nhất thế là nhờ y ở xa chúng ta. Nhưng đó không phải ý nghĩa câu ngạn ngữ này. Nó muốn nói rằng: tâm hồn của tên bồi phòng chỉ chú vào chiếc hia có bóng không, và chiếc cà vạt có thắt ngay không, chớ y chẳng đánh giá được những đức tánh nào tạo thành một vị anh hùng. Y không có cái gì bên trong có thể rung động đồng tính với âm điệu của vị anh hùng. Kẻ nào có khả năng khen ngợi là kẻ ấy có khả năng hoàn thành tôn chỉ. Người nào có lòng yêu kính với các vị cao cả là người ấy đang tập bắt chước các vị này.

Khi ta cảm động, thì ta phải tự phán xét lấy ta theo gương mẫu của vị anh hùng mà ta tôn thờ. Ta phải biết thẹn thùng, khi ta làm hoặc nghĩ điều gì có thể phiền lòng vị mà ta sùng bái đó. Sự hiện diện của Ngài trước mắt ta như một sức nâng nhắc ta lên cho tới chừng nào, trong ánh sáng của sự hoàn thành vĩ đại của Ngài, ta tự nhận thấy được rằng: chính mình cũng khởi sự hoàn thành như Ngài vậy.

Thật ra, ánh sáng của Chơn ngã không thể chói xuyên qua kẻ nào còn để bước trên đường bùn lầy ở trần thế đặng. Nhưng có vài người, xuyên qua họ, ánh sáng ấy đủ chói ra để rọi cảnh tối tăm, và giúp ta nơi nào phải đặt chơn. Tốt hơn là ta phải cảm ơn và tôn kính họ, vui mừng sự hiện của họ chớ không hạ thấp họ, bởi họ chưa hoàn toàn là thiêng liêng, và bởi

chọn họ còn vướng vào một vài tội lỗi của thế gian. Thật ra, phước thay cho những ai đã có được bên trong cái bản tánh anh hùng này, và do đó mà họ nhận biết được những vị đàn anh của họ! Con đường đưa đến mức cao vút tuyệt vời hơn đã mở ra cho họ! Và họ càng thương yêu, kính mến bao nhiêu, thì họ lại càng mau tới gần cửa đạo bấy nhiêu. Không có một cái Nhân Quả nào tốt hơn là cái Nhân Quả đưa con người gặp một vị anh hùng để được dắt dìu vào cửa Đạo! Và không có một cái Nhân Quả nào buồn thảm hơn là cái Nhân Quả khiến cho con người thấy vị anh hùng ấy trong một lúc tỏ ngộ, rồi lại bỏ rơi đi, vì bị mù quáng, trước một sự bất toàn mà vị anh hùng đó đang tự cởi mở .

(25-11-67)

CHƯƠNG THỨ 6

Ý CHÍ

1. Ý chí đang tìm đoạt lại sự tự do của nó. **(La volonté à la conquête de sa liberté)**

Giờ đây, ta hãy quay về với cái quyền năng của con người mà ta đã bắt đầu học đến: ấy là Ý Chí. Học giả sẽ nhớ ở trước ta có nói rằng: chính cái ý chí của Chọn Ngã thúc đẩy Nó tự biểu lộ. Cái Chọn Ngã này là Chọn Ngã cá tánh, nghĩa là nó đã tách rời ra từ cái một^[24] mà vẫn vô tri trước sự tách rời đó. Không có cái gì bắt buộc Chọn Ngã phải tự biểu lộ, không có cái gì cần thiết hay chướng ngại bên ngoài cưỡng chế Nó, mà là do cái Ý Chí Vĩ Đại (mà ý chí của Nó là một phần tử) xui nên. Cái ý chí của Chọn Ngã cá tánh đó cũng như một trung tâm điểm – (một trung tâm điểm không chu vi vật chất)- đang rung chuyển trong Nó, như dòng huyết mang sự sống đang rung chuyển trong thai nhi vậy. Chọn Ngã (trên đường xuất thế), từ trên đi xuống, muốn tự biểu lộ; Nó mong ước, một cách mơ hồ, sống một đời sống phong phú đang rung rẩy dưới lớp màn vật chất. Nó tìm cách tập cho những quyền năng của Nó thích thú hoạt động, thích thú kinh nghiệm giữa cõi đời xô xao đầy dao động này. Điều gì – (như sự muốn đầu thai trong một thế giới) – mà Đức Thượng Đế muốn, một cách hữu ý, thì tất cả trung tâm điểm của Chọn Ngã cá tính, ở trong lòng Ngài, đều muốn như Ngài, nhưng một cách mù quáng, và dò dẫm lần đến một đời sống phong phú hơn. Đó là cái Ý chí muốn sống, muốn biết, là cái Ý chí xông ra ngoài để được biểu lộ.

Ta đã thấy cái Ý chí này, là quyền năng của Chọn Ngã, nó trở thành dục vọng trên cõi thấp nặng hơn, hơn đó nó bị chất nặng của cõi thấp bao vây nên mù quáng, không thể tìm được con đường để đi, nó chỉ tuân theo chiều hướng của những hấp lực và cự lực ở ngoại giới mà thôi. Vậy người ta không thể nói rằng: lúc này là lúc Chọn Ngã tự điều khiển được, Chọn Ngã bị những hấp lực và cự lực xung quanh hướng dẫn. Ta cũng đã thấy ở trước rằng: khi

^[24] Chọn Ngã đã tách rời ra từ cái một hay là Chọn Ngã cá tánh, có nghĩa là Chọn Ngã trước kia, nhập chung với các Chọn Ngã khác cùng trong một cái bọc (ấy là Hồn khóm: Âme groupe). Nay đến lúc trưởng thành, tức là đến bậc làm người rồi, thì tách riêng ra khỏi bọc, để tự tiến lên một mình để tiến hóa, chớ không chịu thọ ảnh hưởng và kinh nghiệm chung của Khóm nữa: vì trong Hồn khóm chỉ có hồn thú, hồn cây cỏ và hồn kim thạch mà thôi.

dục vọng bắt được liên lạc với trí khôn rồi, thì hai trạng thái của Chơn Ngã đó sẽ hỗ tương tác động, chúng tạo ra những mối cảm động. Những mối cảm động này, chỉ tỏ dấu vết nguồn cội của chúng nó: mẹ chúng nó là dục vọng và cha chúng nó là trí khôn. Và ta cũng đã nghiên cứu phương pháp để kiểm soát chúng nó, dùng chúng nó đúng lối, để cho chúng nó trở thành hữu dụng chứ không phải là mối nguy hiểm cho sự tiến hóa của con người.

Giờ đây, ta nên lưu ý đến cái ý chí này; nó vốn là một năng lực ẩn tàng luôn luôn thúc dục sự hành động – dù nó chưa kiểm soát được sự hành động, và ta cũng nên xem coi nó làm cách gì để dần dần đoạt lại sự tự do của nó ^[25] nghĩa là sự Tự quyết định. Trong chốc lát, ta sẽ rõ ý nghĩa của danh từ ‘Tự Do’ là thế nào?

Theo bản tính và nguyên căn thì Quyền năng của Chơn Ngã là tự do; nhưng vì Chơn Ngã đi xuống cõi thấp, Ý chí bị cương tỏa và hạn chế, trong khi nó rấn sức ngự trị vật chất. Ta buộc lòng phải nói rằng: Chơn Ngã trong khi làm chủ vật chất, lại bị vật chất chế ngự lại! Đó là do Chơn Ngã xem vật chất như chính mình, và đồng hóa với nó. Bởi Chơn Ngã suy nghĩ xuyên qua nó, hành động xuyên qua nó, và muốn xuyên qua nó, nên cho nó chính thật là mình. Và trong sự lầm lộn ấy, Chơn Ngã lại kêu to rằng: ‘Tôi là thế đó’; và trong khi bị vật chất bao vây, làm cho mù quáng, Chơn Ngã lại tưởng mình là nó, rồi hô lên rằng: ‘Tôi Tự do!’ Tuy nhiên, vật chất chế ngự Chơn Ngã chỉ là một việc tạm thời mà thôi: bởi vì nó luôn luôn thay đổi, ẩn hiện bất thường, luôn luôn bị biến chế, bị thu hút và bị đẩy lùi bởi mãnh lực đang tiến của Chơn Ngã, mãnh lực vĩnh cửu giữa những biến đổi bất thường.

Giờ đây, ta đi đến một giai đoạn tiến hóa mà trong ấy ký ức trở thành một mãnh lực mạnh hơn là bản năng xui người tìm vui và lánh khổ. Trong giai đoạn đó, trí khôn chế ngự dục vọng, và lý trí đã thắng sự xung động. Chính đó là lúc thu lượm kết quả xuyên qua các thời đại của cuộc tiến hóa. Và một phần kết quả này là sự tự do!

Bao giờ Ý chí biểu lộ dưới hình thức ‘Dục Vọng’ vì chịu ảnh hưởng của những hấp lực ở ngoại giới, thì nó không tránh được vòng cương tỏa; mà chỉ bị trói chặt mà thôi. Cái Ý chí bị những vật ở ngoại giới thu hút và đẩy vào con đường có nhiều ước mơ sung sướng và xem đường dễ đi. Nó không động tác như một sức mạnh biết tự quyết mà trái lại Chơn Ngã bị mãnh lực bên ngoài hấp dẫn lôi kéo đi. Nó cũng giống như bất cứ sinh linh nào bị một sức mạnh lớn hơn đẩy đến một phương pháp nào mà y không chọn.

Không có hình ảnh nào miêu tả Chơn Ngã trong hoàn cảnh ấy rõ rệt hơn là một đoạn văn, đã nói ở trên, rút trong một Thánh Kinh Ấn Độ. Trong đoạn văn ấy, Chơn Ngã được biểu lộ dưới hình thức người đánh xe, còn những giác quan – bị những vật vui bên ngoài thu hút – là những con ngựa bất trị, chúng nó lôi cái xe chạy với xác thân người đánh xe bất lực trong đó. Tuy rằng: Ý chí chính là Quyền năng của Chơn Ngã, nhưng bao giờ Chơn Ngã còn bị mấy con ngựa bất trị này lôi đi, thì nó còn bị trói chặt và không tự do. Ích gì mà nói đến sự tự do Ý chí trong con người, khi kẻ ấy là nô lệ cho những đồ vật xung quanh y. Y luôn luôn bị trói buộc; y không có tự do chọn lựa; bởi dù ta có thể cho rằng: y đang đi trên con đường mà y xem dường do y tự ý lựa chọn, nhưng thật ra, y không lựa chọn gì cả, và y cũng không có ý niệm lựa chọn nào trong trí y nữa. Ý chí bị ngoại cảnh thu hút mà thôi. Bao giờ hấp lực và cự lực còn chỉ định bước đường của y, mà nói đến tự do, là một điều vô ích và điên rồ. Dù nếu một người kia tưởng thấy mình đã tự do chọn lựa vật sở vọng, thì cái cảm tưởng về sự tự do chọn lựa ấy chỉ là ảo ảnh mà thôi: bởi vì, thật ra, y tác động dưới ảnh hưởng hấp lực của

[25] Sở dĩ ý chí mất sự tự do là vì nó bị vật chất ở cõi thấp bao vây; nó phải chịu ảnh hưởng của những hấp lực và cự lực ở ngoại giới.

vật sở vọng và với lòng mong ước thiết tha có được sự khoái lạc mà vật ấy sẽ đem đến cho y. Y có nhiều hay ít tự do trong hành vi của y, cũng như sắt có tự do di chuyển đến đá nam châm vậy. Sự di chuyển nhậm lệ của miếng sắt đến đá nam châm là tùy ở sức mạnh của đá nam châm và bản tính ứng đáp của miếng sắt trước hấp lực của sắt.

Để được hiểu ý nghĩa của ‘Tự do ý chí’ ta phải rút bỏ sự khó khăn ban đầu mà ta gặp phải, khi ta muốn giải nghĩa danh từ ‘chọn lựa’. Thử hỏi, khi ta thấy hình như ta có tự do chọn lựa, vậy, cái mà ta gọi là ‘tự do chọn lựa’ đó có phải đồng nghĩa với ‘tự do ý chí’ chẳng? Vậy có đúng không khi ta nói rằng; ‘tự do chọn lựa’ chỉ là không có một mãnh lực nào bên ngoài đến xen vào để xúi ta làm việc này hay làm việc khác? Nhưng câu hỏi quan trọng đưa ra liền đó là: ‘Cái gì xúi ta chọn lựa?’ Có một sự khác biệt lớn lao giữa ‘tự do hành động sau khi đã chọn lựa xong’ với ‘tự do chọn lựa’; sự chọn lựa này có thể do cái gì ẩn phía sau chỉ định.

Rất lắm khi ta nghe nhiều người nói lên một bằng chứng về sự tự do ý chí như vậy: ‘Tôi tự do chọn lựa hoặc giả tôi sẽ ra khỏi phòng này hay ở lại, hoặc giả tôi sẽ ném hay không ném quả cân này xuống đất’. Nhưng những luận biện đó không ăn nhằm gì đến vấn đề mà ta đang đề cập đây. Một người kia – nếu hình thể không bị ràng buộc – có thể ra khỏi phòng hoặc ở lại, y có thể bỏ quả cân xuống đất hay cầm nó trên tay. Không ai phủ nhận điều này. Cái vấn đề đáng chú ý là: ‘Tại sao tôi chọn lựa?’ Khi ta phân tích sự chọn lựa ấy, ta thấy rằng: nó bị chỉ định bởi một lý do nào đó. Và nhà chỉ định luận sẽ lý thuyết rằng: ‘Bắp thịt của quý vị có thể cầm hay buông rơi quả cân; nhưng nếu có một vật gì quý giá và mỏng manh ở dưới quả cân đó, thì quý vị không chọn cách buông rơi nó xuống. Sự chọn lựa của quý vị được chỉ định bằng những lý do; và cái lý do nào mạnh nhất, chính là cái lý do điều khiển. Cái vấn đề không phải là: ‘Tôi có tự do hành động hay không?’ mà là: ‘Tôi có tự do muốn không?’ Và ta thấy rõ ràng: Ý chí đã bị chỉ định bởi một lý do mạnh nhất, và như thế, càng đi sâu hơn, ta càng thấy luận thuyết của nhà chỉ định luận là đúng.

Thật ra, cái ý chí được chỉ định (do một nguyên nhân mạnh nhất) làm nền tảng cho mọi tổ chức xã hội, mọi luật lệ, mọi hình phạt, mọi giáo dục. Người nào mà ý chí không được chỉ định như vậy, là người vô trách nhiệm, và điên rồ. Y là người không ai có thể nhờ vả được việc gì, và y không thể lý luận được. Y là người vô lý trí, và không hợp lý. Y không có trí nhớ cùng những thuộc tính của con người. Về mặt pháp lý, một người kia được xem như là vô trách nhiệm, là khi nào y hành động không có lý do không bị xúc động gì ở ngoài đời. Y là một người điên và y không thể bị kết án theo hình phạt của luật pháp đặng. Một cái ý chí vốn là một sức mạnh, khi nó phóng ra bất cứ phương hướng nào, xúi tác động không lý do, không lý luận, không ý nghĩa, thì nó có thể gọi là ‘Ý chí tự do’. Nhưng đó không phải là điều mà người ta hiểu về ‘sự tự do Ý chí’. Bao giờ Ý chí đã được chỉ định bởi một lý do mạnh nhất, thì ta mới có thể biện luận một cách hợp lý về sự ‘tự do ý chí’ được.

Vậy thế nào là ý nghĩa của sự ‘tự do ý chí?’ Sự tự do ý chí có nhiều lắm, thì cũng chỉ là một sự tự do biến chế, tương đối mà thôi: bởi vì Chon Ngã riêng rẽ (nghĩa là đi ra khỏi Từ Phụ) chỉ là một phần tử của Đấng Duy nhất, và Đấng Duy Nhất phải vĩ đại hơn những phần tử, và phải ngự trị tất cả, và điều này cũng thật đối với Chon Ngã và những thể mà Chon Ngã dùng để làm vật bao minh. Ta biết rằng: mấy thể này đều phải qui phục dưới một số định luật, và chúng nó chỉ được hoạt động trong phạm vi của những định luật đó, và chỉ theo những định luật đó mà thôi. Nếu chúng nó được tự do linh động là chỉ nhờ ở sự liên hệ giữa thể này với thể kia và cũng do sự hỗ tương, tác động của vô số mãnh lực luôn luôn tìm quân bình, bằng mọi cách khác nhau. Trong cảnh dị biệt và linh động không ngừng này, nảy sinh ra vô số khả năng, và như đó mới phát ra một sự tự do hành động mà bên trong có ngấm ngấm một sự bó buộc khác khe. (Đó là về phần mấy thể của Chon Ngã). Còn Chon Ngã cũng y như vậy. Nó cũng phải qui phục dưới một số định luật, hơn nữa, chính Nó là Định Luật: vì Nó là

phần tử của cái Tinh Túy, tức là Đấng sinh ra muôn loài. Không có cái Chơn Ngã nào thoát ra ngoài Đại Ngã được: vì Ngài là tất cả - và dù quyền tự do hoạt động của nó, đối với các Chơn Ngã khác (đã tách rời khỏi lòng Từ Phụ) rộng lớn thế nào đi nữa Nó cũng không thể tác động ngoài sự Sống đang chảy trong nó. Sự Sống ấy chính là Thiên Tính Nó, là Định Luật Nó, và trong đó Nó sinh sống và tác động. Những phần tử không chế ngự được những phần tử khác, những Chơn Ngã tách rời (khỏi lòng Cha) không chế ngự được những Chơn Ngã tách rời khác. Nhưng cái Duy nhất chế ngự và kiểm soát những phần tử, Đấng Đại Ngã chế ngự và kiểm soát các Chơn Ngã. Song bởi các Chơn Ngã tách rời đó quả thật là Đại Ngã, nên ở đây mới có sự tự do phát sinh giữa cảnh bó buộc rõ ràng, mà thấy như ‘không có ai chế ngự’ [26].

Sự tự do đó là sự tự do giữa một phần tử này đối với những phần tử khác, chứ tất cả phần tử đều phải chịu sự ‘Duy Nhất’ chế ngự. Điều này có thể thấy rõ dưới cõi trần. Chúng ta là những phần tử của một thế giới đang quay cuồng trên không gian xung quanh địa trục từ Phương Tây qua Phương Đông, không ngừng, không nghỉ. Chúng ta không tri thức được sự vận hành này, bởi vì địa cầu mang chúng ta theo, và tất cả đều di chuyển một lượt, cùng một lúc và theo một chiều hướng duy nhất. Chúng ta, tất cả, đều quay về Phương Đông theo quả địa cầu của chúng ta và tuyệt nhiên, chúng ta không thể nào đổi được chiều hướng đó. Nhưng đối với người này, người kia và đối với những đồ vật xung quanh chúng ta, chúng ta có thể di chuyển tự do, và thay đổi chỗ. Tỷ như tôi có thể đi về Phương Tây của một người, hay của một chốn nào, mặc dầu chúng ta luôn luôn quay về Phương Đông (cùng với quả địa cầu), và tôi sẽ hoàn toàn tri thức sự di chuyển của phần tử này đối với phần tử kia, dù là sự di chuyển ấy có nhẹ nhàng và chậm chạp thế nào cũng vậy. Nhưng tôi sẽ tuyệt nhiên không cảm thấy một chút di chuyển nào của sự vận hành công nghiệp, nó mang quả địa cầu luôn cả chúng ta chạy nhanh trong không gian hướng về Phương Đông! Và vì không hiểu biết, tôi sẽ nói rằng: ‘Hãy xem, tôi đang đi về Phương Tây’. Và nếu các vị Đại Thiên Thần không Minh Triết, không hiểu được cái Chơn Lý vĩ đại này vừa trúng và vừa trật [27] thì các Ngài sẽ mỉm cười trước sự vô minh của đứa trẻ bé tí ti đang nói chuyện chuyên hướng của nó.

Và như vậy ta sẽ thấy một lần nữa: cái Đại Ý Chí cứ sẵn tới trước, trên đường tiến hóa, không bao giờ lạc hướng và bắt buộc mọi sinh linh đều đi trên con đường đó, đồng thời để cho mỗi cá nhân sự tự do chọn lựa phương pháp của cách thức tác động theo sự vô tri thức của mình. Bởi vì, muốn hoàn tất việc đó, Đại Ý Chí này cần phải có tất cả ý thức tác động, tất cả phương pháp tiến triển cần phải thu lượm và lợi dụng mọi điều. Tỷ như một người kia có tánh tình cao thượng, y nuôi trong lòng những hoài bão thanh cao và luôn luôn tìm phụng sự đồng bào một cách chân thành và trung thực, thì y sẽ được đầu thai trong một hoàn cảnh đầy thuận tiện vì nơi đây người ta tha thiết yêu cần những người như thế đó. Rồi, xuyên qua y, Đại Ý Chí sẽ hoàn thành trong một quốc gia đang cần những người giúp đỡ ấy, y sẽ làm tròn nhiệm vụ của một vị anh hùng. Câu chuyện đã được nhà Đại Trứ Tác soạn thảo rồi: cái khả năng để hoàn thành là do chính sức lực của con người.

Còn đây là một người chiều theo cám dỗ và có khuynh hướng làm ác. Thường ngày y dùng những khả năng, của y đã có để làm quấy, y bắt kẻ lòng nhờn đạo, lẽ công bằng và chơn

[26] Con người ở trong lòng Trời bị luật Trời ngự trị mà không hay, nên tưởng mình hoàn toàn tự do.

[27] Chơn lý vừa trúng vừa trật có nghĩa là nó trúng theo mắt cá nhọn mình, nhưng đối với đại đồng vũ trụ thì nó trật. Tỷ như thấy mình đi hướng Tây mà thật ra trái đất lôi mình qua hướng Đông.

lý dù một tí xíu cũng vậy. Người này sẽ đầu thai trong một hoàn cảnh cần phải có sự áp chế, sự độc ác và sự sai quấy. Rồi, xuyên qua y, đại Ý chí cũng sẽ hoàn thành, trong một quốc gia đang trả tiêu nghiệp quả của thời quá khứ xấu xa, và người ấy sẽ là một trong những phần tử hèn nhất, dùng sự đốn mạt, dữ dằn để đàn áp quốc gia là quê hương của họ. Câu chuyện một lần nữa, đã được nhà Đại Trứ Tác soạn thảo ra: và cái khả năng để hoàn thành là do chính sức lực của con người. Đó là Tiểu Ý chí hoạt động trong Đại Ý chí. Như thế thì Ý chí đã được chỉ định bởi một lý do nào, mà lý do ấy đã được biến chế vì giới hạn của những thể bao bọc Chơn ngã cá tính^[28] và cũng vì Ý chí của Đại Ngã chỉ linh hoạt có một phần trong Chơn Ngã cá tính mà thôi. ‘Vậy chúng ta nghĩ thế nào về ý nghĩa ‘sự tự do của Ý chí’? Chắc chắn, đó có nghĩa rằng: sự tự do phải chỉ định từ bên trong, còn sự nô lệ là sự chỉ định từ bên ngoài. Cái ý chí được tự do là khi nào Chơn Ngã muốn tác động, thì tìm động lực từ nguồn bên trong của Nó chứ không để cho một lý do nào ở ngoại giới đến ảnh hưởng được.

Và thật ra, chính đó là ‘Sự tự do’: bởi vì Chơn Ngã tác động trong lòng Đại Ngã, cả hai chỉ là một mà thôi. Đại Ngã nói: ‘Ta là cái đó’. Và cái Đại Ngã ấy tác động trong lòng Đại Ngã cao thượng hơn, cả hai chỉ là một mà thôi. Đại Ngã cao thượng hơn cũng nói rằng: ‘Ta là cái đó’. Và cứ mãi mãi như thế, vô cùng vô tận, luôn luôn cái Vĩ Đại còn có cái vĩ đại hơn, nếu nói về Hệ Thống thế giới hay Hệ Thống vũ trụ. Tuy nhiên có thể cái ‘Ngã’ thấp nhất tự biết mình nên quay về bên trong, chứ không quay ra bên ngoài; nó biết nó cũng là ‘một’ với ‘Chơn Ngã bên trong’ (tức là Pratyagatma) là Đấng Duy Nhất; và hơn đó, nó mới thật là ‘kẻ tự do’. Ngó ra ngoài, nó luôn luôn là bị trói buộc, mặc dầu dây cương tỏa của nó nói rộng ra vô cùng, dường như không ranh giới. Ngó vô trong, nó luôn luôn được tự do: bởi vì nó là Trời (Brahman). Là Đấng Trường Tồn (l’ Eternel).

Khi một người kia đã đoạt được sự chỉ định của Chơn Ngã rồi, thì ta mới có thể gọi y là ‘người tự do’ với trọn cả ý nghĩa của nó. Và sự chỉ định của Chơn Ngã không phải là một sự trói buộc, một sự cưỡng chế như ý nghĩa thường của danh từ đó. Cái gì thuộc về đáy lòng tôi, về Chơn Ngã thâm kín ở bên trong tôi, tôi sẽ làm, và không có ai ép buộc tôi. Đó là dấu vết để phân biệt được cái gì là ‘tự do’ và cái gì là ‘trói buộc’. Vậy theo ý nghĩa của sự tự do mà ta vừa giải ở trên, thử hỏi, ta đã đến mực độ nào mới có thể nói rằng: ‘Ý chí của ta là tự do’? Bởi vì đa số chúng ta chỉ đòi hỏi một tí ‘tự do’ này mà thôi. Ngoài sợi dây cương tỏa của hấp lực và cự lực ở ngoại giới (đã nói ở trước), ta còn tự nhốt mình giữa những bức tường chật hẹp dựng lên bởi những tư tưởng quá khứ cùng những thói quen của ta. Ta bị trói buộc nhất là do thói quen của tư tưởng ta – do những đức tánh đã có hay không có ở tiền kiếp – do nghị lực hay sự yếu nhược đã có sẵn lúc mới sanh ra, do sự giáo dục của ta, và cũng do những người xung quanh ta nữa. Điều này cũng có nguyên nhân ở sự xung động mãnh liệt của trình độ tiến hóa của ta. Ở sự di truyền nhục thể cùng phong tục quốc gia và dân tộc của ta nữa. Từ đây, chỉ còn có một con đường nhỏ hẹp để cho Ý chí ta sử dụng mà thôi. Nó luôn luôn vấp phải dĩ vãng, dĩ vãng ấy tự dựng lên như tấm vách tường ở hiện tại.

Trên mọi phương diện thực tế, Ý chí ta không có tự do. Nó chỉ đang tiến đến sự tự do ấy. Và nó chỉ được tự do là khi nào Chơn Ngã đã hoàn toàn chủ trị đặng những hạ thể cùng sử dụng được chúng nó lúc cần, và cũng khi nào tất cả hạ thể chỉ tồn là một hạ thể duy nhất, có khả năng ứng đáp một cách hoàn toàn với mỗi xung lực của Chơn Ngã. Chớ Ý chí đâu

[28] Chơn ngã cá tính là Chơn Ngã đã có đặc tính riêng sau khi nó xa lìa Từ Phụ là Đấng Cha chung của vạn vật.

phải là một con thú đang chiến đấu bất khả tri và đầy dục vọng cá tính ^[29]. Khi Chon Ngã vượt lên khỏi sự vô minh và thắng được những thói quen (chúng nó là dấu vết của sự vô minh ở thời quá khứ), thì bây giờ nó mới là Chon Ngã Tự Do. Và bây giờ ta mới hiểu được ý nghĩa của câu nghịch lý này: ‘Trong khi phụng sự ai, ta sẽ được tự do hoàn toàn’. Bởi vì, bây giờ ta mới hiểu được rằng: không có sự chia rẽ nào cả, không có Ý chí nào riêng rẽ cả; và cái Ý chí ấy, cái Ý chí của ta vốn Thiêng Liêng là một phần tử của Ý chí Trời. Chính Trời đã trao Nó cho ta để ta có đủ sức lực hoàn thành trọn cả cuộc tiến hóa dài của ta. Và thực hiện được sự hiệp nhất Ý chí Trời với Ý chí ta là thực hiện được sự tự do.

Lần theo những ý niệm này, nhiều người đã kết thúc được cuộc tranh luận nghìn đời giữa ‘sự tự do ý chí’ và ‘sự chỉ định’; đồng thời họ nhìn nhận cái chánh lý của biện luận về ‘sự chỉ định’ và cũng bảo tồn và chứng minh cái cảm giác cố hữu này là: ‘Tôi tự do. Tôi không bị cái gì đối buộc cả’. Cái ý niệm này là của một nghị lực hồn nhiên, của một sức mạnh ngấm ngấm từ thâm tâm ta vọt lên; nó căn cứ trên cái tinh túy nhất của tâm thức, của cái Ngã Thật tức là Chon Ngã, Chon Ngã Tự do: bởi vì Nó là Thiêng Liêng.

(9-12-1967)

^[29] Điều này chỉ có được là khi nào đời sống của Chon Ngã thay thế cho tinh thần của loài tinh hoa chất (là loài có khuynh hướng đi xuống thấp) để làm cho khí chất thuộc các hạ thể linh động, nghĩa là khi nào Luật Tinh Thần của đời Sống thay vào luật của tội lỗi và chết chóc.

CHƯƠNG THỨ 6

Ý CHÍ (tiếp theo)

2- Tại sao phải chiến đấu nhiều thế ?

Khi ta quan sát suốt cuộc tiến hóa trường kỳ và lưu dấu sự phát triển chậm chạp của Ý chí, thì ta sẽ không tránh khỏi câu hỏi này tự dâng lên trong trí: “Tại sao phải chiến đấu và gặp khó khăn nhiều thế? Tại sao có lắm lắm lạc, có lắm thất bại? Tại sao phải chịu cảnh nô lệ lâu dài này, mới đoạt được sự tự do?” Trước khi trả lời, ta phải có một thái độ đại khái như sau: muốn trả lời một câu hỏi nào, ta phải xem trước nhất giới hạn của nó, và không được cho nó là không thích đáng: vì lẽ nó không đáp ứng được một câu hỏi nào khác, luôn luôn có sẵn ở hậu trí ta. Một câu trả lời có thể là hợp lý, nhưng nó không phải là một câu trả lời chung kết cho tất cả câu hỏi. Sự hợp lý của nó không phải đúng là tiêu chuẩn, nếu nó gạt ra một bên (như không trả lời) một câu hỏi nào khác. Một phần nửa thất vọng của nhiều học giả là do sự thiếu nhẫn nại mà ra. Họ chỉ muốn cho tất cả câu hỏi của họ phải được đáp liền, bất kể trật tự của chúng nó đang tấp nập trong đầu họ; và họ muốn sao một câu trả lời cho một câu hỏi phải giải được cho mọi câu khác. Thường thường câu trả lời phải được xét đoán theo sự thích hợp của câu hỏi đã đưa ra, chớ chẳng phải của câu khác còn ở hậu trí người hỏi. Nhon đó người ta sẽ nhìn nhận rằng: có vài phương pháp hoạt động ở trong vũ trụ nếu chánh đáng bởi vì cái vũ trụ này xuôi về một đích nhắm đã biết được, và chắc chắn người ta sẽ không xét đoán những phương pháp ấy như là những câu đố trả lời cho một câu hỏi nào khác.

Tại sao có vũ trụ?

Câu hỏi này thật ra, có thể được đưa ra và phải được trả lời, nhưng câu đáp không chứng minh được sự hữu hiệu của phương pháp đã dùng trong một vũ trụ nào để đi đến mục đích, mà mục đích này, chính ta biết, là của vũ trụ đang đeo đuổi. Vì dù người ta có hỏi lại rằng: “Đồng ý! Nhưng sao sinh ra vũ trụ để làm gì?” thì cũng không phải là một bằng cứ chứng tỏ lời ta đáp sai câu hỏi trước. Trong khi trả lời câu hỏi này: “Tại sao có tất cả lỗi lầm này, tất cả thất bại này trên đường tiến hóa?”, ta phải xem vũ trụ như là một điều đã có thật. Đó là điểm đầu mà ta phải lần phăng. Rồi ta phải học về vũ trụ, để phát giác ra mục đích của nó, hoặc giả ít nhất, ta cũng phải biết một trong những mục tiêu mà nó đang nhắm. “Tại sao Vũ trụ nhắm vào mục tiêu ấy?” Đó là một câu hỏi khác, như ta đã nói, nó hết sức quan trọng. Nhưng theo mục tiêu này, thì khi ta phát giác nó rồi, ta mới có thể xét đoán phương châm dùng để thắng đoạt nó.

Nếu vì tính háo kỳ mà ta nghiên cứu một phần vũ trụ của ta đang ở đây, ta cũng nhận thấy rằng: một trong những mục tiêu của vũ trụ - (nếu không phải là tôn chỉ cuối cùng) – là để sinh hóa những sinh linh với trí tuệ cao thâm, với ý chí mạnh mẽ, có khả năng tham dự một phần linh động trong sự tiếp giúp và dắt dìu Tạo Vật cùng cộng tác với bản đồ tiến hóa chung. Về sau, nhờ những kinh thánh cổ truyền và nhờ sự phát triển những đức tánh bên trong, mà ta nghiên cứu học hỏi thêm, do đó, ta biết rằng: vũ trụ này không phải là đơn độc, nó là một phần tử trong nhiều phần tử khác, và để cho nhon loại của nó được tiến hóa, nó tiếp nhận sự giúp đỡ của các Đấng Cao Cả, thuộc về cuộc tiến hóa trước. Và ta đã thấy: nhiệm vụ của vũ trụ là tạo ra những nhon vật có khả năng trợ giúp những bầu thế giới trẻ trung sẽ sanh ra sau này: Ta cũng sẽ thấy có một Hệ Thống Đại Đẳng Cấp của các Đấng Siêu Linh đang điều khiển và dắt dẫn sự tiến hóa. Và ta sẽ hiểu rằng: trung tâm của vũ trụ, chính là Ba Ngôi, tức là Đấng Thống Trị và Chủ Tể Hệ Thống của Ngài, và cái kết quả của mỗi Hệ Thống chẳng

phải chỉ là cái Đại Cấp Đẳng của các Đẳng Trí Huệ phi thường, mà uy lực chói lòa giảm dần từ trên xuống dưới, mà cũng còn có Sự Hoàn Thiện Tối Thượng của Đức Thượng Đế ví như cái Vương Miện cho mỗi sinh linh! Và sự nghiên cứu này sẽ hé màn cho ta thấy những chân trời càng ngày càng huy hoàng hơn và những bầu vũ trụ, trong đó mỗi phần tử chỉ là một thế giới và cứ như thế, trải trước mắt ta những cái vinh quang vô tận của Sự Sống luôn luôn phong phú hơn, luôn luôn uy lực hơn, mà không có cái chi có thể tiêu diệt được! Và bây giờ mới có thể hỏi rằng: Làm sao các Đẳng Siêu Linh này tiến hóa, các Ngài từ cát bụi tiến đến các Ngôi Sao; rồi từ các Ngôi Sao này – (chúng nó cũng vốn là cát bụi của những Hệ Thống vĩ đại hơn) – tiến đến những Ngôi Sao khác lớn hơn cho đến những Ngôi Sao nào mà đối với Hệ Thống đó ví như bùn đất với mặt trời vậy.

Và nếu tiếp tục nghiên cứu như thế, thì đến một lúc nào đó, trí khôn ta sẽ không tìm ra được con Đường, mà các Đẳng ‘Tự Bình’ và Tự Quyết’ này có thể dùng để đoạt được sự thăng bằng hoàn toàn và sự cương nghị vững bền trong minh triết. Con đường ấy làm cho các Ngài thích hợp với ‘Thiên Tính’ của vũ trụ và chính nó cứu rỗi con đường chiến đấu và kinh nghiệm mà hiện nay tất cả mọi người chúng ta đều đang rần sức đi.^[30]

Nếu có một Vị Thượng Đế ở ngoài lề vũ trụ, một Vị Thượng Đế có bản tính khác biệt với bản tánh của Chơn Ngã mà ta thấy đang phát triển xung quanh ta một cách điều hòa bền bỉ và chắc chắn, một Vị Thượng Đế có bản tánh vô chừng, vô định và bất thường, hay thay đổi và độc đoán, thì có thể, từ chỗ hỗn loạn này, nảy sinh ra một cá nhân được gọi là ‘Tron Lành’ nhưng quả thật là ‘Bất toàn’ nhất, và bị hạn chế nhất. Người ấy không có sự kinh nghiệm gì, ở dĩ vãng, nên không có lý trí và không biết xét đoán; y giống như một cái máy. Tác động ‘một cách đúng đắn’ của một cái máy, trong một Hệ Thống vũ trụ; và y lập lại bất cứ một cử động nào dành cho Hệ Thống ấy. Nhưng người như thế đó chỉ thích hợp cho một Hệ Thống vũ trụ đặc biệt riêng cho y mà thôi, còn ngoài ra, y vô dụng và bất tài. Vài sự sống – (luôn luôn uyển chuyển để thích hợp với mọi trạng thái đang thay đổi) – không thể hiện tồn được trong một Hệ Thống vũ trụ có một trung tâm bị mất mát và phân tán như thế đó. Những điều khó khăn rải rác trên Đường ta đi hiện thời là để chuẩn bị ta trước mọi bất trắc có thể xảy ra cho ta trong bầu vũ trụ vị lai. Và cái kết quả này, đem so với những cơn thử lòng mà ta đang trải qua, có phải là hơn không?

Lại nữa, ta đừng quên rằng: ta sanh xuống cõi trần đây là vì ta đã cố quyết khai mở những quyền năng của ta, xuyên qua những điều kinh nghiệm của đời sống ở các cõi dưới. Ta nên nhớ là: ta đã tự chọn số mạng ta, chớ không phải ta bị cưỡng ép, và ta đang sống tại cõi trần là do cái kết quả của ‘ý chí muốn sống’ của chính ta. Và nếu, cái ‘ý chí muốn sống’ này không còn nữa – (đó là điều, thật ra, không thể có được) – thì ta sẽ hết sống dưới thế gian và ta sẽ trở về ‘Cõi Tĩnh’ không thu thập được một cái gì mà ta muốn tìm ở cõi trần ‘Không ai ép buộc ta cả!’.

(25 -12 – 67)

3 – Quyền năng của Ý chí.

(Pouvoir de la Volonté)

^[30] Con đường minh triết cứu rỗi con đường chiến đấu và kinh nghiệm có nghĩa là nhờ sự minh triết soi sáng tâm phàm khiến cho người đời trở nên sáng suốt và siêu linh, hết còn đầu thai xuống thế, để lê bước trên đường kinh nghiệm và chiến đấu, đồng thời rước lấy khổ đau. (dịch giả)

Cái quyền năng này, từ bao giờ đến bây giờ, đều được các nhà huyền môn nhìn nhận như là một sức mạnh tinh thần trong người; nó đồng tình với cái Tinh Ba đã sinh ra và bảo tồn vũ trụ. Ngày nay, nó là một đề mục nghiên cứu rất công phu của người đời, và nhiều người dùng nó, một cách vô tình, để thu đoạt kết quả, mà ngoài ra, không thể có được. Những trường của ‘Khoa Học Thiên Chúa Giáo’, của ‘Khoa Tư Tưởng’, của ‘Khoa chữa bệnh tinh thần’ . . . đều nhờ quyền năng ý chí mà thành công. Những bệnh tật phải thối bước trước luồng thần lực này, chớ chúng nó không phải chỉ là những sự xáo trộn của thần kinh mà thôi như vài người lầm tưởng. Sự xáo trộn của thần kinh dĩ nhiên lùi bước một cách rất dễ dàng: bởi vì thần kinh hệ được tạo ra là để cho những quyền năng của tinh thần có thể biểu lộ dưới cõi trần. Người ta sẽ đoạt được những kết quả mau lẹ hơn bằng cách tác động, trước tiên, bộ giao cảm thần kinh: bởi vì chính bộ thần kinh ấy kết liên trực tiếp với những trạng thái Ý chí dưới hình thức Dục vọng. Còn bộ trí não thần kinh, thì liên kết trực tiếp hơn với những trạng thái Hiểu biết về Thuần Ý chí. Làm tan những cục u và ung thư v.v... và trừ căn chúng nó cũng chữa những vết thương hay chỗ gãy xương, thì đại để phải cần có một sự hiểu biết uyên thâm của người chữa bệnh. Tôi nói ‘đại để’ bởi vì Ý chí được một ảnh hưởng gì ở cõi cao hơn điều khiển, như trong trường hợp của nhà chữa bệnh, dù thiếu hiểu biết ở cõi trần, mà đi xa trên đường tiến hóa. Nếu người ấy có hiểu biết, thì y sẽ hành động như vậy: trước nhất, y tạo trong trí hình ảnh thật mạnh khỏe, tốt đẹp của một cơ quan nào đau yếu đó. Cái hình ảnh do dùng trí tưởng tượng rút chất khí của thể trí mà làm ra. Đoạn Y đem chất khí của thể vía cho xen vào cái hình ảnh đó, như thể y làm cho nó nặng hơn trước (vì chất khí cái vía nặng hơn chất khí cái trí). Rồi y dùng từ lực của y cho chất dĩ thái (chất của cái phách) xen vào cái hình ảnh đó, cho nó nặng thêm nữa. Đoạn y tưởng tượng lấy chất cõi trần – (mà chỉ dùng chất tốt) – như chất đặc, lỏng, hơi đã có nơi người bệnh và lấy thêm ở ngoài chất gì thiếu để tạo thành cái cơ quan đau yếu đó, rồi đem nhận nó vào cái khuôn đã làm sẵn ở trước (bằng chất cái trí, vía và phách). Trong tất cả việc này, Ý chí là động lực điều khiển và sử dụng chất cõi trần hay cõi cao hơn chỉ là vấn đề hiểu biết mà thôi. Sự chữa bệnh cách ấy không có gì nguy hiểm, nó dễ làm – cho nên phổ thông; nó tác động ở bộ giao cảm thần kinh, như đã nói ở trước.

Có vài phương pháp hiện giờ được phổ biến – dạy hành giả tập trung tư tưởng nơi đơn điền (là ở nơi rún) rồi ‘sống dưới ảnh hưởng của nó’. Bộ giao cảm thần kinh điều khiển sự tác động của những cơ quan sinh lý như: tim, phổi, bộ tiêu hóa; và đơn điền là trung tâm quan trọng nhất của nó. Như ta đã nói ở trước, ^[31] chính dần theo cuộc tiến hóa mà hiện nay sự tác động của những cơ quan sinh lý đều bị đặt dưới quyền kiểm soát của bộ giao cảm thần kinh do Ý chí điều hành là một bước thối, chớ không phải một bước tiến, dù điều này đôi khi cũng đưa đến một mục độ thần nhãn nào. Cái phương pháp đó, như đã nói ở trước, có nhiều người theo ở Ấn Độ, nó được gọi là ‘Hatha Yoga’, và học giả tập kiểm soát sự vận hành của tim, phổi và bộ tiêu hóa. Nhơn đó y có thể ngăn chặn đặng nhịp nhảy của trái tim. Làm cho phổi ngưng thở, và đảo lộn sự nhu động (nghĩa là sự vận động của cuống họng và ruột để nuốt và tiêu hóa thức ăn) và vân vân . . . Và khi việc thành tựu, người ta sẽ tự hỏi rằng: ‘Quý vị được lợi gì với sự thành công của quý vị đó?’ Quý vị đã đem ý chí kiểm soát lại một lần nữa, bộ giao cảm thần kinh mà dòng tiến hóa đã cho nó một cái khả năng ‘tự động’ nhằm tự động tiện lợi cho con người; như thể quý vị đi lùi một bước trên đường tiến hóa. Làm cách đó ^[32] có nghĩa

^[31] Xin xem nơi chương XV, đoạn 1, trang 182 nói về ‘Tiềm thức’.

^[32] Là luyện phép Du già Hatha Yoga, tức là tập theo tư thế (asanas).

là thất bại về sau, dẫu rằng, hành giả đã thu hoạch được – trong một thời gian – một cái kết quả hiển nhiên, có thể đem ra phô diễn được.

Tuy nhiên, sự tập trung tư tưởng tại trung tâm của bộ giao cảm thần kinh, và nhất là tại đơn điền, có nghĩa là tạo sự nguy hiểm trọng đại cho xác thân, trừ phi hành giả được đặt dưới sự kiểm soát bằng xương, bằng thịt của Sư Phụ y, hoặc giả y có khả năng thu nhận và chuyển xuống óc của y những lời chỉ dạy y trên cõi cao hơn. Tập trung tư tưởng vào đơn điền khả dĩ mang đến một chứng bệnh kỳ quái không thể trị được. Chứng bệnh ấy gợi lên một sự buồn bã sâu đậm gần như không thể giải đi được, với những cơn ngã lòng rùn chí đáng sợ và đôi khi, bệnh nhân phải bại絮. Đó không phải là đường lối của nhà học giả đúng đắn muốn đoạt sự hiểu biết về Chơn Ngã. Một khi có được sự hiểu biết này rồi, thì xác thân trở thành một khí cụ cho Chơn Ngã có thể dùng để hoạt động. Tất cả cái gì cần phải làm là tinh lọc và tinh chế xác thân, cho nó được điều hòa với những thể cao hơn, và chuẩn bị cho nó được rung động đồng nhịp với máy thể ấy. Như thế, cái óc sẽ trở nên dễ cảm. ^[33] Và nhờ tư tưởng linh hoạt cùng sự tham thiền mà nó sẽ dần dần trở thành hoàn hảo. Điều này, không phải là nhờ chính cái óc mà là nhờ những tư tưởng cao thượng. Cái óc đang trở thành một cơ quan tốt đẹp hơn nhờ sự tập luyện, và nó đang đi trên đường tiến hóa. Tuy nhiên, tác động ngay vào đơn điền giao cảm ^[34] là đi trên con đường thoái hóa. Nhiều người đến than phiền về kết quả của sự tập luyện này, và cầu xin giúp đỡ cho thoát khỏi đau đớn. Người ta chỉ trả lời một cách buồn bã rằng: ‘Cần phải nhiều năm mới chữa được sự lỗi lầm đã phạm’. Đi trở ngược lại có thể đoạt kết quả mau lẹ, nhưng tốt hơn là đương đầu ngay sự khó là leo lên và vận dụng khí cụ xác thân nhằm quan điếm trên cao chớ không phải dưới thấp.

Còn một điều nữa nên lưu ý, trong lúc chữa bệnh bằng ý chí, là khi người ta rần sức đưa nó ra khỏi xác thân, thì e phải truyền nó lại cho một thể thanh hơn; đó là mối nguy hại. Thường thường, bệnh tật chỉ là cái chung kết của một điều xấu đã sẵn có trước kia trên các cõi cao. Trong trường hợp đó, tốt hơn là để cho nó tự thành tựu lấy, chớ đừng dùng sức ném nó trở lại với thể tinh vi hơn. Bệnh tật là cái chung kết sau cùng của một ý muốn xấu hay một tư tưởng xấu; như thế thì dùng cách chữa trị bằng thuốc men an toàn hơn là cách chữa trị bằng trí; bởi vì cách trước không thể ném bệnh tật trở lại với cõi trần như cách sau. Cách chữa bệnh bằng từ điển khỏi ngại sự nguy hiểm này: vì nó thuộc về cõi trần. Bất cứ người nào mà đời sống cùng tư tưởng và ham muốn đều trong sạch thì có thể dùng từ điển mà chữa bệnh. Nhưng bao giờ Ý chí xạ xuống cõi trần, thì có mối nguy hiểm của sự phản ứng và của tật bệnh, bị đẩy lùi vào các thể thanh đã sanh ra chúng nó.

Nếu dùng trí mà chữa bệnh xuyên qua sự tinh lọc của tư tưởng và dục vọng, thì những tư tưởng về dục vọng này – (một khi đã được tinh lọc rồi) – sẽ tự ên tác động dần dần đến xác thân, nên không có gì nguy hiểm cả. Cái phương pháp đúng đắn chữa bệnh bằng trí là đem lại sự điều hòa cho xác thân bằng cách tạo sự điều hòa cho thể trí và thể vía. Nhưng phương pháp đó không mau lẹ và dễ làm bằng sự dùng Ý chí mà chữa bệnh. Sự trong sạch của tư tưởng là sự mạnh khỏe của xác thân, hay là (nói cách khác), hể tâm trí trong sạch thì xác thân phải tráng kiện. Và chính cái ý niệm đó xui nhiều người áp dụng phương pháp chữa bệnh bằng trí nã .

Người nào mà tâm trí hoàn toàn trong sạch và điều hòa, sẽ không mắc những chứng bệnh mới, mặc dù có thể y còn vài nghiệp báo phải trả hoặc giả có thể y phải tự mình gánh chịu những làn rung động bất điều hòa do kẻ khác gây nên. Thật ra, sự trong sạch và sức khỏe đều

^[33] Nghĩa là ứng đáp lại dễ dàng những tư tưởng từ cõi cao xuống.

^[34] Nghĩa là đơn điền thuộc về bộ giao cảm thần kinh .

đi song song với nhau. Như ta đã thấy nhiều lần là: khi một vị Thánh nhơn nào phải chịu đau đớn vì một chứng bệnh ở xác thân, là hoặc giả Ngài trả một món nợ của tư tưởng xấu ở thì dĩ vãng, hoặc giả Ngài tự mình hứng chịu những sự bất điều hòa của thế gian cho chúng nó nhập vào các thể (thanh) của Ngài, hầu đổi chúng nó thành ra điều hòa, để phóng trả lại cho đời dưới hình thức một luồng thần lực an lành và thiện cảm. Nhiều người lấy làm ngạc nhiên mà thấy những vị cao quý nhất, trong sạch nhất lại bị đau đớn xác thân lẫn tinh thần. Họ chẳng phải đau đớn cho chính mình họ, mà cho kẻ khác; và họ quả thật là Nhà Thuật sĩ Chân Chánh. Với thuật luyện kim tinh thần, họ đang dùng chính xác thân đau khổ của họ làm cái lò luyện kim để đổi chất kim xấu của tính đam mê con người ra vàng y của tình thương và an tịnh.

Ngoài câu hỏi về cách tác động của Ý chí đối với xác thân ra, thì còn một câu hỏi khác nữa, nêu lên trong trí, sau khi suy nghĩ. Câu ấy như thế này: ‘Có nên dùng Ý chí bằng cách đó để tự giúp lấy mình không?’ Có phải là hạ phẩm giá một phần nào chẳng, khi ta dùng cái Quyền Năng cao cả, thiêng liêng, bên trong ta, để phụng sự xác thân ta và chỉ làm cho nó khỏe mạnh mà thôi? Có phải đúng chẳng, khi phần thiêng liêng phải đổi đá thành bánh mì, để rồi gục ngã dưới mọi cám dỗ mà Chúa đã thắng?’ Câu chuyện này có thật hay là hoang đường, cũng không hề gì; nó chứa đựng một chơn lý tinh thần uyên thâm và một gương mẫu phục tùng trước một định luật huyền bí. Câu trả lời của Chúa vẫn còn đúng: ‘Con người chẳng phải chỉ sống bằng bánh mì sông, mà cũng sống bằng mỗi lời lẽ từ miệng Đức Chúa Trời phán ra nữa’. Đạo đức luận này dường thể cao hơn là sự buộc phần Thiêng Liêng phải phụng sự xác thân. Một trong những hiểm họa của thời đại là: phụng thờ xác thân, đưa xác thân lên tận mây xanh. Đó là sự phản động của chủ nghĩa khổ hạnh quá độ. Dùng Ý chí để phụng sự xác thân là ta làm cho Ý chí trở thành nô lệ cho xác thân; và trong khi ta mãi dùng Ý chí để tẩy trừ những cái nhứt nhối và đau đớn nho nhỏ, ta sẽ làm mất đi cái đức tánh cao cả của sự chịu đựng. Người tác động như thế hay nổi nóng vì một chút khó chịu nào ở xác thân mà Ý chí không thể trừ được. Và cái quyền năng cao cả của Ý chí có thể dùng để kiểm soát xác thân và trợ giúp sự hoạt động của nó, dù giữa lúc nó đang đau đớn, - lại bị tiêu hủy đi - . Sở dĩ ta do dự trong khi dùng Ý chí để phụng sự xác thân, chẳng phải vì ta ngờ vực cái giá trị của tư tưởng và sự hiển nhiên của đạo luật làm căn cơ cho hành vi đó; mà ta do dự đây là chỉ vì ta e ngại cho người đời phải vấp ngã trước lòng ham muốn dùng cái quyền năng ý chí này. Trong khi nó phải đưa họ lên cõi tinh thần, mà nó lại chỉ làm cho họ trở thành nô lệ cho xác thân; và khi xác thân không còn giúp họ được việc gì trong những cần thiết, thì họ mất nơi nương tựa!

Có một định luật trong huyền môn không cho phép mọi người được Điểm Đạo dùng quyền năng thần bí để tự giúp lấy mình. Nếu người được Điểm đạo tự giúp lấy mình thì y sẽ mất quyền năng để giúp người khác. Mà có đáng gì đem cái lớn hy sinh cho cái nhỏ! Câu chuyện về ‘Sự cám dỗ của Chúa’ đã nói trước kia có ẩn tàng một cái ý nghĩa thâm sâu hơn mà nhiều người không biết được. Nếu Ngài đã dùng Quyền Năng Thần Bí của Ngài để đổi đá thành bánh mì, hầu đỡ đói, trong khi phải nhẫn nại chờ đợi vật thực do các Đấng Quang huy mang đến, thì về sau, Ngài sẽ không chịu đựng nỗi sự hy sinh thần bí trên Cây Thập Tự! Lời chế nhạo mà người đời phóng vào Ngài, có ẩn một chơn lý huyền môn: ‘Ngài cứu kẻ khác mà chính Ngài không tự cứu lấy mình được!’ Ngài không thể dùng cái quyền năng khai sáng cho người đui và chữa lành kẻ hủi, để tránh cho mình một sự đau khổ. Kẻ nào muốn tự cứu mình thì hãy bỏ đi cái Thiên trách làm Đấng Cứu Thế. Trên dòng tiến hóa, họ phải chọn một trong hai con đường. Nếu họ chọn con đường thấp và đem những quyền năng trọng đại mà họ đã đạt được, để phụng sự cho chính họ, cho bản thân họ, thì họ phải từ bỏ nhiệm vụ cao cả, là dùng chúng nó để cứu trợ giống nòi. Hiện thời, trí con người linh hoạt vô biên, nên cần phải đem quyền năng của nó mà áp dụng vào tôn chỉ cao cả nhất.

4- Huyền thuật chánh và huyền thuật tà . **(Magie blanche et Magie noire)**

Huyền thuật là cách làm cho Ý Chí linh hoạt để điều khiển những quyền năng thiên nhiên bên ngoài, và thật ra, nó là một cái khoa vĩ đại, như danh hiệu của nó đã ám chỉ. Ý chí con người là cái quyền năng thiêng liêng trong con người; nó có thể chế ngự và kiểm soát những thần lực thấp kém; nhờ vậy mà nó đạt được những kết quả mong muốn. Huyền thuật chánh và Huyền thuật tà khác nhau ở động lực điều khiển Ý chí. Khi cái Ý chí đó có mục đích vụ lợi cho kẻ khác, giúp đỡ và ban ân cho tất cả những người thuộc vòng ảnh hưởng của Nó mà nếu ai tác động Nó, thì kẻ ấy là nhà Huyền thuật chơn chánh. Và do cái kết quả của Ý chí được điều luyện, người ấy tạo ra một ảnh hưởng hữu ích, trợ giúp cho triều lưu tiến hóa của nhơn sanh. Trong khi y tập Ý chí của y giúp đỡ những người xung quanh, thì con người của y càng nở rộng ra, tấm vách ngăn cách giữa y và đồng bào y rớt dần từ cái một, và y trở thành một trung tâm cứu trợ lan rộng ra xa. Nhưng khi Ý chí được điều luyện để vụ lợi cho Phàm ngã, và nhằm tôn chỉ và mục đích ích kỷ, thì chừng đó, hành giả là một nhà Huyền thuật tà môn, là một mối nguy hại cho dân tộc. Cái kết quả hành vi của y là ngăn cản và diên trì cuộc tiến hóa của nhân sinh. Do hành vi đó, con người của y luôn luôn co rút lại, càng ngày càng trở nên riêng biệt với đồng bào y, y tự nhốt mình trong một cái mai, để tự cô lập hóa. Cái mai này càng ngày càng dày, đặc hơn, dần theo sự điều luyện quyền năng của y. Ý chí của nhà Huyền thuật luôn luôn mạnh mẽ. Nhưng Ý chí của nhà Huyền thuật chơn chánh thì mạnh mẽ với sức mạnh của sự Sống. Lúc thì nó uyển chuyển, khi thì nó cứng rắn, tùy theo nhu cầu; luôn luôn Nó đồng hóa với Ý chí của Trời, với Định Luật của vũ trụ. Ý chí của nhà Huyền thuật tà môn có sức mạnh của sắt; nó luôn luôn hướng về tôn chỉ ích kỷ, nó chống đối với Ý chí của Trời và sớm muộn gì, trước ý chí của Trời đó, nó cũng sẽ tự đánh vỡ ra từ mảnh! Đó là cái hiểm họa của nhà Huyền thuật tà môn, mà người học giả thần bí nên đề phòng, khi người ta cảm y không nên dùng quyền năng thần bí về mục đích ích kỷ: bởi vì dù không ai trở thành nhà Huyền thuật tà môn đi nữa (nếu không dụng tâm lấy ý chí riêng của mình chống lại với Luật Trời) – thì cũng nên biết cái cái tinh túy của huyền thuật tà môn và chặn ngay sự ác lúc nó vừa chớm nở. Đúng như ta đã nói ở trước, vị thánh nhơn làm cho điều hòa trong người của Ngài mọi mãnh lực bất điều hòa. Ngài quả thật là nhà Huyền thuật chơn chánh, còn trái lại, nhà Huyền thuật tà môn thì lợi dụng tất cả mãnh lực đã đạt được để vụ lợi cá nhân và xoay chúng nó quay về phụng sự riêng rẽ của mình, y tăng gia sự bất điều hòa của thế gian, do lòng ích kỷ kiên cố của y, trong khi y tìm cách bảo tồn sự điều hòa trong chính các hạ thể của y.

5- Bước vào cõi Tĩnh. (Entering into Peace) -

Khi Chơn ngã đã tiến đến mức không quan tâm đến những hạ thể (nơi mà Nó cư ngụ) và những làn rung động của hạ thể không còn ảnh hưởng tới Nó được nữa, khi Nó dùng được những hạ thể này vào bất cứ việc gì, và thị lực của Nó trở nên hoàn toàn rõ rệt, khi những hạ thể không còn chứa đựng bên trong sự sống của loài tinh hoa, mà chỉ chứa đựng sự Sống của chính Nó, thì lúc bấy giờ, sự An Tĩnh mới giương cánh ra ôm choàng lấy Nó mà thôi. Và mục đích mà từ bao lâu Nó chiến đấu, nay đã đạt được rồi! Thế, con người hiệp nhất với Chơn

Ngã, và không còn làm lẫn mình với mấy hạ thể của mình nữa. Chúng nó là những khí cụ để cho con người dùng làm việc, chúng nó là những dụng cụ để cho con người tự do sử dụng. Con người nay đã thực hiện được sự An Tĩnh của Chơn Sư là Đấng đã hoàn toàn chế phục những hạ thể, và nhờ đó Ngài chế phục được sự sanh và sự tử. Người như vậy có thể thu nhận vào hạ thể của mình những sự xáo trộn ngoài đời để đổi chúng nó thành ra điều hòa, và y cũng có thể cảm được sự đau khổ của kẻ khác xuyên qua mấy hạ thể đó, chứ chính mình y lại không đau khổ: vì y đã thoát ra khỏi mọi vòng giông tố của thế gian, và không có một sự bất điều hòa nào chạm đến y được. Tuy nhiên, luôn luôn y sẵn sàng nghiêng mình xuống cảnh giông tố để cứu vớt một linh hồn nào mà không mất chơn đứng trên gộp đá của Trời, y nhận thức rõ rệt rằng Trời với y là một. Thật ra, những người như thế đó chính là những Đấng Chơn Sư. Những ai đang cố gắng đi trên đường của các Ngài đã trải qua, nhưng chưa đoạt được cái chơn đứng trên gộp đá này (tức là: biết được Tâm Thức của Trời trong lòng mình), thì thỉnh thoảng cũng cảm được sự An Tĩnh của các Ngài, ít nhất một lần.

Sự hiệp nhất của Ý chí cá tính với Ý chí (Thiên liêng) Duy Nhất để giúp đời là một tôn chỉ quý giá hơn là bất cứ thứ gì mà ta tìm được ở thế gian. Đừng chia rẽ với thiên hạ, mà hãy hiệp nhất với họ. Chớ nhận sự An Tĩnh và Ân Huệ riêng cho một mình mình, mà nên nói theo Đức Phật như vậy: ‘Không bao giờ Ta hưởng sự An Tĩnh cuối cùng một mình Ta, nhưng luôn luôn và bất cứ nơi nào, Ta sẽ đau khổ và chiến đấu cho tới chừng nào tất cả mọi người đều được như Ta’. Đó là tuyệt đỉnh của nhơn sanh. Hễ ta càng cảm thấy sự đau khổ và sự chiến đấu của ta hữu hiệu nhiều hơn trong khi ta chỉ khổ vì cái khổ của kẻ khác, chớ chẳng phải vì cái khổ của riêng ta, thì ta sẽ càng gần với Trời hơn, và ta sẽ đi trên ‘Con Đường Lưỡi Dao Cạo’ mà các Đấng Cao Cả đã trải qua. Rồi ta sẽ thấy rằng: cái Ý chí, đã dắt ta trên Con Đường ấy (và chính nơi đây, Nó tự thực hiện lấy Nó) có đủ sức để đau khổ, để chiến đấu cho tới chừng nào sự đau khổ và chiến đấu chung cho mọi người được chấm dứt, và mọi người đồng bước vào cõi An Tĩnh!

VẠN VẬT THÁI BÌNH

(27-1-1966) Annie Besant

TÂM - THỨC - HỌC

Phần thứ nhất

Lời nói đầu

- 1 - Bảy cõi trong Võ Trụ
- 2 - Ba Ngôi
- 3 - Chơn Thần xuống thế
- 4 - Chơn Thần là gì
- 5 - Dọn nền
- 6 - Tâm thức
- 7 - Những Chơn Thần
- 8 - Choán nền
- 9 - Hộet Nguyên tử trường tồn
- 10 - Những Hồn Khóm
- 11 - Đơn vị Tâm thức
- 12 - Then Máy của Tâm thức
- 13 - Những bước đầu của Nhơn Loại
- 14 - Tâm thức Chơn ngã và Tâm thức Phàm ngã
- 15 - Những trạng thái của Tâm thức con người
- 16 - Chơn Thần hoạt động
- 17 - Bản tánh của ký ức

Phần thứ nhì

- 1 - Cái ý chí muốn sống
- 2 - Sự ham muốn hay dục vọng
- 3 - Dục vọng (tiếp theo)
- 4 - Mối cảm động
- 5 - Mối cảm động (tiếp theo)
- 6 - Ý chí
